PHẦN VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 35/2013/TT-BTNMT	*Hà Nội, ngày 30 tháng 10 năm 2013*

THÔNG TƯ

Ban hành Danh mục địa danh dân cư, sơn văn, thủy văn, kinh tế - xã hội phục vụ công tác thành lập bản đồ phần đất liền tỉnh Quảng Ninh

Căn cứ Nghị định số 12/2002/NĐ-CP ngày 22 tháng 01 năm 2002 của Chính phủ về hoạt động đo đạc và bản đồ;

Căn cứ Nghị định số 21/2013/NĐ-CP ngày 04 tháng 3 năm 2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Đo đạc và Bản đồ Việt Nam và Vụ trưởng Vụ Pháp chế;

Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành Danh mục địa danh dân cư, sơn văn, thủy văn, kinh tế - xã hội phục vụ công tác thành lập bản đồ phần đất liền tỉnh Quảng Ninh.

Điều 1. Ban hành kèm theo Thông tư này Danh mục địa danh dân cư, sơn văn, thủy văn, kinh tế - xã hội phục vụ công tác thành lập bản đồ phần đất liền tỉnh Quảng Ninh.

Điều 2. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 12 năm 2013.

Điều 3. Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này./.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Nguyễn Linh Ngọc

DANH MỤC ĐỊA DANH
DÂN CƯ, SƠN VĂN, THỦY VĂN, KINH TẾ - XÃ HỘI PHỤC VỤ CÔNG TÁC THÀNH LẬP BẢN ĐỒ PHẦN ĐẤT LIỀN TỈNH QUẢNG NINH

(Ban hành kèm theo Thông tư số 35/2013/TT-BTNMT ngày 30 tháng 10 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)

Phần I
QUY ĐỊNH CHUNG

1. Danh mục địa danh dân cư, sơn văn, thủy văn, kinh tế - xã hội phục vụ công tác thành lập bản đồ phần đất liền tỉnh Quảng Ninh được chuẩn hóa từ địa danh thống kê trên bản đồ địa hình quốc gia tỷ lệ 1:25.000 và 1:50.000 Hệ VN-2000.

2. Danh mục địa danh tỉnh Quảng Ninh được sắp xếp theo thứ tự bảng chữ cái tiếng Việt của các đơn vị hành chính cấp huyện gồm thành phố, thị xã và các huyện, trong đó:

a) Cột "Địa danh" là các địa danh đã được chuẩn hóa, địa danh trong ngoặc đơn là tên gọi khác của địa danh;

b) Cột "Nhóm đối tượng" là ký hiệu các nhóm địa danh; trong đó: DC là nhóm địa danh dân cư; SV là nhóm địa danh sơn văn; TV là nhóm địa danh thủy văn; KX là nhóm địa danh kinh tế - xã hội;

c) Cột "Tên ĐVHC cấp xã" là tên đơn vị hành chính cấp xã, trong đó: P. là chữ viết tắt của "phường", TT. là chữ viết tắt của "thị trấn";

d) Cột "Tên ĐVHC cấp huyện" là tên đơn vị hành chính cấp huyện, trong đó: TP. là chữ viết tắt của "thành phố", H. là chữ viết tắt của "huyện", TX. Là chữ viết tắt của "thị xã";

đ) Cột "Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng" là tọa độ vị trí tương đối của đối tượng địa lý tương ứng với địa danh trong cột "Địa danh", nếu đối tượng địa lý được thể hiện trên bản đồ bằng ký hiệu dạng điểm, dạng vùng thì giá trị tọa độ tương ứng theo cột "Tọa độ trung tâm", nếu đối tượng địa lý được thể hiện trên bản đồ bằng ký hiệu dạng đường thì giá trị tọa độ tương ứng theo 2 cột "Tọa độ điểm đầu" và "Tọa độ điểm cuối";

e) Cột "Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình" là ký hiệu mảnh bản đồ địa hình tỷ lệ 1:25.000 và 1:50.000 sử dụng để thống kê địa danh;

g) Trường hợp địa danh mới được bổ sung vào Danh mục và chưa có trên bản đồ địa hình quy định tại mục 1 Phần này thì phải thể hiện đầy đủ tên địa danh, nhóm đối tượng, tên ĐVHC cấp xã, tên ĐVHC cấp huyện.

Phần II
DANH MỤC ĐỊA DANH DÂN CƯ, SƠN VĂN, THỦY VĂN, KINH TẾ - XÃ HỘI PHỤC VỤ CÔNG TÁC THÀNH LẬP BẢN ĐỒ PHẦN ĐẤT LIỀN TỈNH QUẢNG NINH

Danh mục địa danh dân cư, sơn văn, thủy văn, kinh tế - xã hội phục vụ công tác thành lập bản đồ phần đất liền tỉnh Quảng Ninh gồm địa danh của các đơn vị hành chính cấp huyện được thống kê trong bảng sau:

STT	Đơn vị hành chính cấp huyện
1	Thành phố Hạ Long
2	Thành phố Cẩm Phả
3	Thành phố Móng Cái
4	Thành phố Uông Bí
5	Thị xã Quảng Yên
6	Huyện Ba Chẽ
7	Huyện Bình Liêu
8	Huyện Cô Tô
9	Huyện Đầm Hà
10	Huyện Đông Triều
11	Huyện Hải Hà
12	Huyện Hoành Bồ
13	Huyện Tiên Yên
14	Huyện Vân Đồn

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
khu 1	DC	P. Bãi Cháy	TP. Hạ Long	20° 57' 45"	107° 03' 33"					F-48-83-A-a
khu 2	DC	P. Bãi Cháy	TP. Hạ Long	20° 57' 32"	107° 02' 49"					F-48-83-A-a
khu 3	DC	P. Bãi Cháy	TP. Hạ Long	20° 57' 37"	107° 03' 21"					F-48-83-A-a
khu 4	DC	P. Bãi Cháy	TP. Hạ Long	20° 57' 31"	107° 02' 37"					F-48-83-A-a
khu 5	DC	P. Bãi Cháy	TP. Hạ Long	20° 57' 07"	107° 02' 00"					F-48-83-A-a
khu 6	DC	P. Bãi Cháy	TP. Hạ Long	20° 57' 24"	107° 01' 32"					F-48-83-A-a
khu 7	DC	P. Bãi Cháy	TP. Hạ Long	20° 57' 36"	107° 01' 42"					F-48-83-A-a
khu 8	DC	P. Bãi Cháy	TP. Hạ Long	20° 57' 51"	107° 01' 25"					F-48-83-A-a
khu 9	DC	P. Bãi Cháy	TP. Hạ Long	20° 57' 28"	107° 01' 11"					F-48-83-A-a
khu 10	DC	P. Bãi Cháy	TP. Hạ Long	20° 58' 05"	107° 02' 28"					F-48-83-A-a
bến phà Bãi Cháy	KX	P. Bãi Cháy	TP. Hạ Long	20° 57' 33"	107° 03' 41"					F-48-83-A-a
khu đô thị Cái Dăm	DC	P. Bãi Cháy	TP. Hạ Long	20° 57' 12"	107° 01' 22"					F-48-83-A-a
đường Cái Lân	KX	P. Bãi Cháy	TP. Hạ Long			20° 57' 42"	107° 03' 44"	20° 58' 17"	107° 01' 59"	F-48-83-A-a
cảng Cái Lân	KX	P. Bãi Cháy	TP. Hạ Long	20° 58' 27"	107° 02' 55"					F-48-83-A-a
đồi Ghềnh Táu	SV	P. Bãi Cháy	TP. Hạ Long	20° 58' 34"	107° 02' 19"					F-48-83-A-a
đường Hạ Long	KX	P. Bãi Cháy	TP. Hạ Long			20° 58' 36"	107° 01' 13"	20° 57' 42"	107° 03' 43"	F-48-83-A-a
công viên Hoàng Gia	KX	P. Bãi Cháy	TP. Hạ Long	20° 57' 02"	107° 02' 28"					F-48-83-A-a
hồ Thủy Sản	TV	P. Bãi Cháy	TP. Hạ Long	20° 58' 03"	107° 01' 00"					F-48-83-A-a
khu 2	DC	P. Cao Thắng	TP. Hạ Long	20° 57' 40"	107° 05' 33"					F-48-83-A-a
khu 4	DC	P. Cao Thắng	TP. Hạ Long	20° 57' 47"	107° 05' 58"					F-48-83-A-a
khu 5	DC	P. Cao Thắng	TP. Hạ Long	20° 58' 00"	107° 06' 02"					F-48-83-A-a
khu 6	DC	P. Cao Thắng	TP. Hạ Long	20° 58' 01"	107° 05' 36"					F-48-83-A-a
khu 7	DC	P. Cao Thắng	TP. Hạ Long	20° 58' 02"	107° 05' 48"					F-48-83-A-a
khu 8	DC	P. Cao Thắng	TP. Hạ Long	20° 58' 13"	107° 05' 47"					F-48-83-A-a
đường Cao Thắng	KX	P. Cao Thắng	TP. Hạ Long			20° 57' 35"	107° 05' 07"	20° 58' 02"	107° 06' 09"	F-48-83-A-a
núi Xẻ	SV	P. Cao Thắng	TP. Hạ Long	20° 57' 37"	107° 05' 50"					F-48-83-A-a
khu 1	DC	P. Cao Xanh	TP. Hạ Long	20° 57' 47"	107° 05' 06"					F-48-83-A-a
khu 3	DC	P. Cao Xanh	TP. Hạ Long	20° 58' 11"	107° 04' 54"					F-48-83-A-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
khu 5	DC	P. Cao Xanh	TP. Hạ Long	20° 58' 44"	107° 05' 08"					F-48-83-A-a
khu 2A	DC	P. Cao Xanh	TP. Hạ Long	20° 57' 56"	107° 05' 06"					F-48-83-A-a
khu 2B	DC	P. Cao Xanh	TP. Hạ Long	20° 58' 03"	107° 05' 03"					F-48-83-A-a
khu 4A	DC	P. Cao Xanh	TP. Hạ Long	20° 58' 37"	107° 05' 01"					F-48-83-A-a
khu 4B	DC	P. Cao Xanh	TP. Hạ Long	20° 58' 20"	107° 04' 58"					F-48-83-A-a
đường Cao Xanh	KX	P. Cao Xanh	TP. Hạ Long			20° 58' 08"	107° 04' 50"	20° 57' 48"	107° 04' 59"	F-48-83-A-a
khu đô thị Cao Xanh - Hà Khánh A	KX	P. Cao Xanh	TP. Hạ Long	20° 58' 30"	107° 04' 44"					F-48-83-A-a
khu đô thị Cao Xanh - Hà Khánh B	KX	P. Cao Xanh	TP. Hạ Long	20° 58' 57"	107° 04' 57"					F-48-83-A-a
đồi Khang Thiên	SV	P. Cao Xanh	TP. Hạ Long	20° 58' 07"	107° 05' 23"					F-48-83-A-a
khu 1	DC	P. Giếng Đáy	TP. Hạ Long	20° 59' 02"	107° 01' 25"					F-48-83-A-a
khu 2	DC	P. Giếng Đáy	TP. Hạ Long	20° 58' 51"	107° 01' 03"					F-48-83-A-a
khu 3	DC	P. Giếng Đáy	TP. Hạ Long	20° 58' 47"	107° 00' 40"					F-48-83-A-a
khu 4	DC	P. Giếng Đáy	TP. Hạ Long	20° 58' 35"	107° 00' 29"					F-48-83-A-a
khu 5	DC	P. Giếng Đáy	TP. Hạ Long	20° 59' 01"	107° 00' 25"					F-48-83-A-a
khu 6	DC	P. Giếng Đáy	TP. Hạ Long	20° 58' 38"	107° 00' 58"					F-48-83-A-a
khu công nghiệp Cái Lân	KX	P. Giếng Đáy	TP. Hạ Long	20° 58' 53"	107° 01' 30"					F-48-83-A-a
ga Hạ Long	KX	P. Giếng Đáy	TP. Hạ Long	20° 58' 33"	107° 00' 30"					F-48-83-A-a
khu 1	DC	P. Hà Khánh	TP. Hạ Long	20° 58' 24"	107° 06' 21"					F-48-83-A-a
khu 2	DC	P. Hà Khánh	TP. Hạ Long	20° 58' 25"	107° 06' 03"					F-48-83-A-a
khu 3	DC	P. Hà Khánh	TP. Hạ Long	20° 59' 01"	107° 05' 37"					F-48-83-A-a
khu 4	DC	P. Hà Khánh	TP. Hạ Long	20° 59' 09"	107° 06' 27"					F-48-83-A-a
khu 5	DC	P. Hà Khánh	TP. Hạ Long	20° 59' 30"	107° 06' 32"					F-48-83-A-a
cầu Bang	KX	P. Hà Khánh	TP. Hạ Long	21' 00" 53"	107° 06' 54"					F-48-71-C-c
khu đô thị Cao Xanh - Hà Khánh A	KX	P. Hà Khánh	TP. Hạ Long	20° 58' 30"	107° 04' 44"					F-48-83-A-a
khu đô thị Cao Xanh - Hà Khánh C	KX	P. Hà Khánh	TP. Hạ Long	20° 59' 25"	107° 05' 30"					F-48-83-A-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
khu đô thị Cao Xanh - Hà Khánh D	KX	P. Hà Khánh	TP. Hạ Long	20° 59' 49"	107° 06' 01"					F-48-83-A-a
cầu Công Kêu	KX	P. Hà Khánh	TP. Hạ Long	21' 00" 05"	107° 06' 44"					F-48-71-C-c
sông Diễn Vọng	TV	P. Hà Khánh	TP. Hạ Long			21° 01' 39"	107° 10' 33"	20° 59' 41"	107° 05' 15"	F-48-71-C-d
cầu Đôi Cây	KX	P. Hà Khánh	TP. Hạ Long	20° 59' 36"	107° 06' 28"					F-48-83-A-a
trạm biến áp Giáp Khẩu	KX	P. Hà Khánh	TP. Hạ Long	20° 59' 01"	107° 05' 34"					F-48-83-A-a
cầu Hóa Chất	KX	P. Hà Khánh	TP. Hạ Long	20° 59' 10"	107° 06' 12"					F-48-83-A-a
làng Khánh	DC	P. Hà Khánh	TP. Hạ Long	21° 01' 26"	107° 09' 27"					F-48-71-C-d
khu 1	DC	P. Hà Khẩu	TP. Hạ Long	20° 59' 25"	106° 58' 57"					F-48-83-A-a
khu 2	DC	P. Hà Khẩu	TP. Hạ Long	20° 59' 13"	106° 59' 59"					F-48-82-B-b
khu 3	DC	P. Hà Khẩu	TP. Hạ Long	20° 59' 17"	107° 00' 20"					F-48-82-B-b
khu 4	DC	P. Hà Khẩu	TP. Hạ Long	20° 58' 54"	107° 00' 09"					F-48-82-B-b
khu 5	DC	P. Hà Khẩu	TP. Hạ Long	20° 59' 00"	106° 59' 36"					F-48-82-B-b
khu 6	DC	P. Hà Khẩu	TP. Hạ Long	20° 58' 21"	106° 59' 28"					F-48-82-B-b
quốc lộ 18A	KX	P. Hà Khẩu	TP. Hạ Long			20° 57' 53"	106° 59' 23"	20° 58' 23"	107° 00' 18"	F-48-82-B-b
An Tiêm	DC	P. Hà Khẩu	TP. Hạ Long	20° 59' 28"	106° 59' 20"					F-48-82-B-b
cầu Búp Sê	KX	P. Hà Khẩu	TP. Hạ Long	20° 59' 35"	106° 58' 42"					F-48-82-B-b
thôn Đồn Điền	DC	P. Hà Khẩu	TP. Hạ Long	20° 57' 24"	106° 58' 16"					F-48-82-B-b
núi Hang Cua	SV	P. Hà Khẩu	TP. Hạ Long	20° 57' 51"	106° 57' 07"					F-48-82-B-b
núi Ngà	SV	P. Hà Khẩu	TP. Hạ Long	20° 57' 34"	106° 57' 24"					F-48-82-B-b
núi Trồ Kênh	SV	P. Hà Khẩu	TP. Hạ Long	20° 58' 07"	107° 00' 02"					F-48-83-A-a
khu 1	DC	P. Hà Lầm	TP. Hạ Long	20° 58' 08"	107° 06' 48"					F-48-83-A-a
khu 2	DC	P. Hà Lầm	TP. Hạ Long	20° 58' 09"	107° 06' 27"					F-48-83-A-a
khu 3	DC	P. Hà Lầm	TP. Hạ Long	20° 58' 00"	107° 06' 46"					F-48-83-A-a
khu 4	DC	P. Hà Lầm	TP. Hạ Long	20° 57' 55"	107° 06' 26"					F-48-83-A-a
khu 5	DC	P. Hà Lầm	TP. Hạ Long	20° 57' 43"	107° 06' 20"					F-48-83-A-a
khu 6	DC	P. Hà Lầm	TP. Hạ Long	20° 57' 41"	107° 06' 34"					F-48-83-A-a
đường tỉnh 336	KX	P. Hà Lầm	TP. Hạ Long			20° 58' 02"	107° 06' 09"	20° 57' 56"	107° 06' 58"	F-48-83-A-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
khu 1	DC	P. Hà Phong	TP. Hạ Long	20° 58' 00"	107° 09' 45"					F-48-83-A-b
khu 5	DC	P. Hà Phong	TP. Hạ Long	20° 57' 36"	107° 10' 03"					F-48-83-A-b
quốc lộ 18A	KX	P. Hà Phong	TP. Hạ Long			20° 57' 51"	107° 09' 14"	20° 58' 08"	107° 10' 05"	F-48-83-A-a
khu 2A	DC	P. Hà Phong	TP. Hạ Long	20° 58' 18"	107° 09' 34"					F-48-83-A-b
khu 2B	DC	P. Hà Phong	TP. Hạ Long	20° 58' 53"	107° 09' 49"					F-48-83-A-b
khu 4A	DC	P. Hà Phong	TP. Hạ Long	20° 58' 33"	107° 08' 38"					F-48-83-A-b
khu 4B	DC	P. Hà Phong	TP. Hạ Long	20° 58' 04"	107° 09' 19"					F-48-83-A-b
khu 6A	DC	P. Hà Phong	TP. Hạ Long	20° 57' 45"	107° 09' 29"					F-48-83-A-b
khu 6B	DC	P. Hà Phong	TP. Hạ Long	20° 57' 15"	107° 09' 43"					F-48-83-A-b
đèo Bụt	KX	P. Hà Phong	TP. Hạ Long	20° 58' 07"	107° 10' 04"					F-48-83-A-b
vụng Con Trâu	TV	P. Hà Phong	TP. Hạ Long	20° 56' 53"	107° 10' 15"					F-48-83-A-b
Công ty CP than Hà Tu	KX	P. Hà Phong	TP. Hạ Long	20° 59' 30"	107° 08' 50"					F-48-83-A-b
đồi Độc Lập	SV	P. Hà Phong	TP. Hạ Long	20° 57' 03"	107° 10' 04"					F-48-83-A-b
suối Lộ Phong	TV	P. Hà Phong	TP. Hạ Long			20° 58' 16"	107° 09' 06"	20° 56' 55"	107° 11' 16"	F-48-83-A-b
cầu Lộ Phong	KX	P. Hà Phong	TP. Hạ Long	20° 57' 57"	107° 09' 30"					F-48-83-A-b
cái Xà Cong	TV	P. Hà Phong	TP. Hạ Long			20° 57' 03"	107° 09' 59"	20° 55' 58"	107° 09' 46"	F-48-83-A-b
Nhà máy Xi măng Hà Tu	KX	P. Hà Phong	TP. Hạ Long	20° 57' 39"	107° 09' 49"					F-48-83-A-b
khu 1	DC	P. Hà Trung	TP. Hạ Long	20° 57' 25"	107° 07' 48"					F-48-83-A-a
khu 2	DC	P. Hà Trung	TP. Hạ Long	20° 57' 20"	107° 07' 36"					F-48-83-A-a
khu 3	DC	P. Hà Trung	TP. Hạ Long	20° 57' 19"	107° 07' 03"					F-48-83-A-a
khu 4	DC	P. Hà Trung	TP. Hạ Long	20° 57' 39"	107° 06' 57"					F-48-83-A-a
khu 2	DC	P. Hà Tu	TP. Hạ Long	20° 57' 32"	107° 09' 14"					F-48-83-A-b
khu 5	DC	P. Hà Tu	TP. Hạ Long	20° 57' 19"	107° 08' 48"					F-48-83-A-b
khu 6	DC	P. Hà Tu	TP. Hạ Long	20° 57' 08"	107° 08' 10"					F-48-83-A-b
khu 7	DC	P. Hà Tu	TP. Hạ Long	20° 57' 28"	107° 08' 04"					F-48-83-A-b
quốc lộ 18A	KX	P. Hà Tu	TP. Hạ Long			20° 57' 27"	107° 07' 50"	20° 57' 51"	107° 09' 14"	F-48-83-A-a
núi Đền	SV	P. Hà Tu	TP. Hạ Long	20° 55' 50"	107° 09' 32"					F-48-83-A-b
lạch Đôi	TV	P. Hà Tu	TP. Hạ Long			20° 57' 03"	107° 09' 59"	20° 55' 58"	107° 09' 46"	F-48-83-A-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
cảng Hải Quân	KX	P. Hà Tu	TP. Hạ Long	20° 56' 30"	107° 08' 26"					F-48-83-A-b
lạch Ham	TV	P. Hà Tu	TP. Hạ Long			20° 57' 06"	107° 08' 44"	20° 56' 46"	107° 08' 04"	F-48-83-A-b
cầu Trắng	KX	P. Hà Tu	TP. Hạ Long	20° 57' 07"	107° 07' 59"					F-48-83-A-b
khu 1	DC	P. Hồng Gai	TP. Hạ Long	20° 57' 25"	107° 04' 00"					F-48-83-A-a
khu 3	DC	P. Hồng Gai	TP. Hạ Long	20° 57' 09"	107° 04' 36"					F-48-83-A-a
khu 4	DC	P. Hồng Gai	TP. Hạ Long	20° 57' 04"	107° 04' 15"					F-48-83-A-a
núi Bài Thơ	SV	P. Hồng Gai	TP. Hạ Long	20° 56' 55"	107° 04' 34"					F-48-83-A-a
khu 1	DC	P. Hồng Hà	TP. Hạ Long	20° 56' 39"	107° 06' 53"					F-48-83-A-a
khu 2	DC	P. Hồng Hà	TP. Hạ Long	20° 56' 29"	107° 06' 55"					F-48-83-A-b
khu 4	DC	P. Hồng Hà	TP. Hạ Long	20° 56' 29"	107° 07' 07"					F-48-83-A-a
khu 5	DC	P. Hồng Hà	TP. Hạ Long	20° 57' 02"	107° 07' 36"					F-48-83-A-b
khu 2	DC	P. Hồng Hải	TP. Hạ Long	20° 57' 20"	107° 05' 51"					F-48-83-A-a
khu 3	DC	P. Hồng Hải	TP. Hạ Long	20° 57' 27"	107° 06' 00"					F-48-83-A-a
khu 5	DC	P. Hồng Hải	TP. Hạ Long	20° 57' 15"	107° 06' 17"					F-48-83-A-a
khu 7	DC	P. Hồng Hải	TP. Hạ Long	20° 57' 03"	107° 06' 20"					F-48-83-A-a
khu 8	DC	P. Hồng Hải	TP. Hạ Long	20° 56' 46"	107° 06' 22"					F-48-83-A-a
khu 9	DC	P. Hồng Hải	TP. Hạ Long	20° 56' 47"	107° 06' 35"					F-48-83-A-a
khu 1A	DC	P. Hồng Hải	TP. Hạ Long	20° 57' 27"	107° 05' 35"					F-48-83-A-a
khu 1B	DC	P. Hồng Hải	TP. Hạ Long	20° 57' 28"	107° 05' 48"					F-48-83-A-a
khu 4A	KX	P. Hồng Hải	TP. Hạ Long	20° 57' 16"	107° 05' 57"					F-48-83-A-a
khu 4B	SV	P. Hồng Hải	TP. Hạ Long	20° 57' 09"	107° 06' 00"					F-48-83-A-a
khu 4C	TV	P. Hồng Hải	TP. Hạ Long	20° 57' 12"	107° 06' 03"					F-48-83-A-a
khu 4D	DC	P. Hồng Hải	TP. Hạ Long	20° 57' 15"	107° 06' 06"					F-48-83-A-a
khu 6A	DC	P. Hồng Hải	TP. Hạ Long	20° 57' 06"	107° 06' 11"					F-48-83-A-a
khu 6B	DC	P. Hồng Hải	TP. Hạ Long	20° 56' 56"	107° 06' 10"					F-48-83-A-a
khu 6C	DC	P. Hồng Hải	TP. Hạ Long	20° 56' 50"	107° 06' 16"					F-48-83-A-a
đồi Ngân Hàng	SV	P. Hồng Hải	TP. Hạ Long	20° 57' 31"	107° 05' 37"					F-48-83-A-a
đường Nguyễn Văn Cừ	KX	P. Hồng Hải	TP. Hạ Long			20° 57' 26"	107° 05' 31"	20° 56' 43"	107° 06' 28"	F-48-83-A-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
núi Xẻ	SV	P. Hồng Hải	TP. Hạ Long	20° 57' 37"	107° 05' 50"					F-48-83-A-a
tổ 2	DC	P. Hùng Thắng	TP. Hạ Long	20° 57' 55"	107' 00" 54"					F-48-83-A-a
tổ 4	DC	P. Hùng Thắng	TP. Hạ Long	20° 57' 35"	107' 00" 34"					F-48-83-A-a
tổ 11A	DC	P. Hùng Thắng	TP. Hạ Long	20° 57' 47"	106° 59' 48"					F-48-82-B-b
tổ 11B	DC	P. Hùng Thắng	TP. Hạ Long	20° 57' 46"	106° 59' 38"					F-48-82-B-b
tổ 1A	DC	P. Hùng Thắng	TP. Hạ Long	20° 58' 14"	107' 00" 47"					F-48-83-A-a
tổ 1B	DC	P. Hùng Thắng	TP. Hạ Long	20° 58' 06"	107' 00" 55"					F-48-83-A-a
tổ 3A	DC	P. Hùng Thắng	TP. Hạ Long	20° 57' 43"	107' 00" 51"					F-48-83-A-a
tổ 3B	DC	P. Hùng Thắng	TP. Hạ Long	20° 57' 34"	107' 00" 41"					F-48-83-A-a
tổ 5A	DC	P. Hùng Thắng	TP. Hạ Long	20° 57' 40"	107' 00" 42"					F-48-83-A-a
tổ 5B	DC	P. Hùng Thắng	TP. Hạ Long	20° 57' 40"	107' 00" 38"					F-48-83-A-a
tổ 5C	DC	P. Hùng Thắng	TP. Hạ Long	20° 57' 41"	107' 00" 35"					F-48-83-A-a
tổ 6A	DC	P. Hùng Thắng	TP. Hạ Long	20° 57' 41"	107' 00" 31"					F-48-83-A-a
tổ 6B	DC	P. Hùng Thắng	TP. Hạ Long	20° 57' 42"	107' 00" 28"					F-48-83-A-a
tổ 7A	DC	P. Hùng Thắng	TP. Hạ Long	20° 57' 42"	107' 00" 21"					F-48-83-A-a
tổ 7B	DC	P. Hùng Thắng	TP. Hạ Long	20° 57' 45"	107' 00" 22"					F-48-83-A-a
tổ 8A	DC	P. Hùng Thắng	TP. Hạ Long	20° 57' 46"	107' 00" 16"					F-48-83-A-a
tổ 8B	DC	P. Hùng Thắng	TP. Hạ Long	20° 57' 47"	107' 00" 13"					F-48-83-A-a
tổ 8C	DC	P. Hùng Thắng	TP. Hạ Long	20° 57' 48"	107' 00" 10"					F-48-83-A-a
tổ 9A	DC	P. Hùng Thắng	TP. Hạ Long	20° 57' 50"	107' 00" 07"					F-48-83-A-a
tổ 9B	DC	P. Hùng Thắng	TP. Hạ Long	20° 57' 50"	107' 00" 04"					F-48-82-B-b
tổ 9C	DC	P. Hùng Thắng	TP. Hạ Long	20° 57' 50"	107' 00" 00"					F-48-82-B-b
hồ Thủy Sản	TV	P. Hùng Thắng	TP. Hạ Long	20° 58' 03"	107° 01' 00"					F-48-83-A-a
núi Trồ Kênh	SV	P. Hùng Thắng	TP. Hạ Long	20° 58' 07"	107' 00" 02"					F-48-83-A-a
khu 2	DC	P. Trần Hưng Đạo	TP. Hạ Long	20° 57' 22"	107° 04' 48"					F-48-83-A-a
đường Trần Hưng Đạo	KX	P. Trần Hưng Đạo	TP. Hạ Long			20° 57' 36"	107° 05' 03"	20° 57' 12"	107° 05' 00"	F-48-83-A-a
khu 1	DC	P. Tuần Châu	TP. Hạ Long	20° 56' 12"	106° 58' 43"					F-48-82-B-b
khu 2	DC	P. Tuần Châu	TP. Hạ Long	20° 56' 18"	106° 58' 53"					F-48-82-B-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
khu 3	DC	P. Tuần Châu	TP. Hạ Long	20° 56' 08"	106° 59' 08"					F-48-82-B-b
khu 4	DC	P. Tuần Châu	TP. Hạ Long	20° 56' 10"	106° 59' 21"					F-48-82-B-b
khu 5	DC	P. Tuần Châu	TP. Hạ Long	20° 55' 33"	106° 59' 00"					F-48-82-B-b
đầm Cái Tần	TV	P. Tuần Châu	TP. Hạ Long	20° 55' 55"	106° 58' 48"					F-48-82-B-b
khu du lịch Quốc tế Tuần Châu	KX	P. Tuần Châu	TP. Hạ Long	20° 55' 40"	106° 59' 35"					F-48-82-B-b
khu 1	DC	P. Yết Kiêu	TP. Hạ Long	20° 57' 43"	107° 04' 50"					F-48-83-A-a
khu 2	DC	P. Yết Kiêu	TP. Hạ Long	20° 57' 38"	107° 04' 50"					F-48-83-A-a
khu 3	DC	P. Yết Kiêu	TP. Hạ Long	20° 57' 51"	107° 04' 37"					F-48-83-A-a
khu 4	DC	P. Yết Kiêu	TP. Hạ Long	20° 57' 41"	107° 04' 39"					F-48-83-A-a
khu 5	DC	P. Yết Kiêu	TP. Hạ Long	20° 57' 41"	107° 04' 31"					F-48-83-A-a
khu 6	DC	P. Yết Kiêu	TP. Hạ Long	20° 57' 37"	107° 04' 05"					F-48-83-A-a
núi Ba Đèo	SV	P. Yết Kiêu	TP. Hạ Long	20° 57' 26"	107° 04' 13"					F-48-83-A-a
khu 1	DC	P.Bạch Đằng	TP. Hạ Long	20° 56' 55"	107° 04' 41"					F-48-83-A-a
khu 2	DC	P.Bạch Đằng	TP. Hạ Long	20° 57' 07"	107° 04' 43"					F-48-83-A-a
khu 3	DC	P.Bạch Đằng	TP. Hạ Long	20° 57' 12"	107° 04' 49"					F-48-83-A-a
khu 4	DC	P.Bạch Đằng	TP. Hạ Long	20° 57' 20"	107° 05' 18"					F-48-83-A-a
tổ 1	DC	xã Đại Yên	TP. Hạ Long	20° 59' 55"	106° 53' 41"					F-48-82-B-b
khu 4	DC	xã Đại Yên	TP. Hạ Long	20° 59' 08"	106° 54' 19"					F-48-82-B-b
núi Bạch Chuyến	SV	xã Đại Yên	TP. Hạ Long	20° 58' 39"	106° 54' 25"					F-48-82-B-b
núi Béo	SV	xã Đại Yên	TP. Hạ Long	20° 58' 04"	106° 55' 56"					F-48-82-B-b
sông Cái Cả	TV	xã Đại Yên	TP. Hạ Long			20° 59' 58"	106° 53' 27"	20° 58' 43"	106° 53' 07"	F-48-82-B-b
núi Cái Nắn	SV	xã Đại Yên	TP. Hạ Long	20° 58' 20"	106° 54' 46"					F-48-82-B-b
sông Cái Thành	TV	xã Đại Yên	TP. Hạ Long			20° 57' 22"	106° 55' 30"	20° 56' 59"	106° 56' 19"	F-48-82-B-b
thôn Cầu Trắng	DC	xã Đại Yên	TP. Hạ Long	20° 57' 53"	106° 56' 28"					F-48-82-B-b
núi Chở	SV	xã Đại Yên	TP. Hạ Long	20° 59' 08"	106° 53' 56"					F-48-82-B-b
núi Chồ Cao	SV	xã Đại Yên	TP. Hạ Long	20° 59' 00"	106° 55' 43"					F-48-82-B-b
núi Chùa Lôi	SV	xã Đại Yên	TP. Hạ Long	20° 58' 50"	106° 56' 14"					F-48-82-B-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
núi Dã Nâu	SV	xã Đại Yên	TP. Hạ Long	20° 58' 25"	106° 56' 43"					F-48-82-B-b
núi Đá Chùa	SV	xã Đại Yên	TP. Hạ Long	20° 58' 34"	106° 54' 48"					F-48-82-B-b
thôn Đại Đán	DC	xã Đại Yên	TP. Hạ Long	20° 58' 21"	106° 55' 51"					F-48-82-B-b
cầu Đại Yên	KX	xã Đại Yên	TP. Hạ Long	20° 57' 49"	106° 56' 32"					F-48-82-B-b
núi Giếng Mỏ	SV	xã Đại Yên	TP. Hạ Long	20° 59' 10"	106° 55' 12"					F-48-82-B-b
sông Hang Cua	TV	xã Đại Yên	TP. Hạ Long			20° 56' 59"	106° 56' 19"	20° 56' 48"	106° 58' 06"	F-48-82-B-b
sông Hòn Dáu	TV	xã Đại Yên	TP. Hạ Long			20° 56' 53"	106° 55' 11"	20° 54' 44"	106° 57' 48"	F-48-82-B-b
sông Hòn Trống	TV	xã Đại Yên	TP. Hạ Long			20° 59' 00"	106° 53' 35"	20° 58' 27"	106° 53' 27"	F-48-82-B-b
sông Hốt	TV	xã Đại Yên	TP. Hạ Long			20° 58' 24"	106° 53' 16"	20° 56' 53"	106° 55' 11"	F-48-82-B-b
thôn Minh Khai	DC	xã Đại Yên	TP. Hạ Long	20° 57' 51"	106° 55' 54"					F-48-82-B-b
núi Quạt Mo	SV	xã Đại Yên	TP. Hạ Long	20° 58' 45"	106° 56' 55"					F-48-82-B-b
Nhà máy Xi măng Yên Cư	KX	xã Đại Yên	TP. Hạ Long	20° 58' 47"	106° 54' 37"					F-48-82-B-b
thôn Yên Cư	DC	xã Đại Yên	TP. Hạ Long	20° 58' 37"	106° 55' 17"					F-48-82-B-b
ga Yên Cư	KX	xã Đại Yên	TP. Hạ Long	20° 59' 04"	106° 54' 50"					F-48-82-B-b
sông Yên Lập	TV	xã Đại Yên	TP. Hạ Long			20° 59' 46"	106° 56' 19"	21' 00" 30"	106° 53' 12"	F-48-82-B-b, F-48-70-D-d
cầu Yên Lập 2	KX	xã Đại Yên	TP. Hạ Long	20° 59' 43"	106° 53' 30"					F-48-82-B-b
khu 4	DC	xã Việt Hưng	TP. Hạ Long	20° 59' 59"	106° 57' 42"					F-48-82-B-b
khu 6	DC	xã Việt Hưng	TP. Hạ Long	20° 59' 40"	106° 58' 10"					F-48-82-B-b
khu 13	DC	xã Việt Hưng	TP. Hạ Long	20° 58' 19"	106° 57' 48"					F-48-82-B-b
núi Dốc San	SV	xã Việt Hưng	TP. Hạ Long	20° 59' 17"	106° 57' 12"					F-48-82-B-b
núi Dốc Sơn	SV	xã Việt Hưng	TP. Hạ Long	20° 57' 57"	106° 58' 50"					F-48-82-B-b
hồ Điều Dưỡng	TV	xã Việt Hưng	TP. Hạ Long	21' 00" 23"	106° 58' 37"					F-48-70-D-d
cầu Hữu Nghị số 2	KX	xã Việt Hưng	TP. Hạ Long	20° 59' 47"	106° 57' 48"					F-48-82-B-b
hồ Thông Tin	TV	xã Việt Hưng	TP. Hạ Long	21' 00" 10"	106° 58' 15"					F-48-70-D-d
thôn Vạn Yên	DC	xã Việt Hưng	TP. Hạ Long	21' 00" 23"	106° 58' 55"					F-48-70-D-d
núi Xẻ	SV	xã Việt Hưng	TP. Hạ Long	20° 58' 42"	106° 57' 27"					F-48-82-B-b
cầu B5-7	KX	P. Cẩm Bình	TP. Cẩm Phả	21' 00" 22"	107° 17' 24"					F-48-71-D-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
khu Bình Minh	DC	P. Cẩm Bình	TP. Cẩm Phả	21' 00" 31"	107° 16' 50"					F-48-71-D-c
khu Diêm Thủy	DC	P. Cẩm Bình	TP. Cẩm Phả	21' 00" 24"	107° 17' 20"					F-48-71-D-c
khu Hòa Lạc	DC	P. Cẩm Bình	TP. Cẩm Phả	21' 00" 17"	107° 16' 50"					F-48-71-D-c
khu Hòn 1	DC	P. Cẩm Bình	TP. Cẩm Phả	21' 00" 43"	107° 16' 49"					F-48-71-D-c
khu Minh Hòa	DC	P. Cẩm Bình	TP. Cẩm Phả	21' 00" 27"	107° 16' 39"					F-48-71-D-c
khu Minh Tiến A	DC	P. Cẩm Bình	TP. Cẩm Phả	21' 00" 26"	107° 17' 14"					F-48-71-D-c
khu Minh Tiến B	DC	P. Cẩm Bình	TP. Cẩm Phả	21' 00" 33"	107° 17' 03"					F-48-71-D-c
khu Nam Tiến	DC	P. Cẩm Bình	TP. Cẩm Phả	21' 00" 26"	107° 16' 57"					F-48-71-D-c
núi Cao Sơn	SV	P. Cẩm Đông	TP. Cẩm Phả	21° 02' 06"	107° 18' 12"					F-48-71-D-c
mỏ than Cao Sơn	KX	P. Cẩm Đông	TP. Cẩm Phả	21° 02' 16"	107° 17' 43"					F-48-71-D-c
khu Diêm Thủy	DC	P. Cẩm Đông	TP. Cẩm Phả	21' 00" 12"	107° 17' 43"					F-48-71-D-c
khu Đông Tiến 1	DC	P. Cẩm Đông	TP. Cẩm Phả	21' 00" 37"	107° 17' 29"					F-48-71-D-c
khu Đông Tiến 2	DC	P. Cẩm Đông	TP. Cẩm Phả	21' 00" 35"	107° 17' 17"					F-48-71-D-c
khu Hải Sơn 1	DC	P. Cẩm Đông	TP. Cẩm Phả	21' 00" 25"	107° 17' 43"					F-48-71-D-c
khu Hải Sơn 2	DC	P. Cẩm Đông	TP. Cẩm Phả	21' 00" 34"	107° 17' 42"					F-48-71-D-c
khu Lán Ga	DC	P. Cẩm Đông	TP. Cẩm Phả	21' 00" 53"	107° 17' 27"					F-48-71-D-c
khu Ngô Quyền	DC	P. Cẩm Đông	TP. Cẩm Phả	21' 00" 42"	107° 17' 42"					F-48-71-D-c
núi Nhện	SV	P. Cẩm Đông	TP. Cẩm Phả	21' 00" 51"	107° 17' 57"					F-48-71-D-c
cảng Vũng Đục	KX	P. Cẩm Đông	TP. Cẩm Phả	20° 59' 32"	107° 17' 46"					F-48-83-B-a
khu 3	DC	P. Cẩm Phú	TP. Cẩm Phả	21' 00" 59"	107° 19' 48"					F-48-71-D-c
khu 4	DC	P. Cẩm Phú	TP. Cẩm Phả	21° 01' 03"	107° 19' 39"					F-48-71-D-c
khu 5	DC	P. Cẩm Phú	TP. Cẩm Phả	21' 00" 58"	107° 19' 22"					F-48-71-D-c
quốc lộ 18A	KX	P. Cẩm Phú	TP. Cẩm Phả			21' 00" 14"	107° 19' 24"	21' 00" 26"	107° 20' 02"	F-48-71-D-c
khu 1A	DC	P. Cẩm Phú	TP. Cẩm Phả	21° 01' 06"	107° 19' 59"					F-48-71-D-c
khu 1B	DC	P. Cẩm Phú	TP. Cẩm Phả	21' 00" 57"	107° 20' 12"					F-48-71-D-c
khu 2A	DC	P. Cẩm Phú	TP. Cẩm Phả	21' 00" 47"	107° 19' 56"					F-48-71-D-c
khu 2B	DC	P. Cẩm Phú	TP. Cẩm Phả	21' 00" 43"	107° 20' 09"					F-48-71-D-c
khu 6A	DC	P. Cẩm Phú	TP. Cẩm Phả	21' 00" 44"	107° 19' 30"					F-48-71-D-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
khu 6B	DC	P. Cẩm Phú	TP. Cẩm Phả	21' 00" 27"	107° 19' 27"					F-48-71-D-c
khu 7A	DC	P. Cẩm Phú	TP. Cẩm Phả	21' 00" 22"	107° 19' 50"					F-48-71-D-c
khu 7B	DC	P. Cẩm Phú	TP. Cẩm Phả	21' 00" 21"	107° 19' 35"					F-48-71-D-c
khu 8A	DC	P. Cẩm Phú	TP. Cẩm Phả	21' 00" 47"	107° 19' 44"					F-48-71-D-c
khu 8B	DC	P. Cẩm Phú	TP. Cẩm Phả	21' 00" 35"	107° 20' 05"					F-48-71-D-c
cầu B5-12	KX	P. Cẩm Phú	TP. Cẩm Phả	21' 00" 13"	107° 19' 24"					F-48-71-D-c
Công ty Than Cọc 6	KX	P. Cẩm Phú	TP. Cẩm Phả	21° 01' 43"	107° 19' 42"					F-48-71-D-c
công ty than Đèo Nai	KX	P. Cẩm Sơn	TP. Cẩm Phả	21° 01' 35"	107° 18' 39"					F-48-71-D-c
khu An Sơn	DC	P. Cẩm Sơn	TP. Cẩm Phả							
khu Bắc Sơn 1	DC	P. Cẩm Sơn	TP. Cẩm Phả	21' 00" 36"	107° 18' 04"					F-48-71-D-c
khu Bắc Sơn 2	DC	P. Cẩm Sơn	TP. Cẩm Phả	21' 00" 40"	107° 18' 14"					F-48-71-D-c
khu Bình Sơn	DC	P. Cẩm Sơn	TP. Cẩm Phả							
đội C3 Cao Sơn	KX	P. Cẩm Sơn	TP. Cẩm Phả	21° 02' 23"	107° 18' 59"					F-48-71-D-c
khu Cao Sơn 1	DC	P. Cẩm Sơn	TP. Cẩm Phả	21' 00" 10"	107° 18' 30"					F-48-71-D-c
khu Cao Sơn 2	DC	P. Cẩm Sơn	TP. Cẩm Phả	21' 00" 09"	107° 18' 42"					F-48-71-D-c
khu Cao Sơn 3	DC	P. Cẩm Sơn	TP. Cẩm Phả	21' 00" 07"	107° 18' 56"					F-48-71-D-c
khu Đông Sơn	DC	P. Cẩm Sơn	TP. Cẩm Phả							
khu Nam Sơn 1	DC	P. Cẩm Sơn	TP. Cẩm Phả	21' 00" 11"	107° 17' 51"					F-48-71-D-c
khu Nam Sơn 2	DC	P. Cẩm Sơn	TP. Cẩm Phả	21' 00" 16"	107° 18' 11"					F-48-71-D-c
khu Tây Sơn 1	DC	P. Cẩm Sơn	TP. Cẩm Phả	21' 00" 33"	107° 17' 56"					F-48-71-D-c
khu Tây Sơn 2	DC	P. Cẩm Sơn	TP. Cẩm Phả	21' 00" 24"	107° 17' 54"					F-48-71-D-c
khu Thủy Sơn	DC	P. Cẩm Sơn	TP. Cẩm Phả	21' 00" 09"	107° 19' 14"					F-48-71-D-c
khu Trung Sơn 1	DC	P. Cẩm Sơn	TP. Cẩm Phả	21' 00" 27"	107° 18' 18"					F-48-71-D-c
khu Trung Sơn 2	DC	P. Cẩm Sơn	TP. Cẩm Phả	21' 00" 30"	107° 18' 09"					F-48-71-D-c
núi 1-5	SV	P. Cẩm Tây	TP. Cẩm Phả	21° 01' 31"	107° 16' 43"					F-48-71-D-c
khu Dốc Thông	DC	P. Cẩm Tây	TP. Cẩm Phả	21° 01' 04"	107° 16' 56"					F-48-71-D-c
khu Hòa Bình	DC	P. Cẩm Tây	TP. Cẩm Phả	21' 00" 50"	107° 16' 56"					F-48-71-D-c
khu Lê Lợi	DC	P. Cẩm Tây	TP. Cẩm Phả	21' 00" 57"	107° 17' 07"					F-48-71-D-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
quốc lộ 18A	KX	P. Cẩm Thạch	TP. Cẩm Phả			21' 00" 24"	107° 14' 27"	21' 00" 39"	107° 15' 24"	F-48-83-A-a
khu Hoàng Thạch	DC	P. Cẩm Thạch	TP. Cẩm Phả	21' 00" 30"	107° 14' 33"					F-48-71-C-d
khu Hồng Thạch A	DC	P. Cẩm Thạch	TP. Cẩm Phả	21' 00" 44"	107° 15' 10"					F-48-71-D-c
khu Hồng Thạch B	DC	P. Cẩm Thạch	TP. Cẩm Phả	21' 00" 52"	107° 15' 11"					F-48-71-D-c
khu Long Thạch A	DC	P. Cẩm Thạch	TP. Cẩm Phả	21' 00" 47"	107° 15' 24"					F-48-71-D-c
khu Long Thạch B	DC	P. Cẩm Thạch	TP. Cẩm Phả	21° 01' 01"	107° 15' 15"					F-48-71-D-c
khu Nam Thạch A	DC	P. Cẩm Thạch	TP. Cẩm Phả	21' 00" 36"	107° 15' 15"					F-48-71-D-c
khu Nam Thạch B	DC	P. Cẩm Thạch	TP. Cẩm Phả	21' 00" 23"	107° 15' 16"					F-48-71-D-c
khu Sơn Thạch	DC	P. Cẩm Thạch	TP. Cẩm Phả	21' 00" 37"	107° 14' 43"					F-48-71-C-d
khu 1	DC	P. Cẩm Thành	TP. Cẩm Phả	21° 01' 01"	107° 16' 37"					F-48-71-D-c
khu 3	DC	P. Cẩm Thành	TP. Cẩm Phả	21' 00" 48"	107° 16' 28"					F-48-71-D-c
khu 5	DC	P. Cẩm Thành	TP. Cẩm Phả	21' 00" 42"	107° 16' 39"					F-48-71-D-c
khu 6	DC	P. Cẩm Thành	TP. Cẩm Phả	21' 00" 34"	107° 16' 38"					F-48-71-D-c
khu 2A	DC	P. Cẩm Thành	TP. Cẩm Phả	21' 00" 58"	107° 16' 45"					F-48-71-D-c
khu 2B	DC	P. Cẩm Thành	TP. Cẩm Phả	21° 01' 00"	107° 16' 35"					F-48-71-D-c
khu 4A	DC	P. Cẩm Thành	TP. Cẩm Phả							
khu 4B	DC	P. Cẩm Thành	TP. Cẩm Phả							
suối Ba Toa	TV	P. Cẩm Thành	TP. Cẩm Phả			21° 01' 21"	107° 16' 40"	21' 00" 49"	107° 16' 51"	F-48-71-D-c
khu 1	DC	P. Cẩm Thịnh	TP. Cẩm Phả	21' 00" 52"	107° 20' 21"					F-48-71-D-c
khu 2	DC	P. Cẩm Thịnh	TP. Cẩm Phả	21' 00" 39"	107° 20' 33"					F-48-71-D-c
khu 3	DC	P. Cẩm Thịnh	TP. Cẩm Phả	21' 00" 31"	107° 20' 58"					F-48-71-D-c
khu 4A	DC	P. Cẩm Thịnh	TP. Cẩm Phả	21' 00" 49"	107° 21' 08"					F-48-71-D-c
khu 4B	DC	P. Cẩm Thịnh	TP. Cẩm Phả	21° 01' 16"	107° 21' 09"					F-48-71-D-c
khu 6A	DC	P. Cẩm Thịnh	TP. Cẩm Phả							
khu 6B	DC	P. Cẩm Thịnh	TP. Cẩm Phả							
khu 7A	DC	P. Cẩm Thịnh	TP. Cẩm Phả	21' 00" 33"	107° 20' 17"					F-48-71-D-c
khu 7B	DC	P. Cẩm Thịnh	TP. Cẩm Phả	21' 00" 27"	107° 20' 12"					F-48-71-D-c
cảng XNCBKD than Đông Bắc	KX	P. Cẩm Thịnh	TP. Cẩm Phả	21' 00" 05"	107° 20' 35"					F-48-71-D-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
khu Đập Nước 1	DC	P. Cẩm Thủy	TP. Cẩm Phả	21' 00" 46"	107° 15' 32"					F-48-71-D-c
khu Đập Nước 2	DC	P. Cẩm Thủy	TP. Cẩm Phả	21' 00" 57"	107° 15' 34"					F-48-71-D-c
khu Hai Giếng 1	DC	P. Cẩm Thủy	TP. Cẩm Phả	21° 01' 00"	107° 16' 04"					F-48-71-D-c
khu Hai Giếng 2	DC	P. Cẩm Thủy	TP. Cẩm Phả	21' 00" 55"	107° 15' 53"					F-48-71-D-c
khu Tân Lập 1	DC	P. Cẩm Thủy	TP. Cẩm Phả	21' 00" 29"	107° 15' 35"					F-48-71-D-c
khu Tân Lập 2	DC	P. Cẩm Thủy	TP. Cẩm Phả	21' 00" 32"	107° 15' 26"					F-48-71-D-c
khu Tân Lập 3	DC	P. Cẩm Thủy	TP. Cẩm Phả	21' 00" 19"	107° 15' 34"					F-48-71-D-c
khu Tân Lập 4	DC	P. Cẩm Thủy	TP. Cẩm Phả	21' 00" 18"	107° 15' 44"					F-48-71-D-c
khu Tân Lập 5	DC	P. Cẩm Thủy	TP. Cẩm Phả	21' 00" 37"	107° 15' 55"					F-48-71-D-c
khu Tân Lập 6	DC	P. Cẩm Thủy	TP. Cẩm Phả	21' 00" 28"	107° 15' 50"					F-48-71-D-c
khu 1A	DC	P. Cẩm Trung	TP. Cẩm Phả	21' 00" 57"	107° 16' 21"					F-48-71-D-c
khu 1B	DC	P. Cẩm Trung	TP. Cẩm Phả	21' 00" 45"	107° 16' 17"					F-48-71-D-c
khu 2A	DC	P. Cẩm Trung	TP. Cẩm Phả	21' 00" 48"	107° 16' 08"					F-48-71-D-c
khu 2B	DC	P. Cẩm Trung	TP. Cẩm Phả	21' 00" 46"	107° 16' 02"					F-48-71-D-c
khu 3A	DC	P. Cẩm Trung	TP. Cẩm Phả	21' 00" 29"	107° 16' 29"					F-48-71-D-c
khu 3B	DC	P. Cẩm Trung	TP. Cẩm Phả	21' 00" 24"	107° 16' 20"					F-48-71-D-c
khu 3C	DC	P. Cẩm Trung	TP. Cẩm Phả	21' 00" 20"	107° 16' 21"					F-48-71-D-c
khu 4A	DC	P. Cẩm Trung	TP. Cẩm Phả	21' 00" 34"	107° 16' 12"					F-48-71-D-c
khu 4B	DC	P. Cẩm Trung	TP. Cẩm Phả	21' 00" 29"	107° 16' 10"					F-48-71-D-c
khu 4C	DC	P. Cẩm Trung	TP. Cẩm Phả	21' 00" 24"	107° 16' 08"					F-48-71-D-c
khu 5A	DC	P. Cẩm Trung	TP. Cẩm Phả	21' 00" 35"	107° 16' 02"					F-48-71-D-c
khu 5B	DC	P. Cẩm Trung	TP. Cẩm Phả	21' 00" 26"	107° 15' 55"					F-48-71-D-c
khu 6A	DC	P. Cẩm Trung	TP. Cẩm Phả	21' 00" 15"	107° 15' 57"					F-48-71-D-c
khu 6B	DC	P. Cẩm Trung	TP. Cẩm Phả	21' 00" 15"	107° 16' 07"					F-48-71-D-c
khu 6C	DC	P. Cẩm Trung	TP. Cẩm Phả	21' 00" 12"	107° 16' 24"					F-48-71-D-c
khu 1	DC	P. Cửa Ông	TP. Cẩm Phả	21° 02' 42"	107° 21' 18"					F-48-71-D-c
khu 2	DC	P. Cửa Ông	TP. Cẩm Phả	21° 02' 04"	107° 21' 14"					F-48-71-D-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
khu 3	DC	P. Cửa Ông	TP. Cẩm Phả	21° 02' 00"	107° 21' 20"					F-48-71-D-c
khu 6	DC	P. Cửa Ông	TP. Cẩm Phả	21° 01' 41"	107° 21' 51"					F-48-71-D-c
khu 7	DC	P. Cửa Ông	TP. Cẩm Phả	21° 01' 35"	107° 21' 52"					F-48-71-D-c
khu 8	DC	P. Cửa Ông	TP. Cẩm Phả	21° 02' 04"	107° 21' 49"					F-48-71-D-c
khu 9	DC	P. Cửa Ông	TP. Cẩm Phả	21° 01' 23"	107° 21' 46"					F-48-71-D-c
khu 10A	DC	P. Cửa Ông	TP. Cẩm Phả	21° 01' 10"	107° 21' 34"					F-48-71-D-c
khu 10B	DC	P. Cửa Ông	TP. Cẩm Phả	21° 01' 08"	107° 21' 24"					F-48-71-D-c
quốc lộ 18A	KX	P. Cửa Ông	TP. Cẩm Phả			21' 00" 47"	107° 21' 23"	21° 03' 21"	107° 21' 06"	F-48-71-D-c
khu 4A1	DC	P. Cửa Ông	TP. Cẩm Phả	21° 02' 09"	107° 21' 27"					F-48-71-D-c
khu 4A2	DC	P. Cửa Ông	TP. Cẩm Phả	21° 02' 19"	107° 21' 30"					F-48-71-D-c
khu 4B1	DC	P. Cửa Ông	TP. Cẩm Phả	21° 02' 04"	107° 21' 36"					F-48-71-D-c
khu 4B2	DC	P. Cửa Ông	TP. Cẩm Phả	21° 02' 17"	107° 21' 38"					F-48-71-D-c
khu 5A	DC	P. Cửa Ông	TP. Cẩm Phả	21° 02' 00"	107° 21' 42"					F-48-71-D-c
khu 5B	DC	P. Cửa Ông	TP. Cẩm Phả	21° 01' 53"	107° 21' 56"					F-48-71-D-c
đồi C23	SV	P. Cửa Ông	TP. Cẩm Phả	21° 02' 04"	107° 21' 55"					F-48-71-D-c
ga Công ty tuyển than Cửa Ông	KX	P. Cửa Ông	TP. Cẩm Phả	21° 01' 10"	107° 21' 45"					F-48-71-D-c
đền Cửa Ông	KX	P. Cửa Ông	TP. Cẩm Phả	21° 01' 42"	107° 22' 01"					F-48-71-D-c
cảng Cửa Ông	KX	P. Cửa Ông	TP. Cẩm Phả	21° 01' 34"	107° 22' 18"					F-48-71-D-c
luồng Gạc	TV	P. Cửa Ông	TP. Cẩm Phả			21° 03' 43"	107° 22' 09"	21° 01' 59"	107° 22' 12"	F-48-71-D-c
cảng Khe Dây	KX	P. Cửa Ông	TP. Cẩm Phả	21° 03' 16"	107° 21' 53"					F-48-71-D-c
cầu Vân Đồn 1	KX	P. Cửa Ông	TP. Cẩm Phả	21° 02' 14"	107° 22' 01"					F-48-71-D-c
khu 1	DC	P. Mông Dương	TP. Cẩm Phả	21° 03' 50"	107° 20' 17"					F-48-71-D-c
khu 2	DC	P. Mông Dương	TP. Cẩm Phả	21° 03' 53"	107° 20' 26"					F-48-71-D-c
khu 3	DC	P. Mông Dương	TP. Cẩm Phả	21° 03' 26"	107° 20' 10"					F-48-71-D-c
khu 4	DC	P. Mông Dương	TP. Cẩm Phả	21° 03' 37"	107° 19' 51"					F-48-71-D-c
khu 5	DC	P. Mông Dương	TP. Cẩm Phả	21° 03' 57"	107° 19' 27"					F-48-71-D-c
khu 6	DC	P. Mông Dương	TP. Cẩm Phả	21° 04' 11"	107° 19' 14"					F-48-71-D-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
khu 7	DC	P. Mông Dương	TP. Cẩm Phả	21° 04' 19"	107° 19' 39"					F-48-71-D-c
khu 8	DC	P. Mông Dương	TP. Cẩm Phả	21° 04' 32"	107° 20' 11"					F-48-71-D-c
khu 9	DC	P. Mông Dương	TP. Cẩm Phả	21° 04' 30"	107° 17' 47"					F-48-71-D-c
khu 10	DC	P. Mông Dương	TP. Cẩm Phả	21° 08' 56"	107° 18' 08"					F-48-71-D-c
khu 11	DC	P. Mông Dương	TP. Cẩm Phả	21° 03' 41"	107° 21' 03"					F-48-71-D-c
khu 12	DC	P. Mông Dương	TP. Cẩm Phả	21° 03' 56"	107° 19' 56"					F-48-71-D-c
khu 13	DC	P. Mông Dương	TP. Cẩm Phả	21° 03' 40"	107° 19' 06"					F-48-71-D-c
đường tỉnh 326	KX	P. Mông Dương	TP. Cẩm Phả			21° 04' 18"	107° 16' 16"	21° 03' 50"	107° 19' 20"	F-48-71-D-c
quốc lộ 18A	KX	P. Mông Dương	TP. Cẩm Phả			21° 05' 39"	107° 20' 58"	21° 03' 21"	107° 21' 06"	F-48-71-D-c
suối Bằng Nâu	TV	P. Mông Dương	TP. Cẩm Phả			21° 04' 18"	107° 17' 38"	21° 03' 27"	107° 18' 39"	F-48-71-D-c
Bằng Tẩy	DC	P. Mông Dương	TP. Cẩm Phả	21° 04' 37"	107° 17' 32"					F-48-71-D-c
cầu Bằng Tẩy	KX	P. Mông Dương	TP. Cẩm Phả	21° 04' 36"	107° 17' 28"					F-48-71-D-c
Bến Ván	DC	P. Mông Dương	TP. Cẩm Phả	21° 08' 35"	107° 16' 59"					F-48-71-D-a
núi Cánh Diều	SV	P. Mông Dương	TP. Cẩm Phả	21° 08' 35"	107° 13' 58"					F-48-71-C-b
Cao Sơn	DC	P. Mông Dương	TP. Cẩm Phả	21° 02' 53"	107° 18' 28"					F-48-71-D-c
núi Đá Ông	SV	P. Mông Dương	TP. Cẩm Phả	21° 08' 10"	107° 15' 22"					F-48-71-D-a
Đồng Mỏ	DC	P. Mông Dương	TP. Cẩm Phả	21° 08' 55"	107° 17' 54"					F-48-71-D-a
Đồng Mỏ Con	DC	P. Mông Dương	TP. Cẩm Phả	21° 08' 43"	107° 18' 38"					F-48-71-D-a
Khe Chàm	DC	P. Mông Dương	TP. Cẩm Phả	21° 03' 03"	107° 17' 56"					F-48-71-D-c
núi Khe Chim	SV	P. Mông Dương	TP. Cẩm Phả	21° 07' 59"	107° 15' 13"					F-48-71-D-a
núi Khe Chuối	SV	P. Mông Dương	TP. Cẩm Phả	21° 06' 44"	107° 18' 51"					F-48-71-D-c
núi Khe Cốc	SV	P. Mông Dương	TP. Cẩm Phả	21° 09' 41"	107° 14' 17"					F-48-71-C-b
sông Mông Dương	TV	P. Mông Dương	TP. Cẩm Phả			21° 03' 49"	107° 19' 08"	21° 04' 18"	107° 21' 39"	F-48-71-D-c
núi Năm Đầu	SV	P. Mông Dương	TP. Cẩm Phả	21° 09' 19"	107° 15' 02"					F-48-71-D-a
sông Rẻ Dách	TV	P. Mông Dương	TP. Cẩm Phả			21° 05' 52"	107° 20' 02"	21° 05' 07"	107° 21' 45"	F-48-71-D-c
khe Tam	TV	P. Mông Dương	TP. Cẩm Phả			21° 02' 43"	107° 17' 14"	21° 03' 27"	107° 18' 39"	F-48-71-D-c
sông Thác Thầy	TV	P. Mông Dương	TP. Cẩm Phả			21° 07' 43"	107° 15' 16"	21° 08' 27"	107° 19' 04"	F-48-71-D-a
Công ty Than Khe Chàm	KX	P. Mông Dương	TP. Cẩm Phả	21° 04' 14"	107° 18' 55"					F-48-71-D-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Công ty Than Mông Dương	KX	P. Mông Dương	TP. Cẩm Phả	21° 03' 37"	107° 20' 19"					F-48-71-D-c
cầu Trạm điện	KX	P. Mông Dương	TP. Cẩm Phả	21° 03' 43"	107° 20' 00"					F-48-71-D-c
cầu Tràn Mông Dương	KX	P. Mông Dương	TP. Cẩm Phả	21° 03' 52"	107° 19' 20"					F-48-71-D-c
cầu Trắng Mông Dương	KX	P. Mông Dương	TP. Cẩm Phả	21° 03' 46"	107° 19' 26"					F-48-71-D-c
Vàng Danh	DC	P. Mông Dương	TP. Cẩm Phả	21° 08' 13"	107° 16' 28"					F-48-71-D-a
khu 2	DC	P. Quang Hanh	TP. Cẩm Phả	21' 00" 35"	107° 14' 08"					F-48-71-C-d
khu 5	DC	P. Quang Hanh	TP. Cẩm Phả	21' 00" 05"	107° 12' 50"					F-48-71-C-d
khu 6	DC	P. Quang Hanh	TP. Cẩm Phả	20° 59' 53"	107° 12' 33"					F-48-83-A-b
cụm kho 84	KX	P. Quang Hanh	TP. Cẩm Phả	20° 59' 06"	107° 11' 15"					F-48-83-A-b
khu 10A	DC	P. Quang Hanh	TP. Cẩm Phả	20° 58' 52"	107° 11' 03"					F-48-83-A-b
khu 10B	DC	P. Quang Hanh	TP. Cẩm Phả	20° 58' 57"	107° 11' 17"					F-48-83-A-b
quốc lộ 18A	KX	P. Quang Hanh	TP. Cẩm Phả			20° 58' 08"	107° 10' 05"	21' 00" 24"	107° 14' 27"	F-48-83-A-a
khu 1A	DC	P. Quang Hanh	TP. Cẩm Phả	21' 00" 37"	107° 14' 19"					F-48-71-C-d
khu 1B	DC	P. Quang Hanh	TP. Cẩm Phả	21' 00" 33"	107° 14' 17"					F-48-71-C-d
khu 3A	DC	P. Quang Hanh	TP. Cẩm Phả	21' 00" 35"	107° 14' 04"					F-48-71-C-d
khu 3B	DC	P. Quang Hanh	TP. Cẩm Phả	21' 00" 39"	107° 14' 01"					F-48-71-C-d
khu 4A	DC	P. Quang Hanh	TP. Cẩm Phả	21' 00" 37"	107° 13' 49"					F-48-71-C-d
khu 4B	DC	P. Quang Hanh	TP. Cẩm Phả	21' 00" 35"	107° 13' 37"					F-48-71-C-d
khu 7A	DC	P. Quang Hanh	TP. Cẩm Phả	20° 59' 46"	107° 12' 13"					F-48-83-A-b
khu 7B	DC	P. Quang Hanh	TP. Cẩm Phả	20° 59' 40"	107° 12' 13"					F-48-83-A-b
khu 8A	DC	P. Quang Hanh	TP. Cẩm Phả	20° 59' 28"	107° 11' 57"					F-48-83-A-b
khu 8B	DC	P. Quang Hanh	TP. Cẩm Phả	20° 59' 22"	107° 11' 51"					F-48-83-A-b
khu 9A	DC	P. Quang Hanh	TP. Cẩm Phả	20° 59' 18"	107° 11' 40"					F-48-83-A-b
khu 9B	DC	P. Quang Hanh	TP. Cẩm Phả	20° 59' 09"	107° 11' 29"					F-48-83-A-b
lạch Ba	TV	P. Quang Hanh	TP. Cẩm Phả			20° 59' 1	107° 12' 18"	20° 59' 20"	107° 12' 49"	F-48-83-A-b
đầm Cây Giang	TV	P. Quang Hanh	TP. Cẩm Phả	20° 57' 19"	107° 11' 33"					F-48-83-A-b
Đá Bạc	DC	P. Quang Hanh	TP. Cẩm Phả	21° 02' 03"	107° 12' 01"					F-48-71-C-d
núi Đèo Bụt	SV	P. Quang Hanh	TP. Cẩm Phả	20° 57' 59"	107° 11' 25"					F-48-83-A-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
mỏ than Đông Bắc	KX	P. Quang Hanh	TP. Cẩm Phả	21° 01' 09"	107° 14' 17"					F-48-71-C-d
núi Giáp Khẩu	SV	P. Quang Hanh	TP. Cẩm Phả	21° 59' 56"	107° 10' 33"					F-48-83-A-b
Hà Mọt	DC	P. Quang Hanh	TP. Cẩm Phả	21° 01' 46"	107° 11' 16"					F-48-71-C-d
khu du lịch sinh thái Khoáng	KX	P. Quang Hanh	TP. Cẩm Phả	20° 59' 15"	107° 11' 53"					F-48-83-A-b
núi Quang Hanh	SV	P. Quang Hanh	TP. Cẩm Phả	21' 00" 13"	107° 12' 26"					F-48-71-C-d
Xí nghiệp Than Tân Lập	KX	P. Quang Hanh	TP. Cẩm Phả	21° 01' 08"	107° 13' 33"					F-48-71-C-d
phân hiệu Trường đào tạo nghề mỏ Hồng Cẩm	KX	P. Quang Hanh	TP. Cẩm Phả	20° 59' 41"	107° 12' 18"					F-48-83-A-b
Nhà máy X48	KX	P. Quang Hanh	TP. Cẩm Phả	20° 58' 50"	107° 11' 42"					F-48-83-A-b
thôn 1	DC	xã Cẩm Hải	TP. Cẩm Phả	21° 06' 04"	107° 21' 34"					F-48-71-D-c
thôn 2	DC	xã Cẩm Hải	TP. Cẩm Phả	21° 05' 49"	107° 21' 41"					F-48-71-D-c
thôn 3	DC	xã Cẩm Hải	TP. Cẩm Phả	21° 05' 31"	107° 21' 46"					F-48-71-D-c
thôn 4	DC	xã Cẩm Hải	TP. Cẩm Phả	21° 05' 36"	107° 21' 53"					F-48-71-D-c
thôn 5	DC	xã Cẩm Hải	TP. Cẩm Phả	21° 05' 31"	107° 22' 05"					F-48-71-D-c
cái Hà Chanh	TV	xã Cẩm Hải	TP. Cẩm Phả	21° 05' 40"	107° 22' 08"					F-48-71-D-c
quốc lộ 18A	KX	xã Cẩm Hải	TP. Cẩm Phả			21° 07' 29"	107° 20' 36"	21° 05' 39"	107° 20' 58"	F-48-71-D-c
đình Cẩm Hải	KX	xã Cẩm Hải	TP. Cẩm Phả	21° 05' 34"	107° 21' 50"					F-48-71-D-c
núi Cẩm Y	SV	xã Cẩm Hải	TP. Cẩm Phả	21° 05' 49"	107° 19' 49"					F-48-71-D-c
cầu Cẩm Y 1	KX	xã Cẩm Hải	TP. Cẩm Phả	21° 05' 27"	107° 20' 52"					F-48-71-D-c
cầu Cẩm Y 2	KX	xã Cẩm Hải	TP. Cẩm Phả	21° 05' 39"	107° 20' 58"					F-48-71-D-c
sông Dẻ Dách	TV	xã Cẩm Hải	TP. Cẩm Phả			21° 05' 10"	107° 20' 57"	21° 05' 07"	107° 21' 45"	F-48-71-D-c
sông Thác Thầy	TV	xã Cẩm Hải	TP. Cẩm Phả			21° 07' 53"	107° 20' 00"	21° 05' 33"	107° 22' 24"	F-48-71-D-c
quốc lộ 18A	KX	xã Cộng Hòa	TP. Cẩm Phả			21° 13' 21"	107° 21' 51"	21° 07' 29"	107° 20' 36"	F-48-71-D-a
xóm Ba Chác	DC	xã Cộng Hòa	TP. Cẩm Phả	21° 08' 24"	107° 20' 43"					F-48-71-D-a
sông Ba Chẽ	TV	xã Cộng Hòa	TP. Cẩm Phả			21° 13' 17"	107° 21' 30"	21° 11' 24"	107° 23' 40"	F-48-71-D-a
cầu Ba Chẽ	KX	xã Cộng Hòa	TP. Cẩm Phả	21° 13' 21"	107° 21' 51"					F-48-71-D-a
thôn Cái Tăn	DC	xã Cộng Hòa	TP. Cẩm Phả	21° 11' 27"	107° 20' 58"					F-48-71-D-a
núi Cái Tăn	SV	xã Cộng Hòa	TP. Cẩm Phả	21° 11' 43"	107° 20' 22"					F-48-71-D-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
cầu Cái Tăn	KX	xã Cộng Hòa	TP. Cẩm Phả	21° 12' 21"	107° 21' 28"					F-48-71-D-a
cầu Cái Tăn 1	KX	xã Cộng Hòa	TP. Cẩm Phả	21° 11' 34"	107° 21' 21"					F-48-71-D-a
xóm Cập	DC	xã Cộng Hòa	TP. Cẩm Phả	21° 09' 50"	107° 22' 28"					F-48-71-D-b
xóm Cây Thang	DC	xã Cộng Hòa	TP. Cẩm Phả	21° 06' 35"	107° 22' 02"					F-48-71-D-c
Công ty Cổ phần sản xuất gốm xây dựng Cẩm Phả	KX	xã Cộng Hòa	TP. Cẩm Phả	21° 07' 49"	107° 21' 07"					F-48-71-D-a
cầu Cộng Hòa	KX	xã Cộng Hòa	TP. Cẩm Phả	21° 08' 44"	107° 21' 00"					F-48-71-D-a
núi Đèo Quả Nang	SV	xã Cộng Hòa	TP. Cẩm Phả	21° 09' 00"	107° 19' 09"					F-48-71-D-a
xóm Đèo Thấu	DC	xã Cộng Hòa	TP. Cẩm Phả	21° 09' 02"	107° 20' 17"					F-48-71-D-a
thôn Đồng Cói	DC	xã Cộng Hòa	TP. Cẩm Phả	21° 08' 37"	107° 21' 48"					F-48-71-D-a
thôn Giữa	DC	xã Cộng Hòa	TP. Cẩm Phả	21° 08' 54"	107° 21' 36"					F-48-71-D-a
cầu Gốc Thông 1	KX	xã Cộng Hòa	TP. Cẩm Phả	21° 07' 29"	107° 20' 36"					F-48-71-D-c
cầu Gốc Thông 2	KX	xã Cộng Hòa	TP. Cẩm Phả	21° 07' 40"	107° 20' 44"					F-48-71-D-a
thôn Hà Loan	DC	xã Cộng Hòa	TP. Cẩm Phả	21° 09' 10"	107° 23' 49"					F-48-71-D-b
thôn Hà Tranh	DC	xã Cộng Hòa	TP. Cẩm Phả	21° 07' 24"	107° 21' 26"					F-48-71-D-c
thôn Khe	DC	xã Cộng Hòa	TP. Cẩm Phả	21° 08' 56"	107° 21' 00"					F-48-71-D-a
núi Khe Bé	SV	xã Cộng Hòa	TP. Cẩm Phả	21° 10' 47"	107° 20' 34"					F-48-71-D-a
xóm Khe Cả	DC	xã Cộng Hòa	TP. Cẩm Phả	21° 09' 56"	107° 20' 12"					F-48-71-D-a
núi Khê Pha	SV	xã Cộng Hòa	TP. Cẩm Phả	21° 10' 33"	107° 19' 54"					F-48-71-D-a
thôn Lạch Cát	DC	xã Cộng Hòa	TP. Cẩm Phả	21° 09' 22"	107° 22' 38"					F-48-71-D-b
thôn Ngoài	DC	xã Cộng Hòa	TP. Cẩm Phả	21° 08' 59"	107° 21' 59"					F-48-71-D-a
xóm Tên Lửa	DC	xã Cộng Hòa	TP. Cẩm Phả	21° 08' 02"	107° 21' 01"					F-48-71-D-a
sông Thác Thầy	TV	xã Cộng Hòa	TP. Cẩm Phả			21° 08' 27"	107° 19' 04"	21° 06' 18"	107° 21' 21"	F-48-71-D-c
xóm Voi	DC	xã Cộng Hòa	TP. Cẩm Phả	21° 08' 37"	107° 22' 09"					F-48-71-D-a
sông Voi Bé	TV	xã Cộng Hòa	TP. Cẩm Phả			21° 11' 00"	107° 23' 48"	21° 07' 43"	107° 23' 28"	F-48-71-D-b
sông Voi Lớn	TV	xã Cộng Hòa	TP. Cẩm Phả			21° 05' 33"	107° 22' 24"	21° 11' 01"	107° 24' 36"	F-48-71-D-d
đường tỉnh 326	KX	xã Dương Huy	TP. Cẩm Phả			21° 03' 40"	107° 12' 09"	21° 04' 18"	107° 16' 16"	F-48-71-C-d
núi Cây To	SV	xã Dương Huy	TP. Cẩm Phả	21° 05' 40"	107° 15' 52"					F-48-71-D-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
khe Chàm	TV	xã Dương Huy	TP. Cẩm Phả			21° 02' 22"	107° 15' 32"	21° 02' 25"	107° 15' 03"	F-48-71-D-c
Công ty Cổ phần Dương Huy	KX	xã Dương Huy	TP. Cẩm Phả	21° 02' 50"	107° 14' 39"					F-48-71-C-d
Công ty Cổ phần Quang Hanh	KX	xã Dương Huy	TP. Cẩm Phả	21° 02' 19"	107° 13' 58"					F-48-71-C-d
sông Diễn Vọng	TV	xã Dương Huy	TP. Cẩm Phả			21° 05' 00"	107° 14' 10"	21° 02' 07"	107° 11' 50"	F-48-71-C-d
thôn Đoàn Kết	DC	xã Dương Huy	TP. Cẩm Phả	21° 04' 05"	107° 13' 58"					F-48-71-C-d
núi Khe Sim	SV	xã Dương Huy	TP. Cẩm Phả	21° 01' 34"	107° 15' 45"					F-48-71-D-c
thôn Khe Sím	DC	xã Dương Huy	TP. Cẩm Phả	21° 02' 06"	107° 13' 25"					F-48-71-C-d
xóm Ngã Hai	DC	xã Dương Huy	TP. Cẩm Phả	21° 03' 02"	107° 12' 20"					F-48-71-C-d
khe Sim	TV	xã Dương Huy	TP. Cẩm Phả			21° 02' 25"	107° 15' 03"	21° 03' 00"	107° 12' 45"	F-48-71-C-d
xóm Tài Phèng	DC	xã Dương Huy	TP. Cẩm Phả	21° 03' 12"	107° 13' 54"					F-48-71-C-d
thôn Tân Hải	DC	xã Dương Huy	TP. Cẩm Phả	21° 04' 00"	107° 13' 10"					F-48-71-C-d
thôn Tân Tiến	DC	xã Dương Huy	TP. Cẩm Phả	21° 04' 20"	107° 14' 30"					F-48-71-D-c
thôn Tha Cát	DC	xã Dương Huy	TP. Cẩm Phả	21° 03' 43"	107° 12' 09"					F-48-71-C-d
khu 1	DC	P. Hải Hòa	TP. Móng Cái	21° 31' 22"	107° 59' 10"					F-48-60-D
khu 2	DC	P. Hải Hòa	TP. Móng Cái	21° 31' 48"	107° 59' 52"					F-49-61-A+49-C
khu 3	DC	P. Hải Hòa	TP. Móng Cái	21° 31' 55"	107° 58' 31"					F-48-60-D
khu 4	DC	P. Hải Hòa	TP. Móng Cái	21° 32' 13"	107° 58' 37"					F-48-60-D
khu 5	DC	P. Hải Hòa	TP. Móng Cái	21° 32' 14"	107° 59' 51"					F-48-60-D
khu 6	DC	P. Hải Hòa	TP. Móng Cái	21° 32' 06"	107° 59' 13"					F-48-60-D
khu 7	DC	P. Hải Hòa	TP. Móng Cái	21° 31' 40"	108° 01' 02"					F-49-61-A+49-C
khu 8	DC	P. Hải Hòa	TP. Móng Cái	21° 31' 23"	107° 58' 37"					F-48-60-D
đường tỉnh 335	KX	P. Hải Hòa	TP. Móng Cái			21° 31' 36"	107° 58' 14"	21° 30' 58"	107° 59' 13"	F-48-60-D
sông Bắc Luân	TV	P. Hải Hòa	TP. Móng Cái			21° 32' 26"	107° 58' 24"	21° 31' 36"	108° 03' 08"	F-49-61-A+49-C
cửa sông Bắc Luân	TV	P. Hải Hòa	TP. Móng Cái	21° 30' 58"	108° 03' 10"					F-49-61-A+49-C
lạch Lục Lầm	TV	P. Hải Hòa	TP. Móng Cái	21° 32' 00"	108° 01' 33"					F-49-61-A+49-C
bãi Lục Lầm	TV	P. Hải Hòa	TP. Móng Cái	21° 32' 25"	108° 01' 38"					F-49-61-A+49-C
đồi Ma	SV	P. Hải Hòa	TP. Móng Cái	21° 32' 23"	108° 01' 16"					F-49-61-A+49-C

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
đồi Mang	SV	P. Hải Hòa	TP. Móng Cái	21° 32' 50"	108' 00" 09"					F-49-61-A+49-C
khu Mũi Sủi	TV	P. Hải Hòa	TP. Móng Cái	21° 31' 22"	108° 01' 48"					F-49-61-A+49-C
núi Tổ Chim	SV	P. Hải Hòa	TP. Móng Cái	21° 30' 27"	108° 02' 18"					F-49-61-A+49-C
lạch Tổ Chim	TV	P. Hải Hòa	TP. Móng Cái	21° 30' 57"	108° 02' 18"					F-49-61-A+49-C
lạch Tục Lãm	TV	P. Hải Hòa	TP. Móng Cái	21° 32' 26"	108° 02' 09"					F-49-61-A+49-C
bãi Tục Lãm	TV	P. Hải Hòa	TP. Móng Cái	21° 32' 32"	108° 02' 24"					F-49-61-A+49-C
khu Vàng Sán	TV	P. Hải Hòa	TP. Móng Cái	21° 31' 33"	108' 00" 32"					F-49-61-A+49-C
khu 1	DC	P. Hải Yên	TP. Móng Cái	21° 32' 28"	107° 54' 15"					F-48-60-D
khu 2	DC	P. Hải Yên	TP. Móng Cái	21° 32' 07"	107° 54' 22"					F-48-60-D
khu 3	DC	P. Hải Yên	TP. Móng Cái	21° 31' 38"	107° 54' 19"					F-48-60-D
khu 4	DC	P. Hải Yên	TP. Móng Cái	21° 30' 57"	107° 55' 14"					F-48-60-D
khu 4	DC	P. Hải Yên	TP. Móng Cái	21° 31' 52"	107° 55' 37"					F-48-60-D
khu 5	DC	P. Hải Yên	TP. Móng Cái	21° 32' 13"	107° 56' 03"					F-48-60-D
khu 6	DC	P. Hải Yên	TP. Móng Cái	21° 32' 02"	107° 56' 22"					F-48-60-D
khu 7	DC	P. Hải Yên	TP. Móng Cái	21° 32' 13"	107° 56' 39"					F-48-60-D
quốc lộ 18	KX	P. Hải Yên	TP. Móng Cái			21° 32' 10"	107° 56' 52"	21° 32' 35"	107° 53' 49"	F-48-60-D
suối Bà Du	TV	P. Hải Yên	TP. Móng Cái			21° 33' 03"	107° 55' 52"	21° 33' 08"	107° 56' 41"	F-48-60-D
suối Bến Mười	TV	P. Hải Yên	TP. Móng Cái			21° 32' 38"	107° 53' 36"	21° 27' 52"	107° 53' 11"	F-48-60-D
cồn Chổi Bể	TV	P. Hải Yên	TP. Móng Cái	21° 30' 57"	107° 54' 07"					F-48-60-D
khe Dê	TV	P. Hải Yên	TP. Móng Cái			21° 32' 45"	107° 55' 10"	21° 31' 16"	107° 54' 40"	F-48-60-D
hồ Đoan Tĩnh	TV	P. Hải Yên	TP. Móng Cái	21° 33' 10"	107° 55' 46"					F-48-60-D
lạch Hải Yên	TV	P. Hải Yên	TP. Móng Cái			21° 30' 47"	107° 54' 31"	21° 30' 03"	107° 54' 02"	F-48-60-D
cồn Hải Yến	TV	P. Hải Yên	TP. Móng Cái	21° 30' 12"	107° 54' 55"					F-48-60-D
cầu Khe Dè	KX	P. Hải Yên	TP. Móng Cái	21° 32' 40"	107° 55' 01"					F-48-60-D
hồ Kim Tinh	TV	P. Hải Yên	TP. Móng Cái	21° 32' 50"	107° 54' 26"					F-48-60-D
núi U Bò	SV	P. Hải Yên	TP. Móng Cái	21° 35' 02"	107° 54' 14"					F-48-60-D
xóm Vĩnh Hồ	DC	P. Hải Yên	TP. Móng Cái	21° 31' 16"	107° 56' 11"					F-48-60-D
cầu Ka Long	KX	P. Ka Long	TP. Móng Cái	21° 31' 52"	107° 57' 50"					F-48-60-D

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
sông Cầu Voi	TV	P. Ninh Dương	TP. Móng Cái			21° 30' 09"	107° 57' 43"	21° 29' 05"	107° 55' 12"	F-48-72-B-b
khu Hạ Long	DC	P. Ninh Dương	TP. Móng Cái	21° 30' 51"	107° 57' 36"					F-48-60-D
khu Hòa Bình	DC	P. Ninh Dương	TP. Móng Cái							
khu Hồng Kỳ	DC	P. Ninh Dương	TP. Móng Cái	21° 30' 53"	107° 56' 35"					F-48-60-D
sông Ka Long	TV	P. Ninh Dương	TP. Móng Cái			21° 32' 23"	107° 57' 03"	21° 30' 09"	107° 57' 43"	F-48-60-D
Quân Trang	SV	P. Ninh Dương	TP. Móng Cái	21° 31' 50"	107° 56' 51"					F-48-60-D
khu Thác Hàn	DC	P. Ninh Dương	TP. Móng Cái	21° 30' 17"	107° 57' 25"					F-48-60-D
khu Thượng Trung	DC	P. Ninh Dương	TP. Móng Cái	21° 31' 32"	107° 57' 07"					F-48-60-D
hồ Vĩnh Hồ	TV	P. Ninh Dương	TP. Móng Cái	21° 30' 52"	107° 56' 19"					F-48-60-D
đường tỉnh 335	KX	P. Trà Cổ	TP. Móng Cái			21° 28' 36"	108' 00" 46"	21° 29' 36"	108° 04' 01"	F-49-61-A+49-C
khu Đông Thịnh	DC	P. Trà Cổ	TP. Móng Cái	21° 28' 46"	108° 01' 12"					F-49-61-A+49-C
khu Nam Thọ	DC	P. Trà Cổ	TP. Móng Cái	21° 28' 34"	108' 00" 40"					F-49-61-A+49-C
khu Tràng Lộ	DC	P. Trà Cổ	TP. Móng Cái	21° 29' 08"	108° 01' 46"					F-49-61-A+49-C
khu Tràng Vĩ	DC	P. Trà Cổ	TP. Móng Cái	21° 29' 24"	108° 02' 40"					F-49-61-A+49-C
cầu Bắc Luân	KX	P. Trần Phú	TP. Móng Cái	21° 32' 17"	107° 58' 00"					F-48-60-D
suối Cao Lan (Lục Phủ)	TV	xã Bắc Sơn	TP. Móng Cái			21° 35' 29"	107° 51' 03"	21° 35' 27"	107° 53' 47"	F-48-60-D
xóm Hợp Long	KX	xã Bắc Sơn	TP. Móng Cái	21° 36' 16"	107° 53' 09"					F-48-60-D
sông Ka Long	TV	xã Bắc Sơn	TP. Móng Cái			21° 38' 33"	107° 50' 19"	21° 33' 53"	107° 56' 26"	F-48-60-D
thôn Lục Phủ	DC	xã Bắc Sơn	TP. Móng Cái	21° 35' 31"	107° 53' 01"					F-48-60-D
thôn Pẹc Nả	DC	xã Bắc Sơn	TP. Móng Cái	21° 37' 27"	107° 52' 19"					F-48-60-D
suối Pẹc Nả	TV	xã Bắc Sơn	TP. Móng Cái			21° 37' 49"	107° 51' 41"	21° 37' 19"	107° 52' 59"	F-48-60-D
thôn Phình Hồ	DC	xã Bắc Sơn	TP. Móng Cái	21° 37' 02"	107° 53' 03"					F-48-60-D
hồ Phình Hồ	TV	xã Bắc Sơn	TP. Móng Cái	21° 36' 50"	107° 52' 04"					F-48-60-D
thôn Thán Phún	DC	xã Bắc Sơn	TP. Móng Cái	21° 38' 45"	107° 50' 42"					F-48-60-D
núi Thán Phún	SV	xã Bắc Sơn	TP. Móng Cái	21° 38' 09"	107° 51' 40"					F-48-60-D
hồ Tràng Vinh	TV	xã Bắc Sơn	TP. Móng Cái	21° 36' 05"	107° 49' 41"					F-48-60-D
thôn 1	DC	xã Bình Ngọc	TP. Móng Cái	21° 27' 02"	107° 58' 39"					F-48-72-B-b
thôn 2	DC	xã Bình Ngọc	TP. Móng Cái	21° 27' 23"	107° 59' 08"					F-48-72-B-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn 3	DC	xã Bình Ngọc	TP. Móng Cái	21° 27' 55"	107° 59' 36"					F-48-72-B-b
thôn 4	DC	xã Bình Ngọc	TP. Móng Cái	21° 28' 31"	107° 59' 56"					F-48-72-B-b
đường tỉnh 335	KX	xã Bình Ngọc	TP. Móng Cái			21° 24' 05"	107° 58' 12"	21° 28' 11"	108' 00" 00"	F-48-72-B-b
sông Ka Long	TV	xã Bình Ngọc	TP. Móng Cái			21° 27' 34"	107° 58' 17"	21° 24' 05"	107° 58' 12"	F-48-72-B-b
sông Mắn Thí	TV	xã Bình Ngọc	TP. Móng Cái			21° 29' 15"	107° 59' 12"	21° 27' 34"	107° 58' 17"	F-48-72-B-b
miếu Nghè	KX	xã Bình Ngọc	TP. Móng Cái	21° 27' 06"	107° 58' 35"					F-48-72-B-b
núi Ngọc	SV	xã Bình Ngọc	TP. Móng Cái	21° 26' 19"	107° 58' 07"					F-48-72-B-b
mũi Ngọc	TV	xã Bình Ngọc	TP. Móng Cái	21° 26' 07"	107° 57' 44"					F-48-72-B-b
cảng Núi Đỏ	KX	xã Bình Ngọc	TP. Móng Cái	21° 26' 56"	107° 57' 58"					F-48-72-B-b
thôn 1	DC	xã Hải Đông	TP. Móng Cái	21° 30' 31"	107° 53' 06"					F-48-60-D
thôn 2	DC	xã Hải Đông	TP. Móng Cái	21° 30' 57"	107° 52' 41"					F-48-60-D
thôn 3	DC	xã Hải Đông	TP. Móng Cái	21° 32' 00"	107° 52' 52"					F-48-60-D
thôn 5	DC	xã Hải Đông	TP. Móng Cái	21° 31' 46"	107° 52' 10"					F-48-60-D
thôn 6	DC	xã Hải Đông	TP. Móng Cái	21° 32' 30"	107° 53' 32"					F-48-60-D
thôn 7	DC	xã Hải Đông	TP. Móng Cái	21° 32' 22"	107° 52' 31"					F-48-60-D
thôn 8	DC	xã Hải Đông	TP. Móng Cái	21° 32' 23"	107° 51' 34"					F-48-60-D
thôn 9	DC	xã Hải Đông	TP. Móng Cái	21° 32' 07"	107° 51' 56"					F-48-60-D
thôn 10	DC	xã Hải Đông	TP. Móng Cái	21° 32' 12"	107° 53' 25"					F-48-60-D
suối Bến Mười	TV	xã Hải Đông	TP. Móng Cái			21° 32' 38"	107° 53' 36"	21° 27' 52"	107° 53' 11"	F-48-60-D
suối Cao Lanh	TV	xã Hải Đông	TP. Móng Cái			21° 34' 08"	107° 53' 10"	21° 32' 38"	107° 53' 36"	F-48-60-D
sông Cầu Khe Dát	TV	xã Hải Đông	TP. Móng Cái			21° 31' 05"	107° 51' 07"	21° 27' 26"	107° 51' 16"	F-48-72-B-a
suối Nà Vàng	TV	xã Hải Đông	TP. Móng Cái			21° 32' 42"	107° 52' 47"	21° 31' 57"	107° 53' 29"	F-48-60-D
hồ Quất Đông	TV	xã Hải Đông	TP. Móng Cái	21° 33' 16"	107° 52' 01"					F-48-60-D
đường tỉnh 4B	KX	xã Hải Sơn	TP. Móng Cái			21° 38' 31"	107° 50' 18"	21° 38' 18"	107° 44' 48"	F-48-60-D
bãi Chắn Coóng Pa	TV	xã Hải Sơn	TP. Móng Cái	21° 39' 31"	107° 48' 46"					F-48-60-D
bãi Coóng Pa	TV	xã Hải Sơn	TP. Móng Cái	21° 38' 26"	107° 44' 47"					F-48-60-C
sông Ka Long	TV	xã Hải Sơn	TP. Móng Cái			21° 38' 31"	107° 44' 49"	21° 38' 33"	107° 50' 19"	F-48-60-D
thôn Lục Chắn	DC	xã Hải Sơn	TP. Móng Cái	21° 38' 55"	107° 46' 53"					F-48-60-D

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
suối Lục Chắn	TV	xã Hải Sơn	TP. Móng Cái			21° 38' 52"	107° 46' 57"	21° 39' 17"	107° 47' 37"	F-48-60-D
núi Mã Thâu Sơn	SV	xã Hải Sơn	TP. Móng Cái	21° 37' 55"	107° 47' 44"					F-48-60-D
bãi cồn nổi Mốc 10	TV	xã Hải Sơn	TP. Móng Cái	21° 39' 12"	107° 49' 26"					F-48-60-D
suối Nậm Xỉ	TV	xã Hải Sơn	TP. Móng Cái			21° 38' 24"	107° 45' 46"	21° 38' 56"	107° 46' 31"	F-48-60-D
núi Pa Nai	SV	xã Hải Sơn	TP. Móng Cái	21° 36' 58"	107° 45' 33"					F-48-60-D
suối Pắc Xỉ	TV	xã Hải Sơn	TP. Móng Cái			21° 38' 27"	107° 47' 56"	21° 39' 24"	107° 48' 59"	F-48-60-D
suối Pạt Cạp	KX	xã Hải Sơn	TP. Móng Cái			21° 35' 50"	107° 44' 16"	21° 34' 24"	107° 45' 30"	F-48-60-C
thôn Pò Hèn	DC	xã Hải Sơn	TP. Móng Cái	21° 38' 33"	107° 45' 41"					F-48-60-D
suối Thán Phún Thôn	KX	xã Hải Sơn	TP. Móng Cái			21° 38' 00"	107° 48' 56"	21° 38' 35"	107° 50' 15"	F-48-60-D
thôn Thán Phún Xã	DC	xã Hải Sơn	TP. Móng Cái	21° 39' 19"	107° 48' 21"					F-48-60-D
suối Thán Phún Xã	KX	xã Hải Sơn	TP. Móng Cái			21° 38' 44"	107° 48' 09"	21° 39' 22"	107° 48' 05"	F-48-60-D
suối Vày Kháy	KX	xã Hải Sơn	TP. Móng Cái			21° 36' 06"	107° 47' 24"	21° 34' 27"	107° 47' 46"	F-48-60-D
thôn 1	DC	xã Hải Tiến	TP. Móng Cái	21° 30' 43"	107° 50' 22"					F-48-60-D
thôn 2	DC	xã Hải Tiến	TP. Móng Cái	21° 30' 54"	107° 50' 40"					F-48-60-D
thôn 4	DC	xã Hải Tiến	TP. Móng Cái	21° 31' 52"	107° 51' 02"					F-48-60-D
thôn 5	DC	xã Hải Tiến	TP. Móng Cái	21° 32' 06"	107° 51' 25"					F-48-60-D
thôn 6	DC	xã Hải Tiến	TP. Móng Cái	21° 32' 12"	107° 50' 33"					F-48-60-D
thôn 7	DC	xã Hải Tiến	TP. Móng Cái	21° 31' 58"	107° 49' 42"					F-48-60-D
thôn 3A	DC	xã Hải Tiến	TP. Móng Cái							
thôn 3B	DC	xã Hải Tiến	TP. Móng Cái							
sông Cầu Khe Dát	TV	xã Hải Tiến	TP. Móng Cái			21° 31' 05"	107° 51' 07"	21° 27' 26"	107° 51' 16"	F-48-72-B-a
hồ Dân Tiến	TV	xã Hải Tiến	TP. Móng Cái	21° 32' 37"	107° 51' 00"					F-48-60-D
sông Hồ Thín Coóng	TV	xã Hải Tiến	TP. Móng Cái			21° 31' 11"	107° 49' 40"	21° 26' 26"	107° 49' 57"	F-48-60-D
suối Khe Rát	TV	xã Hải Tiến	TP. Móng Cái			21° 32' 33"	107° 51' 17"	21° 31' 05"	107° 51' 07"	F-48-60-D
hồ Tràng Vinh	TV	xã Hải Tiến	TP. Móng Cái	21° 32' 51"	107° 49' 19"					F-48-60-D
cầu Voi	KX	xã Hải Tiến	TP. Móng Cái	21° 30' 00"	107° 57' 25"					F-48-60-D
thôn 1	DC	xã Hải Xuân	TP. Móng Cái	21° 30' 36"	107° 58' 50"					F-48-60-D
thôn 2	DC	xã Hải Xuân	TP. Móng Cái	21° 30' 23"	107° 59' 00"					F-48-60-D

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
đường tỉnh 335	KX	xã Hải Xuân	TP. Móng Cái			21° 30' 58"	107° 59' 13"	21° 30' 23"	107° 59' 59"	F-48-60-D
thôn 10A (Ninh Thượng)	DC	xã Hải Xuân	TP. Móng Cái	21° 30' 51"	107° 58' 11"					F-48-60-D
thôn 10B	DC	xã Hải Xuân	TP. Móng Cái	21° 30' 53"	107° 58' 13"					F-48-60-D
thôn 12 (thôn Đông)	DC	xã Hải Xuân	TP. Móng Cái	21° 30' 55"	107° 59' 04"					F-48-60-D
thôn 3 (Hồ Nam)	DC	xã Hải Xuân	TP. Móng Cái	21° 30' 19"	107° 58' 45"					F-48-60-D
thôn 4 (Phố Coóng)	DC	xã Hải Xuân	TP. Móng Cái	21° 30' 03"	107° 59' 07"					F-48-72-B-b
thôn 5 (thôn Trung)	DC	xã Hải Xuân	TP. Móng Cái	21° 31' 05"	107° 58' 32"					F-48-60-D
thôn 6 (Ninh Xuân)	DC	xã Hải Xuân	TP. Móng Cái	21° 30' 27"	107° 58' 20"					F-48-60-D
thôn 8 (Hồ Viết)	DC	xã Hải Xuân	TP. Móng Cái	21° 30' 37"	107° 58' 26"					F-48-60-D
thôn 9 (Vạn Xuân)	DC	xã Hải Xuân	TP. Móng Cái	21° 31' 25"	107° 58' 13"					F-48-60-D
sông Chùa	TV	xã Hải Xuân	TP. Móng Cái			21° 30' 00"	107° 59' 27"	21° 29' 15"	107° 59' 12"	F-48-72-B-b
sông Ka Long	TV	xã Hải Xuân	TP. Móng Cái			21° 31' 00"	107° 57' 52"	21° 27' 34"	107° 58' 17"	F-48-72-B-b
thôn 1	DC	xã Quảng Nghĩa	TP. Móng Cái	21° 31' 17"	107° 49' 18"					F-48-60-D
thôn 2	DC	xã Quảng Nghĩa	TP. Móng Cái	21° 32' 19"	107° 46' 56"					F-48-60-D
thôn 3	DC	xã Quảng Nghĩa	TP. Móng Cái	21° 31' 33"	107° 48' 01"					F-48-60-D
thôn 4	DC	xã Quảng Nghĩa	TP. Móng Cái	21° 30' 58"	107° 47' 50"					F-48-60-D
thôn 5	DC	xã Quảng Nghĩa	TP. Móng Cái	21° 31' 13"	107° 45' 59"					F-48-60-D
sông Đầu	TV	xã Quảng Nghĩa	TP. Móng Cái			21° 31' 39"	107° 48' 17"	21° 30' 33"	107° 49' 31"	F-48-60-D
sông Hồ Thín Cóng	TV	xã Quảng Nghĩa	TP. Móng Cái			21° 31' 11"	107° 49' 40"	21° 27' 31"	107° 49' 21"	F-48-60-D
sông Má Ham	TV	xã Quảng Nghĩa	TP. Móng Cái			21° 30' 45"	107° 46' 13"	21° 27' 30"	107° 48' 53"	F-48-72-B-a
suối Ngã Ba	TV	xã Quảng Nghĩa	TP. Móng Cái			21° 32' 25"	107° 46' 51"	21° 31' 39"	107° 48' 17"	F-48-60-D
xóm Pạt Cạp	DC	xã Quảng Nghĩa	TP. Móng Cái	21° 32' 11"	107° 46' 03"					F-48-60-D
suối Tân Mai	TV	xã Quảng Nghĩa	TP. Móng Cái			21° 32' 48"	107° 44' 44"	21° 32' 25"	107° 46' 51"	F-48-60-D
bản Va Lai Chăn	DC	xã Quảng Nghĩa	TP. Móng Cái	21° 33' 47"	107° 47' 05"					F-48-60-D
thôn Bắc	DC	xã Vạn Ninh	TP. Móng Cái	21° 29' 16"	107° 56' 47"					F-48-72-B-b
thôn Cầu Voi	DC	xã Vạn Ninh	TP. Móng Cái	21° 29' 30"	107° 57' 24"					F-48-72-B-b
sông Cầu Voi	TV	xã Vạn Ninh	TP. Móng Cái			21° 30' 09"	107° 57' 43"	21° 27' 49"	107° 53' 20"	F-48-72-B-b
ngòi Cống	TV	xã Vạn Ninh	TP. Móng Cái			21° 27' 39"	107° 55' 53"	21° 26' 07"	107° 57' 02"	F-48-72-B-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
sông Cửa Vườn	TV	xã Vạn Ninh	TP. Móng Cái			21° 26' 36"	107° 55' 03"	21° 25' 40"	107° 57' 04"	F-48-72-B-b
thôn Đông	DC	xã Vạn Ninh	TP. Móng Cái	21° 27' 33"	107° 57' 04"					F-48-72-B-b
thôn Nam	DC	xã Vạn Ninh	TP. Móng Cái	21° 28' 16"	107° 56' 01"					F-48-72-B-b
sông Thác Hàn	TV	xã Vạn Ninh	TP. Móng Cái			21° 30' 09"	107° 57' 43"	21° 24' 05"	107° 58' 12"	F-48-72-B-b
lạch Thoi Tre	TV	xã Vạn Ninh	TP. Móng Cái	21° 24' 39"	107° 54' 40"					F-48-72-B-b
thôn Trung	DC	xã Vạn Ninh	TP. Móng Cái	21° 28' 38"	107° 56' 34"					F-48-72-B-b
cầu Voi	KX	xã Vạn Ninh	TP. Móng Cái	21° 30' 00"	107° 57' 25"					F-48-60-D
thôn 1 (thôn Đông)	DC	xã Vĩnh Thực	TP. Móng Cái	21° 22' 22"	107° 56' 59"					F-48-72-B-b
thôn 2 (thôn Trung)	DC	xã Vĩnh Thực	TP. Móng Cái	21° 21' 50"	107° 56' 34"					F-48-72-B-d
thôn 3 (thôn Nam)	DC	xã Vĩnh Thực	TP. Móng Cái	21° 22' 17"	107° 55' 38"					F-48-72-B-d
núi Cắt Kéo	SV	xã Vĩnh Thực	TP. Móng Cái	21° 21' 38"	107° 55' 43"					F-48-72-B-d
hồ Lỗ Cối	TV	xã Vĩnh Thực	TP. Móng Cái	21° 23' 10"	107° 55' 48"					F-48-72-B-b
núi Rõ	SV	xã Vĩnh Thực	TP. Móng Cái	21° 21' 31"	107° 56' 33"					F-48-72-B-d
cảng Vạn Gia	KX	xã Vĩnh Thực	TP. Móng Cái	21° 23' 37"	107° 56' 19"					F-48-72-B-b
đầm Vẹt	TV	xã Vĩnh Thực	TP. Móng Cái	21° 21' 53"	107° 57' 07"					F-48-72-B-d
luồng Vĩnh Thực	TV	xã Vĩnh Thực	TP. Móng Cái	21° 23' 56"	107° 57' 11"					F-48-72-B-b
thôn 1	DC	xã Vĩnh Trung	TP. Móng Cái	21° 22' 15"	107° 54' 53"					F-48-72-B-d
thôn 2	DC	xã Vĩnh Trung	TP. Móng Cái	21° 22' 16"	107° 54' 29"					F-48-72-B-d
thôn 3	DC	xã Vĩnh Trung	TP. Móng Cái	21° 22' 20"	107° 53' 34"					F-48-72-B-d
thôn 4	DC	xã Vĩnh Trung	TP. Móng Cái	21° 22' 26"	107° 51' 11"					F-48-72-B-c
núi Am	SV	xã Vĩnh Trung	TP. Móng Cái	21° 21' 54"	107° 52' 47"					F-48-72-B-d
vụng Bà Cai	TV	xã Vĩnh Trung	TP. Móng Cái	21° 21' 57"	107° 50' 26"					F-48-72-B-c
bến Cái Chàm	KX	xã Vĩnh Trung	TP. Móng Cái	21° 22' 52"	107° 53' 59"					F-48-72-B-b
bến Cái Vọ	KX	xã Vĩnh Trung	TP. Móng Cái	21° 21' 36"	107° 53' 59"					F-48-72-B-d
núi Dầm	SV	xã Vĩnh Trung	TP. Móng Cái	21° 21' 27"	107° 50' 54"					F-48-72-B-c
cửa Đại	TV	xã Vĩnh Trung	TP. Móng Cái	21° 21' 40"	107° 49' 24"					F-48-72-B-c
bến Hèn	KX	xã Vĩnh Trung	TP. Móng Cái	21° 21' 41"	107° 55' 24"					F-48-72-B-d
đập Khe Cầu	TV	xã Vĩnh Trung	TP. Móng Cái	21° 22' 23"	107° 53' 56"					F-48-72-B-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
đập Khe Phù	TV	xã Vĩnh Trung	TP. Móng Cái	21° 22' 21"	107° 54' 14"					F-48-72-B-d
núi Lở	SV	xã Vĩnh Trung	TP. Móng Cái	21° 20' 42"	107° 50' 46"					F-48-72-B-c
núi Lò Vôi	SV	xã Vĩnh Trung	TP. Móng Cái	21° 21' 13"	107° 51' 34"					F-48-72-B-c
núi Mõm Kìm	SV	xã Vĩnh Trung	TP. Móng Cái	21° 22' 05"	107° 50' 01"					F-48-72-B-c
khu 1	DC	P. Bắc Sơn	TP. Uông Bí	21° 04' 25"	106° 47' 36"					F-48-70-D-c
khu 2	DC	P. Bắc Sơn	TP. Uông Bí	21° 03' 47"	106° 47' 56"					F-48-70-D-c
khu 3	DC	P. Bắc Sơn	TP. Uông Bí	21° 03' 32"	106° 47' 45"					F-48-70-D-c
khu 4	DC	P. Bắc Sơn	TP. Uông Bí	21° 02' 50"	106° 47' 30"					F-48-70-D-c
khu 5	DC	P. Bắc Sơn	TP. Uông Bí	21° 03' 22"	106° 47' 50"					F-48-70-D-c
khu 6	DC	P. Bắc Sơn	TP. Uông Bí	21° 02' 39"	106° 48' 46"					F-48-70-D-c
khu 9	DC	P. Bắc Sơn	TP. Uông Bí	21° 02' 59"	106° 46' 44"					F-48-70-D-c
suối 12 Khe	TV	P. Bắc Sơn	TP. Uông Bí			21° 03' 34"	106° 49' 55"	21° 02' 32"	106° 47' 19"	F-48-70-D-c
Bãi Soi	DC	P. Bắc Sơn	TP. Uông Bí	21° 03' 14"	106° 47' 43"					F-48-70-D-c
Khe Ngát	DC	P. Bắc Sơn	TP. Uông Bí	21° 02' 43"	106° 46' 36"					F-48-70-D-c
Công ty Nhiệt điện Uông Bí	KX	P. Bắc Sơn	TP. Uông Bí	21° 02' 24"	106° 47' 03"					F-48-70-D-c
chùa Phổ Am	KX	P. Bắc Sơn	TP. Uông Bí	21° 03' 04"	106° 46' 37"					F-48-70-D-c
núi Phượng Hoàng	SV	P. Bắc Sơn	TP. Uông Bí	21° 02' 55"	106° 50' 28"					F-48-70-D-c
núi U Mòi	SV	P. Bắc Sơn	TP. Uông Bí	21° 04' 33"	106° 49' 37"					F-48-70-D-c
suối Vàng Danh	TV	P. Bắc Sơn	TP. Uông Bí			21° 04' 31"	106° 47' 41"	21° 02' 32"	106° 47' 19"	F-48-70-D-c
trường Cao đẳng Sư phạm	KX	P. Nam Khê	TP. Uông Bí	21° 01' 12"	106° 48' 53"					F-48-70-D-c
thôn Chạp Khê	DC	P. Nam Khê	TP. Uông Bí	21° 01' 09"	106° 48' 39"					F-48-70-D-c
cầu Khe Sâu	KX	P. Nam Khê	TP. Uông Bí	21° 01' 17"	106° 48' 33"					F-48-70-D-c
hồ Lò Vôi	TV	P. Nam Khê	TP. Uông Bí	21' 00" 59"	106° 49' 01"					F-48-70-D-c
ga Nam Khê	KX	P. Nam Khê	TP. Uông Bí	21° 01' 05"	106° 49' 22"					F-48-70-D-c
khu Nam Tân	DC	P. Nam Khê	TP. Uông Bí	21° 01' 10"	106° 48' 01"					F-48-70-D-c
khu Nam Trung	DC	P. Nam Khê	TP. Uông Bí	21' 00" 57"	106° 49' 24"					F-48-70-D-c
khu Tre Mai	DC	P. Nam Khê	TP. Uông Bí	21° 01' 33"	106° 48' 36"					F-48-70-D-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
hồ Tre Mai	TV	P. Nam Khê	TP. Uông Bí	21° 01' 47"	106° 48' 17"					F-48-70-D-c
Trường Trung cấp Kinh tế Quảng Ninh	KX	P. Nam Khê	TP. Uông Bí	21° 01' 30"	106° 48' 31"					F-48-70-D-c
Trường Trung cấp Xây dựng	KX	P. Nam Khê	TP. Uông Bí	21° 01' 08"	106° 49' 08"					F-48-70-D-c
Trường Trung học Nông nghiệp	KX	P. Nam Khê	TP. Uông Bí	21° 01' 16"	106° 48' 48"					F-48-70-D-c
núi Ba Vàng	SV	P. Thanh Sơn	TP. Uông Bí	21° 04' 46"	106° 45' 39"					F-48-70-D-c
Bãi Dài	DC	P. Thanh Sơn	TP. Uông Bí	21° 02' 59"	106° 45' 12"					F-48-70-D-c
Nhà máy Gạch tuy nen	KX	P. Thanh Sơn	TP. Uông Bí	21° 03' 19"	106° 45' 01"					F-48-70-D-c
Mã Lìm	DC	P. Thanh Sơn	TP. Uông Bí	21° 02' 18"	106° 44' 41"					F-48-70-C-d
khu 1	DC	P. Trưng Vương	TP. Uông Bí	21° 01' 49"	106° 47' 38"					F-48-70-D-c
khu 2	DC	P. Trưng Vương	TP. Uông Bí	21° 01' 51"	106° 47' 26"					F-48-70-D-c
khu 3	DC	P. Trưng Vương	TP. Uông Bí	21° 02' 05"	106° 47' 03"					F-48-70-D-c
khu 4	DC	P. Trưng Vương	TP. Uông Bí	21° 02' 20"	106° 47' 19"					F-48-70-D-c
khu 5	DC	P. Trưng Vương	TP. Uông Bí	21° 02' 09"	106° 47' 21"					F-48-70-D-c
khu 6	DC	P. Trưng Vương	TP. Uông Bí	21° 02' 00"	106° 47' 29"					F-48-70-D-c
khu 7	DC	P. Trưng Vương	TP. Uông Bí	21° 01' 49"	106° 47' 52"					F-48-70-D-c
cầu Sông Uông	KX	P. Trưng Vương	TP. Uông Bí	21° 01' 55"	106° 46' 59"					F-48-70-D-c
sông Uông	TV	P. Trưng Vương	TP. Uông Bí			21° 02' 25"	106° 47' 15"	21° 01' 03"	106° 47' 52"	F-48-70-D-c
khu 6	DC	P. Vàng Danh	TP. Uông Bí	21° 06' 23"	106° 48' 04"					F-48-70-D-c
khu 8	DC	P. Vàng Danh	TP. Uông Bí	21° 06' 23"	106° 47' 11"					F-48-70-D-c
núi Bảo Đài Đông	SV	P. Vàng Danh	TP. Uông Bí	21° 09' 27"	106° 49' 02"					F-48-70-D-a
núi Bảo Đài Tây	SV	P. Vàng Danh	TP. Uông Bí	21° 09' 08"	106° 46' 46"					F-48-70-D-a
núi Bình Hương	SV	P. Vàng Danh	TP. Uông Bí	21° 04' 37"	106° 46' 46"					F-48-70-D-c
khe Cây Thông	TV	P. Vàng Danh	TP. Uông Bí			21° 08' 21"	106° 49' 19"	21° 07' 04"	106° 49' 14"	F-48-70-D-a
đèo Chiều Cát	KX	P. Vàng Danh	TP. Uông Bí	21° 07' 15"	106° 49' 20"					F-48-70-D-c
thôn Đồng Bống	DC	P. Vàng Danh	TP. Uông Bí	21° 05' 36"	106° 48' 56"					F-48-70-D-c
núi Đồng Bống	SV	P. Vàng Danh	TP. Uông Bí	21° 06' 14"	106° 49' 27"					F-48-70-D-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
khe Đồng Bống	TV	P. Vàng Danh	TP. Uông Bí			21° 06' 22"	106° 49' 54"	21° 04' 27"	106° 48' 22"	F-48-70-D-c
thôn Miếu Thán	DC	P. Vàng Danh	TP. Uông Bí	21° 06' 07"	106° 48' 53"					F-48-70-D-c
suối Miếu Thán	TV	P. Vàng Danh	TP. Uông Bí			21° 07' 04"	106° 49' 14"	21° 06' 05"	106° 47' 58"	F-48-70-D-c
núi Phù Toòng	SV	P. Vàng Danh	TP. Uông Bí	21° 05' 50"	106° 48' 30"					F-48-70-D-c
đèo San	KX	P. Vàng Danh	TP. Uông Bí	21° 05' 28"	106° 50' 04"					F-48-70-D-c
núi Sáu Đàn	SV	P. Vàng Danh	TP. Uông Bí	21° 07' 14"	106° 48' 41"					F-48-70-D-c
suối Thao Da	TV	P. Vàng Danh	TP. Uông Bí			21° 07' 45"	106° 49' 55"	21° 07' 04"	106° 49' 14"	F-48-70-D-a
núi Uông Thượng	SV	P. Vàng Danh	TP. Uông Bí	21° 07' 40"	106° 50' 34"					F-48-70-D-a
núi Vàng Danh	SV	P. Vàng Danh	TP. Uông Bí	21° 08' 00"	106° 48' 37"					F-48-70-D-a
suối Vàng Danh	TV	P. Vàng Danh	TP. Uông Bí			21° 06' 02"	106° 47' 49"	21° 04' 31"	106° 47' 41"	F-48-70-D-c
khu mỏ Vàng Danh	KX	P. Vàng Danh	TP. Uông Bí	21° 07' 36"	106° 48' 11"					F-48-70-D-a
cầu Vàng Danh	KX	P. Vàng Danh	TP. Uông Bí	21° 06' 22"	106° 47' 51"					F-48-70-D-c
sông Bầu	TV	P. Yên Thanh	TP. Uông Bí			21' 00" 59"	106° 44' 42"	21' 00" 10"	106° 44' 41"	F-48-70-C-d
khu Bí Giàng	DC	P. Yên Thanh	TP. Uông Bí	21° 01' 51"	106° 45' 19"					F-48-70-D-c
sông Đá Bạc	TV	P. Yên Thanh	TP. Uông Bí			20° 59' 54"	106° 43' 26"	20° 59' 26"	106° 45' 20"	F-48-70-C-d
sông Gạc	TV	P. Yên Thanh	TP. Uông Bí			21° 01' 53"	106° 44' 52"	20° 59' 55"	106° 45' 17"	F-48-70-D-c
khu Lạc Thanh	DC	P. Yên Thanh	TP. Uông Bí	21° 01' 46"	106° 45' 45"					F-48-70-D-c
khu Núi Gạc	DC	P. Yên Thanh	TP. Uông Bí	21' 00" 11"	106° 45' 24"					F-48-70-D-c
khu Phú Thanh Đông	DC	P. Yên Thanh	TP. Uông Bí	21° 01' 45"	106° 45' 04"					F-48-70-D-c
khu Phú Thanh Tây	DC	P. Yên Thanh	TP. Uông Bí	21° 01' 51"	106° 44' 43"					F-48-70-D-c
cầu Sến	KX	P. Yên Thanh	TP. Uông Bí	21° 02' 10"	106° 44' 17"					F-48-70-C-d
sông Sinh	TV	P. Yên Thanh	TP. Uông Bí			21° 02' 06"	106° 45' 53"	20° 59' 34"	106° 45' 35"	F-48-82-B-a
khu 9	DC	P.Quang Trung	TP. Uông Bí	21° 02' 02"	106° 46' 42"					F-48-70-D-c
cầu Sông Uông	KX	P.Quang Trung	TP. Uông Bí	21° 01' 56"	106° 46' 59"					F-48-70-D-c
quốc lộ 18A	KX	P.Quang Trung	TP. Uông Bí			21° 01' 55"	106° 45' 58"	21° 01' 55"	106° 46' 59"	F-48-70-D-c
chùa Ba Vàng	KX	P.Quang Trung	TP. Uông Bí	21° 04' 11"	106° 45' 44"					F-48-70-D-c
sông Bạch Đằng	TV	P.Quang Trung	TP. Uông Bí							
Đá Cổng	DC	P.Quang Trung	TP. Uông Bí	21° 02' 55"	106° 45' 53"					F-48-70-D-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Đồi Cà Phê	DC	P.Quang Trung	TP. Uông Bí	21° 02' 25"	106° 46' 01"					F-48-70-D-c
Đồng Mây	DC	P.Quang Trung	TP. Uông Bí	21° 01' 44"	106° 46' 09"					F-48-70-D-c
Đồng Nối	DC	P.Quang Trung	TP. Uông Bí	21° 01' 23"	106° 46' 18"					F-48-70-D-c
Đồng Vã	DC	P.Quang Trung	TP. Uông Bí	21° 01' 45"	106° 46' 31"					F-48-70-D-c
Hang Hùm	DC	P.Quang Trung	TP. Uông Bí	21° 02' 39"	106° 46' 16"					F-48-70-D-c
Lạc Trung	DC	P.Quang Trung	TP. Uông Bí	21° 02' 16"	106° 46' 23"					F-48-70-D-c
cầu Lạc Trung	KX	P.Quang Trung	TP. Uông Bí	21° 01' 52"	106° 46' 21"					F-48-70-D-c
sông Sinh	TV	P.Quang Trung	TP. Uông Bí			21° 02' 04"	106° 45' 53"	20° 59' 34"	106° 45' 35"	
cầu Sông Sinh	KX	P.Quang Trung	TP. Uông Bí	21° 01' 55"	106° 46' 00"					F-48-70-D-c
núi Thông	SV	P.Quang Trung	TP. Uông Bí	21° 02' 51"	106° 46' 26"					F-48-70-D-c
Trưởng Thành	DC	P.Quang Trung	TP. Uông Bí	21° 02' 27"	106° 46' 10"					F-48-70-D-c
sông Uông	TV	P.Quang Trung	TP. Uông Bí			21° 02' 21"	106° 47' 14"	21° 01' 03"	106° 47' 52"	
thôn 1	DC	xã Điền Công	TP. Uông Bí	20° 59' 09"	106° 46' 37"					F-48-82-B-a
thôn 2	DC	xã Điền Công	TP. Uông Bí	20° 59' 01"	106° 46' 36"					F-48-82-B-a
thôn 3	DC	xã Điền Công	TP. Uông Bí	21' 00" 56"	106° 46' 42"					F-48-70-D-c
sông Bạch Đằng	TV	xã Điền Công	TP. Uông Bí							
sông Cồn Khoai	TV	xã Điền Công	TP. Uông Bí							
sông Khe Tà	TV	xã Điền Công	TP. Uông Bí							
sông Uông	TV	xã Điền Công	TP. Uông Bí							
quốc lộ 18A	KX	xã Phương Đông	TP. Uông Bí			21° 02' 40"	106° 42' 20"	21° 02' 11"	106° 44' 11"	F-48-70-C-d
thôn Bí Thượng	DC	xã Phương Đông	TP. Uông Bí	21° 02' 24"	106° 42' 39"					F-48-70-C-d
thôn Bí Trung 1	DC	xã Phương Đông	TP. Uông Bí	21° 02' 01"	106° 43' 56"					F-48-70-C-d
thôn Bí Trung 2	DC	xã Phương Đông	TP. Uông Bí	21° 02' 20"	106° 43' 36"					F-48-70-C-d
cầu Cảnh Nghi	KX	xã Phương Đông	TP. Uông Bí	21° 02' 29"	106° 43' 14"					F-48-70-C-d
Trường Cao đẳng Công nghiệp và Xây dựng Quảng Ninh	KX	xã Phương Đông	TP. Uông Bí	21° 02' 54"	106° 43' 08"					F-48-70-C-d
thôn Cửa Ngăn	DC	xã Phương Đông	TP. Uông Bí	21° 03' 56"	106° 42' 45"					F-48-70-C-d
cầu Đầm Vông	KX	xã Phương Đông	TP. Uông Bí	21° 02' 34"	106° 42' 51"					F-48-70-C-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Đồng Minh	DC	xã Phương Đông	TP. Uông Bí	21° 02' 39"	106° 42' 59"					F-48-70-C-d
cầu Tân Yên	KX	xã Phương Đông	TP. Uông Bí	21° 02' 40"	106° 42' 20"					F-48-70-C-d
đèo Vàng	KX	xã Phương Đông	TP. Uông Bí	21° 04' 32"	106° 42' 45"					F-48-70-C-d
hồ Yên Trung	TV	xã Phương Đông	TP. Uông Bí	21° 03' 24"	106° 43' 53"					F-48-70-C-d
quốc lộ 10	KX	xã Phương Nam	TP. Uông Bí			21' 00" 24"	106° 41' 04"	21° 01' 57"	106° 43' 39"	F-48-70-C-d
thôn An Hải	DC	xã Phương Nam	TP. Uông Bí	21° 01' 56"	106° 43' 17"					F-48-70-C-d
thôn Bạch Đằng 1	DC	xã Phương Nam	TP. Uông Bí	21° 01' 20"	106° 41' 49"					F-48-70-C-d
thôn Bạch Đằng 2	DC	xã Phương Nam	TP. Uông Bí	21° 01' 32"	106° 41' 502"					F-48-70-C-d
núi Bằng	SV	xã Phương Nam	TP. Uông Bí	21° 01' 47"	106° 41' 30"					F-48-70-C-d
thôn Cẩm Hồng	DC	xã Phương Nam	TP. Uông Bí	21° 01' 08"	106° 40' 57"					F-48-70-C-d
sông Cẩm Na	TV	xã Phương Nam	TP. Uông Bí			21° 01' 30"	106° 40' 19"	21° 01' 24"	106° 41' 34"	F-48-70-C-d
núi Dài	SV	xã Phương Nam	TP. Uông Bí	21° 01' 34"	106° 41' 13"					F-48-70-C-d
sông Đá bạc	TV	xã Phương Nam	TP. Uông Bí			21° 01' 05"	106° 39' 21"	20° 59' 54"	106° 43' 26"	F-48-70-C-d
thôn Đá Bạc	DC	xã Phương Nam	TP. Uông Bí	21' 00" 36"	106° 41' 01"					F-48-70-C-d
cầu Đá Bạc	KX	xã Phương Nam	TP. Uông Bí	21' 00" 23"	106° 41' 03"					F-48-70-C-d
cầu Đen	KX	xã Phương Nam	TP. Uông Bí	21° 01' 41"	106° 43' 03"					F-48-70-C-d
núi Hang	SV	xã Phương Nam	TP. Uông Bí	21° 01' 23"	106° 40' 10"					F-48-70-C-d
sông Hang Ma	TV	xã Phương Nam	TP. Uông Bí			21° 01' 08"	106° 41' 49"	21' 00" 02"	106° 42' 44"	F-48-70-C-d
núi Hang Son	SV	xã Phương Nam	TP. Uông Bí	21° 01' 23"	106° 39' 43"					F-48-70-C-d
thôn Hiệp An 1	DC	xã Phương Nam	TP. Uông Bí	21° 01' 48"	106° 43' 37"					F-48-70-C-d
thôn Hiệp An 2	DC	xã Phương Nam	TP. Uông Bí	21° 01' 45"	106° 42' 43"					F-48-70-C-d
thôn Hiệp Thái	DC	xã Phương Nam	TP. Uông Bí	21° 01' 58"	106° 42' 24"					F-48-70-C-d
sông Hiệp Thái	TV	xã Phương Nam	TP. Uông Bí			21° 02' 15"	106° 42' 30"	21° 01' 34"	106° 41' 38"	F-48-70-C-d
thôn Hồng Hà	DC	xã Phương Nam	TP. Uông Bí	21° 01' 09"	106° 41' 35"					F-48-70-C-d
thôn Hồng Hải	DC	xã Phương Nam	TP. Uông Bí	21° 01' 22"	106° 41' 26"					F-48-70-C-d
thôn Phong Thái	DC	xã Phương Nam	TP. Uông Bí	21° 01' 46"	106° 40' 51"					F-48-70-C-d
hang Son	SV	xã Phương Nam	TP. Uông Bí	21° 01' 33"	106° 39' 45"					F-48-70-C-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Nhà máy xi măng Lam Thạch	KX	xã Phương Nam	TP. Uông Bí	21° 01' 03"	106° 42' 20"					F-48-70-C-d
núi Xiên Tai	SV	xã Phương Nam	TP. Uông Bí	21' 00" 22"	106° 42' 00"					F-48-70-C-d
xóm Bến Ván	DC	xã Thượng Yên Công	TP. Uông Bí	21° 05' 47"	106° 46' 50"					F-48-70-D-c
khe Cái	TV	xã Thượng Yên Công	TP. Uông Bí			21° 08' 24"	106° 43' 11"	21° 05' 59"	106° 43' 06"	F-48-70-C-d, F-48-70-C-b
núi Cánh Gà	SV	xã Thượng Yên Công	TP. Uông Bí	21° 07' 44"	106° 46' 06"					F-48-70-D-a
thôn Đồng Chanh	DC	xã Thượng Yên Công	TP. Uông Bí	21° 05' 47"	106° 46' 31"					F-48-70-D-c
chùa Giải Oan	KX	xã Thượng Yên Công	TP. Uông Bí	21° 08' 21"	106° 43' 09"					F-48-70-C-b
núi Hang Diêm	SV	xã Thượng Yên Công	TP. Uông Bí	21° 08' 42"	106° 42' 33"					F-48-70-C-b
chùa Hoa Yên	KX	xã Thượng Yên Công	TP. Uông Bí	21° 09' 08"	106° 42' 58"					F-48-70-C-b
xóm Khe Giang	DC	xã Thượng Yên Công	TP. Uông Bí	21° 05' 24"	106° 44' 48"					F-48-70-C-d
thôn Khe Sú 2	DC	xã Thượng Yên Công	TP. Uông Bí	21° 06' 28"	106° 42' 56"					F-48-70-C-d
thôn Khe Sú 1	DC	xã Thượng Yên Công	TP. Uông Bí	21° 06' 35"	106° 42' 10"					F-48-70-C-d
núi Khe Thân	SV	xã Thượng Yên Công	TP. Uông Bí	21° 07' 06"	106° 47' 00"					F-48-70-D-c
núi Lương	SV	xã Thượng Yên Công	TP. Uông Bí	21° 07' 55"	106° 44' 32"					F-48-70-C-b
thôn Miếu Bòng	DC	xã Thượng Yên Công	TP. Uông Bí	21° 05' 59"	106° 45' 11"					F-48-70-D-c
thôn Nam Mẫu 1	DC	xã Thượng Yên Công	TP. Uông Bí	21° 06' 23"	106° 43' 23"					F-48-70-C-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Nam Mẫu 2	DC	xã Thượng Yên Công	TP. Uông Bí	21° 06' 23"	106° 43' 47"					F-48-70-C-d
đèo Nón	KX	xã Thượng Yên Công	TP. Uông Bí	21° 09' 44"	106° 43' 51"					F-48-70-C-b
thôn Quan Điền	DC	xã Thượng Yên Công	TP. Uông Bí	21° 06' 32"	106° 46' 45"					F-48-70-D-c
núi Rừng Nam	SV	xã Thượng Yên Công	TP. Uông Bí	21° 05' 28"	106° 43' 26"					F-48-70-C-d
thôn Tập Đoàn	DC	xã Thượng Yên Công	TP. Uông Bí	21° 05' 56"	106° 45' 58"					F-48-70-D-c
núi Than Thùng	SV	xã Thượng Yên Công	TP. Uông Bí	21° 06' 43"	106° 44' 51"					F-48-70-D-c
thiền viện Trúc lâm Yên Tử	KX	xã Thượng Yên Công	TP. Uông Bí	21° 06' 40"	106° 43' 40"					F-48-70-C-d
chùa Vân Tiêu	KX	xã Thượng Yên Công	TP. Uông Bí	21° 09' 17"	106° 42' 56"					F-48-70-C-b
núi Yên Tử	SV	xã Thượng Yên Công	TP. Uông Bí	21° 09' 42"	106° 42' 47"					F-48-70-C-b
núi Ba Tầng	SV	P. Cộng Hòa	TX. Quảng Yên	20° 57' 12"	106° 48' 49"					F-48-82-B-a
đường Biểu Nghi - An Lão	KX	P. Cộng Hòa	TX. Quảng Yên			20° 58' 10"	106° 50' 30"	20° 56' 26"	106° 48' 53"	F-48-82-B-a
thôn Cổng Bắc	DC	P. Cộng Hòa	TX. Quảng Yên	20° 57' 18"	106° 49' 12"					F-48-82-B-a
đồi Đá Lăn	SV	P. Cộng Hòa	TX. Quảng Yên	20° 57' 10"	106° 50' 17"					F-48-82-B-a
thôn Đình	DC	P. Cộng Hòa	TX. Quảng Yên	20° 56' 55"	106° 48' 54"					F-48-82-B-a
thôn Đống Vông	DC	P. Cộng Hòa	TX. Quảng Yên	20° 57' 12"	106° 49' 39"					F-48-82-B-a
thôn Đường Ngang	DC	P. Cộng Hòa	TX. Quảng Yên	20° 56' 56"	106° 49' 38"					F-48-82-B-a
thôn Khe Nước	DC	P. Cộng Hòa	TX. Quảng Yên	20° 56' 49"	106° 49' 11"					F-48-82-B-a
thôn Kim Lăng	DC	P. Cộng Hòa	TX. Quảng Yên	20° 56' 40"	106° 49' 26"					F-48-82-B-a
kênh N17	TV	P. Cộng Hòa	TX. Quảng Yên			20° 56' 57"	106° 49' 41"	20° 55' 51"	106° 48' 35"	F-48-82-B-a
thôn Núi Dinh	DC	P. Cộng Hòa	TX. Quảng Yên	20° 56' 41"	106° 48' 22"					F-48-82-B-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Trại Cau	DC	P. Cộng Hòa	TX. Quảng Yên	20° 57' 50"	106° 49' 26"					F-48-82-B-a
thôn Trại Trang	DC	P. Cộng Hòa	TX. Quảng Yên	20° 57' 37"	106° 49' 47"					F-48-82-B-a
núi Trũng Táo	SV	P. Cộng Hòa	TX. Quảng Yên	20° 57' 51"	106° 50' 48"					F-48-82-B-a
núi Trũng Thóc	SV	P. Cộng Hòa	TX. Quảng Yên	20° 57' 22"	106° 50' 27"					F-48-82-B-a
kênh Yên Lập	TV	P. Cộng Hòa	TX. Quảng Yên			20° 58' 12"	106° 50' 27"	20° 56' 57"	106° 49' 41"	F-48-82-B-a
quốc lộ 18 A	KX	P. Đông Mai	TX. Quảng Yên			21' 00" 56"	106° 49' 34"	21' 00" 12"	106° 50' 46"	F-48-70-D-c
thôn Biểu Nghi 1	DC	P. Đông Mai	TX. Quảng Yên	21' 00" 13"	106° 50' 46"					F-48-70-D-c
thôn Biểu Nghi 2	DC	P. Đông Mai	TX. Quảng Yên	21' 00" 06"	106° 50' 32"					F-48-70-D-c
hồ Chi Liêng	TV	P. Đông Mai	TX. Quảng Yên	21' 00" 53"	106° 50' 56"					F-48-70-D-c
sông Đầu Dũi	TV	P. Đông Mai	TX. Quảng Yên			21' 00" 20"	106° 49' 19"	21' 00" 15"	106° 48' 11"	F-48-70-D-c
núi Hồ Nứa	SV	P. Đông Mai	TX. Quảng Yên	20° 59' 36"	106° 49' 08"					F-48-82-B-a
sông Khe Nữ	TV	P. Đông Mai	TX. Quảng Yên			21' 00" 03"	106° 48' 00"	20° 59' 22"	106° 47' 37"	F-48-82-B-a
thôn Mai Hòa	DC	P. Đông Mai	TX. Quảng Yên	21' 00" 10"	106° 49' 21"					F-48-70-D-c
thôn Mai Hòa 1	DC	P. Đông Mai	TX. Quảng Yên	21' 00" 18"	106° 49' 06"					F-48-70-D-c
thôn Mai Hòa 2	DC	P. Đông Mai	TX. Quảng Yên	21' 00" 13"	106° 48' 22"					F-48-70-D-c
thôn Tân Mai	DC	P. Đông Mai	TX. Quảng Yên	21' 00" 38"	106° 50' 35"					F-48-70-D-c
cầu Tân Mai	KX	P. Đông Mai	TX. Quảng Yên	21' 00" 29"	106° 50' 12"					F-48-70-D-c
thôn Trại Cọ	DC	P. Đông Mai	TX. Quảng Yên	20° 59' 45"	106° 50' 12"					F-48-82-B-a
thôn Trại Thành 1	DC	P. Đông Mai	TX. Quảng Yên	21' 00" 34"	106° 50' 00"					F-48-70-D-c
thôn Trại Thành 2	DC	P. Đông Mai	TX. Quảng Yên	21' 00" 37"	106° 49' 51"					F-48-70-D-c
thôn Trại Thành 3	DC	P. Đông Mai	TX. Quảng Yên	21' 00" 47"	106° 49' 40"					F-48-70-D-c
thôn Trại Tháp	DC	P. Đông Mai	TX. Quảng Yên	20° 58' 47"	106° 50' 24"					F-48-82-B-a
sông Uông	TV	P. Đông Mai	TX. Quảng Yên			21° 01' 03"	106° 47' 52"	21' 00" 35"	106° 47' 46"	F-48-70-D-c
bến đò Hà An	KX	P. Hà An	TX. Quảng Yên	20° 54' 24"	106° 50' 32"					F-48-82-B-a
thôn 1A	DC	P. Hà An	TX. Quảng Yên	20° 55' 49"	106° 49' 48"					F-48-82-B-a
thôn 1B	DC	P. Hà An	TX. Quảng Yên	20° 55' 49"	106° 50' 03"					F-48-82-B-a
thôn 2A	DC	P. Hà An	TX. Quảng Yên	20° 55' 03"	106° 51' 15"					F-48-82-B-a
thôn 2B	DC	P. Hà An	TX. Quảng Yên	20° 54' 53"	106° 51' 12"					F-48-82-B-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn 3A	DC	P. Hà An	TX. Quảng Yên	20° 55' 29"	106° 51' 16"					F-48-82-B-a
thôn 3B	DC	P. Hà An	TX. Quảng Yên	20° 55' 29"	106° 51' 23"					F-48-82-B-a
thôn 4A	DC	P. Hà An	TX. Quảng Yên	20° 55' 16"	106° 51' 21"					F-48-82-B-a
thôn 4B	DC	P. Hà An	TX. Quảng Yên	20° 55' 18"	106° 51' 15"					F-48-82-B-a
cửa Bến Giang	TV	P. Hà An	TX. Quảng Yên							
sông Cái Bứa	TV	P. Hà An	TX. Quảng Yên			20° 54' 25"	106° 52' 02"	20° 53' 40"	106° 52' 22"	F-48-82-B-a
sông Chanh	TV	P. Hà An	TX. Quảng Yên			20° 55' 30"	106° 49' 27"	20° 51' 36"	106° 51' 54"	F-48-82-B-a
cửa Lạch Huyện	TV	P. Hà An	TX. Quảng Yên	20° 51' 34"	106° 52' 06"					F-48-82-B-c
kênh N.17	TV	P. Hà An	TX. Quảng Yên			20° 55' 45"	106° 51' 35"	20° 54' 27"	106° 51' 53"	F-48-82-B-a
quốc lộ 18A	KX	P. Minh Thành	TX. Quảng Yên			20° 59' 59"	106° 50' 49"	20° 59' 58"	106° 53' 27"	F-48-70-D-c
sông Bát Bè	TV	P. Minh Thành	TX. Quảng Yên			20° 58' 53"	106° 52' 10"	20° 58' 24"	106° 53' 16"	F-48-82-B-b
sông Cái Cá	TV	P. Minh Thành	TX. Quảng Yên			20° 59' 58"	106° 53' 27"	20° 58' 43"	106° 53' 07"	F-48-82-B-b
sông Cái Sất	TV	P. Minh Thành	TX. Quảng Yên			20° 58' 26"	106° 51' 51"	20° 57' 56"	106° 52' 31"	F-48-82-B-a
sông Cái Trâm	TV	P. Minh Thành	TX. Quảng Yên			20° 59' 15"	106° 52' 57"	20° 58' 48"	106° 52' 50"	F-48-82-B-b
thôn Cát Thành	DC	P. Minh Thành	TX. Quảng Yên	21' 00" 37"	106° 52' 09"					F-48-70-D-c
xóm Cây Cộng	DC	P. Minh Thành	TX. Quảng Yên	21' 00" 20"	106° 52' 52"					F-48-82-B-b
thôn Cây Số 11	DC	P. Minh Thành	TX. Quảng Yên	21' 00" 07"	106° 50' 52"					F-48-82-B-a
hồ Chi Liêng	TV	P. Minh Thành	TX. Quảng Yên	21' 00" 53"	106° 50' 56"					F-48-70-D-c
sông Cửa Làng	TV	P. Minh Thành	TX. Quảng Yên			20° 58' 51"	106° 51' 40"	20° 58' 29"	106° 52' 25"	F-48-82-B-a
sông Đầu Cầu	TV	P. Minh Thành	TX. Quảng Yên			20° 59' 24"	106° 51' 18"	20° 58' 53"	106° 52' 10"	F-48-82-B-a
sông Đồng Bái	TV	P. Minh Thành	TX. Quảng Yên			20° 57' 42"	106° 51' 20"	20° 57' 56"	106° 52' 31"	F-48-82-B-a
xóm Đồng Ngòi	DC	P. Minh Thành	TX. Quảng Yên	21' 00" 13"	106° 52' 09"					F-48-70-D-c
thôn Đường Ngang	DC	P. Minh Thành	TX. Quảng Yên	21' 00" 06"	106° 51' 20"					F-48-70-D-c
sông Kênh Cò	TV	P. Minh Thành	TX. Quảng Yên			20° 57' 56"	106° 52' 31"	20° 57' 30"	106° 53' 21"	F-48-82-B-b
thôn Khe Cát	DC	P. Minh Thành	TX. Quảng Yên	21' 00" 16"	106° 51' 46"					F-48-70-D-c
thôn Lâm Sinh 1	DC	P. Minh Thành	TX. Quảng Yên	21' 00" 37"	106° 51' 22"					F-48-70-D-c
thôn Lâm Sinh 2	DC	P. Minh Thành	TX. Quảng Yên	21' 00" 27"	106° 51' 19"					F-48-70-D-c
sông Míp	TV	P. Minh Thành	TX. Quảng Yên			20° 59' 15"	106° 52' 57"	20° 58' 47"	106° 52' 58"	F-48-82-B-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
xóm Quỳnh Mai	DC	P. Minh Thành	TX. Quảng Yên	20° 59' 07"	106° 52' 40"					F-48-82-B-b
thôn Quỳnh Phú	DC	P. Minh Thành	TX. Quảng Yên	20° 59' 21"	106° 51' 04"					F-48-82-B-a
khe Ruồng	TV	P. Minh Thành	TX. Quảng Yên			21' 00" 12"	106° 52' 02"	21' 00" 34"	106° 51' 56"	F-48-70-D-c
cầu Thác Cát	KX	P. Minh Thành	TX. Quảng Yên	21' 00" 34"	106° 51' 33"					F-48-70-D-c
cầu Thủy Lợi	KX	P. Minh Thành	TX. Quảng Yên	20° 59' 41"	106° 50' 24"					F-48-82-B-a
núi Voi Cây	SV	P. Minh Thành	TX. Quảng Yên	20° 59' 04"	106° 50' 33"					F-48-82-B-a
núi Vũ Tướng	SV	P. Minh Thành	TX. Quảng Yên	20° 59' 14"	106° 50' 35"					F-48-82-B-a
sông Yên Lập	TV	P. Minh Thành	TX. Quảng Yên			21' 00" 25"	106° 53' 13"	20° 59' 15"	106° 52' 57"	F-48-82-B-b
đập Yên Lập	KX	P. Minh Thành	TX. Quảng Yên	20° 59' 58"	106° 53' 13"					F-48-70-D-d
cầu Yên Lập 1	KX	P. Minh Thành	TX. Quảng Yên	20° 59' 51"	106° 53' 19"					F-48-82-B-b
thôn Yên Lập Đông	DC	P. Minh Thành	TX. Quảng Yên	20° 59' 54"	106° 53' 08"					F-48-82-B-b
thôn Yên Lập Tây	DC	P. Minh Thành	TX. Quảng Yên	20° 59' 58"	106° 53' 01"					F-48-82-B-b
sông Bạch Đằng	TV	P. Nam Hòa	TX. Quảng Yên			20° 56' 10"	106° 46' 06"	20° 54' 28"	106° 45' 57"	F-48-82-B-a
Bãi Xéo	DC	P. Nam Hòa	TX. Quảng Yên	20° 55' 15"	106° 47' 57"					F-48-82-B-a
sông Chanh	TV	P. Nam Hòa	TX. Quảng Yên			20° 56' 06"	106° 46' 30"	20° 55' 50"	106° 48' 26"	F-48-82-B-a
xóm Chùa	DC	P. Nam Hòa	TX. Quảng Yên	20° 55' 24"	106° 47' 49"					F-48-82-B-a
thôn Đồng Cốc	DC	P. Nam Hòa	TX. Quảng Yên	20° 55' 33"	106° 47' 15"					F-48-82-B-a
thôn Hương Học	DC	P. Nam Hòa	TX. Quảng Yên	20° 54' 52"	106° 47' 36"					F-48-82-B-a
thôn Phú Xuân	DC	P. Nam Hòa	TX. Quảng Yên	20° 55' 28"	106° 47' 35"					F-48-82-B-a
cầu Sông Chanh	KX	P. Nam Hòa	TX. Quảng Yên	20° 56' 04"	106° 47' 40"					F-48-82-B-a
sông Tam Bảo	TV	P. Nam Hòa	TX. Quảng Yên			20° 55' 17"	106° 47' 31"	20° 55' 08"	106° 48' 10"	F-48-82-B-a
thôn 1	DC	P. Phong Cốc	TX. Quảng Yên	20° 54' 08"	106° 48' 23"					F-48-82-B-a
thôn 2	DC	P. Phong Cốc	TX. Quảng Yên	20° 53' 48"	106° 48' 15"					F-48-82-B-a
sông Bạch Đằng	TV	P. Phong Cốc	TX. Quảng Yên			20° 53' 47"	106° 45' 33"	20° 51' 14"	106° 45' 46"	F-48-82-B-a
sông Cầu Cốc	TV	P. Phong Cốc	TX. Quảng Yên			20° 53' 07"	106° 48' 18"	20° 53' 37"	106° 48' 08"	F-48-82-B-a
kênh Đồng Khê	TV	P. Phong Cốc	TX. Quảng Yên			20° 52' 57"	106° 48' 26"	20° 53' 14"	106° 49' 37"	F-48-82-B-a
kênh N32	TV	P. Phong Cốc	TX. Quảng Yên			20° 53' 26"	106° 49' 28"	20° 53' 07"	106° 48' 18"	F-48-82-B-a
sông Ván	TV	P. Phong Cốc	TX. Quảng Yên			20° 53' 39"	106° 49' 19"	20° 53' 57"	106° 48' 37"	F-48-82-B-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn 1	DC	P. Phong Hải	TX. Quảng Yên	20° 54' 06"	106° 48' 36"					F-48-82-B-a
thôn 5	DC	P. Phong Hải	TX. Quảng Yên	20° 54' 13"	106° 48' 49"					F-48-82-B-a
thôn 7	DC	P. Phong Hải	TX. Quảng Yên	20° 54' 16"	106° 49' 13"					F-48-82-B-a
thôn 8	DC	P. Phong Hải	TX. Quảng Yên	20° 54' 36"	106° 49' 52"					F-48-82-B-a
sông Cầu Ván	TV	P. Phong Hải	TX. Quảng Yên			20° 54' 20"	106° 50' 17"	20° 54' 26"	106° 49' 28"	F-48-82-B-a
ngòi Cây Đa	TV	P. Phong Hải	TX. Quảng Yên			20° 54' 25"	106° 48' 54"	20° 54' 39"	106° 49' 01"	F-48-82-B-a
sông Chanh	TV	P. Phong Hải	TX. Quảng Yên			20° 55' 30"	106° 49' 27"	20° 54' 05"	106° 50' 47"	F-48-82-B-a
khu 1	DC	P. Quảng Yên	TX. Quảng Yên	20° 56' 35"	106° 47' 56"					F-48-82-B-a
khu 2	DC	P. Quảng Yên	TX. Quảng Yên	20° 56' 35"	106° 47' 43"					F-48-82-B-a
khu 3	DC	P. Quảng Yên	TX. Quảng Yên	20° 56' 27"	106° 47' 49"					F-48-82-B-a
khu 4	DC	P. Quảng Yên	TX. Quảng Yên	20° 56' 17"	106° 47' 49"					F-48-82-B-a
thôn 5	DC	P. Quảng Yên	TX. Quảng Yên	20° 56' 28"	106° 47' 32"					F-48-82-B-a
thôn 7	DC	P. Quảng Yên	TX. Quảng Yên	20° 56' 18"	106° 47' 16"					F-48-82-B-a
thôn Bãi	DC	P. Quảng Yên	TX. Quảng Yên	20° 56' 13"	106° 49' 02"					F-48-82-B-a
chùa Bằng	KX	P. Quảng Yên	TX. Quảng Yên	20° 56' 49"	106° 48' 23"					F-48-82-B-a
đường Biểu Nghi - An Lão	KX	P. Quảng Yên	TX. Quảng Yên			20° 58' 10"	106° 50' 30"	20° 56' 26"	106° 48' 53"	F-48-82-B-a
sông Chanh	TV	P. Quảng Yên	TX. Quảng Yên			20° 56' 04"	106° 48' 08"	20° 55' 30"	106° 49' 27"	F-48-82-B-a
cầu Cộng Hòa	KX	P. Quảng Yên	TX. Quảng Yên	20° 56' 06"	106° 48' 49"					F-48-82-B-a
thôn Giếng Chanh	DC	P. Quảng Yên	TX. Quảng Yên	20° 56' 21"	106° 48' 50"					F-48-82-B-a
kênh N16	TV	P. Quảng Yên	TX. Quảng Yên			20° 56' 42"	106° 48' 11"	20° 56' 33"	106° 49' 11"	F-48-82-B-a
thôn Rặng Thông	DC	P. Quảng Yên	TX. Quảng Yên	20° 56' 26"	106° 49' 01"					F-48-82-B-a
cầu Sông Chanh	KX	P. Quảng Yên	TX. Quảng Yên	20° 56' 04"	106° 47' 40"					F-48-82-B-a
kênh Yên Lập	TV	P. Quảng Yên	TX. Quảng Yên			20° 56' 57"	106° 49' 41"	20° 55' 51"	106° 48' 35"	F-48-82-B-a
đập Bến Giang	TV	P. Tân An	TX. Quảng Yên	20° 55' 47"	106° 52' 43"					F-48-82-B-b
đầm Bồ Cáo	TV	P. Tân An	TX. Quảng Yên	20° 55' 07"	106° 52' 34"					F-48-82-B-b
thôn Bùi Xá	DC	P. Tân An	TX. Quảng Yên	20° 55' 50"	106° 52' 03"					F-48-82-B-a
sông Cái Sau	TV	P. Tân An	TX. Quảng Yên			20° 56' 10"	106° 51' 46"	20° 56' 10"	106° 52' 29"	F-48-82-B-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
núi Con Lợn	SV	P. Tân An	TX. Quảng Yên	20° 56' 52"	106° 51' 18"					F-48-82-B-a
sông Đồng Bái	TV	P. Tân An	TX. Quảng Yên			20° 57' 42"	106° 51' 20"	20° 57' 56"	106° 52' 31"	F-48-82-B-a
thôn Đồng Mát	DC	P. Tân An	TX. Quảng Yên	20° 56' 37"	106° 51' 58"					F-48-82-B-a
sông Kênh Cò	TV	P. Tân An	TX. Quảng Yên			20° 57' 56"	106° 52' 31"	20° 57' 30"	106° 53' 21"	F-48-82-B-b
sông Kênh Trai	TV	P. Tân An	TX. Quảng Yên			20° 57' 23"	106° 52' 24"	20° 55' 56"	106° 52' 59"	F-48-82-B-b
hồ Khe Thự	TV	P. Tân An	TX. Quảng Yên	20° 57' 05"	106° 51' 39"					F-48-82-B-a
núi Nấm Tiên	SV	P. Tân An	TX. Quảng Yên	20° 57' 13"	106° 51' 54"					F-48-82-B-a
sông Chanh	TV	P. Yên Hải	TX. Quảng Yên			20° 54' 05"	106° 50' 47"	20° 52' 14"	106° 51' 03"	F-48-82-B-a
chợ Đình	KX	P. Yên Hải	TX. Quảng Yên	20° 52' 46"	106° 50' 26"					F-48-82-B-a
xóm Đông	DC	P. Yên Hải	TX. Quảng Yên	20° 53' 52"	106° 49' 48"					F-48-82-B-a
thôn Hải Yến	DC	P. Yên Hải	TX. Quảng Yên	20° 54' 29"	106° 47' 42"					F-48-82-B-a
sông Hồ Chí Minh	TV	P. Yên Hải	TX. Quảng Yên			20° 53' 26"	106° 49' 44"	20° 52' 56"	106° 50' 34"	F-48-82-B-a
thôn Lưu Khê	DC	P. Yên Hải	TX. Quảng Yên	20° 52' 43"	106° 50' 17"					F-48-82-B-a
bãi Nhà Mạc	KX	P. Yên Hải	TX. Quảng Yên	20° 52' 55"	106° 46' 34"					F-48-82-B-a
thôn Quỳnh Biểu	DC	P. Yên Hải	TX. Quảng Yên	20° 53' 05"	106° 50' 17"					F-48-82-B-a
sông Rút	TV	P. Yên Hải	TX. Quảng Yên			20° 54' 36"	106° 47' 02"	20° 52' 50"	106° 47' 42"	F-48-82-B-a
thôn Trung Bản	DC	P. Yên Hải	TX. Quảng Yên	20° 53' 55"	106° 49' 24"					F-48-82-B-a
thôn Yên Đông	DC	P. Yên Hải	TX. Quảng Yên	20° 54' 03"	106° 48' 06"					F-48-82-B-a
kênh Yên Lập	TV	P. Yên Hải	TX. Quảng Yên			20° 51' 28"	106° 50' 48"	20° 52' 32"	106° 50' 10"	F-48-82-B-c
xóm Ba Làng	DC	xã Cẩm La	TX. Quảng Yên	20° 54' 41"	106° 48' 50"					F-48-82-B-a
thôn Cẩm Thành	DC	xã Cẩm La	TX. Quảng Yên	20° 54' 18"	106° 48' 35"					F-48-82-B-a
thôn Cẩm Tiến	DC	xã Cẩm La	TX. Quảng Yên	20° 54' 24"	106° 48' 35"					F-48-82-B-a
sông Chanh	TV	xã Cẩm La	TX. Quảng Yên			20° 55' 50"	106° 48' 26"	20° 55' 30"	106° 49' 27"	F-48-82-B-a
sông Chở Nước	TV	xã Cẩm La	TX. Quảng Yên			20° 55' 54"	106° 48' 03"	20° 54' 56"	106° 48' 27"	F-48-82-B-a
sông Cống Vông	TV	xã Cẩm La	TX. Quảng Yên			20° 54' 56"	106° 48' 27"	20° 55' 36"	106° 48' 27"	F-48-82-B-a
xóm Cửa Lũy	DC	xã Cẩm La	TX. Quảng Yên	20° 54' 31"	106° 48' 33"					F-48-82-B-a
ngòi Đượng Trầy	TV	xã Cẩm La	TX. Quảng Yên			20° 54' 25"	106° 48' 54"	20° 54' 39"	106° 49' 01"	F-48-82-B-a
xóm Giữa	DC	xã Cẩm La	TX. Quảng Yên	20° 54' 30"	106° 48' 41"					F-48-82-B-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
xóm Ngoài	DC	xã Cẩm La	TX. Quảng Yên	20° 54' 28"	106° 48' 34"					F-48-82-B-a
xóm Trại	DC	xã Cẩm La	TX. Quảng Yên	20° 54' 23"	106° 48' 46"					F-48-82-B-a
thôn 1	DC	xã Hiệp Hòa	TX. Quảng Yên	20° 57' 25"	106° 48' 13"					F-48-82-B-a
thôn 2	DC	xã Hiệp Hòa	TX. Quảng Yên	20° 57' 20"	106° 47' 55"					F-48-82-B-a
thôn 3	DC	xã Hiệp Hòa	TX. Quảng Yên	20° 57' 16"	106° 48' 09"					F-48-82-B-a
thôn 4	DC	xã Hiệp Hòa	TX. Quảng Yên	20° 57' 10"	106° 48' 05"					F-48-82-B-a
thôn 5	DC	xã Hiệp Hòa	TX. Quảng Yên	20° 57' 03"	106° 48' 09"					F-48-82-B-a
thôn 6	DC	xã Hiệp Hòa	TX. Quảng Yên	20° 57' 08"	106° 48' 15"					F-48-82-B-a
thôn 7	DC	xã Hiệp Hòa	TX. Quảng Yên	20° 57' 09"	106° 48' 21"					F-48-82-B-a
thôn 8	DC	xã Hiệp Hòa	TX. Quảng Yên	20° 57' 09"	106° 48' 29"					F-48-82-B-a
thôn 9	DC	xã Hiệp Hòa	TX. Quảng Yên	20° 57' 02"	106° 48' 34"					F-48-82-B-a
thôn 10	DC	xã Hiệp Hòa	TX. Quảng Yên	20° 57' 16"	106° 48' 23"					F-48-82-B-a
thôn 11	DC	xã Hiệp Hòa	TX. Quảng Yên	20° 57' 32"	106° 48' 23"					F-48-82-B-a
thôn 12	DC	xã Hiệp Hòa	TX. Quảng Yên	20° 57' 32"	106° 48' 30"					F-48-82-B-a
thôn 13	DC	xã Hiệp Hòa	TX. Quảng Yên	20° 57' 32"	106° 48' 39"					F-48-82-B-a
thôn 14	DC	xã Hiệp Hòa	TX. Quảng Yên	20° 57' 34"	106° 48' 46"					F-48-82-B-a
thôn 15	DC	xã Hiệp Hòa	TX. Quảng Yên	20° 57' 23"	106° 48' 37"					F-48-82-B-a
thôn 16	DC	xã Hiệp Hòa	TX. Quảng Yên	20° 57' 28"	106° 48' 54"					F-48-82-B-a
hồ Rộc Bồng	TV	xã Hiệp Hòa	TX. Quảng Yên	20° 57' 15"	106° 48' 46"					F-48-82-B-a
thôn 1	DC	xã Hoàng Tân	TX. Quảng Yên	20° 55' 18"	106° 54' 29"					F-48-82-B-b
thôn 2	DC	xã Hoàng Tân	TX. Quảng Yên	20° 55' 19"	106° 54' 11"					F-48-82-B-b
thôn 4	DC	xã Hoàng Tân	TX. Quảng Yên	20° 55' 29"	106° 54' 26"					F-48-82-B-b
thôn 5	DC	xã Hoàng Tân	TX. Quảng Yên	20° 55' 10"	106° 53' 44"					F-48-82-B-b
sông Bến Giang	TV	xã Hoàng Tân	TX. Quảng Yên			20° 55' 56"	106° 52' 59"	20° 55' 01"	106° 53' 23"	F-48-82-B-b
núi Bình Hương	SV	xã Hoàng Tân	TX. Quảng Yên	20° 57' 08"	106° 54' 04"					F-48-82-B-b
sông Bình Hương	TV	xã Hoàng Tân	TX. Quảng Yên			20° 57' 30"	106° 53' 21"	20° 56' 53"	106° 55' 11"	F-48-82-B-b
núi Cành Chẽ	SV	xã Hoàng Tân	TX. Quảng Yên	20° 55' 51"	106° 54' 02"					F-48-82-B-b
núi Đầu Rằm	SV	xã Hoàng Tân	TX. Quảng Yên	20° 55' 32"	106° 53' 46"					F-48-82-B-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
núi Đụn	SV	xã Hoàng Tân	TX. Quảng Yên	20° 55' 07"	106° 54' 00"					F-48-82-B-b
núi Hà Quành	SV	xã Hoàng Tân	TX. Quảng Yên	20° 56' 34"	106° 54' 21"					F-48-82-B-b
núi Hàm Rồng	SV	xã Hoàng Tân	TX. Quảng Yên	20° 56' 27"	106° 53' 41"					F-48-82-B-b
sông Hàm Rồng	TV	xã Hoàng Tân	TX. Quảng Yên			20° 56' 34"	106° 53' 45"	20° 55' 56"	106° 52' 59"	F-48-82-B-b
núi Hang Bò	SV	xã Hoàng Tân	TX. Quảng Yên	20° 55' 12"	106° 53' 35"					F-48-82-B-b
sông Hòn Dáu	TV	xã Hoàng Tân	TX. Quảng Yên			20° 56' 53"	106° 55' 11"	20° 54' 44"	106° 57' 48"	F-48-82-B-b
sông Hốt	TV	xã Hoàng Tân	TX. Quảng Yên			20° 58' 24"	106° 53' 16"	20° 56' 53"	106° 55' 11"	F-48-82-B-b
sông Kênh Tráp	TV	xã Hoàng Tân	TX. Quảng Yên			20° 57' 30"	106° 53' 21"	20° 55' 56"	106° 52' 59"	F-48-82-B-b
núi Mả Chuông	SV	xã Hoàng Tân	TX. Quảng Yên	20° 56' 22"	106° 54' 20"					F-48-82-B-b
núi Trán Rồng	SV	xã Hoàng Tân	TX. Quảng Yên	20° 55' 40"	106° 54' 57"					F-48-82-B-b
sông Cửa Đình	TV	xã Liên Vị	TX. Quảng Yên			20° 51' 30"	106° 50' 01"	20° 52' 13"	106° 49' 51"	F-48-82-B-c
bãi Nhà Mạc	KX	xã Liên Vị	TX. Quảng Yên	20° 51' 39"	106° 47' 01"					F-48-82-B-c
sông Rút	TV	xã Liên Vị	TX. Quảng Yên			20° 52' 27"	106° 48' 29"	20° 51' 41"	106° 49' 05"	F-48-82-B-c
thôn Vị Dương	DC	xã Liên Vị	TX. Quảng Yên	20° 52' 45"	106° 49' 45"					F-48-82-B-a
thôn Vị Khê	DC	xã Liên Vị	TX. Quảng Yên	20° 52' 51"	106° 48' 58"					F-48-82-B-a
thôn 1	DC	xã Sông Khoai	TX. Quảng Yên	20° 58' 38"	106° 50' 05"					F-48-82-B-a
thôn 2	DC	xã Sông Khoai	TX. Quảng Yên	20° 59' 00"	106° 49' 39"					F-48-82-B-a
thôn 3	DC	xã Sông Khoai	TX. Quảng Yên	20° 58' 57"	106° 49' 20"					F-48-82-B-a
thôn 4	DC	xã Sông Khoai	TX. Quảng Yên	20° 59' 15"	106° 49' 06"					F-48-82-B-a
thôn 5	DC	xã Sông Khoai	TX. Quảng Yên	20° 59' 25"	106° 48' 42"					F-48-82-B-a
thôn 6	DC	xã Sông Khoai	TX. Quảng Yên	20° 59' 37"	106° 48' 28"					F-48-82-B-a
thôn 7	DC	xã Sông Khoai	TX. Quảng Yên	20° 59' 47"	106° 48' 16"					F-48-82-B-a
thôn 8	DC	xã Sông Khoai	TX. Quảng Yên	20° 58' 26"	106° 47' 16"					F-48-82-B-a
thôn 9	DC	xã Sông Khoai	TX. Quảng Yên	20° 58' 09"	106° 47' 07"					F-48-82-B-a
kênh Cò	TV	xã Sông Khoai	TX. Quảng Yên			20° 59' 00"	106° 50' 09"	20° 58' 12"	106° 50' 27"	F-48-82-B-a
sông Cồn Khoai	TV	xã Sông Khoai	TX. Quảng Yên			20° 58' 29"	106° 48' 00"	20° 58' 51"	106° 47' 23"	F-48-82-B-a
núi Đầu Dũi	SV	xã Sông Khoai	TX. Quảng Yên	20° 59' 54"	106° 48' 37"					F-48-82-B-a
núi Hè Đình	SV	xã Sông Khoai	TX. Quảng Yên	20° 59' 09"	106° 49' 43"					F-48-82-B-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
sông Khe Nữ	TV	xã Sông Khoai	TX. Quảng Yên			21' 00" 03"	106° 48' 00"	20° 59' 22"	106° 47' 37"	F-48-82-B-a
kênh N12	TV	xã Sông Khoai	TX. Quảng Yên			20° 58' 25"	106° 47' 24"	20° 57' 38"	106° 48' 19"	F-48-82-B-a
sông Tàu Quốc	TV	xã Sông Khoai	TX. Quảng Yên			20° 59' 22"	106° 47' 37"	20° 58' 38"	106° 46' 33"	F-48-82-B-a
xóm Bãi 2	DC	xã Tiền An	TX. Quảng Yên	20° 55' 53"	106° 50' 14"					F-48-82-B-a
xóm Bãi 4	DC	xã Tiền An	TX. Quảng Yên	20° 55' 38"	106° 51' 17"					F-48-82-B-a
xóm Cây Sằm	DC	xã Tiền An	TX. Quảng Yên	20° 56' 17"	106° 49' 55"					F-48-82-B-a
xóm Chợ Rộc	DC	xã Tiền An	TX. Quảng Yên	20° 56' 24"	106° 49' 26"					F-48-82-B-a
xóm Chùa	DC	xã Tiền An	TX. Quảng Yên	20° 56' 27"	106° 50' 11"					F-48-82-B-a
xóm Cỏ Khê	DC	xã Tiền An	TX. Quảng Yên	20° 56' 44"	106° 49' 41"					F-48-82-B-a
xóm Cửa Tràng	DC	xã Tiền An	TX. Quảng Yên	20° 56' 16"	106° 49' 43"					F-48-82-B-a
xóm Đanh	DC	xã Tiền An	TX. Quảng Yên	20° 55' 59"	106° 50' 50"					F-48-82-B-a
xóm Giếng Đá	DC	xã Tiền An	TX. Quảng Yên	20° 56' 37"	106° 50' 08"					F-48-82-B-a
núi Giếng Đá	SV	xã Tiền An	TX. Quảng Yên	20° 57' 18"	106° 51' 09"					F-48-82-B-a
hồ Giếng Đá	TV	xã Tiền An	TX. Quảng Yên	20° 57' 14"	106° 50' 49"					F-48-82-B-a
xóm Giếng Méo	DC	xã Tiền An	TX. Quảng Yên	20° 56' 18"	106° 50' 53"					F-48-82-B-a
cầu Kim Lăng	KX	xã Tiền An	TX. Quảng Yên	20° 56' 30"	106° 49' 21"					F-48-82-B-a
xóm Sen	DC	xã Tiền An	TX. Quảng Yên	20° 56' 13"	106° 50' 31"					F-48-82-B-a
xóm Thành	DC	xã Tiền An	TX. Quảng Yên	20° 55' 47"	106° 50' 49"					F-48-82-B-a
xóm Thành Giền	DC	xã Tiền An	TX. Quảng Yên	20° 55' 59"	106° 51' 17"					F-48-82-B-a
núi Trũng Lều	SV	xã Tiền An	TX. Quảng Yên	20° 57' 05"	106° 50' 35"					F-48-82-B-a
xóm Vườn Chay	DC	xã Tiền An	TX. Quảng Yên	20° 56' 08"	106° 50' 37"					F-48-82-B-a
thôn 4	DC	xã Tiền Phong	TX. Quảng Yên	20° 50' 58"	106° 51' 02"					F-48-82-B-c
kênh Cái Tráp	TV	xã Tiền Phong	TX. Quảng Yên	20° 49' 10"	106° 50' 27"					F-48-82-B-c
cửa Lạch H.	TV	xã Tiền Phong	TX. Quảng Yên	20° 51' 37"	106° 51' 14"					F-48-82-B-c
đầm Liên Hòa	TV	xã Tiền Phong	TX. Quảng Yên	20° 50' 18"	106° 51' 10"					F-48-82-B-c
xóm 1	DC	xã Yên Giang	TX. Quảng Yên	20° 56' 47"	106° 47' 55"					F-48-82-B-a
xóm 2	DC	xã Yên Giang	TX. Quảng Yên	20° 56' 40"	106° 47' 33"					F-48-82-B-a
xóm 3	DC	xã Yên Giang	TX. Quảng Yên	20° 56' 37"	106° 47' 27"					F-48-82-B-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
xóm 4	DC	xã Yên Giang	TX. Quảng Yên	20° 56' 28"	106° 47' 32"					F-48-82-B-a
xóm 6	DC	xã Yên Giang	TX. Quảng Yên	20° 56' 30"	106° 46' 54"					F-48-82-B-a
đường Biểu Nghi - An Lão	KX	xã Yên Giang	TX. Quảng Yên			20° 56' 34"	106° 46' 25"	20° 56' 23"	106° 47' 34"	F-48-82-B-a
đền Trần Hưng Đạo	KX	xã Yên Giang	TX. Quảng Yên	20° 56' 48"	106° 46' 33"					F-48-82-B-a
khu 1	DC	TT. Ba Chẽ	H. Ba Chẽ	21° 16' 19"	107° 16' 46"					F-48-71-B-c
khu 2	DC	TT. Ba Chẽ	H. Ba Chẽ	21° 16' 23"	107° 16' 53"					F-48-71-B-c
khu 3	DC	TT. Ba Chẽ	H. Ba Chẽ	21° 16' 27"	107° 17' 07"					F-48-71-B-c
khu 4	DC	TT. Ba Chẽ	H. Ba Chẽ	21° 16' 22"	107° 17' 22"					F-48-71-B-c
khu 5	DC	TT. Ba Chẽ	H. Ba Chẽ	21° 16' 25"	107° 17' 43"					F-48-71-B-c
khu 6	DC	TT. Ba Chẽ	H. Ba Chẽ	21° 16' 38"	107° 17' 55"					F-48-71-B-c
khu 7	DC	TT. Ba Chẽ	H. Ba Chẽ	21° 16' 35"	107° 16' 37"					F-48-71-B-c
chợ Ba Chẽ	KX	TT. Ba Chẽ	H. Ba Chẽ	21° 16' 32"	107° 16' 55"					F-48-71-B-c
cầu Khe Hố	KX	TT. Ba Chẽ	H. Ba Chẽ	21° 16' 40"	107° 17' 39"					F-48-71-B-c
sông Ba Chẽ	TV	xã Đạp Thanh	H. Ba Chẽ			21° 16' 24"	107° 04' 08"	21° 19' 29"	107° 06' 49"	F-48-71-A-c
thôn Bắc Cáp	DC	xã Đạp Thanh	H. Ba Chẽ	21° 19' 26"	107° 04' 20"					F-48-71-A-c
thôn Bắc Tập	DC	xã Đạp Thanh	H. Ba Chẽ	21° 16' 39"	107° 06' 45"					F-48-71-A-c
thôn Bắc Xa	DC	xã Đạp Thanh	H. Ba Chẽ	21° 18' 54"	107° 05' 55"					F-48-71-A-c
khe Cầu	TV	xã Đạp Thanh	H. Ba Chẽ			21° 18' 58"	107° 02' 17"	21° 18' 53"	107° 03' 21"	F-48-71-A-c
sông Đoắng	TV	xã Đạp Thanh	H. Ba Chẽ			21° 14' 16"	107° 06' 35"	21° 16' 33"	107° 05' 46"	F-48-71-A-c, F-48-71-C-a
thôn Đồng Giằm	DC	xã Đạp Thanh	H. Ba Chẽ	21° 14' 35"	107° 09' 09"					F-48-71-C-b
thôn Đồng Khoang	DC	xã Đạp Thanh	H. Ba Chẽ	21° 14' 50"	107° 06' 38"					F-48-71-C-a
khe Giằm	TV	xã Đạp Thanh	H. Ba Chẽ			21° 14' 43"	107° 09' 37"	21° 17' 13"	107° 06' 29"	F-48-71-A-d, F-48-71-A-c
khe Hắc	TV	xã Đạp Thanh	H. Ba Chẽ			21° 19' 25"	107° 02' 04"	21° 19' 07"	107° 03' 27"	F-48-71-A-c
núi Hắc Phạ	SV	xã Đạp Thanh	H. Ba Chẽ	21° 19' 31"	107° 03' 13"					F-48-71-A-c
thôn Hồng Tiến	DC	xã Đạp Thanh	H. Ba Chẽ	21° 16' 49"	107° 06' 01"					F-48-71-A-c
khe Hương	TV	xã Đạp Thanh	H. Ba Chẽ			21° 18' 53"	107° 03' 21"	21° 19' 27"	107° 04' 26"	F-48-71-A-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
núi Khau Á	SV	xã Đạp Thanh	H. Ba Chẽ	21° 14' 12"	107° 07' 50"					F-48-71-C-b
núi Khau Cải	SV	xã Đạp Thanh	H. Ba Chẽ	21° 20' 03"	107° 03' 33"					F-48-71-A-c
núi Khau Đình	SV	xã Đạp Thanh	H. Ba Chẽ	21° 15' 56"	107° 07' 45"					F-48-71-A-d
núi Khau Kham	SV	xã Đạp Thanh	H. Ba Chẽ	21° 19' 42"	107° 05' 10"					F-48-71-A-c
núi Khau Kỳ	SV	xã Đạp Thanh	H. Ba Chẽ	21° 18' 43"	107° 07' 09"					F-48-71-A-c
núi Khau Lep	SV	xã Đạp Thanh	H. Ba Chẽ	21° 14' 05"	107° 10' 10"					F-48-71-C-b
núi Khau Nà	SV	xã Đạp Thanh	H. Ba Chẽ	21° 20' 19"	107° 05' 57"					F-48-71-A-c
núi Khau Quyến	SV	xã Đạp Thanh	H. Ba Chẽ	21° 15' 51"	107° 06' 26"					F-48-71-A-c
núi Khau Tre	SV	xã Đạp Thanh	H. Ba Chẽ	21° 16' 31"	107° 06' 25"					F-48-71-A-c
núi Khau Xiêm	SV	xã Đạp Thanh	H. Ba Chẽ	21° 19' 51"	107° 03' 00"					F-48-71-A-c
điểm dân cư Khe Hương	DC	xã Đạp Thanh	H. Ba Chẽ	21° 19' 17"	107° 03' 51"					F-48-71-A-c
thôn Khe Mầu	DC	xã Đạp Thanh	H. Ba Chẽ	21° 18' 16"	107° 06' 05"					F-48-71-A-c
cầu ngầm Khe Mầu	KX	xã Đạp Thanh	H. Ba Chẽ	21° 18' 24"	107° 05' 58"					F-48-71-A-c
thôn Khe Phít	DC	xã Đạp Thanh	H. Ba Chẽ	21° 19' 07"	107° 05' 08"					F-48-71-A-c
núi Khe Quăn	SV	xã Đạp Thanh	H. Ba Chẽ	21° 17' 32"	107° 07' 03"					F-48-71-A-c
thôn Khe Xa	DC	xã Đạp Thanh	H. Ba Chẽ	21° 19' 30"	107° 06' 07"					F-48-71-A-c
khe Mươi	TV	xã Đạp Thanh	H. Ba Chẽ			21° 14' 29"	107° 08' 24"	21° 15' 13"	107° 07' 45"	F-48-71-C-b + F-48-71-A-d
điểm dân cư Nà Mìn	DC	xã Đạp Thanh	H. Ba Chẽ	21° 19' 53"	107° 04' 12"					F-48-71-A-c
khe Ngàn	TV	xã Đạp Thanh	H. Ba Chẽ			21° 20' 23"	107° 04' 46"	21° 19' 27"	107° 04' 26"	F-48-71-A-c
điểm dân cư Pắc Đoắng	DC	xã Đạp Thanh	H. Ba Chẽ	21° 16' 33"	107° 05' 51"					F-48-71-A-c
núi Pha Lác	SV	xã Đạp Thanh	H. Ba Chẽ	21° 18' 35"	107° 03' 57"					F-48-71-A-c
khe Phít	TV	xã Đạp Thanh	H. Ba Chẽ			21° 19' 27"	107° 04' 26"	21° 19' 05"	107° 06' 07"	F-48-71-A-c
thôn Xóm Đình	DC	xã Đạp Thanh	H. Ba Chẽ	21° 15' 42"	107° 06' 55"					F-48-71-A-c
thôn Xóm Mới	DC	xã Đạp Thanh	H. Ba Chẽ	21° 15' 17"	107° 07' 46"					F-48-71-A-d
điểm dân cư Bàng Quang	DC	xã Đồn Đạc	H. Ba Chẽ	21° 13' 37"	107° 14' 20"					F-48-71-C-b
đèo Đá Lợn	KX	xã Đồn Đạc	H. Ba Chẽ	21° 14' 29"	107° 16' 55"					F-48-71-D-a
khe Đá Vuông	TV	xã Đồn Đạc	H. Ba Chẽ			21° 15' 33"	107° 13' 12"	21° 15' 37"	107° 14' 13"	F-48-71-A-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
núi Khe An	SV	xã Đồn Đạc	H. Ba Chẽ	21° 12' 57"	107° 16' 01"					F-48-71-D-a
núi Khe Đấu	SV	xã Đồn Đạc	H. Ba Chẽ	21° 12' 10"	107° 15' 16"					F-48-71-D-a
thôn Khe Mằn	DC	xã Đồn Đạc	H. Ba Chẽ	21° 12' 43"	107° 14' 05"					F-48-71-C-b
thôn Khe Mười	DC	xã Đồn Đạc	H. Ba Chẽ	21° 14' 31"	107° 16' 34"					F-48-71-D-a
suối Khe Mười	TV	xã Đồn Đạc	H. Ba Chẽ			21° 14' 51"	107° 17' 09"	21° 14' 02"	107° 18' 07"	F-48-71-D-a
điểm dân cư Khe Vai	DC	xã Đồn Đạc	H. Ba Chẽ	21° 12' 10"	107° 14' 17"					F-48-71-C-b
núi Khe Vai	SV	xã Đồn Đạc	H. Ba Chẽ	21° 10' 48"	107° 14' 07"					F-48-71-C-b
thôn Khe Vang	DC	xã Đồn Đạc	H. Ba Chẽ	21° 09' 35"	107° 12' 22"					F-48-71-C-b
khe Lầm	TV	xã Đồn Đạc	H. Ba Chẽ			21° 11' 27"	107° 14' 41"	21° 12' 23"	107° 13' 54"	F-48-71-C-b
thôn Lang Cang	DC	xã Đồn Đạc	H. Ba Chẽ	21° 15' 35"	107° 13' 48"					F-48-71-A-d
núi Lang Cang	SV	xã Đồn Đạc	H. Ba Chẽ	21° 14' 40"	107° 14' 51"					F-48-71-C-b
sông Lang Cang	TV	xã Đồn Đạc	H. Ba Chẽ			21° 15' 19"	107° 14' 12"	21° 16' 34"	107° 15' 24"	F-48-71-A-d, F-48-71-B-c
thôn Làng Cổng	DC	xã Đồn Đạc	H. Ba Chẽ	21° 13' 28"	107° 15' 26"					F-48-71-D-a
sông Làng Cổng	TV	xã Đồn Đạc	H. Ba Chẽ			21° 11' 46"	107° 12' 16"	21° 15' 19"	107° 14' 12"	F-48-71-C-b, F-48-71-A-d
thôn Làng Han	DC	xã Đồn Đạc	H. Ba Chẽ	21° 15' 59"	107° 15' 25"					F-48-71-B-c
thôn Làng Mô	DC	xã Đồn Đạc	H. Ba Chẽ	21° 15' 36"	107° 16' 11"					F-48-71-B-c
thôn Nà Bắp	DC	xã Đồn Đạc	H. Ba Chẽ	21° 13' 42"	107° 14' 55"					F-48-71-C-b
thôn Na Làng	DC	xã Đồn Đạc	H. Ba Chẽ	21° 10' 33"	107° 12' 34"					F-48-71-C-b
suối Nà Lễ	TV	xã Đồn Đạc	H. Ba Chẽ			21° 12' 26"	107° 14' 58"	21° 13' 55"	107° 14' 26"	F-48-71-D-a, F-48-71-C-b
sông Nam Kim	TV	xã Đồn Đạc	H. Ba Chẽ			21° 10' 49"	107° 18' 42"	21° 12' 41"	107° 17' 19"	F-48-71-D-a
điểm dân cư Nam Kim Ngọn	DC	xã Đồn Đạc	H. Ba Chẽ	21° 12' 02"	107° 16' 48"					F-48-71-D-a
suối Nam Kim Ngọn	TV	xã Đồn Đạc	H. Ba Chẽ			21° 11' 33"	107° 15' 39"	21° 14' 03"	107° 18' 08"	F-48-71-D-a
thôn Nước Đừng	DC	xã Đồn Đạc	H. Ba Chẽ	21° 11' 05"	107° 18' 43"					F-48-71-D-a
thôn Pắc Cáy	DC	xã Đồn Đạc	H. Ba Chẽ	21° 15' 02"	107° 15' 49"					F-48-71-B-c
đèo Phật Chỉ	KX	xã Đồn Đạc	H. Ba Chẽ	21° 14' 27"	107° 15' 16"					F-48-71-D-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
núi Sam Lốc	SV	xã Đồn Đạc	H. Ba Chẽ	21° 10' 57"	107° 11' 40"					F-48-71-C-b
thôn Tân Tiến	DC	xã Đồn Đạc	H. Ba Chẽ	21° 15' 59"	107° 16' 19"					F-48-71-B-c
núi Thác Chúc	SV	xã Đồn Đạc	H. Ba Chẽ	21° 16' 12"	107° 13' 36"					F-48-71-A-d
sông Ba Chẽ	TV	xã Lương Mông	H. Ba Chẽ			21° 14' 38"	107' 00" 42"	21° 16' 39"	107° 04' 48"	F-48-71-C-a, F-48-71-A-c
thôn Bãi Liêu	DC	xã Lương Mông	H. Ba Chẽ	21° 16' 36"	107° 02' 30"					F-48-71-A-c
khe Buông	TV	xã Lương Mông	H. Ba Chẽ			21° 16' 32"	106° 58' 46"	21° 16' 01"	107° 03' 22"	F-48-71-A-c, F-48-70-B-d
khe Chúc	TV	xã Lương Mông	H. Ba Chẽ			21° 17' 14"	107' 00" 49"	21° 15' 52"	107' 00" 10"	F-48-71-A-c
núi Đá Bạc	SV	xã Lương Mông	H. Ba Chẽ	21° 17' 36"	106° 59' 02"					F-48-70-B-d
núi Đèo Giang	SV	xã Lương Mông	H. Ba Chẽ	21° 17' 42"	107' 00" 09"					F-48-71-A-c
thôn Đồng Cầu	DC	xã Lương Mông	H. Ba Chẽ	21° 15' 09"	107° 01' 53"					F-48-71-A-c
thôn Đồng Chức	DC	xã Lương Mông	H. Ba Chẽ	21° 15' 57"	107' 00" 07"					F-48-71-A-c
thôn Đồng Giảng A	DC	xã Lương Mông	H. Ba Chẽ	21° 15' 40"	107' 00" 37"					F-48-71-A-c
thôn Đồng Giảng B	DC	xã Lương Mông	H. Ba Chẽ	21° 15' 31"	107' 00" 58"					F-48-71-A-c
núi Khau Khoang	SV	xã Lương Mông	H. Ba Chẽ	21° 18' 33"	107° 02' 52"					F-48-71-A-c
núi Khe Cầu	SV	xã Lương Mông	H. Ba Chẽ	21° 17' 22"	107° 01' 10"					F-48-71-A-c
núi Khe Liêu	SV	xã Lương Mông	H. Ba Chẽ	21° 16' 33"	107° 03' 04"					F-48-71-A-c
khe Lao	TV	xã Lương Mông	H. Ba Chẽ			21° 13' 53"	107° 01' 21"	21° 14' 32"	107° 01' 16"	F-48-71-C-a
núi Nhật Hùng	SV	xã Lương Mông	H. Ba Chẽ	21° 17' 29"	107° 03' 39"					F-48-71-A-c
khe Ruộng	TV	xã Lương Mông	H. Ba Chẽ			21° 18' 24"	107° 02' 25"	21° 17' 22"	107° 02' 47"	F-48-71-A-c
sông Tân Ốc	TV	xã Lương Mông	H. Ba Chẽ			21° 13' 50"	107' 00" 21"	21° 14' 28"	107' 00" 34"	F-48-71-C-a
khe Vang	TV	xã Lương Mông	H. Ba Chẽ			21° 18' 00"	107° 02' 03"	21° 16' 52"	107° 02' 33"	F-48-71-A-c
thôn Đồng Quánh	DC	xã Minh Cầm	H. Ba Chẽ	21° 13' 43"	107° 04' 08"					F-48-71-C-a
thôn Đồng Doong	DC	xã Minh Cầm	H. Ba Chẽ	21° 15' 19"	107° 02' 56"					F-48-71-A-c
núi Khau Tre	SV	xã Minh Cầm	H. Ba Chẽ	21° 12' 52"	107° 04' 23"					F-48-71-C-a
thôn Khe Áng	DC	xã Minh Cầm	H. Ba Chẽ	21° 14' 26"	107° 02' 44"					F-48-71-C-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
suối Khe Áng	TV	xã Minh Cầm	H. Ba Chẽ			21° 13' 25"	107° 03' 08"	21° 14' 16"	107° 03' 57"	F-48-71-C-a
núi Khe Khoai	SV	xã Minh Cầm	H. Ba Chẽ	21° 12' 54"	107° 02' 26"					F-48-71-C-a
suối Khe Tum	TV	xã Minh Cầm	H. Ba Chẽ			21° 13' 18"	107° 02' 00"	21° 15' 27"	107° 03' 03"	F-48-71-C-a, F-48-71-A-c
khe Khoai	TV	xã Minh Cầm	H. Ba Chẽ			21° 11' 52"	107° 02' 32"	21° 12' 57"	107° 03' 46"	F-48-71-C-a
khe Lào	TV	xã Minh Cầm	H. Ba Chẽ			21° 12' 54"	107° 02' 07"	21° 13' 25"	107° 03' 08"	F-48-71-C-a
sông Quánh	TV	xã Minh Cầm	H. Ba Chẽ			21° 12' 53"	107° 03' 49"	21° 16' 24"	107° 04' 08"	F-48-71-A-c, F-48-71-C-a
đường tỉnh 330	KX	xã Nam Sơn	H. Ba Chẽ			21° 16' 37"	107° 14' 45"	21° 17' 40"	107° 20' 17"	F-48-71-B-c, F-48-71-A-d
sông Ba Chẽ	TV	xã Nam Sơn	H. Ba Chẽ			21° 16' 19"	107° 18' 14"	21° 13' 17"	107° 21' 30"	F-48-71-B-c, F-48-71-D-a
thôn Bằng Lau	DC	xã Nam Sơn	H. Ba Chẽ	21° 15' 29"	107° 19' 03"					F-48-71-B-c
thôn Cái Gian	DC	xã Nam Sơn	H. Ba Chẽ	21° 14' 42"	107° 19' 54"					F-48-71-D-a
sông Đá Bạc	TV	xã Nam Sơn	H. Ba Chẽ			21° 10' 34"	107° 19' 14"	21° 12' 18"	107° 19' 55"	F-48-71-D-a
suối Khe Dong	TV	xã Nam Sơn	H. Ba Chẽ			21° 18' 31"	107° 19' 05"	21° 17' 29"	107° 17' 42"	F-48-71-B-c
thôn Khe Hố	DC	xã Nam Sơn	H. Ba Chẽ	21° 17' 47"	107° 17' 38"					F-48-71-B-c
suối Khe Hố	TV	xã Nam Sơn	H. Ba Chẽ			21° 19' 19"	107° 17' 50"	21° 16' 51"	107° 17' 38"	F-48-71-B-c
điểm dân cư Khe Ngại	DC	xã Nam Sơn	H. Ba Chẽ	21° 14' 42"	107° 18' 19"					F-48-71-D-a
suối Khe Ngại	TV	xã Nam Sơn	H. Ba Chẽ			21° 14' 51"	107° 18' 10"	21° 14' 21"	107° 18' 42"	F-48-71-D-a
thôn Khe Sâu	DC	xã Nam Sơn	H. Ba Chẽ	21° 14' 47"	107° 18' 53"					F-48-71-D-a
thôn Khe Tâm	DC	xã Nam Sơn	H. Ba Chẽ	21° 16' 47"	107° 15' 56"					F-48-71-B-c
suối Khe Tâm	TV	xã Nam Sơn	H. Ba Chẽ			21° 19' 46"	107° 15' 53"	21° 16' 35"	107° 15' 35"	F-48-71-B-c
điểm dân cư Làng Lốc	DC	xã Nam Sơn	H. Ba Chẽ	21° 16' 31"	107° 16' 00"					F-48-71-B-c
thôn Làng Mới	DC	xã Nam Sơn	H. Ba Chẽ	21° 12' 14"	107° 19' 37"					F-48-71-D-a
thôn Lò Vôi	DC	xã Nam Sơn	H. Ba Chẽ	21° 15' 51"	107° 18' 32"					F-48-71-B-c
suối Nam Hả	TV	xã Nam Sơn	H. Ba Chẽ			21° 17' 40"	107° 20' 17"	21° 16' 07"	107° 18' 45"	F-48-71-B-c
thôn Nam Hả Ngoài	DC	xã Nam Sơn	H. Ba Chẽ	21° 16' 10"	107° 18' 44"					F-48-71-B-c
thôn Nam Hả Trong	DC	xã Nam Sơn	H. Ba Chẽ	21° 16' 33"	107° 19' 13"					F-48-71-B-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
điểm dân cư Nam Kim	DC	xã Nam Sơn	H. Ba Chẽ	21° 14' 08"	107° 18' 16"					F-48-71-D-a
suối Nam Kim	TV	xã Nam Sơn	H. Ba Chẽ			21° 14' 03"	107° 18' 08"	21° 14' 39"	107° 19' 14"	F-48-71-D-a
thôn Sơn Hải	DC	xã Nam Sơn	H. Ba Chẽ	21° 13' 45"	107° 19' 54"					F-48-71-D-a
sông Ba Chẽ	TV	xã Thanh Lâm	H. Ba Chẽ			21° 19' 40"	107° 06' 32"	21° 17' 52"	107° 10' 56"	F-48-71-A-d, F-48-71-A-c
núi Cáy Cún Lẻng	SV	xã Thanh Lâm	H. Ba Chẽ	21° 20' 21"	107° 09' 59"					F-48-71-A-d
núi Coóng Tấm Lẻng	SV	xã Thanh Lâm	H. Ba Chẽ	21° 19' 14"	107° 08' 50"					F-48-71-A-d
khe Da	TV	xã Thanh Lâm	H. Ba Chẽ			21° 18' 24"	107° 07' 44"	21° 19' 16"	107° 08' 18"	F-48-71-A-d
khe Dít	TV	xã Thanh Lâm	H. Ba Chẽ			21° 16' 59"	107° 09' 16"	21° 17' 59"	107° 09' 29"	F-48-71-A-d
thôn Đồng Loóng	DC	xã Thanh Lâm	H. Ba Chẽ	21° 18' 03"	107° 10' 03"					F-48-71-A-d
thôn Đồng Thầm	DC	xã Thanh Lâm	H. Ba Chẽ	21° 20' 56"	107° 09' 51"					F-48-71-A-d
núi Khau Choóc	SV	xã Thanh Lâm	H. Ba Chẽ	21° 17' 28"	107° 08' 00"					F-48-71-A-d
núi Khau Heng	SV	xã Thanh Lâm	H. Ba Chẽ	21° 20' 36"	107° 08' 31"					F-48-71-A-d
núi Khau Vài	SV	xã Thanh Lâm	H. Ba Chẽ	21° 19' 09"	107° 10' 33"					F-48-71-A-d
núi Khe Man	SV	xã Thanh Lâm	H. Ba Chẽ	21° 21' 04"	107° 07' 04"					F-48-71-A-c
thôn Khe Nháng	DC	xã Thanh Lâm	H. Ba Chẽ	21° 19' 47"	107° 09' 01"					F-48-71-A-d
cầu ngầm Khe Nháng	KX	xã Thanh Lâm	H. Ba Chẽ	21° 19' 49"	107° 09' 05"					F-48-71-A-d
thôn Khe Ổn	DC	xã Thanh Lâm	H. Ba Chẽ	21° 19' 38"	107° 06' 50"					F-48-71-A-c
thôn Khe Tính	DC	xã Thanh Lâm	H. Ba Chẽ	21° 17' 45"	107° 10' 30"					F-48-71-A-d
khe Khuy	TV	xã Thanh Lâm	H. Ba Chẽ			21° 22' 16"	107° 07' 44"	21° 20' 11"	107° 07' 47"	F-48-71-A-d
khe Lầm	TV	xã Thanh Lâm	H. Ba Chẽ			21° 20' 37"	107° 11' 15"	21° 18' 41"	107° 09' 27"	F-48-71-A-d
thôn Làng Dạ	DC	xã Thanh Lâm	H. Ba Chẽ	21° 19' 13"	107° 08' 13"					F-48-71-A-d
thôn Làng Lốc	DC	xã Thanh Lâm	H. Ba Chẽ	21° 19' 42"	107° 07' 46"					F-48-71-A-d
khe Nháng	TV	xã Thanh Lâm	H. Ba Chẽ			21° 21' 07"	107° 10' 07"	21° 19' 38"	107° 09' 15"	F-48-71-A-d
thôn Pha Lán	DC	xã Thanh Lâm	H. Ba Chẽ	21° 19' 16"	107° 09' 35"					F-48-71-A-d
khe Pộc	TV	xã Thanh Lâm	H. Ba Chẽ			21° 16' 13"	107° 08' 50"	21°16' 59"	107° 09' 16"	F-48-71-A-d
núi Sám Pố	SV	xã Thanh Lâm	H. Ba Chẽ	21° 18' 12"	107° 08' 28"					F-48-71-A-d
thôn Vàng Chè	DC	xã Thanh Lâm	H. Ba Chẽ	21° 17' 50"	107° 09' 49"					F-48-71-A-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
sông Ba Chẽ	TV	xã Thanh Sơn	H. Ba Chẽ			21° 17' 35"	107° 10' 48"	21° 16' 35"	107° 14' 44"	F-48-71-A-d
thôn Bắc Văn	DC	xã Thanh Sơn	H. Ba Chẽ	21° 21' 33"	107° 13' 26"					F-48-71-A-d
khe Cát	TV	xã Thanh Sơn	H. Ba Chẽ			21° 17' 58"	107° 14' 55"	21° 17' 13"	107° 14' 00"	F-48-71-A-d
khe Cọ	TV	xã Thanh Sơn	H. Ba Chẽ			21° 13' 17"	107° 11' 31"	21° 14' 52"	107° 12' 04"	F-48-71-C-b
núi Đá Sét	SV	xã Thanh Sơn	H. Ba Chẽ	21° 21' 21"	107° 12' 03"					F-48-71-A-d
khe Đông	TV	xã Thanh Sơn	H. Ba Chẽ			21° 15' 38"	107° 12' 37"	21° 15' 34"	107° 11' 44"	F-48-71-A-d
núi Đồng Giằm	SV	xã Thanh Sơn	H. Ba Chẽ	21° 15' 28"	107° 09' 31"					F-48-71-A-d
khe Há	TV	xã Thanh Sơn	H. Ba Chẽ			21° 14' 42"	107° 10' 25"	21° 15' 33"	107° 11' 43"	F-48-71-A-d, F-48-71-C-b
khe Hả	TV	xã Thanh Sơn	H. Ba Chẽ			21° 22' 15"	107° 13' 34"	21° 21' 39"	107° 13' 24"	F-48-71-A-d
khe Kha Con	TV	xã Thanh Sơn	H. Ba Chẽ			21° 18' 55"	107° 12' 05"	21° 18' 05"	107° 11' 34"	F-48-71-A-d
khe Kha To	TV	xã Thanh Sơn	H. Ba Chẽ			21° 19' 21"	107° 11' 36"	21° 18' 07"	107° 11' 23"	F-48-71-A-d
thôn Khe Lò	DC	xã Thanh Sơn	H. Ba Chẽ	21° 16' 21"	107° 10' 17"					F-48-71-A-d
núi Khe Pầng	SV	xã Thanh Sơn	H. Ba Chẽ	21° 19' 50"	107° 13' 31"					F-48-71-A-d
núi Khe Cát	SV	xã Thanh Sơn	H. Ba Chẽ	21° 17' 08"	107° 14' 34"					F-48-71-A-d
cầu Khe Kha	KX	xã Thanh Sơn	H. Ba Chẽ	21° 18' 08"	107° 11' 19"					F-48-71-A-d
thôn Khe Lọng Ngoài	DC	xã Thanh Sơn	H. Ba Chẽ	21° 17' 38"	107° 13' 31"					F-48-71-A-d
cầu Khe Lọng Ngoài	KX	xã Thanh Sơn	H. Ba Chẽ	21° 17' 41"	107° 13' 29"					F-48-71-A-d
núi Khe Long Trong	SV	xã Thanh Sơn	H. Ba Chẽ	21° 19' 06"	107° 13' 57"					F-48-71-A-d
thôn Khe Lọng Trong	DC	xã Thanh Sơn	H. Ba Chẽ	21° 19' 11"	107° 14' 16"					F-48-71-A-d
thôn Khe Nà	DC	xã Thanh Sơn	H. Ba Chẽ	21° 15' 50"	107° 11' 39"					F-48-71-A-d
núi Khe Pụt	SV	xã Thanh Sơn	H. Ba Chẽ	21° 17' 36"	107° 11' 42"					F-48-71-A-d
thôn Khe Pụt Ngoài	DC	xã Thanh Sơn	H. Ba Chẽ	21° 17' 49"	107° 11' 00"					F-48-71-A-d
thôn Khe Pụt Trong	DC	xã Thanh Sơn	H. Ba Chẽ	21° 16' 59"	107° 11' 14"					F-48-71-A-d
núi Khe Trồi	SV	xã Thanh Sơn	H. Ba Chẽ	21° 23' 14"	107° 12' 27"					F-48-71-A-b
khe Lào	TV	xã Thanh Sơn	H. Ba Chẽ			21° 23' 06"	107° 12' 54"	21° 21' 46"	107° 13' 07"	F-48-71-A-d, F-48-71-A-b
khe Lò	TV	xã Thanh Sơn	H. Ba Chẽ			21° 15' 52"	107° 10' 04"	21° 17' 04"	107° 11' 14"	F-48-71-A-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
khe Lọng	TV	xã Thanh Sơn	H. Ba Chẽ			21° 21' 39"	107° 13' 24"	21° 17' 32"	107° 13' 29"	F-48-71-A-d
khe Lọng Con	TV	xã Thanh Sơn	H. Ba Chẽ			21° 19' 46"	107° 12' 30"	21° 18' 47"	107° 13' 58"	F-48-71-A-d
thôn Loỏng Toỏng	DC	xã Thanh Sơn	H. Ba Chẽ	21° 17' 24"	107° 13' 17"					F-48-71-A-d
khe Lùn	TV	xã Thanh Sơn	H. Ba Chẽ			21° 14' 34"	107° 12' 37"	21° 14' 52"	107° 12' 04"	F-48-71-C-b
khe Lụt	TV	xã Thanh Sơn	H. Ba Chẽ			21° 21' 34"	107° 12' 24"	21° 21' 46"	107° 13' 07"	F-48-71-A-d
núi Mỏ Chìn	SV	xã Thanh Sơn	H. Ba Chẽ	21° 20' 43"	107° 14' 35"					F-48-71-A-d
khe Nà	TV	xã Thanh Sơn	H. Ba Chẽ			21° 15' 58"	107° 12' 26"	21° 15' 52"	107° 11' 46"	F-48-71-A-d
khe Pụt	TV	xã Thanh Sơn	H. Ba Chẽ			21° 15' 33"	107° 11' 43"	21° 17' 58"	107° 11' 13"	F-48-71-A-d
khe Te	TV	xã Thanh Sơn	H. Ba Chẽ			21° 16' 42"	107° 12' 01"	21° 16' 57"	107° 11' 23"	F-48-71-A-d
thôn Thác Lào	DC	xã Thanh Sơn	H. Ba Chẽ	21° 18' 09"	107° 12' 06"					F-48-71-A-d
khe Thác Lào	TV	xã Thanh Sơn	H. Ba Chẽ			21° 18' 30"	107° 12' 34"	21° 18' 09"	107° 12' 17"	F-48-71-A-d
khe Tron	TV	xã Thanh Sơn	H. Ba Chẽ			21° 13' 29"	107° 12' 30"	21° 14' 42"	107° 12' 04"	F-48-71-C-b
khu Bình An	DC	TT. Bình Liêu	H. Bình Liêu	21° 31' 46"	107° 23' 49"					F-48-59-D
khu Bình Đẳng	DC	TT. Bình Liêu	H. Bình Liêu	21° 31' 24"	107° 23' 45"					F-48-59-D
khu Bình Quyền	DC	TT. Bình Liêu	H. Bình Liêu	21° 31' 33"	107° 23' 56"					F-48-59-D
quốc lộ 18C	KX	xã Đồng Tâm	H. Bình Liêu			21° 34' 49"	107° 28' 34"	21° 33' 50"	107° 26' 41"	F-48-59-D
thôn Chè Phạ	DC	xã Đồng Tâm	H. Bình Liêu	21° 34' 23"	107° 26' 51"					F-48-59-D
khau Cơ	SV	xã Đồng Tâm	H. Bình Liêu	21° 35' 28"	107° 26' 19"					F-48-59-D
khau Co Tăng	SV	xã Đồng Tâm	H. Bình Liêu	21° 36' 27"	107° 25' 00"					F-48-59-D
thôn Đồng Long	DC	xã Đồng Tâm	H. Bình Liêu	21° 34' 19"	107° 27' 45"					F-48-59-D
khau Đông Lỳ	SV	xã Đồng Tâm	H. Bình Liêu	21° 35' 31"	107° 23' 53"					F-48-59-D
khau Khơ Mu	SV	xã Đồng Tâm	H. Bình Liêu	21° 36' 44"	107° 25' 40"					F-48-59-D
suối Khủi Lanh	TV	xã Đồng Tâm	H. Bình Liêu			21° 35' 49"	107° 23' 20"	21° 36' 01"	107° 24' 40"	F-48-59-D
suối Khủi Ngọp	TV	xã Đồng Tâm	H. Bình Liêu			21° 35' 03"	107° 24' 30"	21° 35' 00"	107° 25' 32"	F-48-59-D
suối Khủi Sáo	TV	xã Đồng Tâm	H. Bình Liêu			21° 36' 54"	107° 24' 13"	21° 36' 01"	107° 24' 40"	F-48-59-D
khau Mỏ Tòng	SV	xã Đồng Tâm	H. Bình Liêu	21° 37' 27"	107° 27' 07"					F-48-59-D
thôn Nà Áng	DC	xã Đồng Tâm	H. Bình Liêu	21° 34' 47"	107° 27' 22"					F-48-59-D
suối Nà Đang	TV	xã Đồng Tâm	H. Bình Liêu			21° 37' 40"	107° 26' 15"	21° 34' 40"	107° 27' 04"	F-48-59-D

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Nà Khau	DC	xã Đồng Tâm	H. Bình Liêu	21° 34' 27"	107° 27' 07"					F-48-59-D
thôn Ngàn Phe	DC	xã Đồng Tâm	H. Bình Liêu	21° 35' 43"	107° 25' 10"					F-48-59-D
suối Ngàn Phe	TV	xã Đồng Tâm	H. Bình Liêu			21° 36' 01"	107° 24' 40"	21° 34' 29"	107° 25' 33"	F-48-59-D
thôn Pắc Pền	DC	xã Đồng Tâm	H. Bình Liêu	21° 35' 18"	107° 27' 20"					F-48-59-D
thôn Pắc Pò	DC	xã Đồng Tâm	H. Bình Liêu	21° 35' 11"	107° 27' 14"					F-48-59-D
suối Peo Tà	TV	xã Đồng Tâm	H. Bình Liêu			21° 37' 38"	107° 25' 07"	21° 37' 40"	107° 26' 15"	F-48-59-D
thôn Phiêng Chiếng	DC	xã Đồng Tâm	H. Bình Liêu	21° 34' 06"	107° 27' 16"					F-48-59-D
thôn Phiêng Sáp	DC	xã Đồng Tâm	H. Bình Liêu	21° 36' 00"	107° 26' 58"					F-48-59-D
thôn Phiêng Tắm	DC	xã Đồng Tâm	H. Bình Liêu	21° 34' 59"	107° 28' 01"					F-48-59-D
thôn Sam Quang	DC	xã Đồng Tâm	H. Bình Liêu	21° 36' 47"	107° 26' 25"					F-48-59-D
khau Sam Quang	SV	xã Đồng Tâm	H. Bình Liêu	21° 36' 06"	107° 26' 18"					F-48-59-D
khau Tản Lượt	SV	xã Đồng Tâm	H. Bình Liêu	21° 33' 57"	107° 27' 58"					F-48-59-D
suối Tiên Yên	TV	xã Đồng Tâm	H. Bình Liêu			21° 35' 09"	107° 28' 26"	21° 33' 59"	107° 26' 28"	F-48-59-D
bản Cầm Hắc	DC	xã Đồng Văn	H. Bình Liêu	21° 34' 54"	107° 33' 34"					F-48-60-C
núi Cao Ba Lanh	SV	xã Đồng Văn	H. Bình Liêu	21° 34' 55"	107° 35' 28"					F-48-60-C
suối Cao Lạn	TV	xã Đồng Văn	H. Bình Liêu			21° 34' 18"	107° 36' 04"	21° 37' 01"	107° 34' 50"	F-48-60-C
khu Chợ	DC	xã Đồng Văn	H. Bình Liêu	21° 35' 18"	107° 32' 25"					F-48-60-C
xóm Co Hón	DC	xã Đồng Văn	H. Bình Liêu	21° 34' 54"	107° 32' 59"					F-48-60-C
xóm Co Ngòa	DC	xã Đồng Văn	H. Bình Liêu	21° 34' 13"	107° 33' 23"					F-48-60-C
xóm Cốc Lỷ	DC	xã Đồng Văn	H. Bình Liêu	21° 35' 23"	107° 32' 41"					F-48-60-C
suối Đồng Văn	TV	xã Đồng Văn	H. Bình Liêu			21° 33' 59"	107° 33' 22"	21° 35' 24"	107° 32' 28"	F-48-60-C
chợ Đồng Văn	KX	xã Đồng Văn	H. Bình Liêu	21° 35' 21"	107° 32' 35"					F-48-60-C
suối Khe Tiến	TV	xã Đồng Văn	H. Bình Liêu			21° 32' 30"	107° 35' 19"	21° 32' 16"	107° 33' 53"	F-48-60-C
đèo Long Tu	KX	xã Đồng Văn	H. Bình Liêu	21° 31' 18"	107° 34' 19"					F-48-60-C
xóm Nà Lạnh	DC	xã Đồng Văn	H. Bình Liêu	21° 34' 41"	107° 32' 54"					F-48-60-C
xóm Nặm Bó	DC	xã Đồng Văn	H. Bình Liêu	21° 34' 23"	107° 33' 03"					F-48-60-C
bản Phai Làu	DC	xã Đồng Văn	H. Bình Liêu	21° 36' 58"	107° 34' 34"					F-48-60-C
suối Phai Làu	TV	xã Đồng Văn	H. Bình Liêu			21° 34' 36"	107° 34' 52"	21° 36' 43"	107° 34' 58"	F-48-60-C

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
suối Sông Moóc	TV	xã Đồng Văn	H. Bình Liêu			21° 34' 05"	107° 34' 37"	21° 33' 59"	107° 33' 22"	F-48-60-C
bản Sông Moóc A	DC	xã Đồng Văn	H. Bình Liêu	21° 33' 55"	107° 34' 10"					F-48-60-C
bản Sông Moóc B	DC	xã Đồng Văn	H. Bình Liêu	21° 34' 01"	107° 34' 17"					F-48-60-C
đồn 23	KX	xã Hoàng Mô	H. Bình Liêu	21° 35' 37"	107° 29' 17"					F-48-59-D
bản Co Sen	DC	xã Hoàng Mô	H. Bình Liêu	21° 33' 56"	107° 30' 44"					F-48-60-C
suối Con Rắn	TV	xã Hoàng Mô	H. Bình Liêu			21° 31' 52"	107° 31' 50"	21° 35' 27"	107° 31' 23"	F-48-60-C
bản Cửa Khẩu	DC	xã Hoàng Mô	H. Bình Liêu	21° 35' 49"	107° 29' 09"					F-48-59-D
bản Đồng Cậm	DC	xã Hoàng Mô	H. Bình Liêu							
bản Đồng Mô	DC	xã Hoàng Mô	H. Bình Liêu	21° 35' 31"	107° 28' 54"					F-48-59-D
sông Đồng Mô	TV	xã Hoàng Mô	H. Bình Liêu			1° 35' 24"	107° 32' 26"	21° 35' 51"	107° 29' 27"	F-48-60-C, F-48-59-D
bãi Đồng Mô	KX	xã Hoàng Mô	H. Bình Liêu	21° 35' 55"	107° 28' 55"					F-48-59-D
bản Đồng Phe	DC	xã Hoàng Mô	H. Bình Liêu	21° 35' 31"	107° 29' 59"					F-48-72-D
bản Đồng Thanh	DC	xã Hoàng Mô	H. Bình Liêu	21° 35' 07"	107° 28' 45"					F-48-59-D
cửa khẩu Hoành Mô	KX	xã Hoàng Mô	H. Bình Liêu	21° 35' 57"	107° 29' 21"					F-48-59-D
bản Loong Sông	DC	xã Hoàng Mô	H. Bình Liêu	21° 34' 41"	107° 31' 58"					F-48-60-C
bản Loòng Vài	DC	xã Hoàng Mô	H. Bình Liêu	21° 33' 30"	107° 29' 54"					F-48-72-D
khau Nà Cao	SV	xã Hoàng Mô	H. Bình Liêu	21° 38' 12"	107° 27' 27"					F-48-59-D
bản Nà Choòng	DC	xã Hoàng Mô	H. Bình Liêu	21° 34' 59"	107° 31' 22"					F-48-60-C
bản Nà Pò	DC	xã Hoàng Mô	H. Bình Liêu	21° 35' 15"	107° 32' 06"					F-48-60-C
suối Nà Sa	TV	xã Hoàng Mô	H. Bình Liêu			21° 38' 59"	107° 29' 06"	21° 36' 17"	107° 29' 26"	F-48-59-D
bản Nà Xa	DC	xã Hoàng Mô	H. Bình Liêu	21° 36' 14"	107° 29' 10"					F-48-59-D
bản Nặm Đảng	DC	xã Hoàng Mô	H. Bình Liêu	21° 35' 17"	107° 29' 41"					F-48-59-D
bản Ngàn Kheo	DC	xã Hoàng Mô	H. Bình Liêu	21° 32' 41"	107° 28' 25"					F-48-59-D
suối Ngân Trang	TV	xã Hoàng Mô	H. Bình Liêu			21° 32' 15"	107° 32' 11"	21° 35' 41"	107° 32' 02"	F-48-60-C
bản Pắc Cương	DC	xã Hoàng Mô	H. Bình Liêu	21° 37' 14"	107° 28' 34"					F-48-59-D
núi Pắc Cương	SV	xã Hoàng Mô	H. Bình Liêu	21° 39' 00"	107° 26' 10"					F-48-59-D
suối Pắc Cương	TV	xã Hoàng Mô	H. Bình Liêu			21° 38' 34"	107° 27' 48"	21° 36' 18"	107° 29' 23"	F-48-59-D
suối Pắc Cương	TV	xã Hoàng Mô	H. Bình Liêu			21° 38' 16"	107° 26' 37"	21° 37' 39"	107° 28' 00"	F-48-59-D

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
bản Pắc Pộc	DC	xã Hoàng Mô	H. Bình Liêu	21° 35' 17"	107° 29' 41"					F-48-59-D
bản Phặc Chè	DC	xã Hoàng Mô	H. Bình Liêu	21° 35' 16"	107° 31' 09"					F-48-60-C
đồi Tây	SV	xã Hoàng Mô	H. Bình Liêu	21° 35' 21"	107° 29' 28"					F-48-59-D
khau Tèn	SV	xã Hoàng Mô	H. Bình Liêu	21° 34' 13"	107° 30' 12"					F-48-60-C
sông Tiên Yên	TV	xã Hoàng Mô	H. Bình Liêu			21° 35' 53"	107° 28' 47"	21° 34' 56"	107° 28' 34"	F-48-59-D
núi Cao Ly	SV	xã Húc Động	H. Bình Liêu	21° 34' 55"	107° 35' 28"					F-48-72-A-a
thôn Khe Mó	DC	xã Húc Động	H. Bình Liêu	21° 28' 08"	107° 26' 50"					F-48-71-B-b
thôn Khe Vằn	DC	xã Húc Động	H. Bình Liêu	21° 28' 23"	107° 29' 15"					F-48-71-B-b
thôn Lục Ngù	DC	xã Húc Động	H. Bình Liêu	21° 29' 20"	107° 28' 17"					F-48-71-B-b
khe Mó	TV	xã Húc Động	H. Bình Liêu			21° 27' 14"	107° 27' 42"	21° 28' 59"	107° 26' 31"	F-48-71-B-b
thôn Nà Ếch	DC	xã Húc Động	H. Bình Liêu	21° 28' 45"	107° 26' 47"					F-48-71-B-b
thôn Pò Đán	DC	xã Húc Động	H. Bình Liêu	21° 29' 05"	107° 27' 28"					F-48-71-B-b
thôn Sú Cáu	DC	xã Húc Động	H. Bình Liêu	21° 29' 39"	107° 29' 05"					F-48-71-B-b
núi Súi Phong San	SV	xã Húc Động	H. Bình Liêu	21° 30' 09"	107° 26' 49"					F-48-59-D
thôn Thánh Thìn	DC	xã Húc Động	H. Bình Liêu	21° 28' 52"	107° 27' 49"					F-48-71-B-b
thôn Thông Châu	DC	xã Húc Động	H. Bình Liêu	21° 27' 19"	107° 26' 48"					F-48-71-B-b
sông Tiên Mô	TV	xã Húc Động	H. Bình Liêu			21° 29' 34"	107° 31' 15"	21° 29' 10"	107° 26' 15"	F-48-71-B-b
khe Vằn	TV	xã Húc Động	H. Bình Liêu			21° 28' 11"	107° 29' 09"	21° 29' 09"	107° 28' 23"	F-48-71-B-b
thôn Bản Cáu	DC	xã Lục Hồn	H. Bình Liêu	21° 33' 12"	107° 25' 30"					F-48-59-D
thôn Bản Chuồng	DC	xã Lục Hồn	H. Bình Liêu	21° 32' 34"	107° 25' 11"					F-48-59-D
thôn Bản Pạt	DC	xã Lục Hồn	H. Bình Liêu	21° 34' 07"	107° 25' 41"					F-48-59-D
núi Cao Xiêm	SV	xã Lục Hồn	H. Bình Liêu	21° 31' 16"	107° 29' 12"					F-48-59-D
thôn Cốc Lồng	DC	xã Lục Hồn	H. Bình Liêu	21° 33' 07"	107° 26' 51"					F-48-59-D
thôn Khau Pưởng	DC	xã Lục Hồn	H. Bình Liêu	21° 32' 28"	107° 25' 37"					F-48-59-D
thôn Lục Nà	DC	xã Lục Hồn	H. Bình Liêu	21° 32' 49"	107° 25' 31"					F-48-59-D
núi Mã Thông Thuận	SV	xã Lục Hồn	H. Bình Liêu	21° 35' 22"	107° 23' 34"					F-48-59-D
thôn Ngàn Chuồng	DC	xã Lục Hồn	H. Bình Liêu	21° 33' 08"	107° 24' 17"					F-48-59-D
suối Ngàn Kheo	TV	xã Lục Hồn	H. Bình Liêu			21° 33' 15"	107° 27' 31"	21° 33' 53"	107° 26' 18"	F-48-59-D

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
bản Ngàn Mèo Dưới	DC	xã Lục Hồn	H. Bình Liêu	21° 31' 31"	107° 26' 26"					F-48-59-D
bản Ngàn Mèo Trên	DC	xã Lục Hồn	H. Bình Liêu	21° 31' 09"	107° 26' 20"					F-48-59-D
bản Ngàn Pạt	DC	xã Lục Hồn	H. Bình Liêu	21° 32' 20"	107° 27' 16"					F-48-59-D
bản Pắc Phe	DC	xã Lục Hồn	H. Bình Liêu	21° 34' 25"	107° 25' 24"					F-48-59-D
suối Pắc Phe	TV	xã Lục Hồn	H. Bình Liêu			21° 34' 29"	107° 25' 33"	21° 33' 48"	107° 25' 57"	F-48-59-D
thôn Phá Lạn	DC	xã Lục Hồn	H. Bình Liêu	21° 32' 59"	107° 27' 38"					F-48-59-D
sông Tiên Yên	TV	xã Lục Hồn	H. Bình Liêu			21° 33' 59"	107° 26' 28"	21° 32' 25"	107° 24' 52"	F-48-59-D
quốc lộ 18C	KX	xã Tình Húc	H. Bình Liêu			21° 32' 14"	107° 25' 22"	21° 31' 35"	107° 24' 00"	F-48-59-D
thôn Chang Nà	DC	xã Tình Húc	H. Bình Liêu	21° 31' 57"	107° 24' 46"					F-48-59-D
thôn Co Nhan	DC	xã Tình Húc	H. Bình Liêu	21° 31' 38"	107° 24' 19"					F-48-59-D
bản Khe Lạc	DC	xã Tình Húc	H. Bình Liêu	21° 28' 33"	107° 25' 49"					F-48-71-B-b
bản Khe Và	DC	xã Tình Húc	H. Bình Liêu	21° 33' 05"	107° 23' 08"					F-48-59-D
suối Khe Và	TV	xã Tình Húc	H. Bình Liêu			21° 35' 55"	107° 21' 44"	21° 32' 04"	107° 23' 27"	F-48-59-D
bản Nà Kẻ	DC	xã Tình Húc	H. Bình Liêu	21° 30' 36"	107° 24' 26"					F-48-59-D
thôn Nà Làng	DC	xã Tình Húc	H. Bình Liêu	21° 32' 05"	107° 23' 50"					F-48-59-D
xóm Nà Lợ	DC	xã Tình Húc	H. Bình Liêu	21° 29' 15"	107° 26' 00"					F-48-71-B-b
xóm Nà Măn	DC	xã Tình Húc	H. Bình Liêu	21° 29' 27"	107° 25' 35"					F-48-71-B-b
xóm Nà Mồng	DC	xã Tình Húc	H. Bình Liêu	21° 29' 32"	107° 25' 11"					F-48-71-B-b
thôn Pắc Liềng	DC	xã Tình Húc	H. Bình Liêu	21° 29' 39"	107° 25' 19"					F-48-71-B-b
sông Tiên Mô	TV	xã Tình Húc	H. Bình Liêu			21° 29' 10"	107° 26' 15"	21° 31' 55"	107° 24' 03"	F-48-71-B-b, F-48-59-D
quốc lộ 18	KX	xã Vô Ngại	H. Bình Liêu			21° 31' 31"	107° 23' 31"	21° 26' 21"	107° 22' 21"	F-48-59-D, F-48-71-B-b
thôn Bản Làng	DC	xã Vô Ngại	H. Bình Liêu	21° 29' 16"	107° 20' 42"					F-48-71-B-a
suối Bản Làng	TV	xã Vô Ngại	H. Bình Liêu			21° 30' 28"	107° 19' 21"	21° 27' 29"	107° 22' 21"	F-48-59-D, F-48-71-B-a
thôn Bản Ngày 1	DC	xã Vô Ngại	H. Bình Liêu	21° 30' 43"	107° 22' 14"					F-48-59-D
thôn Bản Ngày 2	DC	xã Vô Ngại	H. Bình Liêu	21° 30' 26"	107° 22' 12"					F-48-59-D
Cải	DC	xã Vô Ngại	H. Bình Liêu	21° 29' 11"	107° 23' 47"					F-48-71-B-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Cáu	DC	xã Vô Ngại	H. Bình Liêu	21° 29' 13"	107° 23' 59"					F-48-71-B-b
cầu Khe Chát	KX	xã Vô Ngại	H. Bình Liêu	21° 29' 42"	107° 22' 55"					F-48-71-B-b
thôn Khe Lánh 1	DC	xã Vô Ngại	H. Bình Liêu	21° 29' 19"	107° 23' 29"					F-48-71-B-b
cầu Khe Lánh 1	KX	xã Vô Ngại	H. Bình Liêu	21° 28' 58"	107° 23' 52"					F-48-71-B-b
cầu Khe Lánh 2	KX	xã Vô Ngại	H. Bình Liêu	21° 29' 09"	107° 23' 29"					F-48-71-B-b
thôn Khe Lánh 3	DC	xã Vô Ngại	H. Bình Liêu	21° 29' 09"	107° 23' 31"					F-48-71-B-b
thôn Khủi Luông	DC	xã Vô Ngại	H. Bình Liêu	21° 30' 32"	107° 22' 16"					F-48-59-D
thôn Mạ Chạt	DC	xã Vô Ngại	H. Bình Liêu	21° 28' 45"	107° 22' 43"					F-48-71-B-b
núi Nà Làng	SV	xã Vô Ngại	H. Bình Liêu	21° 35' 35"	107° 17' 32"					F-48-59-D
thôn Nà Luông	DC	xã Vô Ngại	H. Bình Liêu	21° 28' 59"	107° 24' 31"					F-48-71-B-b
thôn Nà Mo	DC	xã Vô Ngại	H. Bình Liêu	21° 30' 17"	107° 23' 45"					F-48-59-D
thôn Nà Nhái	DC	xã Vô Ngại	H. Bình Liêu	21° 31' 09"	107° 21' 05"					F-48-59-D
núi Ngàn Chi	SV	xã Vô Ngại	H. Bình Liêu	21° 32' 52"	107° 16' 56"					F-48-59-D
suối Ngàn Chi	TV	xã Vô Ngại	H. Bình Liêu			21° 34' 50"	107° 17' 49"	21° 30' 08"	107° 22' 16"	F-48-59-D
thôn Pắc Chi	DC	xã Vô Ngại	H. Bình Liêu	21° 31' 03"	107° 22' 59"					F-48-59-D
cầu Pắc Lặc	KX	xã Vô Ngại	H. Bình Liêu	21° 27' 47"	107° 22' 49"					F-48-71-B-b
cầu Pặc Mưi	KX	xã Vô Ngại	H. Bình Liêu	21° 27' 19"	107° 22' 44"					F-48-71-B-b
thôn Pặc Pùng	DC	xã Vô Ngại	H. Bình Liêu	21° 31' 05"	107° 23' 18"					F-48-59-D
Tà Làng	DC	xã Vô Ngại	H. Bình Liêu	21° 29' 15"	107° 23' 21"					F-48-71-B-b
Tàng Sân	DC	xã Vô Ngại	H. Bình Liêu	21° 29' 26"	107° 23' 28"					F-48-71-B-b
sông Tiên Yên	TV	xã Vô Ngại	H. Bình Liêu			21° 31' 59"	107° 23' 24"	21° 26' 19"	107° 22' 08"	F-48-59-D, F-48-71-B-b
thôn Tùng Cầu	DC	xã Vô Ngại	H. Bình Liêu	21° 30' 47"	107° 22' 55"					F-48-59-D
khu 1	DC	TT. Cô Tô	H. Cô Tô	20° 58' 18"	107° 46' 12"					F-48-84-B-a
khu 2	DC	TT. Cô Tô	H. Cô Tô	20° 58' 43"	107° 46' 01"					F-48-84-B-a
khu 3	DC	TT. Cô Tô	H. Cô Tô	20° 58' 41"	107° 45' 36"					F-48-84-B-a
khu 4	DC	TT. Cô Tô	H. Cô Tô	20° 58' 11"	107° 45' 47"					F-48-84-B-a
xóm Cầu My	DC	TT. Cô Tô	H. Cô Tô	20° 58' 24"	107° 06' 21"					F-48-84-B-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Hải Tiến	DC	xã Đồng Tiến	H. Cô Tô	20° 59' 43"	107° 44' 45"					F-48-84-B-a
bãi Hồng Vàn	TV	xã Đồng Tiến	H. Cô Tô	20° 59' 57"	107° 46' 22"					F-48-84-B-a, F-48-72-D-c
núi Lưỡi Cày	SV	xã Đồng Tiến	H. Cô Tô	20° 59' 05"	107° 46' 51"					F-48-84-B-a
thôn Nam Đồng	DC	xã Đồng Tiến	H. Cô Tô	21' 00" 47"	107° 44' 40"					F-48-72-C-d
thôn Nam Hà	DC	xã Đồng Tiến	H. Cô Tô	21' 00" 28"	107° 44' 12"					F-48-72-C-d
núi Ngang Bắc	SV	xã Đồng Tiến	H. Cô Tô	21' 00" 24"	107° 44' 45"					F-48-72-C-d
núi Ngang Rông	SV	xã Đồng Tiến	H. Cô Tô	20' 00" 43"	107° 44' 08"					F-48-72-C-d
thôn 1	DC	xã Thanh Lân	H. Cô Tô	20° 59' 27"	107° 48' 33"					F-48-84-B-a
thôn 2	DC	xã Thanh Lân	H. Cô Tô	21' 00" 10"	107° 48' 33"					F-48-72-D-c
thôn 3	DC	xã Thanh Lân	H. Cô Tô	21' 00" 28"	107° 49' 11"					F-48-72-D-c
đảo Ăng Ten	SV	xã Thanh Lân	H. Cô Tô	20° 59' 05"	107° 48' 29"					F-48-84-B-a
núi Bà Ngang	SV	xã Thanh Lân	H. Cô Tô	21' 00" 14"	107° 48' 54"					F-48-72-D-c
vụng Chiến Thắng	TV	xã Thanh Lân	H. Cô Tô	20° 59' 57"	107° 48' 13"					F-48-84-B-a
vụng Chỏ Vàng	TV	xã Thanh Lân	H. Cô Tô	21° 01' 09"	107° 48' 50"					F-48-72-D-c
vụng Con	TV	xã Thanh Lân	H. Cô Tô	20° 59' 57"	107° 49' 39"					F-48-84-B-a
vụng Con Khỉ	TV	xã Thanh Lân	H. Cô Tô	21° 02' 22"	107° 49' 50"					F-48-72-D-c
vụng Đá Than	TV	xã Thanh Lân	H. Cô Tô	21° 02' 02"	107° 51' 29"					F-48-72-D-c
vụng Giếng Nước	TV	xã Thanh Lân	H. Cô Tô	21° 01' 37"	107° 49' 09"					F-48-72-D-c
núi Hang Thông	SV	xã Thanh Lân	H. Cô Tô	20° 59' 07"	107° 48' 56"					F-48-84-B-a
vụng Tám Cháu	TV	xã Thanh Lân	H. Cô Tô	20° 59' 31"	107° 49' 10"					F-48-84-B-a
vụng Thôn 3	TV	xã Thanh Lân	H. Cô Tô	21' 00" 41"	107° 48' 27"					F-48-72-D-c
núi Trương Phương	SV	xã Thanh Lân	H. Cô Tô	21° 01' 35"	107° 50' 12"					F-48-72-D-c
núi Vụng Con	SV	xã Thanh Lân	H. Cô Tô	21' 00" 02"	107° 49' 15"					F-48-72-D-c
phố Bắc Sơn	DC	TT. Đầm Hà	H. Đầm Hà	21° 21' 02"	107° 35' 25"					F-48-72-A-c
phố Chu Văn An	DC	TT. Đầm Hà	H. Đầm Hà	21° 21' 14"	107° 36' 21"					F-48-72-A-c
cầu Đầm Hà	KX	TT. Đầm Hà	H. Đầm Hà	21° 21' 21"	107° 35' 47"					F-48-72-A-c
phố Hà Quang Vóc	DC	TT. Đầm Hà	H. Đầm Hà	21° 20' 53"	107° 35' 58"					F-48-72-A-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
phố Lê Lương	DC	TT. Đầm Hà	H. Đầm Hà	21° 21' 18"	107° 35' 23"					F-48-72-A-c
núi Ruộng Lấm	SV	TT. Đầm Hà	H. Đầm Hà	21° 21' 26"	107° 36' 00"					F-48-72-A-c
núi Ba Bác	SV	xã Đại Bình	H. Đầm Hà	21° 21' 01"	107° 33' 59"					F-48-72-A-c
núi Bìm Bìm	SV	xã Đại Bình	H. Đầm Hà	21° 16' 53"	107° 32' 56"					F-48-72-A-c
thôn Bình Minh	DC	xã Đại Bình	H. Đầm Hà	21° 19' 58"	107° 34' 03"					F-48-72-A-c
sông Cái Mắm	TV	xã Đại Bình	H. Đầm Hà			21° 17' 23"	107° 29' 40"	21° 17' 30"	107° 30' 56"	F-48-72-A-c
sông Cầu Khe Mắm	TV	xã Đại Bình	H. Đầm Hà			21° 21' 11"	107° 34' 17"	21° 18' 46"	107° 33' 51"	F-48-72-A-c
lạch Chi Lăng	TV	xã Đại Bình	H. Đầm Hà			21° 17' 04"	107° 33' 24"	21° 16' 17"	107° 35' 31"	F-48-72-A-c
sông Chùa Sâu	TV	xã Đại Bình	H. Đầm Hà			21° 20' 04"	107° 31' 58"	21° 17' 13"	107° 33' 32"	F-48-72-A-c
núi Cuống	SV	xã Đại Bình	H. Đầm Hà	21° 16' 01"	107° 34' 00"					F-48-72-A-c
lạch Cuống Giềng	TV	xã Đại Bình	H. Đầm Hà			21°15' 58"	107° 32' 02"	21° 16' 16"	107° 32' 31"	F-48-72-A-c
thôn Đồng Mương	DC	xã Đại Bình	H. Đầm Hà	21° 20' 20"	107° 33' 20"					F-48-72-A-c
núi Hứa	SV	xã Đại Bình	H. Đầm Hà	21° 19' 39"	107° 32' 57"					F-48-72-A-c
thôn Làng Ruộng	DC	xã Đại Bình	H. Đầm Hà	21° 19' 53"	107° 32' 53"					F-48-72-A-c
thôn Nhâm Cao	DC	xã Đại Bình	H. Đầm Hà	21° 20' 02"	107° 33' 33"					F-48-72-A-c
sông Tài Giàu	TV	xã Đại Bình	H. Đầm Hà			21° 18' 46"	107° 33' 51"	21° 17' 05"	107° 34' 15"	F-48-72-A-c
lạch Tiên Yên	TV	xã Đại Bình	H. Đầm Hà			21° 14' 50"	107° 30' 39"	21° 12' 58"	107° 32' 35"	F-48-72-C-a
thôn Xóm Khe	DC	xã Đại Bình	H. Đầm Hà	21° 19' 45"	107° 33' 47"					F-48-72-A-c
cửa Bò Vàng	TV	xã Đầm Hà	H. Đầm Hà	21° 16' 01"	107° 38' 16"					F-48-72-A-d
vụng Dơi	TV	xã Đầm Hà	H. Đầm Hà	21° 14' 21"	107° 37' 02"					F-48-72-C-a
thôn Đầm Buôn	DC	xã Đầm Hà	H. Đầm Hà	21° 19' 41"	107° 36' 40"					F-48-72-A-c
sông Đầm Hà	TV	xã Đầm Hà	H. Đầm Hà			21° 20' 43"	107° 36' 08"	21° 18' 50"	107° 38' 12"	F-48-72-A-c, F-48-72-A-d
núi Lở	SV	xã Đầm Hà	H. Đầm Hà	21° 18' 37"	107° 35' 53"					F-48-72-A-c
cửa Mô	TV	xã Đầm Hà	H. Đầm Hà	21° 13' 31"	107° 36' 24"					F-48-72-C-a
vụng Ngà	TV	xã Đầm Hà	H. Đầm Hà	21° 15' 28"	107° 37' 40"					F-48-72-A-d
núi Nhà Thờ	SV	xã Đầm Hà	H. Đầm Hà	21° 18' 11"	107° 35' 45"					F-48-72-A-c
thôn Sơn Hải	DC	xã Đầm Hà	H. Đầm Hà	21° 18' 45"	107° 35' 29"					F-48-72-A-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Trại Cao	DC	xã Đầm Hà	H. Đầm Hà	21° 21' 10"	107° 34' 58"					F-48-72-A-c
thôn Trại Dinh	DC	xã Đầm Hà	H. Đầm Hà	21° 20' 31"	107° 35' 48"					F-48-72-A-c
thôn Trại Giữa	DC	xã Đầm Hà	H. Đầm Hà	21° 20' 22"	107° 36' 12"					F-48-72-A-c
thôn Trại Khe	DC	xã Đầm Hà	H. Đầm Hà	21° 19' 45"	107° 35' 52"					F-48-72-A-c
vụng Vạn Vược	TV	xã Đầm Hà	H. Đầm Hà	21° 15' 18"	107° 37' 59"					F-48-72-A-d
thôn Xóm Giáo	DC	xã Đầm Hà	H. Đầm Hà	21° 19' 19"	107° 36' 05"					F-48-72-A-c
thôn Yên Định	DC	xã Đầm Hà	H. Đầm Hà	21° 20' 14"	107° 35' 56"					F-48-72-A-c
thôn Yên Hàn	DC	xã Đầm Hà	H. Đầm Hà	21° 20' 02"	107° 36' 20"					F-48-72-A-c
xóm 16	DC	xã Dực Yên	H. Đầm Hà	21° 22' 18"	107° 31' 33"					F-48-72-A-c
quốc lộ 18A	KX	xã Dực Yên	H. Đầm Hà			21° 21' 11"	107° 34' 17"	21° 20' 35"	107° 31' 23"	F-48-72-A-c
cầu Đất	KX	xã Dực Yên	H. Đầm Hà	21° 20' 34"	107° 31' 21"					F-48-72-A-c
thôn Đông	DC	xã Dực Yên	H. Đầm Hà	21° 21' 10"	107° 33' 45"					F-48-72-A-c
sông Đồng Lốc	TV	xã Dực Yên	H. Đầm Hà			21° 22' 17"	107° 33' 31"	21° 20' 04"	107° 31' 58"	F-48-72-A-c
cầu Đồng Lốc	KX	xã Dực Yên	H. Đầm Hà	21° 20' 53"	107° 32' 55"					F-48-72-A-c
thôn Đồng Tâm	DC	xã Dực Yên	H. Đầm Hà	21° 20' 53"	107° 33' 03"					F-48-72-A-c
cầu Khe Mắm	KX	xã Dực Yên	H. Đầm Hà	21° 21' 11"	107° 34' 17"					F-48-72-A-c
cầu Khe Nứa	KX	xã Dực Yên	H. Đầm Hà	21° 20' 55"	107° 32' 27"					F-48-72-A-c
thôn Tây	DC	xã Dực Yên	H. Đầm Hà	21° 21' 36"	107° 33' 10"					F-48-72-A-c
thôn Yên Sơn	DC	xã Dực Yên	H. Đầm Hà	21° 21' 55"	107° 33' 34"					F-48-72-A-c
thôn An Sơn	DC	xã Quảng An	H. Đầm Hà	21° 22' 49"	107° 32' 13"					F-48-72-A-a
thôn Đông Thành	DC	xã Quảng An	H. Đầm Hà	21° 22' 39"	107° 33' 38"					F-48-72-A-a
thôn Hải An	DC	xã Quảng An	H. Đầm Hà	21° 22' 28"	107° 33' 55"					F-48-72-A-a
sông Khe Mắm	TV	xã Quảng An	H. Đầm Hà			21° 23' 16"	107° 33' 34"	21° 21' 52"	107° 34' 03"	F-48-72-A-a, F-48-72-A-c
suối Làng Lưng	TV	xã Quảng An	H. Đầm Hà			21° 22' 39"	107° 31' 45"	21° 22' 43"	107° 33' 00"	F-48-72-A-a
thôn Làng Ngang	DC	xã Quảng An	H. Đầm Hà	21° 23' 21"	107° 31' 19"					F-48-72-A-a
khe Mắm	TV	xã Quảng An	H. Đầm Hà			21° 23' 14"	107° 32' 22"	21° 23' 16"	107° 33' 34"	F-48-72-A-a
thôn Mào Sán Cáu	DC	xã Quảng An	H. Đầm Hà	21° 24' 48"	107° 28' 46"					F-48-71-B-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Nà Cáng	DC	xã Quảng An	H. Đầm Hà	21° 23' 46"	107° 31' 49"					F-48-72-A-a
suối Nà Cáng	TV	xã Quảng An	H. Đầm Hà			21° 24' 02"	107° 32' 02"	21° 22' 39"	107° 31' 45"	F-48-72-A-a
thôn Nà Pá	DC	xã Quảng An	H. Đầm Hà	21° 24' 02"	107° 30' 28"					F-48-72-A-a
suối Nà Pá	TV	xã Quảng An	H. Đầm Hà			21° 27' 10"	107° 28' 59"	21° 22' 39"	107° 31' 45"	F-48-72-A-a, F-48-71-B-b
xóm Nà Pá Chạp	DC	xã Quảng An	H. Đầm Hà	21° 24' 24"	107° 30' 34"					F-48-72-A-a
thôn Nà Thổng	DC	xã Quảng An	H. Đầm Hà	21° 22' 51"	107° 31' 02"					F-48-72-A-a
núi Pooc Tấu Lẻng	SV	xã Quảng An	H. Đầm Hà	21° 24' 10"	107° 28' 57"					F-48-71-B-b
xóm Sắm Lốc	DC	xã Quảng An	H. Đầm Hà	21° 25' 36"	107° 28' 54"					F-48-71-B-b
núi Say Voòng Mố Lẻng	SV	xã Quảng An	H. Đầm Hà	21° 25' 45"	107° 31' 10"					F-48-72-A-a
thôn Tầm Làng	DC	xã Quảng An	H. Đầm Hà	21° 25' 59"	107° 30' 01"					F-48-72-A-a
thôn Tán Trúc Tùng	DC	xã Quảng An	H. Đầm Hà	21° 23' 04"	107° 29' 34"					F-48-71-B-b
suối Tán Trúc Tùng	TV	xã Quảng An	H. Đầm Hà			21° 23' 47"	107° 30' 14"	21° 23' 07"	107° 28' 33"	F-48-72-A-a, F-48-71-B-b
thôn Thìn Thủ	DC	xã Quảng An	H. Đầm Hà	21° 22' 47"	107° 32' 46"					F-48-72-A-a
sông Bình Hồ	TV	xã Quảng Lâm	H. Đầm Hà			21° 27' 44"	107° 32' 04"	21° 23' 38"	107° 33' 53"	F-48-72-A-a
Bình Hồ 1	DC	xã Quảng Lâm	H. Đầm Hà	21° 25' 55"	107° 34' 09"					F-48-72-A-a
Bình Hồ 2	DC	xã Quảng Lâm	H. Đầm Hà	21° 26' 47"	107° 33' 49"					F-48-72-A-a
khe Bồng Lồng	TV	xã Quảng Lâm	H. Đầm Hà			21° 28' 07"	107° 34' 57"	21° 26' 57"	107° 33' 59"	F-48-72-A-a
núi Cốc Pạt Liềng	SV	xã Quảng Lâm	H. Đầm Hà	21° 26' 03"	107° 33' 10"					F-48-72-A-a
khu Cổng Tềnh	DC	xã Quảng Lâm	H. Đầm Hà	21° 25' 08"	107° 36' 06"					F-48-72-A-a
bản Lý Khoái	DC	xã Quảng Lâm	H. Đầm Hà	21° 26' 20"	107° 31' 57"					F-48-72-A-a
sông Lý Khoái	TV	xã Quảng Lâm	H. Đầm Hà			21° 26' 30"	107° 31' 37"	21° 24' 44"	107° 33' 41"	F-48-72-A-a
khe Lý Lày	TV	xã Quảng Lâm	H. Đầm Hà			21° 29' 34"	107° 32' 26"	21° 27' 39"	107° 33' 00"	F-48-72-A-a
khu Lý Pủi	DC	xã Quảng Lâm	H. Đầm Hà	21° 28' 08"	107° 33' 47"					F-48-72-A-a
khe Lý Pủi	TV	xã Quảng Lâm	H. Đầm Hà			21° 28' 49"	107° 34' 17"	21° 27' 26"	107° 33' 15"	F-48-72-A-a
bản Mào Lẻng	DC	xã Quảng Lâm	H. Đầm Hà	21° 23' 50"	107° 34' 51"					F-48-72-A-a
bản Sẹc Lồng Mìn	DC	xã Quảng Lâm	H. Đầm Hà	21° 27' 43"	107° 33' 14"					F-48-72-A-a
suối Siềng Lồng	TV	xã Quảng Lâm	H. Đầm Hà			21° 26' 12"	107° 35' 35"	21° 23' 36"	107° 34' 33"	F-48-72-A-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
suối Tài Coóng Mỷ	TV	xã Quảng Lâm	H. Đầm Hà			21° 28' 02"	107° 30' 40"	21° 27' 44"	107° 32' 04"	F-48-72-A-a
bản Tài Lý Sáy	DC	xã Quảng Lâm	H. Đầm Hà	21° 25' 29"	107° 34' 36"					F-48-72-A-a
khu Tài Sẹc	DC	xã Quảng Lâm	H. Đầm Hà	21° 26' 12"	107° 35' 29"					F-48-72-A-a
suối Tài Sẹc	TV	xã Quảng Lâm	H. Đầm Hà			21° 27' 15"	107° 35' 35"	21° 25' 15"	107° 36' 33"	F-48-72-A-a
núi Tài Voòng Mố Lẻng	SV	xã Quảng Lâm	H. Đầm Hà	21° 27' 51"	107° 35' 40"					F-48-72-A-a
núi Tam Long	SV	xã Quảng Lâm	H. Đầm Hà	21° 27' 46"	107° 29' 59"					F-48-72-A-a
khu Tẳn Lồng	DC	xã Quảng Lâm	H. Đầm Hà	21° 25' 12"	107° 35' 27"					F-48-72-A-a
cầu Khe Mắm	KX	xã Quảng Tân	H. Đầm Hà	21° 21' 11"	107° 34' 17"					F-48-72-A-c
thôn An Bình	DC	xã Quảng Tân	H. Đầm Hà	21° 22' 56"	107° 35' 46"					F-48-72-A-a
thôn An Lợi	DC	xã Quảng Tân	H. Đầm Hà	21° 22' 58"	107° 34' 59"					F-48-72-A-a
thôn Châu Hà	DC	xã Quảng Tân	H. Đầm Hà	21° 23' 20"	107° 34' 25"					F-48-72-A-a
sông Đầm Hà	TV	xã Quảng Tân	H. Đầm Hà			21° 23' 38"	107° 33' 54"	21° 22' 22"	107° 34' 50"	F-48-72-A-a
suối Siềng Lống	TV	xã Quảng Tân	H. Đầm Hà			21° 23' 36"	107° 34' 33"	21° 23' 14"	107° 34' 39"	F-48-72-A-a
thôn Tân Đông	DC	xã Quảng Tân	H. Đầm Hà	21° 21' 33"	107° 35' 00"					F-48-72-A-c
thôn Tân Đức	DC	xã Quảng Tân	H. Đầm Hà	21° 22' 28"	107° 34' 17"					F-48-72-A-c
thôn Tân Hòa	DC	xã Quảng Tân	H. Đầm Hà	21° 21' 54"	107° 34' 18"					F-48-72-A-c
thôn Tân Hợp	DC	xã Quảng Tân	H. Đầm Hà	21° 21' 34"	107° 34' 37"					F-48-72-A-c
thôn Tân Liên	DC	xã Quảng Tân	H. Đầm Hà	21° 22' 01"	107° 34' 51"					F-48-72-A-c
thôn Tân Thanh	DC	xã Quảng Tân	H. Đầm Hà	21° 21' 53"	107° 35' 51"					F-48-72-A-c
thôn Thanh Sơn	DC	xã Quảng Tân	H. Đầm Hà	21° 23' 08"	107° 34' 03"					F-48-72-A-a
thôn Trung Sơn	DC	xã Quảng Tân	H. Đầm Hà	21° 23' 02"	107° 34' 27"					F-48-72-A-a
quốc lộ 18A	KX	xã Tân Bình	H. Đầm Hà			21° 24' 24"	107° 37' 44"	21° 21' 21"	107° 36' 05"	F-48-72-A-c, F-48-72-A-b
thôn Bình Nguyên	DC	xã Tân Bình	H. Đầm Hà	21° 22' 39"	107° 37' 00"					F-48-72-A-a
cầu Chữ S	KX	xã Tân Bình	H. Đầm Hà	21° 24' 01"	107° 37' 11"					F-48-72-A-a
sông Đầm Hà	TV	xã Tân Bình	H. Đầm Hà			21° 20' 46"	107° 36' 15"	21° 18' 50"	107° 38' 12"	F-48-72-A-c, F-48-72-A-d
sông Đường Hoa	TV	xã Tân Bình	H. Đầm Hà			21° 24' 54"	107° 37' 54"	21° 21' 19"	107° 40' 17"	F-48-72-A-b, F-48-72-A-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
sông Khe Bến Tường	TV	xã Tân Bình	H. Đầm Hà			21° 22' 42"	107° 36' 22"	21° 20' 28"	107° 36' 37"	F-48-72-A-c, F-48-72-A-a
sông Mương Tường	TV	xã Tân Bình	H. Đầm Hà			21° 24' 26"	107° 35' 52"	21° 22' 42"	107° 36' 22"	F-48-72-A-a
hồ Tân Bình	TV	xã Tân Bình	H. Đầm Hà	21° 24' 35"	107° 35' 54"					F-48-72-A-a
cầu Tân Bình	KX	xã Tân Bình	H. Đầm Hà	21° 21' 43"	107° 36' 29"					F-48-72-A-c
cầu Tân Bình 2	KX	xã Tân Bình	H. Đầm Hà	21° 22' 25"	107° 36' 55"					F-48-72-A-c
thôn Tân Hà	DC	xã Tân Bình	H. Đầm Hà	21° 23' 33"	107° 37' 07"					F-48-72-A-a
thôn Tân Lương	DC	xã Tân Bình	H. Đầm Hà	21° 20' 59"	107° 37' 07"					F-48-72-A-c
thôn Tân Thành	DC	xã Tân Bình	H. Đầm Hà	21° 21' 30"	107° 37' 12"					F-48-72-A-c
thôn Tân Tiến	DC	xã Tân Bình	H. Đầm Hà	21° 21' 41"	107° 36' 30"					F-48-72-A-c
thôn Tân Trung	DC	xã Tân Bình	H. Đầm Hà	21° 22' 01"	107° 37' 17"					F-48-72-A-c
thôn Đông Hà	DC	xã Tân Lập	H. Đầm Hà	21° 19' 27"	107° 34' 53"					F-48-72-A-c
thôn Hà Lai	DC	xã Tân Lập	H. Đầm Hà	21° 20' 14"	107° 35' 17"					F-48-72-A-c
núi Hố	SV	xã Tân Lập	H. Đầm Hà	21° 18' 32"	107° 34' 31"					F-48-72-A-c
thôn Lập Tân	DC	xã Tân Lập	H. Đầm Hà	21° 19' 45"	107° 35' 21"					F-48-72-A-c
thôn Phúc Tiến	DC	xã Tân Lập	H. Đầm Hà	21° 19' 20"	107° 34' 25"					F-48-72-A-c
núi Sơn Hải	SV	xã Tân Lập	H. Đầm Hà	21° 19' 03"	107° 35' 00"					F-48-72-A-c
thôn Tân Phú	DC	xã Tân Lập	H. Đầm Hà	21° 19' 39"	107° 34' 39"					F-48-72-A-c
thôn Thái Lập	DC	xã Tân Lập	H. Đầm Hà	21° 21' 01"	107° 34' 43"					F-48-72-A-c
mương Yên Định	TV	xã Tân Lập	H. Đầm Hà			21° 21' 17"	107° 34' 45"	21° 19' 19"	107° 35' 28"	F-48-72-A-c
đường tỉnh 332	KX	TT. Đông Triều	H. Đông Triều			21° 04' 47"	106° 30' 47"	21° 04' 56"	106° 30' 49"	F-48-69-D-d
quốc lộ 18A	KX	TT. Đông Triều	H. Đông Triều			21° 05' 09"	106° 30' 18"	21° 04' 55"	106° 30' 52"	F-48-69-D-d
Công ty cổ phần cơ khí Mạo	KX	TT. Mạo Khê	H. Đông Triều	21° 03' 59"	106° 36' 20"					F-48-70-C-c
khu Dân Chủ	DC	TT. Mạo Khê	H. Đông Triều	21° 04' 10"	106° 35' 43"					F-48-70-C-c
sông Đá Vách	TV	TT. Mạo Khê	H. Đông Triều			21° 03' 27"	106° 34' 31"	21° 02' 19"	106° 36' 00"	F-48-70-C-c
khu Đoàn Kết	DC	TT. Mạo Khê	H. Đông Triều	21° 04' 39"	106° 35' 45"					F-48-70-C-c
khu Hòa Bình	DC	TT. Mạo Khê	H. Đông Triều	21° 04' 33"	106° 35' 39"					F-48-70-C-c
ga Mạo Khê	KX	TT. Mạo Khê	H. Đông Triều	21° 03' 50"	106° 36' 07"					F-48-70-C-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
chợ Mạo Khê	KX	TT. Mạo Khê	H. Đông Triều	21° 03' 26"	106° 36' 12"					F-48-70-C-c
khu Phố 1	DC	TT. Mạo Khê	H. Đông Triều	21° 03' 29"	106° 35' 40"					F-48-70-C-c
khu Phố 2	DC	TT. Mạo Khê	H. Đông Triều	21° 03' 38"	106° 35' 12"					F-48-70-C-c
chùa Tế	KX	TT. Mạo Khê	H. Đông Triều	21° 03' 56"	106° 35' 12"					F-48-70-C-c
Công ty TNHH MTV than Mạo Khê	KX	TT. Mạo Khê	H. Đông Triều	21° 04' 42"	106° 36' 35"					F-48-70-C-c
khu Vĩnh Hòa	DC	TT. Mạo Khê	H. Đông Triều	21° 03' 50"	106° 35' 26"					F-48-70-C-c
khu Vĩnh Hồng	DC	TT. Mạo Khê	H. Đông Triều	21° 03' 47"	106° 34' 49"					F-48-70-C-c
khu Vĩnh Lâm	DC	TT. Mạo Khê	H. Đông Triều	21° 04' 40"	106° 35' 25"					F-48-70-C-c
khu Vĩnh Lập	DC	TT. Mạo Khê	H. Đông Triều	21° 04' 09"	106° 36' 15"					F-48-70-C-c
khu Vĩnh Phú	DC	TT. Mạo Khê	H. Đông Triều	21° 04' 22"	106° 35' 29"					F-48-70-C-c
khu Vĩnh Quang 2	DC	TT. Mạo Khê	H. Đông Triều	21° 04' 09"	106° 34' 58"					F-48-70-C-c
khu Vĩnh Sơn	DC	TT. Mạo Khê	H. Đông Triều	21° 04' 01"	106° 36' 44"					F-48-70-C-c
khu Vĩnh Tân	DC	TT. Mạo Khê	H. Đông Triều	21° 04' 33"	106° 35' 15"					F-48-70-C-c
khu Vĩnh Trung	DC	TT. Mạo Khê	H. Đông Triều	21° 03' 56"	106° 35' 49"					F-48-70-C-c
khu Vĩnh Tuy 1	DC	TT. Mạo Khê	H. Đông Triều	21° 03' 02"	106° 36' 10"					F-48-70-C-c
khu Vĩnh Tuy 2	DC	TT. Mạo Khê	H. Đông Triều	21° 03' 10"	106° 35' 50"					F-48-70-C-c
thôn Ba Xã	DC	xã An Sinh	H. Đông Triều	21° 08' 12"	106° 31' 17"					F-48-70-C-a
thôn Bãi Dài	DC	xã An Sinh	H. Đông Triều	21° 07' 54"	106° 31' 56"					F-48-70-C-a
núi Cạp Mèo	SV	xã An Sinh	H. Đông Triều	21° 08' 15"	106° 29' 24"					F-48-69-D-b
núi Chóp Chài	SV	xã An Sinh	H. Đông Triều	21° 12' 00"	106° 29' 33"					F-48-69-D-b
thôn Đìa Mối	DC	xã An Sinh	H. Đông Triều	21° 07' 47"	106° 29' 47"					F-48-69-D-b
thôn Đìa Sen	DC	xã An Sinh	H. Đông Triều	21° 07' 48"	106° 29' 19"					F-48-69-D-b
thôn Đồng Dung	DC	xã An Sinh	H. Đông Triều	21° 07' 34"	106° 31' 15"					F-48-70-C-a
núi Hòn Cóc	SV	xã An Sinh	H. Đông Triều	21° 11' 20"	106° 33' 43"					F-48-70-C-a
núi Hòn Đinh	SV	xã An Sinh	H. Đông Triều	21° 12' 14"	106° 31' 42"					F-48-70-C-a
núi Hòn Đũa	SV	xã An Sinh	H. Đông Triều	21° 11' 30"	106° 32' 43"					F-48-70-C-a
núi Hòn Phương	SV	xã An Sinh	H. Đông Triều	21° 10' 52"	106° 29' 15"					F-48-69-D-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
suối Khe Chè	TV	xã An Sinh	H. Đông Triều			21° 11' 08"	106° 34' 17"	21° 09' 17"	106° 31' 48"	F-48-70-C-a
hồ Khe Chè	TV	xã An Sinh	H. Đông Triều	21° 08' 42"	106° 31' 48"					F-48-70-C-a
núi Khe Mưa	SV	xã An Sinh	H. Đông Triều	21° 09' 30"	106° 28' 58"					F-48-69-D-b
thôn Mai Long	DC	xã An Sinh	H. Đông Triều	21° 08' 06"	106° 29' 45"					F-48-69-D-b
suối Mít	TV	xã An Sinh	H. Đông Triều			21° 11' 54"	106° 31' 16"	21° 09' 36"	106° 30' 03"	F-48-70-C-a
núi Năm Con	SV	xã An Sinh	H. Đông Triều	21° 09' 35"	106° 31' 06"					F-48-70-C-a
thôn Nghĩa Hưng	DC	xã An Sinh	H. Đông Triều	21° 07' 35"	106° 33' 26"					F-48-70-C-a
xóm Ngũ Ái	DC	xã An Sinh	H. Đông Triều	21° 08' 15"	106° 30' 01"					F-48-70-C-a
đền Sinh	KX	xã An Sinh	H. Đông Triều	21° 07' 08"	106° 32' 08"					F-48-70-C-c
thôn Tam Hồng	DC	xã An Sinh	H. Đông Triều	21° 08' 09"	106° 30' 45"					F-48-70-C-a
thôn Tân Tiến 1	DC	xã An Sinh	H. Đông Triều	21° 11' 49"	106° 31' 12"					F-48-70-C-a
đền Thái	KX	xã An Sinh	H. Đông Triều	21° 07' 54"	106° 32' 56"					F-48-70-C-a
thôn Thành Long	DC	xã An Sinh	H. Đông Triều	21° 08' 41"	106° 29' 38"					F-48-69-D-b
suối Thành Long	TV	xã An Sinh	H. Đông Triều			21° 09' 12"	106° 29' 27"	21° 08' 19"	106° 29' 08"	F-48-69-D-b
hồ Trại Lốc	TV	xã An Sinh	H. Đông Triều	21° 08' 23"	106° 33' 09"					F-48-70-C-a
thôn Trại Lốc 1	DC	xã An Sinh	H. Đông Triều	21° 07' 38"	106° 32' 35"					F-48-70-C-a
thôn Trại Lốc 2	DC	xã An Sinh	H. Đông Triều	21° 07' 34"	106° 32' 46"					F-48-70-C-a
hồ Trại Nứa	TV	xã An Sinh	H. Đông Triều	21° 08' 34"	106° 30' 50"					F-48-70-C-a
lăng mộ Trần Anh Tông	KX	xã An Sinh	H. Đông Triều	21° 07' 57"	106° 32' 59"					F-48-70-C-a
lăng mộ Trần Hiến Tông	KX	xã An Sinh	H. Đông Triều	21° 07' 59"	106° 32' 43"					F-48-70-C-a
thôn Triều Phú	DC	xã An Sinh	H. Đông Triều	21° 07' 21"	106° 31' 28"					F-48-70-C-c
xóm Vườn Mía	DC	xã An Sinh	H. Đông Triều	21° 07' 44"	106° 29' 00"					F-48-69-D-b
dãy núi Yên Tử	SV	xã An Sinh	H. Đông Triều			21° 10' 44"	106° 34' 52"	21° 10' 25"	106° 36' 24"	F-48-70-C-a
quốc lộ 18A	KX	xã Bình Dương	H. Đông Triều			21° 07' 07"	106° 27' 50"	21° 06' 02"	106° 28' 54"	F-48-69-D-d
thôn Bắc Mã 1	DC	xã Bình Dương	H. Đông Triều	21° 06' 41"	106° 28' 59"					F-48-69-D-d
thôn Bắc Mã 2	DC	xã Bình Dương	H. Đông Triều	21° 06' 31"	106° 29' 04"					F-48-69-D-d
thôn Bình Sơn Đông	DC	xã Bình Dương	H. Đông Triều	21° 06' 09"	106° 28' 39"					F-48-69-D-d
thôn Bình Sơn Tây	DC	xã Bình Dương	H. Đông Triều	21° 06' 12"	106° 28' 15"					F-48-69-D-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Chi Lăng	DC	xã Bình Dương	H. Đông Triều	21° 07' 20"	106° 29' 17"					F-48-69-D-d
thôn Đạo Dương	DC	xã Bình Dương	H. Đông Triều	21° 07' 13"	106° 28' 51"					F-48-69-D-d
thôn Đông Lâm	DC	xã Bình Dương	H. Đông Triều	21° 06' 46"	106° 26' 47"					F-48-69-D-d
thôn Hoàng Xá	DC	xã Bình Dương	H. Đông Triều	21° 06' 48"	106° 27' 18"					F-48-69-D-d
suối Vàng	TV	xã Bình Dương	H. Đông Triều			21° 07' 06"	106° 27' 25"	21° 07' 05"	106° 26' 21"	F-48-69-D-d
sông Vàng Chua	TV	xã Bình Dương	H. Đông Triều			21° 07' 06"	106° 28' 56"	21° 06' 50"	106° 26' 23"	F-48-69-D-d
cầu Vàng Chua	KX	xã Bình Dương	H. Đông Triều	21° 07' 05"	106° 27' 52"					F-48-69-D-d
thôn Bắc Sơn	DC	xã Bình Khê	H. Đông Triều	21° 07' 07"	106° 35' 21"					F-48-70-C-c
đập Bến Châu	TV	xã Bình Khê	H. Đông Triều	21° 07' 29"	106° 36' 05"					F-48-70-C-a
thôn Bến Vuông	DC	xã Bình Khê	H. Đông Triều	21° 07' 09"	106° 36' 49"					F-48-70-C-c
suối Cái	TV	xã Bình Khê	H. Đông Triều			21° 06' 35"	106° 36' 58"	21° 06' 26"	106° 35' 54"	F-48-70-C-c
sông Cầm	TV	xã Bình Khê	H. Đông Triều			21° 06' 26"	106° 35' 54"	21° 05' 50"	106° 34' 29"	F-48-70-C-c
đèo Cầy Hàm	DC	xã Bình Khê	H. Đông Triều	21° 10' 49"	106° 35' 59"					F-48-70-C-a
núi Chim Sơn	SV	xã Bình Khê	H. Đông Triều	21° 09' 52"	106° 34' 17"					F-48-70-C-a
thôn Đông Sơn	DC	xã Bình Khê	H. Đông Triều	21° 05' 41"	106° 34' 43"					F-48-70-C-c
thôn Đồng Đò	DC	xã Bình Khê	H. Đông Triều	21° 07' 13"	106° 34' 28"					F-48-70-C-c
hồ Đồng Đò 1	TV	xã Bình Khê	H. Đông Triều	21° 08' 18"	106° 34' 27"					F-48-70-C-a
chùa Hồ Thiên	DC	xã Bình Khê	H. Đông Triều	21° 10' 15"	106° 36' 26"					F-48-70-C-a
núi Nấm Chương	SV	xã Bình Khê	H. Đông Triều	21° 05' 33"	106° 36' 24"					F-48-70-C-c
thôn Ninh Bình	DC	xã Bình Khê	H. Đông Triều	21° 07' 15"	106° 33' 43"					F-48-70-C-c
thôn Phú Ninh	DC	xã Bình Khê	H. Đông Triều	21° 07' 08"	106° 35' 52"					F-48-70-C-c
thôn Quán Vuông	DC	xã Bình Khê	H. Đông Triều	21° 06' 31"	106° 36' 41"					F-48-70-C-c
thôn Quảng Mản	DC	xã Bình Khê	H. Đông Triều	21° 06' 31"	106° 33' 53"					F-48-70-C-c
thôn Tây Sơn	DC	xã Bình Khê	H. Đông Triều	21° 08' 21"	106° 34' 06"					F-48-70-C-a
xóm Trại Chéo	DC	xã Bình Khê	H. Đông Triều	21° 07' 11"	106° 36' 19"					F-48-70-C-c
thôn Trại Dọc	DC	xã Bình Khê	H. Đông Triều	21° 06' 20"	106° 33' 48"					F-48-70-C-c
thôn Trại Mới A	DC	xã Bình Khê	H. Đông Triều	21° 06' 29"	106° 35' 04"					F-48-70-C-c
thôn Trại Mới B	DC	xã Bình Khê	H. Đông Triều	21° 06' 20"	106° 35' 08"					F-48-70-C-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Trại Thông	DC	xã Bình Khê	H. Đông Triều	21° 06' 16"	106° 34' 27"					F-48-70-C-c
cầu Triều Hải	KX	xã Bình Khê	H. Đông Triều	21° 06' 45"	106° 34' 31"					F-48-70-C-c
thôn Xuân Bình	DC	xã Bình Khê	H. Đông Triều	21° 04' 50"	106° 35' 12"					F-48-70-C-c
thôn 1	DC	xã Đức Chính	H. Đông Triều	21° 05' 33"	106° 31' 13"					F-48-70-C-c
thôn 6	DC	xã Đức Chính	H. Đông Triều	21° 06' 58"	106° 31' 55"					F-48-72-D-c
thôn 5 (Trạo Hà)	DC	xã Đức Chính	H. Đông Triều	21° 04' 50"	106° 31' 18"					F-48-72-D-c
cầu Cầu Đồn	KX	xã Hoàng Quế	H. Đông Triều	21° 03' 15"	106° 37' 58"					F-48-70-C-d
hồ Nội Hoàng	TV	xã Hoàng Quế	H. Đông Triều	21° 04' 13"	106° 38' 37"					F-48-70-C-d
thôn Nội Hoàng Đông	DC	xã Hoàng Quế	H. Đông Triều	21° 02' 43"	106° 38' 52"					F-48-70-C-d
thôn Nội Hoàng Tây	DC	xã Hoàng Quế	H. Đông Triều	21° 02' 50"	106° 38' 39"					F-48-70-C-d
thôn Quế Lạt	DC	xã Hoàng Quế	H. Đông Triều	21° 02' 27"	106° 37' 26"					F-48-70-C-c
thôn Tràng Bạch	DC	xã Hoàng Quế	H. Đông Triều	21° 03' 15"	106° 38' 04"					F-48-70-C-d
cầu Tràng Bạch	KX	xã Hoàng Quế	H. Đông Triều	21° 03' 18"	106° 38' 28"					F-48-70-C-d
sông Vàng	TV	xã Hoàng Quế	H. Đông Triều			21° 02' 20"	106° 38' 09"	21° 01' 27"	106° 38' 54"	F-48-70-C-d
đường tỉnh 332	KX	xã Hồng Phong	H. Đông Triều			21° 03' 31"	106° 29' 54"	21° 04' 51"	106° 30' 47"	F-48-70-C-c
quốc lộ 18A	KX	xã Hồng Phong	H. Đông Triều			21° 05' 19"	106° 29' 39"	21° 05' 09"	106° 30' 18"	F-48-69-D-d, F-48-70-C-c
thôn Bến Triều	DC	xã Hồng Phong	H. Đông Triều	21° 03' 37"	106° 29' 58"					F-48-69-D-d
thôn Bình Lục Hạ	DC	xã Hồng Phong	H. Đông Triều	21° 04' 52"	106° 29' 44"					F-48-69-D-d
thôn Bình Lục Thượng	DC	xã Hồng Phong	H. Đông Triều	21° 05' 10"	106° 30' 04"					F-48-70-C-c
thôn Đoàn Xá 1	DC	xã Hồng Phong	H. Đông Triều	21° 04' 27"	106° 30' 24"					F-48-70-C-c
thôn Đoàn Xá 2	DC	xã Hồng Phong	H. Đông Triều	21° 04' 47"	106° 30' 50"					F-48-70-C-c
thôn Đông Tân	DC	xã Hồng Phong	H. Đông Triều	21° 05' 10"	106° 29' 30"					F-48-69-D-d
xóm Núi Giúc	DC	xã Hồng Phong	H. Đông Triều	21° 04' 01"	106° 29' 59"					F-48-69-D-d
thôn Triều Khê	DC	xã Hồng Phong	H. Đông Triều	21° 04' 30"	106° 29' 52"					F-48-69-D-d
quốc lộ 18A	KX	xã Hồng Thái Đông	H. Đông Triều			21° 03' 03"	106° 40' 23"	21° 02' 40"	106° 42' 20"	F-48-70-C-d
núi Ba Tầng	SV	xã Hồng Thái Đông	H. Đông Triều	21° 05' 05"	106° 41' 48"					F-48-70-C-d
xóm Lâm Nghiệp	DC	xã Hồng Thái Đông	H. Đông Triều	21° 03' 39"	106° 40' 58"					F-48-70-C-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
sông Miếu Ranh	TV	xã Hồng Thái Đông	H. Đông Triều			21° 02' 56"	106° 40' 18"	21° 01' 34"	106° 40' 08"	F-48-70-C-d
núi Tam Tầng	SV	xã Hồng Thái Đông	H. Đông Triều	21° 05' 16"	106° 42' 05"					F-48-70-C-d
thôn Tân Lập	DC	xã Hồng Thái Đông	H. Đông Triều	21° 02' 10"	106° 40' 22"					F-48-70-C-d
thôn Tân Yên	DC	xã Hồng Thái Đông	H. Đông Triều	21° 02' 29"	106° 42' 00"					F-48-70-C-d
cầu Tân Yên	KX	xã Hồng Thái Đông	H. Đông Triều	21° 02' 40"	106° 42' 20"					F-48-70-C-d
thôn Thượng Thông	DC	xã Hồng Thái Đông	H. Đông Triều	21° 02' 45"	106° 40' 35"					F-48-70-C-d
thôn Vĩnh Thái	DC	xã Hồng Thái Đông	H. Đông Triều	21° 03' 44"	106° 40' 55"					F-48-70-C-d
thôn Yên Dưỡng	DC	xã Hồng Thái Đông	H. Đông Triều	21° 02' 39"	106° 41' 11"					F-48-70-C-d
cầu Yên Dưỡng	KX	xã Hồng Thái Đông	H. Đông Triều	21° 02' 52"	106° 41' 39"					F-48-70-C-d
núi Cao Bằng	SV	xã Hồng Thái Tây	H. Đông Triều	21° 05' 17"	106° 40' 15"					F-48-70-C-d
thôn Đám Bạc	DC	xã Hồng Thái Tây	H. Đông Triều	21° 02' 04"	106° 39' 43"					F-48-70-C-d
thôn Hoành Mô	DC	xã Hồng Thái Tây	H. Đông Triều	21° 03' 01"	106° 39' 43"					F-48-70-C-d
hồ Khe Ươn 1	TV	xã Hồng Thái Tây	H. Đông Triều	21° 03' 43"	106° 39' 56"					F-48-70-C-d
hồ Khe Ươn 2	TV	xã Hồng Thái Tây	H. Đông Triều	21° 03' 56"	106° 39' 42"					F-48-70-C-d
cầu Lầm	KX	xã Hồng Thái Tây	H. Đông Triều	21° 03' 11"	106° 39' 32"					F-48-70-C-d
thôn Lâm Xá	DC	xã Hồng Thái Tây	H. Đông Triều	21° 02' 51"	106° 39' 29"					F-48-70-C-d
cầu Thượng Thông	KX	xã Hồng Thái Tây	H. Đông Triều	21° 03' 03"	106° 40' 23"					F-48-70-C-d
đèo Vàng	KX	xã Hồng Thái Tây	H. Đông Triều	21° 05' 24"	106° 41' 21"					F-48-70-C-d
thôn 4 (Mỹ Cụ 1)	DC	xã Hưng Đạo	H. Đông Triều	21° 04' 05"	106° 31' 56"					F-48-70-C-c
thôn 5 (Mỹ Cụ 2)	DC	xã Hưng Đạo	H. Đông Triều	21° 03' 58"	106° 31' 45"					F-48-70-C-c
thôn 6 (Thủ Dương)	DC	xã Hưng Đạo	H. Đông Triều	21° 03' 57"	106° 31' 08"					F-48-70-C-c
thôn 7 (La Dương)	DC	xã Hưng Đạo	H. Đông Triều	21° 03' 03"	106° 31' 37"					F-48-70-C-c
thôn 8 (Vân Quế)	DC	xã Hưng Đạo	H. Đông Triều	21° 03' 40"	106° 31' 59"					F-48-70-C-c
sông Cầm	TV	xã Hưng Đạo	H. Đông Triều			21° 03' 35"	106° 30' 25"	21° 03' 11"	106° 32' 08"	F-48-70-C-c
xóm Chè	DC	xã Hưng Đạo	H. Đông Triều	21° 03' 50"	106° 31' 33"					F-48-70-C-c
thôn Mễ Xá 1	DC	xã Hưng Đạo	H. Đông Triều	21° 04' 30"	106° 30' 56"					F-48-70-C-c
thôn Mễ Xá 2	DC	xã Hưng Đạo	H. Đông Triều	21° 04' 21"	106° 31' 26"					F-48-70-C-c
thôn Mễ Xá 3	DC	xã Hưng Đạo	H. Đông Triều	21° 04' 23"	106° 31' 33"					F-48-70-C-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
xóm Xi	DC	xã Hưng Đạo	H. Đông Triều	21° 04' 28"	106° 30' 56"					F-48-70-C-c
quốc lộ 18A	KX	xã Kim Sơn	H. Đông Triều			21° 04' 25"	106° 32' 49"	21° 03' 49"	106° 34' 30"	F-48-70-C-c
thôn Cổ Giản	DC	xã Kim Sơn	H. Đông Triều	21° 04' 16"	106° 34' 20"					F-48-70-C-c
sông Đá Vách	TV	xã Kim Sơn	H. Đông Triều			21° 03' 11"	106° 32' 08"	21° 03' 27"	106° 34' 31"	F-48-70-C-c
thôn Gia Mô	DC	xã Kim Sơn	H. Đông Triều	21° 04' 18"	106° 33' 53"					F-48-70-C-c
thôn Kim Sen	DC	xã Kim Sơn	H. Đông Triều	21° 04' 18"	106° 34' 07"					F-48-70-C-c
thôn Nhuệ Hổ	DC	xã Kim Sơn	H. Đông Triều	21° 04' 06"	106° 33' 18"					F-48-70-C-c
cầu Thôn Mai	KX	xã Kim Sơn	H. Đông Triều	21° 04' 25"	106° 32' 50"					F-48-70-C-c
thôn 9	DC	xã Nguyễn Huệ	H. Đông Triều	21° 05' 31"	106° 27' 08"					F-48-69-D-d
đò Chẹm	KX	xã Nguyễn Huệ	H. Đông Triều	21° 04' 00"	106° 27' 37"					F-48-69-D-d
thôn Đông Mai	DC	xã Nguyễn Huệ	H. Đông Triều	21° 05' 32"	106° 27' 42"					F-48-69-D-d
núi Đông Mai	SV	xã Nguyễn Huệ	H. Đông Triều	21° 05' 06"	106° 27' 37"					F-48-69-D-d
thôn Vân Động 1	DC	xã Nguyễn Huệ	H. Đông Triều	21° 04' 48"	106° 27' 22"					F-48-69-D-d
thôn Vân Động 2	DC	xã Nguyễn Huệ	H. Đông Triều	21° 04' 58"	106° 26' 55"					F-48-69-D-d
sông Vàng Chua	TV	xã Nguyễn Huệ	H. Đông Triều			21° 06' 23"	106° 27' 27"	21° 06' 50"	106° 26' 23"	F-48-69-D-d
xóm Đồng Tranh	DC	xã Tân Việt	H. Đông Triều	21° 07' 15"	106° 31' 28"					F-48-70-C-c
thôn Hổ Lao	DC	xã Tân Việt	H. Đông Triều	21° 07' 06"	106° 30' 53"					F-48-70-C-c
cầu Hổ Lao	KX	xã Tân Việt	H. Đông Triều	21° 06' 52"	106° 31' 06"					F-48-70-C-c
hồ Lốc 2	TV	xã Tân Việt	H. Đông Triều	21° 07' 17"	106° 32' 06"					F-48-70-C-c
thôn Phúc Đa	DC	xã Tân Việt	H. Đông Triều	21° 06' 11"	106° 30' 49"					F-48-70-C-c
thôn Tân Lập	DC	xã Tân Việt	H. Đông Triều	21° 06' 40"	106° 31' 20"					F-48-70-C-c
thôn Tân Thành	DC	xã Tân Việt	H. Đông Triều	21° 06' 46"	106° 31' 27"					F-48-70-C-c
thôn An Biên	DC	xã Thủy An	H. Đông Triều	21° 04' 44"	106° 28' 41"					F-48-69-D-d
thôn Đạm Thủy	DC	xã Thủy An	H. Đông Triều	21° 05' 34"	106° 29' 01"					F-48-69-D-d
sông Đạm Thủy	TV	xã Thủy An	H. Đông Triều			21° 05' 23"	106° 29' 26"	21° 04' 08"	106° 29' 06"	F-48-69-D-d
cầu Đạm Thủy	KX	xã Thủy An	H. Đông Triều	21° 05' 20"	106° 29' 04"					F-48-69-D-d
sông Kinh Thầy	TV	xã Thủy An	H. Đông Triều			21° 04' 02"	106° 27' 47"	21° 04' 08"	106° 29' 06"	F-48-69-D-d
sông Vẻn	TV	xã Thủy An	H. Đông Triều			21° 05' 23"	106° 29' 26"	21° 05' 15"	106° 29' 14"	F-48-69-D-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Vị Thủy	DC	xã Thủy An	H. Đông Triều	21° 05' 19"	106° 28' 40"					F-48-69-D-d
sông Cầm	TV	xã Tràng An	H. Đông Triều			21° 05' 50"	106° 34' 29"	21° 05' 30"	106° 32' 09"	F-48-70-C-c
xóm Chủ	DC	xã Tràng An	H. Đông Triều	21° 05' 56"	106° 34' 21"					F-48-70-C-c
hồ Đập Làng	TV	xã Tràng An	H. Đông Triều	21° 07' 05"	106° 32' 53"					F-48-70-C-c
thôn Hà Lôi Hạ 1	DC	xã Tràng An	H. Đông Triều	21° 05' 46"	106° 31' 27"					F-48-70-C-c
thôn Hà Lôi Hạ 2	DC	xã Tràng An	H. Đông Triều	21° 05' 54"	106° 31' 43"					F-48-70-C-c
xóm Lái	DC	xã Tràng An	H. Đông Triều	21° 05' 53"	106° 33' 15"					F-48-70-C-c
chùa Quỳnh Lâm	KX	xã Tràng An	H. Đông Triều	21° 06' 19"	106° 32' 05"					F-48-70-C-c
xóm Sỹ	DC	xã Tràng An	H. Đông Triều	21° 06' 08"	106° 32' 55"					F-48-70-C-c
thôn Thượng 1	DC	xã Tràng An	H. Đông Triều	21° 06' 04"	106° 32' 25"					F-48-70-C-c
thôn Thượng 2	DC	xã Tràng An	H. Đông Triều	21° 06' 00"	106° 31' 59"					F-48-70-C-c
thôn Tràng Bảng 1	DC	xã Tràng An	H. Đông Triều	21° 05' 51"	106° 33' 52"					F-48-70-C-c
thôn Tràng Bảng 2	DC	xã Tràng An	H. Đông Triều	21° 06' 02"	106° 32' 56"					F-48-70-C-c
thôn Yên Sinh	DC	xã Tràng An	H. Đông Triều	21° 06' 29"	106° 32' 12"					F-48-70-C-c
suối Cái	TV	xã Tràng Lương	H. Đông Triều			21° 06' 20"	106° 41' 29"	21° 06' 35"	106° 36' 58"	F-48-70-C-d
núi Đá Trắng	SV	xã Tràng Lương	H. Đông Triều	21° 08' 03"	106° 40' 13"					F-48-70-C-b
suối Đá Trắng	TV	xã Tràng Lương	H. Đông Triều			21° 10' 06"	106° 39' 33"	21° 06' 24"	106° 39' 18"	F-48-70-C-b
xóm Đình	DC	xã Tràng Lương	H. Đông Triều	21° 06' 51"	106° 37' 42"					F-48-70-C-d
núi Khe Chuối	SV	xã Tràng Lương	H. Đông Triều	21° 09' 14"	106° 40' 45"					F-48-70-C-b
đội Linh Sơn	DC	xã Tràng Lương	H. Đông Triều	21° 07' 21"	106° 37' 29"					F-48-70-C-c
thôn Linh Tràng	DC	xã Tràng Lương	H. Đông Triều	21° 06' 58"	106° 37' 35"					F-48-70-C-d
thôn Nam Giai	DC	xã Tràng Lương	H. Đông Triều	21° 06' 44"	106° 38' 01"					F-48-70-C-d
suối Ngang	TV	xã Tràng Lương	H. Đông Triều			21° 09' 26"	106° 40' 31"	21° 08' 01"	106° 41' 43"	F-48-70-C-b
núi Rừng Nam	SV	xã Tràng Lương	H. Đông Triều	21° 05' 23"	106° 38' 02"					F-48-70-C-d
thôn Trại Thụ	DC	xã Tràng Lương	H. Đông Triều	21° 06' 32"	106° 37' 29"					F-48-70-C-c
thôn Trung Lương	DC	xã Tràng Lương	H. Đông Triều	21° 06' 22"	106° 38' 34"					F-48-70-C-d
suối Vàng Tân	TV	xã Tràng Lương	H. Đông Triều			21° 08' 02"	106° 41' 48"	21° 06' 20"	106° 41' 29"	F-48-70-C-d
thôn An Trại	DC	xã Việt Dân	H. Đông Triều	21° 05' 46"	106° 29' 41"					F-48-69-D-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Cửa Phúc	DC	xã Việt Dân	H. Đông Triều	21° 06' 55"	106° 30' 02"					F-48-69-D-d
sông Đạm	TV	xã Việt Dân	H. Đông Triều			21° 06' 28"	106° 30' 40"	21° 05' 20"	106° 29' 45"	F-48-70-C-c
thôn Đồng Ý	DC	xã Việt Dân	H. Đông Triều	21° 06' 26"	106° 29' 34"					F-48-69-D-d
thôn Khê Hạ	DC	xã Việt Dân	H. Đông Triều	21° 05' 53"	106° 29' 51"					F-48-69-D-d
thôn Khê Thượng	DC	xã Việt Dân	H. Đông Triều	21° 06' 39"	106° 30' 21"					F-48-70-C-c
thôn Phúc Thị	DC	xã Việt Dân	H. Đông Triều	21° 06' 39"	106° 29' 39"					F-48-69-D-d
thôn Tân Thành	DC	xã Việt Dân	H. Đông Triều	21° 07' 14"	106° 30' 15"					F-48-70-C-c
cầu Cầm	KX	xã Xuân Sơn	H. Đông Triều	21° 04' 29"	106° 31' 56"					F-48-70-C-c
Công ty cổ phần Vigracera Đông Triều	KX	xã Xuân Sơn	H. Đông Triều	21° 04' 29"	106° 32' 22"					F-48-70-C-c
thôn Đông Sơn	DC	xã Xuân Sơn	H. Đông Triều	21° 05' 25"	106° 33' 57"					F-48-70-C-c
thôn Mễ Sơn	DC	xã Xuân Sơn	H. Đông Triều	21° 05' 08"	106° 33' 31"					F-48-70-C-c
thôn Xuân Cầm	DC	xã Xuân Sơn	H. Đông Triều	21° 04' 26"	106° 32' 39"					F-48-70-C-c
thôn Xuân Viên 1	DC	xã Xuân Sơn	H. Đông Triều	21° 04' 55"	106° 32' 33"					F-48-70-C-c
thôn Xuân Viên 2	DC	xã Xuân Sơn	H. Đông Triều	21° 04' 41"	106° 32' 24"					F-48-70-C-c
thôn Xuân Viên 3	DC	xã Xuân Sơn	H. Đông Triều	21° 04' 51"	106° 32' 40"					F-48-70-C-c
thôn Xuân Viên 4	DC	xã Xuân Sơn	H. Đông Triều	21° 04' 41"	106° 32' 50"					F-48-70-C-c
núi Bụt	SV	xã Yên Đức	H. Đông Triều	21° 01' 21"	106° 38' 02"					F-48-70-C-d
sông Bụt	TV	xã Yên Đức	H. Đông Triều			21° 01' 13"	106° 37' 09"	21° 01' 15"	106° 38' 36"	F-48-70-C-d
sông Cầu Vàng	TV	xã Yên Đức	H. Đông Triều			21° 02' 20"	106° 38' 09"	21° 01' 17"	106° 39' 05"	F-48-70-C-d
thôn Chí Linh	DC	xã Yên Đức	H. Đông Triều	21° 01' 43"	106° 37' 19"					F-48-70-C-c
thôn Dương Đê	DC	xã Yên Đức	H. Đông Triều	21° 02' 11"	106° 37' 37"					F-48-70-C-d
sông Đá Vách	TV	xã Yên Đức	H. Đông Triều			21° 01' 58"	106° 36' 20"	21° 01' 12"	106° 39' 01"	F-48-70-C-c
thôn Đồn Sơn	DC	xã Yên Đức	H. Đông Triều	21° 01' 54"	106° 36' 48"					F-48-70-C-c
trại Đồn Sơn	DC	xã Yên Đức	H. Đông Triều	21° 01' 36"	106° 36' 52"					F-48-70-C-c
thôn Đức Sơn	DC	xã Yên Đức	H. Đông Triều	21° 01' 09"	106° 37' 53"					F-48-70-C-d
phà Đụn	KX	xã Yên Đức	H. Đông Triều	21° 01' 14"	106° 36' 46"					F-48-70-C-c
thôn Yên Khánh	DC	xã Yên Đức	H. Đông Triều	21° 02' 05"	106° 36' 56"					F-48-70-C-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
quốc lộ 18A	KX	xã Yên Thọ	H. Đông Triều			21° 03' 16"	106° 36' 26"	21° 03' 14"	106° 37' 48"	F-48-70-C-c
thôn Xuân Quang	DC	xã Yên Thọ	H. Đông Triều	21° 02' 58"	106° 36' 33"					F-48-70-C-c
cầu Yên Lãng	KX	xã Yên Thọ	H. Đông Triều	21° 03' 09"	106° 36' 56"					F-48-70-C-c
thôn Yên Lãng 1	DC	xã Yên Thọ	H. Đông Triều	21° 02' 47"	106° 37' 12"					F-48-70-C-c
thôn Yên Lãng 2	DC	xã Yên Thọ	H. Đông Triều	21° 02' 42"	106° 36' 55"					F-48-70-C-c
thôn Yên Lãng 3	DC	xã Yên Thọ	H. Đông Triều	21° 02' 50"	106° 36' 47"					F-48-70-C-c
thôn Yên Sơn	DC	xã Yên Thọ	H. Đông Triều	21° 03' 48"	106° 37' 04"					F-48-70-C-c
phố Chu Văn An	DC	TT. Quảng Hà	H. Hải Hà	21° 27' 07"	107° 45' 28"					F-48-72-B-a
phố Hoàng Hoa Thám	DC	TT. Quảng Hà	H. Hải Hà	21° 26' 59"	107° 44' 46"					F-48-72-A-b
phố Ngô Quyền	DC	TT. Quảng Hà	H. Hải Hà	21° 27' 20"	107° 45' 33"					F-48-72-B-a
phố Phan Đình Phùng	DC	TT. Quảng Hà	H. Hải Hà	21° 26' 51"	107° 45' 10"					F-48-72-B-a
cầu Quảng Hà	KX	TT. Quảng Hà	H. Hải Hà	21° 27' 13"	107° 45' 25"					F-48-72-B-a
phố Yết Kiêu	DC	TT. Quảng Hà	H. Hải Hà	21° 26' 58"	107° 45' 26"					F-48-72-B-a
cửa Bò Vàng	TV	xã Cái Chiên	H. Hải Hà	21° 16' 09"	107° 38' 56"					F-48-72-A-d
thôn Cái Chiên	DC	xã Cái Chiên	H. Hải Hà	21° 19' 35"	107° 46' 34"					F-48-72-B-c
thôn Đầu Rồng	DC	xã Cái Chiên	H. Hải Hà	21° 19' 07"	107° 44' 46"					F-48-72-A-d
cửa Hẹp	TV	xã Cái Chiên	H. Hải Hà	21° 16' 20"	107° 38' 52"					F-48-72-A-d
vụng Mé Sau	TV	xã Cái Chiên	H. Hải Hà	21° 19' 54"	107° 45' 50"					F-48-72-B-c
vụng Mé Trước	TV	xã Cái Chiên	H. Hải Hà	21° 19' 21"	107° 46' 16"					F-48-72-B-c
vụng Thổ	TV	xã Cái Chiên	H. Hải Hà	21° 18' 57"	107° 43' 29"					F-48-72-A-d
cửa Tiểu	TV	xã Cái Chiên	H. Hải Hà	21° 18' 06"	107° 42' 01"					F-48-72-A-d
thôn Vạn Cả	DC	xã Cái Chiên	H. Hải Hà	21° 20' 18"	107° 47' 38"					F-48-72-B-c
cửa Vạn Mặc	TV	xã Cái Chiên	H. Hải Hà	21° 17' 02"	107° 39' 56"					F-48-72-A-d
thôn 1	DC	xã Đường Hoa	H. Hải Hà	21° 26' 04"	107° 39' 45"					F-48-72-A-b
thôn 2	DC	xã Đường Hoa	H. Hải Hà	21° 25' 18"	107° 38' 58"					F-48-72-A-b
thôn 3	DC	xã Đường Hoa	H. Hải Hà	21° 25' 06"	107° 38' 50"					F-48-72-A-b
thôn 4	DC	xã Đường Hoa	H. Hải Hà	21° 24' 40"	107° 39' 07"					F-48-72-A-b
thôn 5	DC	xã Đường Hoa	H. Hải Hà	21° 24' 07"	107° 39' 05"					F-48-72-A-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn 6	DC	xã Đường Hoa	H. Hải Hà	21° 24' 22"	107° 38' 39"					F-48-72-A-b
thôn 7	DC	xã Đường Hoa	H. Hải Hà	21° 24' 14"	107° 38' 18"					F-48-72-A-b
thôn 8	DC	xã Đường Hoa	H. Hải Hà	21° 24' 14"	107° 37' 58"					F-48-72-A-b
thôn 9	DC	xã Đường Hoa	H. Hải Hà	21° 24' 49"	107° 38' 30"					F-48-72-A-b
quốc lộ 18A	KX	xã Đường Hoa	H. Hải Hà			21° 26' 19"	107° 40' 01"	21° 24' 24"	107° 37' 44"	F-48-72-A-b
cống Bảy Cửa	TV	xã Đường Hoa	H. Hải Hà	21° 25' 02"	107° 40' 11"					F-48-72-A-b
cầu Đá Bàn	KX	xã Đường Hoa	H. Hải Hà	21° 24' 24"	107° 37' 44"					F-48-72-A-b
sông Đường Hoa	TV	xã Đường Hoa	H. Hải Hà			21° 27' 09"	107° 37' 27"	21° 23' 45"	107° 40' 08"	F-48-72-A-d
suối Khe Hèo	TV	xã Đường Hoa	H. Hải Hà			21° 28' 06"	107° 37' 47"	21° 26' 27"	107° 39' 24"	F-48-72-A-b
cầu Khe Hèo	KX	xã Đường Hoa	H. Hải Hà	21° 26' 19"	107° 40' 01"					F-48-72-A-b
cầu Mái Bằng	KX	xã Đường Hoa	H. Hải Hà	21° 25' 14"	107° 38' 53"					F-48-72-A-b
núi Vạ Đầm	SV	xã Đường Hoa	H. Hải Hà	21° 23' 26"	107° 40' 02"					F-48-72-A-b
thôn Bắc	DC	xã Phú Hải	H. Hải Hà	21° 26' 48"	107° 45' 24"					F-48-72-B-a
suối Khe La	TV	xã Phú Hải	H. Hải Hà			21° 26' 25"	107° 45' 14"	21° 26' 23"	107° 45' 53"	F-48-72-B-a
thôn Nam	DC	xã Phú Hải	H. Hải Hà	21° 26' 32"	107° 45' 27"					F-48-72-B-a
thôn Trung	DC	xã Phú Hải	H. Hải Hà	21° 26' 39"	107° 45' 24"					F-48-72-B-a
thôn 1	DC	xã Quảng Chính	H. Hải Hà	21° 27' 03"	107° 42' 24"					F-48-72-A-b
thôn 2	DC	xã Quảng Chính	H. Hải Hà	21° 27' 15"	107° 43' 03"					F-48-72-A-b
thôn 3	DC	xã Quảng Chính	H. Hải Hà	21° 26' 49"	107° 43' 16"					F-48-72-A-b
thôn 4	DC	xã Quảng Chính	H. Hải Hà	21° 26' 59"	107° 43' 45"					F-48-72-A-b
thôn 5	DC	xã Quảng Chính	H. Hải Hà	21° 27' 02"	107° 44' 00"					F-48-72-A-b
thôn 6	DC	xã Quảng Chính	H. Hải Hà	21° 26' 51"	107° 44' 05"					F-48-72-A-b
thôn 7	DC	xã Quảng Chính	H. Hải Hà	21° 27' 28"	107° 44' 56"					F-48-72-A-b
thôn 8	DC	xã Quảng Chính	H. Hải Hà	21° 27' 43"	107° 44' 35"					F-48-72-A-b
thôn 9	DC	xã Quảng Chính	H. Hải Hà	21° 27' 20"	107° 44' 20"					F-48-72-A-b
thôn 10	DC	xã Quảng Chính	H. Hải Hà	21° 27' 33"	107° 43' 52"					F-48-72-A-b
quốc lộ 18A	KX	xã Quảng Chính	H. Hải Hà			21° 27' 06"	107° 44' 37"	21° 27' 21"	107° 42' 23"	F-48-72-B-a
Công ty Cổ phần XNK Quảng Ninh	KX	xã Quảng Chính	H. Hải Hà	21° 27' 32"	107° 45' 11"					F-48-72-B-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
sông Hà Cối	TV	xã Quảng Chính	H. Hải Hà			21° 27' 28"	107° 43' 30"	21° 27' 19"	107° 45' 04"	F-48-72-A-b, F-48-72-B-a
sông Tài Chi	TV	xã Quảng Chính	H. Hải Hà			21° 28' 27"	107° 44' 09"	21° 27' 29"	107° 45' 37"	F-48-72-B-a, F-48-72-A-b
thôn 1	DC	xã Quảng Điền	H. Hải Hà	21° 26' 00"	107° 43' 14"					F-48-72-A-b
thôn 2	DC	xã Quảng Điền	H. Hải Hà	21° 25' 44"	107° 43' 20"					F-48-72-A-b
thôn 3	DC	xã Quảng Điền	H. Hải Hà	21° 25' 59"	107° 43' 50"					F-48-72-A-b
thôn 4	DC	xã Quảng Điền	H. Hải Hà	21° 26' 01"	107° 44' 24"					F-48-72-A-b
thôn 5	DC	xã Quảng Điền	H. Hải Hà	21° 25' 35"	107° 44' 27"					F-48-72-A-b
thôn 6	DC	xã Quảng Điền	H. Hải Hà	21° 25' 16"	107° 44' 36"					F-48-72-A-b
đường tỉnh 340	KX	xã Quảng Đức	H. Hải Hà			21° 32' 24"	107° 44' 39"	21° 37' 34"	107° 42' 57"	F-48-60-C
đèo Vắn Tốc	SV	xã Quảng Đức	H. Hải Hà	21° 37' 00"	107° 41' 45"					F-48-60-C
cửa khẩu Bắc Phong Sinh	KX	xã Quảng Đức	H. Hải Hà	21° 37' 29"	107° 43' 00"					F-48-60-C
xóm Bảo Lâm	DC	xã Quảng Đức	H. Hải Hà	21° 36' 16"	107° 43' 35"					F-48-60-C
núi Cao Ba Lanh	SV	xã Quảng Đức	H. Hải Hà	21° 35' 37"	107° 39' 59"					F-48-60-C
sông Ka Long	TV	xã Quảng Đức	H. Hải Hà			21° 36' 24"	107° 40' 18"	21° 38' 31"	107° 44' 49"	F-48-60-C
bản Mốc 13	DC	xã Quảng Đức	H. Hải Hà	21° 38' 13"	107° 44' 20"					F-48-60-C
suối Pạt Cạp	TV	xã Quảng Đức	H. Hải Hà			21° 37' 21"	107° 43' 39"	21° 35' 50"	107° 44' 16"	F-48-60-C
đèo Sài Phật	KX	xã Quảng Đức	H. Hải Hà	21° 34' 31"	107° 43' 40"					F-48-60-C
suối Tài Chi	TV	xã Quảng Đức	H. Hải Hà			21° 34' 47"	107° 38' 11"	21° 30' 06"	107° 42' 19"	F-48-60-C
đèo Tài Phật	KX	xã Quảng Đức	H. Hải Hà	21° 35' 22"	107° 43' 54"					F-48-60-C
suối Tấn Mài	TV	xã Quảng Đức	H. Hải Hà			21° 34' 34"	107° 41' 22"	21° 32' 48"	107° 44' 44"	F-48-60-C
mỏ đá Tấn Mài	KX	xã Quảng Đức	H. Hải Hà	21° 34' 03"	107° 42' 26"					F-48-60-C
suối Vắn Tốc	TV	xã Quảng Đức	H. Hải Hà			21° 35' 49"	107° 41' 16"	21° 36' 59"	107° 41' 46"	F-48-60-C
thôn 1	DC	xã Quảng Long	H. Hải Hà	21° 26' 29	107° 44' 01"					F-48-72-A-b
thôn 2	DC	xã Quảng Long	H. Hải Hà	21° 26' 27"	107° 43' 07"					F-48-72-A-b
thôn 3	DC	xã Quảng Long	H. Hải Hà	21° 26' 31"	107° 42' 21"					F-48-72-A-b
thôn 4	DC	xã Quảng Long	H. Hải Hà	21° 27' 13"	107° 41' 47"					F-48-72-A-b
thôn 5	DC	xã Quảng Long	H. Hải Hà	21° 27' 27"	107° 42' 15"					F-48-72-A-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn 6	DC	xã Quảng Long	H. Hải Hà	21° 27' 47"	107° 41' 49"					F-48-72-A-b
quốc lộ 18A	KX	xã Quảng Long	H. Hải Hà			21° 27' 21"	107° 42' 23"	21° 26' 51"	107° 40' 46"	F-48-72-A-b
Công ty Cổ phần chè Đường Hoa	KX	xã Quảng Long	H. Hải Hà	21° 27' 10"	107° 40' 55"					F-48-72-A-b
cầu Đèo Hoa 1	KX	xã Quảng Long	H. Hải Hà	21° 26' 51"	107° 40' 46"					F-48-72-A-b
sông Hà Cối	TV	xã Quảng Long	H. Hải Hà			21° 28' 21"	107° 40' 28"	21° 28' 03"	107° 41' 49"	F-48-72-A-b
suối La	TV	xã Quảng Long	H. Hải Hà			21° 26' 31"	107° 43' 17"	21° 26' 37"	107° 44' 25"	F-48-72-A-b
máng Trúc Bài Sơn	TV	xã Quảng Long	H. Hải Hà			21° 28' 01"	107° 40' 22"	21° 27' 25"	107° 41' 05"	F-48-72-A-b
thủy điện Trúc Bài Sơn	KX	xã Quảng Long	H. Hải Hà	21° 27' 27"	107° 41' 07"					F-48-72-A-b
thôn 1	DC	xã Quảng Minh	H. Hải Hà	21° 27' 32"	107° 45' 47"					F-48-72-B-a
thôn 2	DC	xã Quảng Minh	H. Hải Hà	21° 27' 56"	107° 45' 39"					F-48-72-B-a
thôn 3	DC	xã Quảng Minh	H. Hải Hà	21° 27' 56"	107° 46' 29"					F-48-72-B-a
thôn 4	DC	xã Quảng Minh	H. Hải Hà	21° 28' 19"	107° 46' 26"					F-48-72-B-a
thôn 5	DC	xã Quảng Minh	H. Hải Hà	21° 28' 42"	107° 46' 13"					F-48-72-B-a
thôn 6	DC	xã Quảng Minh	H. Hải Hà	21° 28' 36"	107° 45' 35"					F-48-72-B-a
quốc lộ 18A	KX	xã Quảng Minh	H. Hải Hà			21° 28' 14"	107° 45' 35"	21° 26' 57"	107° 45' 33"	F-48-72-B-a
sông Hà Cối	TV	xã Quảng Minh	H. Hải Hà			21° 27' 05"	107° 45' 33"	21° 25' 59"	107° 47' 55"	F-48-72-B-a
cầu Hà Cối	KX	xã Quảng Minh	H. Hải Hà	21° 26' 57"	107° 45' 33"					F-48-72-B-a
thôn Minh Tân	DC	xã Quảng Minh	H. Hải Hà	21° 27' 05"	107° 45' 38"					F-48-72-B-a
đầm Phú Hải	TV	xã Quảng Minh	H. Hải Hà	21° 28' 45"	107° 47' 08"					F-48-72-B-a
thôn 1	DC	xã Quảng Phong	H. Hải Hà	21° 24' 51"	107° 44' 06"					F-48-72-A-b
thôn 2	DC	xã Quảng Phong	H. Hải Hà	21° 24' 27"	107° 43' 52"					F-48-72-A-b
thôn 3	DC	xã Quảng Phong	H. Hải Hà	21° 25' 03"	107° 42' 53"					F-48-72-A-b
thôn 4	DC	xã Quảng Phong	H. Hải Hà	21° 25' 48"	107° 42' 51"					F-48-72-A-b
thôn 5	DC	xã Quảng Phong	H. Hải Hà	21° 26' 04"	107° 42' 26"					F-48-72-A-b
thôn 6	DC	xã Quảng Phong	H. Hải Hà	21° 26' 47"	107° 40' 25"					F-48-72-A-b
thôn 7	DC	xã Quảng Phong	H. Hải Hà	21° 24' 39"	107° 40' 55"					F-48-72-A-b
thôn 8	DC	xã Quảng Phong	H. Hải Hà	21° 25' 14"	107° 40' 27"					F-48-72-A-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn 9	DC	xã Quảng Phong	H. Hải Hà	21° 24' 46"	107° 40' 44"					F-48-72-A-b
quốc lộ 18A	KX	xã Quảng Phong	H. Hải Hà			21° 26' 51"	107° 40' 46"	21° 26' 19"	107° 40' 01"	F-48-72-A-b
sông Bồ Lồ	TV	xã Quảng Phong	H. Hải Hà			21° 26' 51"	107° 40' 46"	21° 24' 39"	107° 42' 43"	F-48-72-A-b
sông Cái Đại Hoàng	TV	xã Quảng Phong	H. Hải Hà			21° 24' 39"	107° 42' 43"	21° 22' 39"	107° 43' 25"	F-48-72-A-b
thôn Cái Đước	DC	xã Quảng Phong	H. Hải Hà	21° 24' 34"	107° 43' 19"					F-48-72-A-b
rạch Cái Đước	TV	xã Quảng Phong	H. Hải Hà			21° 25' 46"	107° 42' 38"	21° 23' 03"	107° 43' 40"	F-48-72-A-b
lạch Cái Là	TV	xã Quảng Phong	H. Hải Hà			21° 24' 22"	107° 41' 35"	21° 22' 33"	107° 43' 36"	F-48-72-A-b
sông Đường Hoa	TV	xã Quảng Phong	H. Hải Hà			21° 23' 45"	107° 40' 08"	21° 21' 21"	107° 41' 04"	F-48-72-A-d
đảo Miều	TV	xã Quảng Phong	H. Hải Hà	21° 22' 00"	107° 44' 46"					F-48-72-A-d
núi Sinh	SV	xã Quảng Phong	H. Hải Hà	21° 25' 44"	107° 40' 41"					F-48-72-A-b
thôn 3	DC	xã Quảng Sơn	H. Hải Hà	21° 28' 42"	107° 37' 33"					F-48-72-A-b
thôn 4	DC	xã Quảng Sơn	H. Hải Hà	21° 28' 26"	107° 40' 09"					F-48-72-A-b
bản Cấu Phùng	DC	xã Quảng Sơn	H. Hải Hà	21° 29' 08"	107° 41' 13"					F-48-72-A-b
đồi Chung	SV	xã Quảng Sơn	H. Hải Hà	21° 35' 46"	107° 36' 00"					F-48-60-C
suối Đại Khanh Vĩ	TV	xã Quảng Sơn	H. Hải Hà			21° 35' 49"	107° 39' 34"	21° 36' 32"	107° 38' 50"	F-48-60-C
sông Đường Hoa	TV	xã Quảng Sơn	H. Hải Hà			21° 27' 06"	107° 36' 45"	21° 27' 10"	107° 37' 25"	F-48-72-A-a
sông Hà Cối	TV	xã Quảng Sơn	H. Hải Hà			21° 29' 09"	107° 36' 54"	21° 28' 23"	107° 42' 18"	F-48-72-A-b
suối Keo Tiên	TV	xã Quảng Sơn	H. Hải Hà			21° 31' 16"	107° 31' 12"	21° 30' 06"	107° 34' 24"	F-48-60-C
bản Lồ Má Coọc	DC	xã Quảng Sơn	H. Hải Hà	21° 29' 38"	107° 38' 01"					F-48-72-A-b
bản Lý Quáng	DC	xã Quảng Sơn	H. Hải Hà	21° 29' 53"	107° 36' 47"					F-48-72-A-a
suối Lý Quáng	TV	xã Quảng Sơn	H. Hải Hà			21° 31' 36"	107° 36' 47"	21° 30' 04"	107° 36' 51"	F-48-60-C
sông Lý Quáng	TV	xã Quảng Sơn	H. Hải Hà			21° 30' 04"	107° 36' 51"	21° 29' 09"	107° 36' 54"	F-48-72-A-a, F-48-60-C
suối Mã Song	TV	xã Quảng Sơn	H. Hải Hà			21° 35' 06"	107° 37' 02"	21° 36' 34"	107° 36' 38"	F-48-60-C
bản Mảy Nháo	DC	xã Quảng Sơn	H. Hải Hà	21° 30' 07"	107° 34' 03"					F-48-72-A-a
bản Mố Kiệc	DC	xã Quảng Sơn	H. Hải Hà	21° 28' 17"	107° 37' 05"					F-48-72-A-a
bản Pạc Sủi	DC	xã Quảng Sơn	H. Hải Hà	21° 29' 18"	107° 35' 17"					F-48-72-A-a
suối Pù Tục	TV	xã Quảng Sơn	H. Hải Hà			21° 31' 03"	107° 35' 22"	21° 29' 48"	107° 36' 09"	F-48-60-C, F-48-72-A-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
bản Quảng Mới	DC	xã Quảng Sơn	H. Hải Hà	21° 28' 43"	107° 38' 16"					F-48-72-A-b
dãy Quảng Nam Châu	SV	xã Quảng Sơn	H. Hải Hà	21° 34' 27"	107° 37' 06"					F-48-60-C
mỏ đá Quảng Sơn	KX	xã Quảng Sơn	H. Hải Hà	21° 29' 35"	107° 35' 57"					F-48-72-A-a
sông Sám Cáu	TV	xã Quảng Sơn	H. Hải Hà			21° 30' 00"	107° 34' 37"	21° 29' 39"	107° 35' 30"	F-48-72-A-a
suối Sám Cáu	TV	xã Quảng Sơn	H. Hải Hà			21° 30' 06"	107° 34' 24"	21° 30' 00"	107° 34' 37"	F-48-60-C
bản Sán Cái Coọc	DC	xã Quảng Sơn	H. Hải Hà	21° 26' 47"	107° 39' 33"					F-48-72-A-b
bản Tài Chi	DC	xã Quảng Sơn	H. Hải Hà	21° 30' 47"	107° 40' 51"					F-48-60-C
suối Tài Chi	TV	xã Quảng Sơn	H. Hải Hà			21° 34' 47"	107° 38' 11"	21° 29' 46"	107° 42' 21"	F-48-60-C, F-48-72-A-b
suối Tiểu Khanh Vĩ	TV	xã Quảng Sơn	H. Hải Hà			21° 35' 22"	107° 37' 57"	21° 36' 35"	107° 37' 41"	F-48-60-C
sông Trúc Bài Sơn	TV	xã Quảng Sơn	H. Hải Hà			21° 29' 39"	107° 35' 30"	21° 29' 09"	107° 36' 54"	F-48-72-A-a
hồ Trúc Bài Sơn	TV	xã Quảng Sơn	H. Hải Hà	21° 29' 49"	107° 39' 09"					F-48-72-A-b
thôn 1	DC	xã Quảng Thắng	H. Hải Hà	21° 29' 45"	107° 46' 18"					F-48-72-B-a
thôn 2	DC	xã Quảng Thắng	H. Hải Hà	21° 29' 42"	107° 46' 59"					F-48-72-B-a
thôn 3	DC	xã Quảng Thắng	H. Hải Hà	21° 29' 05"	107° 47' 34"					F-48-72-B-a
thôn 4	DC	xã Quảng Thắng	H. Hải Hà	21° 29' 25"	107° 45' 58"					F-48-72-B-a
núi Diều	SV	xã Quảng Thắng	H. Hải Hà	21° 28' 44"	107° 47' 39"					F-48-72-B-a
sông Má Ham	TV	xã Quảng Thắng	H. Hải Hà			21° 30' 45"	107° 46' 13"	21° 27' 30"	107° 48' 53"	F-48-72-B-a, F-48-60-D
đầm Phú Hải	TV	xã Quảng Thắng	H. Hải Hà	21° 28' 45"	107° 47' 08"					F-48-72-B-a
đường tỉnh 340	KX	xã Quảng Thành	H. Hải Hà			21° 32' 24"	107° 44' 39"	21° 30' 38"	107° 44' 53"	F-48-60-C
quốc lộ 18A	KX	xã Quảng Thành	H. Hải Hà			21° 31' 01"	107° 45' 31"	21° 28' 14"	107° 45' 35"	F-48-60-D, F-48-72-A-b
suối Đầm Nâu	TV	xã Quảng Thành	H. Hải Hà			21° 31' 51"	107° 44' 44"	21° 30' 51"	107° 45' 40"	F-48-60-D, F-48-60-C
thôn Hải An	DC	xã Quảng Thành	H. Hải Hà	21° 28' 47"	107° 43' 54"					F-48-72-A-b
thôn Hải Đông	DC	xã Quảng Thành	H. Hải Hà	21° 29' 46"	107° 45' 22"					F-48-72-B-a
thôn Hải Thành	DC	xã Quảng Thành	H. Hải Hà	21° 28' 58"	107° 44' 51"					F-48-72-A-b
thôn Hải Yên	DC	xã Quảng Thành	H. Hải Hà	21° 29' 05"	107° 45' 07"					F-48-72-B-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
suối Quảng Thành	TV	xã Quảng Thành	H. Hải Hà			21° 31' 32"	107° 43' 30"	21° 30' 03"	107° 44' 23"	F-48-60-C
cầu Quảng Thành 1	KX	xã Quảng Thành	H. Hải Hà	21° 28' 47"	107° 45' 20"					F-48-72-B-a
cầu Quảng Thành 2	KX	xã Quảng Thành	H. Hải Hà	21° 29' 35"	107° 44' 43"					F-48-72-A-b
suối Tài Chi	TV	xã Quảng Thành	H. Hải Hà			21° 30' 44"	107° 42' 36"	21° 28' 08"	107° 45' 20"	F-48-72-A-b
hồ Trung Đoàn	TV	xã Quảng Thành	H. Hải Hà	21° 29' 09"	107° 44' 10"					F-48-72-A-b
thôn 1	DC	xã Quảng Thịnh	H. Hải Hà	21° 28' 03"	107° 43' 32"					F-48-72-A-b
thôn 2	DC	xã Quảng Thịnh	H. Hải Hà	21° 28' 19"	107° 43' 08"					F-48-72-A-b
thôn 3	DC	xã Quảng Thịnh	H. Hải Hà	21° 28' 40"	107° 43' 16"					F-48-72-A-b
thôn 4	DC	xã Quảng Thịnh	H. Hải Hà	21° 28' 06"	107° 42' 31"					F-48-72-A-b
thôn 5	DC	xã Quảng Thịnh	H. Hải Hà	21° 27' 48"	107° 42' 27"					F-48-72-A-b
thôn 1	DC	xã Quảng Trung	H. Hải Hà	21° 26' 28"	107° 44' 50"					F-48-72-A-b
thôn 2	DC	xã Quảng Trung	H. Hải Hà	21° 26' 13"	107° 44' 40"					F-48-72-A-b
thôn 1	DC	xã Tiến Tới	H. Hải Hà	21° 24' 22"	107° 39' 37"					F-48-72-A-b
thôn 2	DC	xã Tiến Tới	H. Hải Hà	21° 24' 16"	107° 39' 50"					F-48-72-A-b
thôn 3	DC	xã Tiến Tới	H. Hải Hà	21° 24' 09"	107° 39' 53"					F-48-72-A-b
khu 2	DC	TT. Trới	H. Hoành Bồ	21° 01' 28"	106° 59' 03"					F-48-70-D-d
khu 4	DC	TT. Trới	H. Hoành Bồ	21° 01' 36"	106° 59' 28"					F-48-70-D-d
khu 5	DC	TT. Trới	H. Hoành Bồ	21° 01' 42"	106° 59' 18"					F-48-70-D-d
khu 7	DC	TT. Trới	H. Hoành Bồ	21° 02' 25"	106° 59' 30"					F-48-70-D-d
khu 8	DC	TT. Trới	H. Hoành Bồ	21° 02' 42"	106° 59' 44"					F-48-70-D-d
khu 9	DC	TT. Trới	H. Hoành Bồ	21° 02' 49"	106° 59' 31"					F-48-70-D-d
đập Dộc Cùng	TV	TT. Trới	H. Hoành Bồ	21° 02' 05"	106° 59' 46"					F-48-70-D-d
xóm Đồng Giót	DC	TT. Trới	H. Hoành Bồ	21° 02' 06"	106° 59' 26"					F-48-70-D-d
Công ty Lâm nghiệp Hoành Bồ	KX	TT. Trới	H. Hoành Bồ	21° 03' 03"	107' 00" 13"					F-48-71-C-c
núi Nồi Đồng	SV	TT. Trới	H. Hoành Bồ	21° 03' 10"	106° 58' 42"					F-48-70-D-d
sông Trới	TV	TT. Trới	H. Hoành Bồ							
chợ Trới	KX	TT. Trới	H. Hoành Bồ	21° 01' 25"	106° 59' 17"					F-48-70-D-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
suối Váo	TV	TT. Trới	H. Hoành Bồ			21° 03' 18"	106° 59' 56"	21° 02' 38"	106° 59' 35"	F-48-70-D-d
thôn 1	DC	xã Bằng Cả	H. Hoành Bồ	21° 05' 26"	106° 51' 21"					F-48-70-D-c
thôn 2	DC	xã Bằng Cả	H. Hoành Bồ	21° 05' 20"	106° 52' 00"					F-48-70-D-c
thôn 3	DC	xã Bằng Cả	H. Hoành Bồ	21° 04' 33"	106° 51' 48"					F-48-70-D-c
núi Ba Lô	SV	xã Bằng Cả	H. Hoành Bồ	21° 06' 11"	106° 51' 41"					F-48-70-D-c
núi Đá Chồng	SV	xã Bằng Cả	H. Hoành Bồ	21° 02' 15"	106° 52' 07"					F-48-70-D-c
sông Đồn	TV	xã Bằng Cả	H. Hoành Bồ			21° 05' 59"	106° 52' 16"	21° 04' 05"	106° 52' 41"	F-48-70-D-c
suối Khe Liêu	TV	xã Bằng Cả	H. Hoành Bồ			21° 04' 37"	106° 50' 00"	21° 04' 43"	106° 51' 53"	F-48-70-D-c
núi Trực Chiến	SV	xã Bằng Cả	H. Hoành Bồ	21° 03' 36"	106° 50' 55"					F-48-70-D-c
hồ Yên Lập	TV	xã Bằng Cả	H. Hoành Bồ	21° 02' 33"	106° 53' 13"					F-48-70-D-c
thôn 2	DC	xã Dân Chủ	H. Hoành Bồ	21° 04' 57"	106° 55' 23"					F-48-70-D-d
suối Đá Lờm	TV	xã Dân Chủ	H. Hoành Bồ			21° 05' 13"	106° 55' 21"	21° 04' 37"	106° 55' 55"	F-48-70-D-d
khe Đồng Dinh	TV	xã Dân Chủ	H. Hoành Bồ			21° 06' 12"	106° 55' 30"	21° 05' 13"	106° 55' 21"	F-48-70-D-d
quốc lộ 279	KX	xã Dân Tân	H. Hoành Bồ			21° 11' 18"	106° 50' 48"	21° 07' 36"	106° 52' 38"	F-48-70-D-a, F-48-70-D-b
thôn Bằng Anh	DC	xã Dân Tân	H. Hoành Bồ	21° 09' 32"	106° 51' 53"					F-48-70-D-a
suối Bằng Anh	TV	xã Dân Tân	H. Hoành Bồ			21° 10' 53"	106° 50' 09"	21° 05' 59"	106° 52' 16"	F-48-70-D-a, F-48-70-D-c
khe Cát	TV	xã Dân Tân	H. Hoành Bồ			21° 08' 59"	106° 56' 04"	21° 08' 58"	106° 52' 20"	F-48-70-D-b, F-48-70-D-a
khe Chiu	TV	xã Dân Tân	H. Hoành Bồ			21° 07' 58"	106° 53' 16"	21° 07' 55"	106° 52' 42"	F-48-70-D-b
núi Dâu Tiên	SV	xã Dân Tân	H. Hoành Bồ	21° 08' 36"	106° 56' 17"					F-48-70-D-b
khe Dùng	TV	xã Dân Tân	H. Hoành Bồ			21° 10' 33"	106° 52' 41"	21° 09' 01"	106° 52' 37"	F-48-70-D-b
núi Đá Bồm	SV	xã Dân Tân	H. Hoành Bồ	21° 09' 36"	106° 51' 25"					F-48-70-D-a
thôn Đất Đỏ	DC	xã Dân Tân	H. Hoành Bồ	21° 06' 20"	106° 52' 08"					F-48-70-D-c
núi Đèo Bù	SV	xã Dân Tân	H. Hoành Bồ	21° 10' 12"	106° 52' 08"					F-48-70-D-a
thôn Đồng Mùng	DC	xã Dân Tân	H. Hoành Bồ	21° 08' 53"	106° 52' 54"					F-48-70-D-b
thôn Hang Trăn	DC	xã Dân Tân	H. Hoành Bồ	21° 08' 23"	106° 52' 34"					F-48-70-D-b
núi Khe Bo	SV	xã Dân Tân	H. Hoành Bồ	21° 09' 05"	106° 55' 25"					F-48-70-D-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Khe Cát	DC	xã Dân Tân	H. Hoành Bồ	21° 08' 38"	106° 54' 12"					F-48-70-D-b
núi Khe Chiu	SV	xã Dân Tân	H. Hoành Bồ	21° 07' 41"	106° 54' 12"					F-48-70-D-b
thôn Khe Đồng	DC	xã Dân Tân	H. Hoành Bồ	21° 07' 30"	106° 52' 38"					F-48-70-D-b
thôn Khe Mực	DC	xã Dân Tân	H. Hoành Bồ	21° 08' 50"	106° 52' 09"					F-48-70-D-a
xóm Khe Phất	DC	xã Dân Tân	H. Hoành Bồ	21° 06' 45"	106° 51' 58"					F-48-70-D-c
khe Mực	TV	xã Dân Tân	H. Hoành Bồ			21° 08' 55"	106° 50' 24"	21° 08' 33"	106° 52' 18"	F-48-70-D-a
khe Phát	TV	xã Dân Tân	H. Hoành Bồ			21° 07' 14"	106° 51' 03"	21° 06' 48"	106° 52' 07"	F-48-70-D-c
khe Tàu	TV	xã Dân Tân	H. Hoành Bồ			21° 09' 53"	106° 55' 56"	21° 08' 51"	106° 53' 04"	F-48-70-D-b
khe Ẳng	TV	xã Đồng Lâm	H. Hoành Bồ			21° 06' 09"	106° 59' 20"	21° 06' 23"	106° 58' 00"	F-48-70-D-d
Ảo Lươn	DC	xã Đồng Lâm	H. Hoành Bồ	21° 07' 50"	106° 58' 33"					F-48-70-D-b
núi Bu Lu	SV	xã Đồng Lâm	H. Hoành Bồ	21° 08' 12"	106° 59' 59"					F-48-70-D-b
thôn Cài	DC	xã Đồng Lâm	H. Hoành Bồ	21° 06' 33"	106° 58' 02"					F-48-70-D-d
khe Cài	TV	xã Đồng Lâm	H. Hoành Bồ			21° 09' 05"	106° 57' 15"	21° 06' 56"	106° 58' 36"	F-48-70-D-b
khe Cát	TV	xã Đồng Lâm	H. Hoành Bồ			21° 06' 23"	106° 58' 01"	21° 04' 56"	106° 57' 37"	F-48-70-D-d
đèo Chũ	KX	xã Đồng Lâm	H. Hoành Bồ	21° 09' 40"	106° 58' 43"					F-48-70-D-b
núi Đá Bia	SV	xã Đồng Lâm	H. Hoành Bồ	21° 05' 56"	107° 05' 58"					F-48-71-C-c
thôn Đèo Đọc	DC	xã Đồng Lâm	H. Hoành Bồ	21° 05' 15"	106° 58' 06"					F-48-70-D-d
núi Đèo Kinh	SV	xã Đồng Lâm	H. Hoành Bồ	21° 08' 18"	107° 03' 22"					F-48-71-C-a
thôn Đồng Quặng	DC	xã Đồng Lâm	H. Hoành Bồ	21° 05' 27"	107° 02' 52"					F-48-71-C-c
suối Đồng Quặng	TV	xã Đồng Lâm	H. Hoành Bồ			21° 06' 14"	107' 00" 41"	21° 04' 03"	107° 03' 06"	F-48-71-C-c
thôn Đồng Trà	DC	xã Đồng Lâm	H. Hoành Bồ	21° 06' 50"	107° 04' 41"					F-48-71-C-c
suối Đồng Trà	TV	xã Đồng Lâm	H. Hoành Bồ			21° 07' 18"	107° 05' 40"	21° 06' 14"	107° 03' 50"	F-48-71-C-c
khe Đu	TV	xã Đồng Lâm	H. Hoành Bồ			21° 06' 28"	106° 59' 57"	21° 06' 56"	106° 58' 36"	F-48-70-D-d
núi Hố Lụ	SV	xã Đồng Lâm	H. Hoành Bồ	21° 07' 27"	106° 59' 50"					F-48-70-D-d
núi Khe Đu	SV	xã Đồng Lâm	H. Hoành Bồ	21° 07' 25"	107' 00" 26"					F-48-71-C-c
núi Khe Len	SV	xã Đồng Lâm	H. Hoành Bồ	21° 07' 47"	106° 57' 40"					F-48-70-D-b
thôn Khe Lèn	DC	xã Đồng Lâm	H. Hoành Bồ	21° 07' 19"	106° 56' 58"					F-48-70-D-d
núi Khe Mèo	SV	xã Đồng Lâm	H. Hoành Bồ	21° 05' 22"	106° 58' 37"					F-48-70-D-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
núi Lăn	SV	xã Đồng Lâm	H. Hoành Bồ	21° 05' 01"	107° 04' 16"					F-48-71-C-c
núi Lèn	SV	xã Đồng Lâm	H. Hoành Bồ	21° 06' 40"	107° 02' 50"					F-48-71-C-c
khe Lèn	TV	xã Đồng Lâm	H. Hoành Bồ			21° 08' 34"	106° 56' 29"	21° 06' 39"	106° 57' 57"	F-48-70-D-d, F-48-70-D-b
núi Lưỡng Kỳ	SV	xã Đồng Lâm	H. Hoành Bồ	21° 04' 34"	107° 03' 34"					F-48-71-C-c
núi Sén	SV	xã Đồng Lâm	H. Hoành Bồ	21° 07' 05"	107° 03' 41"					F-48-71-C-c
khe Tre	TV	xã Đồng Lâm	H. Hoành Bồ			21° 08' 20"	107° 02' 59"	21° 06' 14"	107° 03' 50"	F-48-71-C-c, F-48-71-C-a
khe Bóc	TV	xã Đồng Sơn	H. Hoành Bồ			21° 09' 50"	107° 04' 06"	21° 11' 07"	107° 03' 45"	F-48-71-C-a
đèo Bút	KX	xã Đồng Sơn	H. Hoành Bồ	21° 08' 41"	106° 59' 41"					F-48-70-D-b
khe Ca	TV	xã Đồng Sơn	H. Hoành Bồ			21° 13' 20"	107° 01' 17"	21° 13' 15"	107' 00" 39"	F-48-71-C-a
khe Cầm	TV	xã Đồng Sơn	H. Hoành Bồ			21° 13' 42"	107° 05' 27"	21° 13' 16"	107° 04' 48"	F-48-71-C-a
đèo Cầm	KX	xã Đồng Sơn	H. Hoành Bồ	21° 12' 30"	107° 04' 32"					F-48-71-C-a
khe Càn	TV	xã Đồng Sơn	H. Hoành Bồ			21° 11' 07"	107° 03' 45"	21° 12' 42"	107° 03' 54"	F-48-71-C-a
khe Chanh	TV	xã Đồng Sơn	H. Hoành Bồ			21° 12' 14"	107° 01' 52"	21° 12' 03"	107' 00" 50"	F-48-71-C-a
khe Dìa	TV	xã Đồng Sơn	H. Hoành Bồ			21° 08' 16"	107° 01' 55"	21° 10' 24"	107° 01' 03"	F-48-71-C-a
xóm Đồng Cầm	DC	xã Đồng Sơn	H. Hoành Bồ	21° 12' 54"	107° 04' 57"					F-48-71-C-a
khe Hin	TV	xã Đồng Sơn	H. Hoành Bồ			21° 12' 05"	106° 59' 57"	21° 12' 15"	107' 00" 33"	F-48-71-C-a
khe Kẻn	TV	xã Đồng Sơn	H. Hoành Bồ			21° 09' 36"	107° 02' 33"	21° 10' 55"	107° 01' 10"	F-48-71-C-a
xóm Khằm Kẻn	DC	xã Đồng Sơn	H. Hoành Bồ	21° 11' 09"	107° 03' 16"					F-48-71-C-a
đèo Khe Ca	KX	xã Đồng Sơn	H. Hoành Bồ	21° 13' 49"	107' 00" 59"					F-48-71-C-a
thôn Khe Càn	DC	xã Đồng Sơn	H. Hoành Bồ	21° 11' 57"	107° 04' 23"					F-48-71-C-a
núi Khe Cháy	SV	xã Đồng Sơn	H. Hoành Bồ	21° 13' 33"	106° 58' 01"					F-48-70-D-b
núi Khe Chùa	SV	xã Đồng Sơn	H. Hoành Bồ	21° 13' 42"	107° 04' 51"					F-48-71-C-a
xóm Khe Kẻn	DC	xã Đồng Sơn	H. Hoành Bồ	21° 10' 05"	107° 02' 26"					F-48-71-C-a
đèo Khe Mạ	KX	xã Đồng Sơn	H. Hoành Bồ	21° 10' 41"	107° 02' 59"					F-48-71-C-a
suối Khe Máy	TV	xã Đồng Sơn	H. Hoành Bồ			21° 09' 49"	106° 56' 31"	21° 12' 35"	107' 00" 02"	F-48-70-D-b
núi Khe Mốc	SV	xã Đồng Sơn	H. Hoành Bồ	21° 11' 26"	107° 05' 12"					F-48-71-C-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
suối Khe Mùi	TV	xã Đồng Sơn	H. Hoành Bồ			21° 10' 13"	106° 58' 56"	21° 11' 45"	106° 58' 17"	F-48-70-D-b
xóm Khe Ngà	DC	xã Đồng Sơn	H. Hoành Bồ	21° 11' 56"	106° 59' 42"					F-48-70-D-b
suối Khe Ngà	TV	xã Đồng Sơn	H. Hoành Bồ			21° 10' 56"	106° 59' 29"	21° 12' 43"	106° 59' 37"	F-48-70-D-b
xóm Khe Nội	DC	xã Đồng Sơn	H. Hoành Bồ	21° 11' 52"	107° 04' 19"					F-48-71-C-a
núi Khe O	SV	xã Đồng Sơn	H. Hoành Bồ	21° 11' 20"	107° 02' 22"					F-48-71-C-a
khe Mốc	TV	xã Đồng Sơn	H. Hoành Bồ			21° 11' 43"	107° 05' 32"	21° 12' 13"	107° 04' 24"	F-48-71-C-a
khe Nầy	TV	xã Đồng Sơn	H. Hoành Bồ			21° 12' 35"	107' 00" 02"	21° 12' 42"	107' 00" 32"	F-48-71-C-a
khe O	TV	xã Đồng Sơn	H. Hoành Bồ			21° 11' 40"	107° 02' 04"	21° 11' 40"	107° 01' 14"	F-48-71-C-a
thôn Phủ Liễn	DC	xã Đồng Sơn	H. Hoành Bồ	21° 11' 20"	106° 58' 01"					F-48-70-D-b
khe Tái	TV	xã Đồng Sơn	H. Hoành Bồ			21° 10' 16"	107' 00" 19"	21° 10' 11"	107' 00" 55"	F-48-71-C-a
suối Tân Ốc	TV	xã Đồng Sơn	H. Hoành Bồ			21° 07' 48"	107' 00" 31"	21° 13' 50"	107' 00" 21"	F-48-71-C-a
thôn Tân Ốc 1	DC	xã Đồng Sơn	H. Hoành Bồ	21° 11' 38"	107° 01' 21"					F-48-71-C-a
thôn Tân Ốc 2	DC	xã Đồng Sơn	H. Hoành Bồ	21° 10' 19"	107° 01' 04"					F-48-71-C-a
đường tỉnh 326	KX	xã Hòa Bình	H. Hoành Bồ			21° 03' 02"	107° 09' 45"	21° 03' 40"	107° 12' 09"	F-48-71-C-d
núi Băng Giài	SV	xã Hòa Bình	H. Hoành Bồ	21° 07' 53"	107° 13' 41"					F-48-71-C-b
hồ Cao Vân	TV	xã Hòa Bình	H. Hoành Bồ	21° 04' 21"	107° 12' 18"					F-48-71-C-d
suối Diễm vọng	TV	xã Hòa Bình	H. Hoành Bồ			21° 02' 54"	107° 12' 20"	21° 01' 54"	107° 11' 13"	F-48-71-C-d
thôn Đồng Lá	DC	xã Hòa Bình	H. Hoành Bồ	21° 03' 06"	107° 11' 01"					F-48-71-C-d
núi Đồng Lá	SV	xã Hòa Bình	H. Hoành Bồ	21° 02' 29"	107° 11' 01"					F-48-71-C-d
khe Đồng Lá	TV	xã Hòa Bình	H. Hoành Bồ			21° 02' 59"	107° 10' 57"	21° 02' 32"	107° 10' 30"	F-48-71-C-d
xóm Đồng Mơ	DC	xã Hòa Bình	H. Hoành Bồ	21° 03' 14"	107° 10' 02"					F-48-71-C-d
khe Hố	TV	xã Hòa Bình	H. Hoành Bồ			21° 07' 58"	107° 14' 12"	21° 05' 39"	107° 14' 23"	F-48-71-C-d, F-48-71-C-b
khe Hoa	TV	xã Hòa Bình	H. Hoành Bồ			21° 05' 42"	107° 12' 43"	21° 05' 29"	107° 12' 20"	F-48-71-C-d
núi Khe Khô	SV	xã Hòa Bình	H. Hoành Bồ	21° 07' 50"	107° 10' 59"					F-48-71-C-b
núi Man	SV	xã Hòa Bình	H. Hoành Bồ	21° 06' 49"	107° 09' 33"					F-48-71-C-d
suối Ngọn Mo	TV	xã Hòa Bình	H. Hoành Bồ			21° 07' 18"	107° 10' 18"	21° 05' 26"	107° 11' 53"	F-48-71-C-d
khe Sâu	TV	xã Hòa Bình	H. Hoành Bồ			21° 08' 19"	107° 09' 04"	21° 07' 18"	107° 10' 18"	F-48-71-C-b, F-48-71-C-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
núi Thác Cát	SV	xã Hòa Bình	H. Hoành Bồ	21° 03' 55"	107° 11' 05"					F-48-71-C-d
suối Thác Cát	TV	xã Hòa Bình	H. Hoành Bồ			21° 03' 56"	107° 12' 21"	21° 02' 54"	107° 12' 20"	F-48-71-C-d
khe Bông	TV	xã Kỳ Thượng	H. Hoành Bồ			21° 09' 16"	107° 08' 38"	21° 11' 43"	107° 07' 03"	F-48-71-C-b
khe Chương	TV	xã Kỳ Thượng	H. Hoành Bồ			21° 14' 11"	107° 07' 15"	21° 14' 08"	107° 06' 40"	F-48-71-C-a
đèo Dài	KX	xã Kỳ Thượng	H. Hoành Bồ	21° 09' 56"	107° 05' 36"					F-48-71-C-a
sông Đoáng	TV	xã Kỳ Thượng	H. Hoành Bồ			21° 13' 24"	107° 06' 56"	21° 14' 16"	107° 06' 35"	F-48-71-C-a
xóm Đồng Cút	DC	xã Kỳ Thượng	H. Hoành Bồ	21° 13' 38"	107° 06' 58"					F-48-71-C-a
xóm Đồng Mát	DC	xã Kỳ Thượng	H. Hoành Bồ	21° 12' 43"	107° 07' 03"					F-48-71-C-a
Khe Bông	DC	xã Kỳ Thượng	H. Hoành Bồ	21° 10' 58"	107° 07' 47"					F-48-71-C-b
thôn Khe Lương	DC	xã Kỳ Thượng	H. Hoành Bồ	21° 11' 44"	107° 07' 00"					F-48-71-C-a
núi Khe Pán	SV	xã Kỳ Thượng	H. Hoành Bồ	21° 12' 07"	107° 05' 51"					F-48-71-C-a
thôn Khe Phương	DC	xã Kỳ Thượng	H. Hoành Bồ	21° 11' 14"	107° 10' 29"					F-48-71-C-b
núi Khe Thê	SV	xã Kỳ Thượng	H. Hoành Bồ	21° 11' 50"	107° 08' 59"					F-48-71-C-b
thôn Khe Tre	DC	xã Kỳ Thượng	H. Hoành Bồ	21° 13' 20"	107° 07' 56"					F-48-71-C-b
suối Kỳ Thượng	TV	xã Kỳ Thượng	H. Hoành Bồ			21° 11' 10"	107° 10' 11"	21° 11' 46"	107° 12' 16"	F-48-71-C-b
khe Lương	TV	xã Kỳ Thượng	H. Hoành Bồ			21° 08' 42"	107° 06' 43"	21° 13' 24"	107° 06' 56"	F-48-71-C-a
khe Phương	TV	xã Kỳ Thượng	H. Hoành Bồ			21° 09' 27"	107° 10' 18"	21° 11' 10"	107° 10' 11"	F-48-71-C-b
khe Tre	TV	xã Kỳ Thượng	H. Hoành Bồ			21° 13' 32"	107° 10' 09"	21° 13' 24"	107° 06' 57"	F-48-71-C-b, F-48-71-C-a
hồ An Biên	TV	xã Lê Lợi	H. Hoành Bồ	21° 02' 07"	107' 00" 09"					F-48-71-C-c
thôn Bằng Xăm	DC	xã Lê Lợi	H. Hoành Bồ	21° 02' 02"	107' 00" 44"					F-48-71-C-c
xóm Chùa	DC	xã Lê Lợi	H. Hoành Bồ	21° 01' 44"	107' 00" 55"					F-48-71-C-c
thôn Đè E	DC	xã Lê Lợi	H. Hoành Bồ	21° 01' 57"	107° 02' 35"					F-48-71-C-c
xóm Đồi Mom	DC	xã Lê Lợi	H. Hoành Bồ	21° 01' 23"	107° 01' 33"					F-48-71-C-c
xóm Giữa	DC	xã Lê Lợi	H. Hoành Bồ	21° 01' 15"	107' 00" 41"					F-48-71-C-c
sông Mằn	TV	xã Lê Lợi	H. Hoành Bồ			21° 02' 37"	107° 03' 30"	20° 59' 43"	107° 02' 53"	F-48-71-C-c, F-48-83-A-a
xóm Mũ	DC	xã Lê Lợi	H. Hoành Bồ	21' 00" 53"	107' 00" 44"					F-48-71-C-c
xóm Mụa	DC	xã Lê Lợi	H. Hoành Bồ	21° 01' 21"	107' 00" 07"					F-48-71-C-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
núi Nương Chén	SV	xã Lê Lợi	H. Hoành Bồ	21° 02' 46"	107° 03' 18"					F-48-71-C-c
thôn Tân Tiến	DC	xã Lê Lợi	H. Hoành Bồ	21° 01' 31"	107° 01' 01"					F-48-71-C-c
sông Trới	TV	xã Lê Lợi	H. Hoành Bồ			21' 00" 47"	106° 59' 50"	20° 59' 32"	107° 01' 32"	F-48-83-A-a, F-48-70-D-d
Nhà máy Vigracera Hoành Bồ	KX	xã Lê Lợi	H. Hoành Bồ	21° 02' 24"	107' 00" 43"					F-48-71-C-c
thôn Yên Mỹ	DC	xã Lê Lợi	H. Hoành Bồ	21° 02' 28"	107° 01' 00"					F-48-71-C-c
quốc lộ 279	KX	xã Quảng La	H. Hoành Bồ			21° 06' 00"	106° 52' 18"	21° 05' 13"	106° 54' 42"	F-48-70-D-c
xóm Bồ Bồ	DC	xã Quảng La	H. Hoành Bồ	21° 04' 53"	106° 53' 31"					F-48-70-D-d
xóm Cảnh Tay	DC	xã Quảng La	H. Hoành Bồ	21° 05' 09"	106° 53' 40"					F-48-70-D-d
xóm Đầu Làng	DC	xã Quảng La	H. Hoành Bồ	21° 05' 23"	106° 52' 59"					F-48-70-D-d
xóm Điều Mực	DC	xã Quảng La	H. Hoành Bồ	21° 04' 37"	106° 52' 10"					F-48-70-D-c
sông Đồn	TV	xã Quảng La	H. Hoành Bồ			21° 05' 59"	106° 52' 16"	21° 04' 19"	106° 52' 28"	F-48-70-D-c
xóm Đồng Cóc	DC	xã Quảng La	H. Hoành Bồ	21° 05' 03"	106° 54' 17"					F-48-70-D-d
xóm Đồng Muối	DC	xã Quảng La	H. Hoành Bồ	21° 05' 30"	106° 53' 48"					F-48-70-D-d
khe Hon	TV	xã Quảng La	H. Hoành Bồ			21° 06' 02"	106° 54' 30"	21° 04' 55"	106° 54' 36"	F-48-70-D-d
suối Khe Cái	TV	xã Quảng La	H. Hoành Bồ			21° 06' 10"	106° 53' 43"	21° 05' 25"	106° 53' 41"	F-48-70-D-d
cầu Sông Đồn	KX	xã Quảng La	H. Hoành Bồ	21° 05' 31"	106° 52' 12"					F-48-70-D-c
xóm Thác Khau	DC	xã Quảng La	H. Hoành Bồ	21° 05' 44"	106° 52' 35"					F-48-70-D-d
xóm Tổng Hợp	DC	xã Quảng La	H. Hoành Bồ	21° 05' 13"	106° 54' 06"					F-48-70-D-d
hồ Yên Lập	TV	xã Quảng La	H. Hoành Bồ	21° 02' 33"	106° 53' 13"					F-48-70-D-d
quốc lộ 279	KX	xã Sơn Dương	H. Hoành Bồ			21° 04' 35"	106° 55' 54"	21° 02' 27"	106° 58' 20"	F-48-70-D-d
đường tỉnh 326	KX	xã Sơn Dương	H. Hoành Bồ			21° 03' 18"	106' 00" 02"	21° 03' 14"	107° 02' 45"	F-48-71-C-c, F-48-70-D-d
suối Cài	TV	xã Sơn Dương	H. Hoành Bồ			21° 04' 56"	106° 57' 37"	21° 02' 50"	106° 57' 11"	F-48-70-D-d
khe Can	TV	xã Sơn Dương	H. Hoành Bồ			21° 04' 21"	107° 01' 59"	21° 03' 53"	107° 02' 57"	F-48-71-C-c
thôn Cây Thị	DC	xã Sơn Dương	H. Hoành Bồ	21° 03' 53"	106° 58' 43"					F-48-70-D-d
núi Chùa Lôi	SV	xã Sơn Dương	H. Hoành Bồ	21° 01' 01"	107° 55' 20"					F-48-70-D-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
suối Danh	TV	xã Sơn Dương	H. Hoành Bồ			21° 03' 36"	107' 00" 14"	21° 03' 18"	106° 59' 57"	F-48-71-C-c, F-48-70-D-d
suối Đầu Cầu	TV	xã Sơn Dương	H. Hoành Bồ			21° 04' 35"	106° 56' 02"	21° 04' 07"	106° 57' 03"	F-48-70-D-d
núi Đèo Rũ	SV	xã Sơn Dương	H. Hoành Bồ	21° 05' 16"	107° 01' 31"					F-48-71-C-c
đèo Đọc	KX	xã Sơn Dương	H. Hoành Bồ	21° 04' 44"	106° 58' 13"					F-48-70-D-d
núi Đồng Mối	SV	xã Sơn Dương	H. Hoành Bồ	21° 05' 01"	107° 59' 00"					F-48-70-D-d
xóm Đồng Bé	DC	xã Sơn Dương	H. Hoành Bồ	21° 04' 26"	106° 56' 06"					F-48-70-D-d
thôn Đồng Bé	DC	xã Sơn Dương	H. Hoành Bồ	21° 04' 01"	107' 00" 16"					F-48-71-C-c
thôn Đồng Đặng	DC	xã Sơn Dương	H. Hoành Bồ	21° 04' 26"	106° 56' 49"					F-48-70-D-d
thôn Đồng Giang	DC	xã Sơn Dương	H. Hoành Bồ	21° 04' 23"	106° 57' 27"					F-48-70-D-d
thôn Đồng Giữa	DC	xã Sơn Dương	H. Hoành Bồ	21° 02' 49"	106° 56' 51"					F-48-70-D-d
thôn Đồng Ho	DC	xã Sơn Dương	H. Hoành Bồ	21° 02' 37"	106° 57' 42"					F-48-70-D-d
núi Đống Lủi	SV	xã Sơn Dương	H. Hoành Bồ	21° 04' 09"	107° 01' 30"					F-48-71-C-c
xóm Đồng Má	DC	xã Sơn Dương	H. Hoành Bồ	21° 03' 48"	106° 59' 48"					F-48-70-D-d
thôn Đồng Vang	DC	xã Sơn Dương	H. Hoành Bồ	21° 03' 47"	107' 00" 37"					F-48-71-C-c
khe Đồng Xóm	TV	xã Sơn Dương	H. Hoành Bồ			21° 03' 02"	106° 55' 52"	21° 02' 50"	106° 56' 31"	F-48-70-D-d
thôn Hà Lùng	DC	xã Sơn Dương	H. Hoành Bồ	21° 03' 34"	107° 01' 12"					F-48-71-C-c
núi Khe Thùn	SV	xã Sơn Dương	H. Hoành Bồ	21° 04' 51"	107° 02' 24"					F-48-71-C-c
núi Mái Gia	SV	xã Sơn Dương	H. Hoành Bồ	21° 05' 13"	107' 00" 36"					F-48-71-C-c
thôn Mỏ Đông	DC	xã Sơn Dương	H. Hoành Bồ	21° 04' 09"	106° 58' 21"					F-48-70-D-d
hồ Trại Cau	TV	xã Sơn Dương	H. Hoành Bồ	21° 04' 12"	106° 59' 01"					F-48-70-D-d
thôn Trại Me	DC	xã Sơn Dương	H. Hoành Bồ	21° 03' 30"	107° 02' 09"					F-48-71-C-c
núi Trò San	SV	xã Sơn Dương	H. Hoành Bồ	21° 03' 14"	107' 00" 31"					F-48-71-C-c
thôn Vườn Cau	DC	xã Sơn Dương	H. Hoành Bồ	21° 04' 10"	106° 59' 12"					F-48-70-D-d
thôn Vườn Rậm	DC	xã Sơn Dương	H. Hoành Bồ	21° 03' 56"	106° 59' 29"					F-48-70-D-d
thôn 4	DC	xã Thống Nhất	H. Hoành Bồ	21° 02' 12"	107° 07' 57"					F-48-71-C-d
đường tỉnh 326	KX	xã Thống Nhất	H. Hoành Bồ			21° 03' 13"	107° 02' 45"	21° 03' 03"	107° 08' 11"	F-48-71-C-c, F-48-71-C-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
núi Áng Quan	SV	xã Thống Nhất	H. Hoành Bồ	21° 03' 50"	107° 04' 59"					F-48-71-C-c
xóm Ba Sào	DC	xã Thống Nhất	H. Hoành Bồ	21° 03' 16"	107° 03' 59"					F-48-71-C-c
sông Bang	TV	xã Thống Nhất	H. Hoành Bồ			20° 59' 42"	107° 02' 53"	20° 58' 44"	107° 03' 37"	F-48-83-A-a
thôn Chân Đèo	DC	xã Thống Nhất	H. Hoành Bồ	21° 01' 51"	107° 06' 41"					F-48-71-C-c
thôn Chợ	DC	xã Thống Nhất	H. Hoành Bồ	21° 01' 35"	107° 06' 07"					F-48-71-C-c
sông Diễn Vọng	TV	xã Thống Nhất	H. Hoành Bồ			21° 01' 49"	107° 08' 32"	20° 59' 05"	107° 04' 10"	F-48-71-C-d
hồ Dộc Cả	TV	xã Thống Nhất	H. Hoành Bồ	21° 02' 03"	107° 03' 55"					F-48-71-C-c
thôn Đá Trắng	DC	xã Thống Nhất	H. Hoành Bồ	21° 03' 16"	107° 03' 39"					F-48-71-C-c
núi Đá Trắng	SV	xã Thống Nhất	H. Hoành Bồ	21° 03' 41"	107° 03' 41"					F-48-71-C-c
thôn Đất Đỏ	DC	xã Thống Nhất	H. Hoành Bồ	21° 01' 56"	107° 05' 26"					F-48-71-C-c
thôn Đình	DC	xã Thống Nhất	H. Hoành Bồ	21° 02' 10"	107° 04' 53"					F-48-71-C-c
thôn Đồng Cao	DC	xã Thống Nhất	H. Hoành Bồ	21° 02' 51"	107° 05' 39"					F-48-71-C-c
xóm Đồng Tranh	DC	xã Thống Nhất	H. Hoành Bồ	21° 03' 34"	107° 04' 01"					F-48-71-C-c
thôn Đồng Vải	DC	xã Thống Nhất	H. Hoành Bồ	21° 03' 20"	107° 06' 41"					F-48-71-C-c
núi Đồng Vải	SV	xã Thống Nhất	H. Hoành Bồ	21° 03' 17"	107° 06' 23"					F-48-71-C-c
suối Đồng Vải	TV	xã Thống Nhất	H. Hoành Bồ			21° 04' 09"	107° 06' 49"	21° 01' 46"	107° 06' 16"	F-48-71-C-c
trại giam Đồng Vải	KX	xã Thống Nhất	H. Hoành Bồ	21° 04' 06"	107° 06' 52"					F-48-71-C-c
thôn Khe Khoai	DC	xã Thống Nhất	H. Hoành Bồ	21° 03' 12"	107° 04' 32"					F-48-71-C-c
thôn Làng	DC	xã Thống Nhất	H. Hoành Bồ	21° 02' 09"	107° 05' 56"					F-48-71-C-c
thôn Lưỡng Kỳ	DC	xã Thống Nhất	H. Hoành Bồ	21° 04' 10"	107° 04' 15"					F-48-71-C-c
suối Mằn	TV	xã Thống Nhất	H. Hoành Bồ			21° 04' 29"	107° 04' 11"	21° 03' 00"	107° 03' 30"	F-48-71-C-c
sông Mằn	TV	xã Thống Nhất	H. Hoành Bồ			21° 02' 53"	107° 03' 33"	20° 59' 57"	107° 02' 51"	F-48-71-C-c
xóm Mũ	DC	xã Thống Nhất	H. Hoành Bồ	21° 01' 32"	107° 05' 47"					F-48-71-C-c
thôn Xích Thổ	DC	xã Thống Nhất	H. Hoành Bồ	21° 01' 02"	107° 04' 16"					F-48-71-C-c
đường tỉnh 326	KX	xã Vũ Oai	H. Hoành Bồ			21° 03' 03"	107° 08' 11"	21° 03' 02"	107° 09' 45"	F-48-71-C-d
thôn Bãi Cát	DC	xã Vũ Oai	H. Hoành Bồ	21° 03' 50"	107° 08' 52"					F-48-71-C-d
sông Diễn Vọng	TV	xã Vũ Oai	H. Hoành Bồ			21° 01' 54"	107° 11' 13"	21° 01' 49"	107° 08' 32"	F-48-71-C-d
xóm Đồng Cả	DC	xã Vũ Oai	H. Hoành Bồ	21° 03' 31"	107° 08' 56"					F-48-71-C-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Đồng Cháy	DC	xã Vũ Oai	H. Hoành Bồ	21° 04' 10"	107° 08' 14"					F-48-71-C-d
thôn Đồng Chùa	DC	xã Vũ Oai	H. Hoành Bồ	21° 04' 19"	107° 08' 41"					F-48-71-C-d
suối Đồng Lá	TV	xã Vũ Oai	H. Hoành Bồ			21° 02' 32"	107° 10' 30"	21° 01' 58"	107° 10' 17"	F-48-71-C-d
thôn Đồng Mơ	DC	xã Vũ Oai	H. Hoành Bồ	21° 03' 01"	107° 09' 33"					F-48-71-C-d
núi Đồng Mơ	SV	xã Vũ Oai	H. Hoành Bồ	21° 03' 15"	107° 09' 07"					F-48-71-C-d
thôn Đồng Rùa	DC	xã Vũ Oai	H. Hoành Bồ	21° 02' 28"	107° 08' 59"					F-48-71-C-d
thôn Lán Dè	DC	xã Vũ Oai	H. Hoành Bồ	21° 03' 07"	107° 08' 54"					F-48-71-C-d
núi Thiên Sơn	SV	xã Vũ Oai	H. Hoành Bồ	21° 07' 49"	107° 09' 10"					F-48-71-C-b
suối Vũ Oai	TV	xã Vũ Oai	H. Hoành Bồ			21° 07' 22"	107° 07' 46"	21° 02' 01"	107° 08' 57"	F-48-71-C-d
khu phố Đông Tiến 1	DC	TT. Tiên Yên	H. Tiên Yên	21° 19' 51"	107° 24' 18"					F-48-71-B-d
khu phố Đông Tiến 2	DC	TT. Tiên Yên	H. Tiên Yên	21° 20' 04"	107° 24' 19"					F-48-71-B-d
khu phố Long Thành	DC	TT. Tiên Yên	H. Tiên Yên	21° 20' 02"	107° 23' 24"					F-48-71-B-d
khu phố Long Tiên	DC	TT. Tiên Yên	H. Tiên Yên	21° 19' 50"	107° 23' 20"					F-48-71-B-d
sông Phố Cũ	TV	TT. Tiên Yên	H. Tiên Yên			21° 20' 25"	107° 22' 35"	21° 20' 16"	107° 23' 06"	F-48-71-B-d
sông Tiên Yên	TV	TT. Tiên Yên	H. Tiên Yên			21° 20' 16"	107° 23' 06"	21° 19' 32"	107° 23' 40"	F-48-71-B-d
thôn Khe Léng	DC	xã Đại Dực	H. Tiên Yên	21° 25' 39"	107° 25' 53"					F-48-71-B-b
thôn Khe Lục	DC	xã Đại Dực	H. Tiên Yên	21° 25' 08"	107° 26' 58"					F-48-71-B-b
suối Khe Lục	TV	xã Đại Dực	H. Tiên Yên			21° 26' 31"	107° 27' 26"	21° 24' 43"	107° 26' 50"	F-48-71-B-b
thôn Khe Ngàn	DC	xã Đại Dực	H. Tiên Yên	21° 24' 48"	107° 28' 04"					F-48-71-B-b
suối Khe Ngàn	TV	xã Đại Dực	H. Tiên Yên			21° 24' 44"	107° 28' 22"	21° 23' 48"	107° 27' 29"	F-48-71-B-b
thôn Khe Quang	DC	xã Đại Dực	H. Tiên Yên	21° 24' 37"	107° 26' 24"					F-48-71-B-b
suối Khe Quang	TV	xã Đại Dực	H. Tiên Yên			21° 24' 32"	107° 26' 06"	21° 24' 53"	107° 26' 31"	F-48-71-B-b
thôn Phài Giác	DC	xã Đại Dực	H. Tiên Yên	21° 24' 10"	107° 26' 59"					F-48-71-B-b
núi Thông Châu	SV	xã Đại Dực	H. Tiên Yên	21° 26' 51"	107° 27' 29"					F-48-71-B-b
thôn Đoàn Kết	DC	xã Đại Thành	H. Tiên Yên							
thôn Khe Lặc	DC	xã Đại Thành	H. Tiên Yên							
thôn Khe Mươi	DC	xã Đại Thành	H. Tiên Yên	21° 26' 37"	107° 24' 03"					F-48-71-B-b
khe Lặc	TV	xã Đại Thành	H. Tiên Yên			21° 27' 12"	107° 25' 45"	21° 27' 51"	107° 23' 25"	F-48-71-B-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Nà Cam	DC	xã Đại Thành	H. Tiên Yên	21° 27' 26"	107° 25' 42"					F-48-71-B-b
quốc lộ 4B	KX	xã Điền Xá	H. Tiên Yên			21° 23' 49"	107° 15' 38"	21° 21' 57"	107° 19' 14"	F-48-71-B-a, F-48-71-B-c
thôn Bản Tát	DC	xã Điền Xá	H. Tiên Yên	21° 23' 20"	107° 16' 36"					F-48-71-B-a
núi Cao Sam Sao	SV	xã Điền Xá	H. Tiên Yên	21° 21' 16"	107° 15' 41"					F-48-71-B-c
khe Chầy	TV	xã Điền Xá	H. Tiên Yên			21° 22' 27"	107° 15' 25"	21° 23' 27"	107° 16' 14"	F-48-71-B-a
núi Điền Xá	SV	xã Điền Xá	H. Tiên Yên	21° 20' 35"	107° 17' 36"					F-48-71-B-c
khau Hác	SV	xã Điền Xá	H. Tiên Yên	21° 23' 34"	107° 18' 40"					F-48-71-B-a
cầu Khe Cấu	KX	xã Điền Xá	H. Tiên Yên	21° 23' 25"	107° 16' 14"					F-48-71-B-a
thôn Khe Cầu	DC	xã Điền Xá	H. Tiên Yên	21° 23' 33"	107° 16' 00"					F-48-71-B-a
xóm Khe Giao	DC	xã Điền Xá	H. Tiên Yên	21° 22' 36"	107° 18' 29"					F-48-71-B-a
thôn Khe Vàng	DC	xã Điền Xá	H. Tiên Yên	21° 22' 30"	107° 17' 12"					F-48-71-B-c
thôn Nà Buống	DC	xã Điền Xá	H. Tiên Yên	21° 22' 05"	107° 18' 45"					F-48-71-B-c
thôn Nà Chù	DC	xã Điền Xá	H. Tiên Yên	21° 22' 57"	107° 17' 27"					F-48-71-B-a
thôn Pắc Phai	DC	xã Điền Xá	H. Tiên Yên	21° 22' 18"	107° 18' 13"					F-48-71-B-a
cầu Pắc Phai	KX	xã Điền Xá	H. Tiên Yên	21° 22' 21"	107° 18' 14"					F-48-71-B-c
khe Tát	TV	xã Điền Xá	H. Tiên Yên			21° 22' 12"	107° 16' 08"	21° 23' 27"	107° 16' 14"	F-48-71-B-a
thôn Tiên Hải	DC	xã Điền Xá	H. Tiên Yên	21° 23' 08"	107° 19' 13"					F-48-71-B-a
khe Vàng	TV	xã Điền Xá	H. Tiên Yên			21° 20' 56"	107° 16' 31"	21° 22' 27"	107° 18' 06"	F-48-71-B-c
cái Ruộng (sông Chùa Sâu)	TV	xã Đông Hải	H. Tiên Yên			21° 18' 39"	107° 32' 45"	21° 17' 13"	107° 33' 33"	F-48-72-A-c
quốc lộ 18A	KX	xã Đông Hải	H. Tiên Yên			21° 20' 35"	107° 31' 23"	21° 20' 12"	107° 29' 20"	F-48-71-B-d, F-48-72-A-c
suối Ao Lang	TV	xã Đông Hải	H. Tiên Yên			21° 19' 49"	107° 29' 36"	21° 18' 03"	107° 30' 46"	F-48-71-B-d
thôn Cái Khánh	DC	xã Đông Hải	H. Tiên Yên	21° 18' 33"	107° 29' 51"					F-48-71-B-d
sông Cái Mắm	TV	xã Đông Hải	H. Tiên Yên			21° 17' 27"	107° 29' 36"	21° 17' 40"	107° 30' 48"	F-48-72-A-c
lạch Chi Lăng	TV	xã Đông Hải	H. Tiên Yên			21° 17' 40"	107° 30' 48"	21° 17' 03"	107° 33' 34"	F-48-72-A-c
sông Chùa Sâu	TV	xã Đông Hải	H. Tiên Yên			21° 20' 04"	107° 31' 58"	21° 18' 39"	107° 32' 45"	F-48-72-A-c
cầu Đôi	KX	xã Đông Hải	H. Tiên Yên	21° 20' 19"	107° 31' 04"					F-48-72-A-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
sông Hà Thanh	TV	xã Đông Hải	H. Tiên Yên			21° 22' 05"	107° 29' 03"	21° 18' 26"	107° 32' 49"	F-48-71-B-d
cầu Hà Tràng	KX	xã Đông Hải	H. Tiên Yên	21° 20' 14"	107° 30' 19"					F-48-72-A-c
thôn Hà Tràng Đông	DC	xã Đông Hải	H. Tiên Yên	21° 20' 08"	107° 31' 07"					F-48-72-A-c
thôn Hà Tràng Tây	DC	xã Đông Hải	H. Tiên Yên	21° 19' 57"	107° 30' 41"					F-48-72-A-c
thôn Hội Phố	DC	xã Đông Hải	H. Tiên Yên	21° 19' 16"	107° 30' 05"					F-48-72-A-c
thôn Làng Đài	DC	xã Đông Hải	H. Tiên Yên	21° 20' 16"	107° 29' 37"					F-48-71-B-d
thôn Làng Nhội	DC	xã Đông Hải	H. Tiên Yên	21° 19' 57"	107° 29' 35"					F-48-71-B-d
thôn Nà Bắc	DC	xã Đông Hải	H. Tiên Yên	21° 20' 32"	107° 29' 45"					F-48-71-B-d
thôn Phương Nam	DC	xã Đông Hải	H. Tiên Yên	21° 19' 03"	107° 29' 11"					F-48-71-B-d
thôn Tài Noong	DC	xã Đông Hải	H. Tiên Yên	21° 21' 45"	107° 29' 27"					F-48-71-B-d
cái Vũng Chùa	TV	xã Đông Hải	H. Tiên Yên			21° 18' 06"	107° 29' 04"	21° 17' 27"	107° 29' 36"	F-48-71-B-d
quốc lộ 18A	KX	xã Đông Ngũ	H. Tiên Yên			21° 20' 12"	107° 29' 20"	21° 20' 00"	107° 26' 18"	F-48-71-B-d
thôn Bình Sơn	DC	xã Đông Ngũ	H. Tiên Yên	21° 23' 21"	107° 28' 09"					F-48-71-B-b
sông Cầu Cao	TV	xã Đông Ngũ	H. Tiên Yên			21° 20' 59"	107° 26' 32"	21° 19' 56"	107° 28' 22"	F-48-71-B-d
cầu Đá 2	KX	xã Đông Ngũ	H. Tiên Yên	21° 20' 00"	107° 26' 18"					F-48-71-B-d
thôn Đầm Dẻ	DC	xã Đông Ngũ	H. Tiên Yên	21° 19' 36"	107° 28' 01"					F-48-71-B-d
thôn Đồng Đạm	DC	xã Đông Ngũ	H. Tiên Yên	21° 20' 49"	107° 28' 38"					F-48-71-B-d
thôn Đồng Danh	DC	xã Đông Ngũ	H. Tiên Yên	21° 23' 28"	107° 27' 42"					F-48-71-B-b
thôn Đông Hồng	DC	xã Đông Ngũ	H. Tiên Yên	21° 22' 21"	107° 27' 10"					F-48-71-B-d
thôn Đồng Mộc	DC	xã Đông Ngũ	H. Tiên Yên	21° 20' 41"	107° 27' 02"					F-48-71-B-d
thôn Đông Ngũ	DC	xã Đông Ngũ	H. Tiên Yên	21° 20' 15"	107° 28' 52"					F-48-71-B-d
thôn Đông Ngũ Hoa	DC	xã Đông Ngũ	H. Tiên Yên	21° 20' 35"	107° 27' 58"					F-48-71-B-d
thôn Đông Ngũ Kinh	DC	xã Đông Ngũ	H. Tiên Yên	21° 19' 35"	107° 29' 10"					F-48-71-B-d
núi Giành Quéo	SV	xã Đông Ngũ	H. Tiên Yên	21° 17' 42"	107° 28' 59"					F-48-71-B-d
sông Hà Giàn	TV	xã Đông Ngũ	H. Tiên Yên			21° 19' 56"	107° 28' 22"	21° 18' 40"	107° 27' 45"	F-48-71-B-d
cái Hà Giàn	TV	xã Đông Ngũ	H. Tiên Yên			21° 17' 38"	107° 28' 18"	21° 17' 13"	107° 29' 15"	F-48-71-B-d
cầu Hà Giàn	KX	xã Đông Ngũ	H. Tiên Yên	21° 20' 28"	107° 27' 47"					F-48-71-B-d
sông Hà Thanh	TV	xã Đông Ngũ	H. Tiên Yên			21° 23' 48"	107° 27' 48"	21° 20' 33"	107° 29' 30"	F-48-71-B-b, F-48-71-B-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Nà Sàm	DC	xã Đông Ngũ	H. Tiên Yên	21° 21' 57"	107° 26' 34"					F-48-71-B-d
khe Nhủi	TV	xã Đông Ngũ	H. Tiên Yên			21° 22' 48"	107° 26' 37"	21° 20' 48"	107° 26' 56"	F-48-71-B-b, F-48-71-B-d
thôn Phương Đông	DC	xã Đông Ngũ	H. Tiên Yên	21° 20' 00"	107° 27' 05"					F-48-71-B-d
thôn Quế Sơn	DC	xã Đông Ngũ	H. Tiên Yên	21° 22' 10"	107° 25' 30"					F-48-71-B-d
thôn Sán Xế Đông	DC	xã Đông Ngũ	H. Tiên Yên	21° 23' 04"	107° 28' 14"					F-48-71-B-b
thôn Sán Xế Nam	DC	xã Đông Ngũ	H. Tiên Yên	21° 19' 01"	107° 28' 36"					F-48-71-B-d
núi Tác Má	SV	xã Đông Ngũ	H. Tiên Yên	21° 18' 36"	107° 29' 02"					F-48-71-B-d
khe Táu	TV	xã Đông Ngũ	H. Tiên Yên			21° 22' 35"	107° 27' 08"	21° 22' 12"	107° 27' 53"	F-48-71-B-b, F-48-71-B-d
núi Ba Thoi	SV	xã Đồng Rui	H. Tiên Yên	21° 11' 38"	107° 22' 10"					F-48-71-D-a
núi Cái Thoi	SV	xã Đồng Rui	H. Tiên Yên	21° 15' 24"	107° 24' 35"					F-48-71-B-d
thôn Hạ	DC	xã Đồng Rui	H. Tiên Yên	21° 13' 36"	107° 23' 18"					F-48-71-D-b
mũi Lòng Vàng	TV	xã Đồng Rui	H. Tiên Yên	21° 15' 47"	107° 25' 54"					F-48-71-B-d
đồi Soi Lài	SV	xã Đồng Rui	H. Tiên Yên	21° 14' 34"	107° 23' 13"					F-48-71-D-b
thôn Thượng	DC	xã Đồng Rui	H. Tiên Yên	21° 12' 26"	107° 22' 41"					F-48-71-D-b
núi Tổ Quạ	SV	xã Đồng Rui	H. Tiên Yên	21° 12' 40"	107° 25' 01"					F-48-71-D-b
thôn Trung	DC	xã Đồng Rui	H. Tiên Yên	21° 13' 00"	107° 22' 50"					F-48-71-D-b
sông Voi Bé	TV	xã Đồng Rui	H. Tiên Yên			21° 13' 24"	107° 22' 09"	21° 14' 46"	107° 22' 50"	F-48-71-D-b
sông Voi Lớn	TV	xã Đồng Rui	H. Tiên Yên			21° 13' 24"	107° 22' 09"	21° 13' 29"	107° 26' 28"	F-48-71-D-a
bản Bắc Buông	DC	xã Hà Lâu	H. Tiên Yên	21° 25' 31"	107° 19' 15"					F-48-71-B-a
bản Bắc Lù	DC	xã Hà Lâu	H. Tiên Yên	21° 25' 56"	107° 17' 58"					F-48-71-B-a
bản Buông	DC	xã Hà Lâu	H. Tiên Yên	21° 28' 55"	107° 19' 36"					F-48-71-B-a
khe Buông	TV	xã Hà Lâu	H. Tiên Yên			21° 30' 14"	107° 18' 28"	21° 25' 32"	107° 19' 09"	F-48-71-B-a
bản Co Mười	DC	xã Hà Lâu	H. Tiên Yên	21° 25' 30"	107° 17' 00"					F-48-71-B-a
bản Danh	DC	xã Hà Lâu	H. Tiên Yên	21° 28' 38"	107° 16' 30"					F-48-71-B-a
khe Đanh	TV	xã Hà Lâu	H. Tiên Yên			21° 32' 31"	107° 12' 19"	21° 31' 05"	107° 14' 54"	F-48-59-C-d
núi Khâu Cải	SV	xã Hà Lâu	H. Tiên Yên	21° 32' 57"	107° 15' 11"					F-48-59-D
núi Khâu Con	SV	xã Hà Lâu	H. Tiên Yên	21° 24' 14"	107° 15' 30"					F-48-71-B-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
núi Khe Đanh	SV	xã Hà Lâu	H. Tiên Yên	21° 33' 11"	107° 12' 54"					F-48-59-C-d
bản Khe Lệ	DC	xã Hà Lâu	H. Tiên Yên	21° 27' 28"	107° 16' 07"					F-48-71-B-a
bản Khe Liềng	DC	xã Hà Lâu	H. Tiên Yên	21° 25' 57"	107° 15' 59"					F-48-71-B-a
núi Khe Lù	SV	xã Hà Lâu	H. Tiên Yên	21° 30' 02"	107° 17' 42"					F-48-59-D
bản Khe Ngà	DC	xã Hà Lâu	H. Tiên Yên	21° 25' 00"	107° 18' 48"					F-48-71-B-a
bản Khe Tao	DC	xã Hà Lâu	H. Tiên Yên	21° 27' 48"	107° 17' 12"					F-48-71-B-a
núi Khe Trung	SV	xã Hà Lâu	H. Tiên Yên	21° 26' 54"	107° 19' 44"					F-48-71-B-a
khe Liềng	TV	xã Hà Lâu	H. Tiên Yên			21° 28' 26"	107° 14' 49"	21° 25' 25"	107° 16' 48"	F-48-71-B-a
núi Mào Tan	SV	xã Hà Lâu	H. Tiên Yên	21° 27' 04"	107° 15' 49"					F-48-71-B-a
núi Mào Vai	SV	xã Hà Lâu	H. Tiên Yên	21° 28' 08"	107° 14' 25"					F-48-71-A-b
khe Mìn	TV	xã Hà Lâu	H. Tiên Yên			21° 29' 59"	107° 16' 00"	21° 26' 07"	107° 17' 41"	F-48-71-B-a
bản Nà Chang	DC	xã Hà Lâu	H. Tiên Yên	21° 25' 49"	107° 18' 08"					F-48-71-B-a
bản Nà Hắc	DC	xã Hà Lâu	H. Tiên Yên	21° 31' 42"	107° 15' 22"					F-48-59-D
suối Nà Hắc	TV	xã Hà Lâu	H. Tiên Yên			21° 33' 01"	107° 15' 33"	21° 31' 20"	107° 15' 19"	F-48-59-D
bản Nà Tứ	DC	xã Hà Lâu	H. Tiên Yên	21° 24' 41"	107° 15' 41"					F-48-71-B-a
bản Nặm Mìn	DC	xã Hà Lâu	H. Tiên Yên	21° 27' 16"	107° 17' 50"					F-48-71-B-a
khe Ngà (Tân Lập)	TV	xã Hà Lâu	H. Tiên Yên			21° 24' 39"	107° 18' 07"	21° 25' 26"	107° 18' 47"	F-48-71-B-a
núi Ngạn Chi	SV	xã Hà Lâu	H. Tiên Yên	21° 31' 00"	107° 18' 01"					F-48-59-D
bản Phai	DC	xã Hà Lâu	H. Tiên Yên	21° 24' 52"	107° 16' 45"					F-48-71-B-a
sông Phố Cũ	TV	xã Hà Lâu	H. Tiên Yên			21° 24' 39"	107° 15' 18"	21° 23' 47"	107° 19' 29"	F-48-71-B-a
khe Phung	TV	xã Hà Lâu	H. Tiên Yên			21° 24' 03"	107° 17' 15"	21° 25' 42"	107° 18' 10"	F-48-71-B-a
bản Pò Mảy	DC	xã Hà Lâu	H. Tiên Yên	21° 25' 25"	107° 18' 44"					F-48-71-B-a
quốc lộ 18A	KX	xã Hải Lạng	H. Tiên Yên			21° 20' 06"	107° 22' 15"	21° 13' 21"	107° 21' 51"	F-48-71-B-c
đầm Cái Đản	TV	xã Hải Lạng	H. Tiên Yên	21° 17' 57"	107° 23' 40"					F-48-71-B-d
suối Cái Giá	TV	xã Hải Lạng	H. Tiên Yên			21° 15' 37"	107° 20' 44"	21° 13' 19"	107° 21' 29"	F-48-71-D-a, F-48-71-B-c
đèo Cái Kỳ	SV	xã Hải Lạng	H. Tiên Yên	21° 18' 07"	107° 20' 27"					F-48-71-B-c
đồi Chè	SV	xã Hải Lạng	H. Tiên Yên	21° 17' 11"	107° 22' 38"					F-48-71-B-d
thôn Đồi Mây	DC	xã Hải Lạng	H. Tiên Yên	21° 17' 27"	107° 21' 53"					F-48-71-B-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
đầm Hà Dong	TV	xã Hải Lạng	H. Tiên Yên	21° 18' 00"	107° 22' 06"					F-48-71-B-c
vụng Hà Dong	TV	xã Hải Lạng	H. Tiên Yên	21° 15' 48"	107° 25' 08"					F-48-71-B-d
cầu Hà Dong 1	KX	xã Hải Lạng	H. Tiên Yên	21° 18' 52"	107° 21' 05"					F-48-71-B-c
cầu Hà Dong 2	KX	xã Hải Lạng	H. Tiên Yên	21° 19' 30"	107° 21' 34"					F-48-71-B-c
thôn Hà Dong Bắc	DC	xã Hải Lạng	H. Tiên Yên	21° 19' 27"	107° 21' 11"					F-48-71-B-c
thôn Hà Dong Nam	DC	xã Hải Lạng	H. Tiên Yên	21° 19' 09"	107° 21' 30"					F-48-71-B-c
thôn Hà Thụ	DC	xã Hải Lạng	H. Tiên Yên	21° 16' 35"	107° 21' 24"					F-48-71-B-c
đầm Hà Thụ	TV	xã Hải Lạng	H. Tiên Yên	21° 16' 37"	107° 21' 58"					F-48-71-B-c
Khe Hố	DC	xã Hải Lạng	H. Tiên Yên	21° 19' 09"	107° 19' 40"					F-48-71-B-c
đồi Mây	SV	xã Hải Lạng	H. Tiên Yên	21° 20' 32"	107° 20' 05"					F-48-71-B-c
thôn Thanh Hải	DC	xã Hải Lạng	H. Tiên Yên	21° 19' 05"	107° 22' 34"					F-48-71-B-d
thôn Trường Tiến	DC	xã Hải Lạng	H. Tiên Yên	21° 17' 47"	107° 21' 02"					F-48-71-B-c
thôn Trường Tùng	DC	xã Hải Lạng	H. Tiên Yên	21° 18' 44"	107° 20' 57"					F-48-71-B-c
sông Voi Bé	TV	xã Hải Lạng	H. Tiên Yên			21° 13' 24"	107° 22' 09"	21° 14' 46"	107° 22' 50"	F-48-71-D-a, F-48-71-D-b
sông Voi Cá	TV	xã Hải Lạng	H. Tiên Yên			21° 14' 46"	107° 22' 50"	21° 15' 48"	107° 24' 48"	F-48-71-B-d, F-48-71-D-b
quốc lộ 18C	KX	xã Phong Dụ	H. Tiên Yên			21° 26' 21"	107° 22' 21"	21° 21' 38"	107° 23' 11"	F-48-71-B-a, F-48-71-B-d
thôn Bản Cải	DC	xã Phong Dụ	H. Tiên Yên	21° 23' 25"	107° 22' 10"					F-48-71-B-a
xóm Bản Dò	DC	xã Phong Dụ	H. Tiên Yên	21° 25' 03"	107° 21' 04"					F-48-71-B-a
thôn Cao Lâm	DC	xã Phong Dụ	H. Tiên Yên	21° 23' 18"	107° 21' 23"					F-48-71-B-a
thôn Co Tượi	DC	xã Phong Dụ	H. Tiên Yên	21° 24' 10"	107° 21' 11"					F-48-71-B-a
thôn Đồng Đình	DC	xã Phong Dụ	H. Tiên Yên	21° 22' 56"	107° 22' 20"					F-48-71-B-a
cầu Đồng Và	KX	xã Phong Dụ	H. Tiên Yên	21° 21' 39"	107° 23' 09"					F-48-71-B-d
thôn Đuốc Phẹ	DC	xã Phong Dụ	H. Tiên Yên	21° 25' 43"	107° 22' 41"					F-48-71-B-b
núi Hắc Sán	SV	xã Phong Dụ	H. Tiên Yên	21° 23' 59"	107° 22' 50"					F-48-71-B-b
thôn Hợp Thành	DC	xã Phong Dụ	H. Tiên Yên	21° 24' 27"	107° 22' 01"					F-48-71-B-a
thôn Hua Cầu	DC	xã Phong Dụ	H. Tiên Yên	21° 22' 47"	107° 22' 35"					F-48-71-B-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Khe San	DC	xã Phong Dụ	H. Tiên Yên	21° 24' 14"	107° 23' 42"					F-48-71-B-b
cầu Khe San	KX	xã Phong Dụ	H. Tiên Yên	21° 22' 59"	107° 22' 30"					F-48-71-B-b
thôn Khe Soong	DC	xã Phong Dụ	H. Tiên Yên	21° 22' 18"	107° 22' 51"					F-48-71-B-d
cầu Khe Soong	KX	xã Phong Dụ	H. Tiên Yên	21° 22' 11"	107° 22' 55"					F-48-71-B-d
thôn Khe Vè	DC	xã Phong Dụ	H. Tiên Yên	21° 25' 01"	107° 22' 49"					F-48-71-B-b
thôn Khe Xóm	DC	xã Phong Dụ	H. Tiên Yên	21° 23' 25"	107° 22' 59"					F-48-71-B-b
thôn Nà Cà	DC	xã Phong Dụ	H. Tiên Yên	21° 25' 40"	107° 22' 17"					F-48-71-B-a
xóm Nà Kiếu	DC	xã Phong Dụ	H. Tiên Yên	21° 25' 19"	107° 21' 29"					F-48-71-B-a
thôn Nà Lìn	DC	xã Phong Dụ	H. Tiên Yên	21° 21' 49"	107° 22' 09"					F-48-71-B-c
thôn Phặc Thạ	DC	xã Phong Dụ	H. Tiên Yên	21° 22' 47"	107° 22' 12"					F-48-71-B-a
thôn Pò Luông	DC	xã Phong Dụ	H. Tiên Yên	21° 23' 57"	107° 21' 52"					F-48-71-B-a
khe San	TV	xã Phong Dụ	H. Tiên Yên			21° 23' 49"	107° 24' 36"	21° 22' 46"	107° 22' 22"	F-48-71-B-b, F-48-71-B-a
khe Soong	TV	xã Phong Dụ	H. Tiên Yên			21° 22' 54"	107° 23' 53"	21° 22' 03"	107° 22' 42"	F-48-71-B-b, F-48-71-B-d
xóm Tài Chốc Cáu	DC	xã Phong Dụ	H. Tiên Yên	21° 24' 37"	107° 22' 40"					F-48-71-B-b
thôn Tềnh Pò	DC	xã Phong Dụ	H. Tiên Yên	21° 23' 48"	107° 22' 06"					F-48-71-B-a
sông Tiên Yên	TV	xã Phong Dụ	H. Tiên Yên			21° 27' 07"	107° 21' 44"	21° 21' 45"	107° 23' 20"	F-48-71-B-a, F-48-71-B-d
thôn Văn Mây	DC	xã Phong Dụ	H. Tiên Yên	21° 25' 46"	107° 23' 12"					F-48-71-B-b
cầu Văn Mây	KX	xã Phong Dụ	H. Tiên Yên	21° 25' 17"	107° 22' 51"					F-48-71-B-b
khe Vè	TV	xã Phong Dụ	H. Tiên Yên			21° 24' 27"	107° 23' 30"	21° 25' 01"	107° 22' 37"	F-48-71-B-b
núi Voòng Tay Lẻng	SV	xã Phong Dụ	H. Tiên Yên	21° 23' 16"	107° 24' 03"					F-48-71-B-b
hồ 1-5	TV	xã Tiên Lãng	H. Tiên Yên	21° 18' 56"	107° 25' 10"					F-48-71-B-d
cái Hè Gian	TV	xã Tiên Lãng	H. Tiên Yên			21° 17' 38"	107° 28' 18"	21° 17' 13"	107° 29' 15"	F-48-71-B-d
quốc lộ 18A	KX	xã Tiên Lãng	H. Tiên Yên			21° 20' 00"	107° 26' 18"	21° 19' 46"	107° 23' 58"	F-48-71-B-d
quốc lộ 4B	KX	xã Tiên Lãng	H. Tiên Yên			21° 19' 14"	107° 23' 56"	21° 17' 06"	107° 26' 58"	F-48-71-B-d
bến đò Bà Hai Tương	KX	xã Tiên Lãng	H. Tiên Yên	21° 18' 49"	107° 24' 50"					F-48-71-B-d
thôn Cái Mắt	DC	xã Tiên Lãng	H. Tiên Yên	21° 18' 06"	107° 24' 50"					F-48-71-B-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
vũng Cầu	TV	xã Tiên Lãng	H. Tiên Yên	21° 17' 16"	107° 26' 50"					F-48-71-B-d
núi Cây Chám	SV	xã Tiên Lãng	H. Tiên Yên	21° 19' 13"	107° 24' 30"					F-48-71-B-d
núi Cây Tâm	SV	xã Tiên Lãng	H. Tiên Yên	21° 18' 23"	107° 24' 27"					F-48-71-B-d
thôn Cống To	DC	xã Tiên Lãng	H. Tiên Yên	21° 19' 02"	107° 26' 22"					F-48-71-B-d
núi Dốc Nam	SV	xã Tiên Lãng	H. Tiên Yên	21° 19' 32"	107° 25' 28"					F-48-71-B-d
cầu Đá 1	KX	xã Tiên Lãng	H. Tiên Yên	21° 19' 45"	107° 25' 53"					F-48-71-B-d
suối Đầm Tàu	TV	xã Tiên Lãng	H. Tiên Yên			21° 20' 45"	107° 26' 12"	21° 17' 38"	107° 28' 18"	F-48-71-B-d
thôn Đồng Châu	DC	xã Tiên Lãng	H. Tiên Yên	21° 19' 05"	107° 24' 58"					F-48-71-B-d
thôn Đồng Mạ	DC	xã Tiên Lãng	H. Tiên Yên	21° 19' 22"	107° 24' 36"					F-48-71-B-d
vụng Hàm Ếch	TV	xã Tiên Lãng	H. Tiên Yên	21° 17' 31"	107° 25' 19"					F-48-71-B-d
núi Khe Co	SV	xã Tiên Lãng	H. Tiên Yên	21° 17' 58"	107° 25' 47"					F-48-71-B-d
núi Khe Lạch Giang	SV	xã Tiên Lãng	H. Tiên Yên	21° 18' 50"	107° 24' 17"					F-48-71-B-d
đầm Muối	TV	xã Tiên Lãng	H. Tiên Yên	21° 19' 08"	107° 25' 21"					F-48-71-B-d
thôn Thác Bưởi 1	DC	xã Tiên Lãng	H. Tiên Yên	21° 19' 41"	107° 24' 03"					F-48-71-B-d
thôn Thác Bưởi 2	DC	xã Tiên Lãng	H. Tiên Yên	21° 19' 32"	107° 24' 58"					F-48-71-B-d
thôn Thủy Cơ	DC	xã Tiên Lãng	H. Tiên Yên	21° 17' 23"	107° 26' 56"					F-48-71-B-d
vụng Tiên Yên	TV	xã Tiên Lãng	H. Tiên Yên	21° 18' 04"	107° 26' 33"					F-48-71-B-d
sông Tiên Yên	TV	xã Tiên Lãng	H. Tiên Yên			21° 20' 19"	107° 24' 30"	21° 18' 27"	107° 26' 08"	F-48-71-B-d
núi Tròn	SV	xã Tiên Lãng	H. Tiên Yên	21° 20' 40"	107° 25' 50"					F-48-71-B-d
thôn Xóm Nương	DC	xã Tiên Lãng	H. Tiên Yên	21° 19' 42"	107° 24' 33"					F-48-71-B-d
quốc lộ 18C	KX	xã Yên Than	H. Tiên Yên			21° 20' 18"	107° 22' 27"	21° 20' 06"	107° 22' 15"	F-48-71-B-c
quốc lộ 4B	KX	xã Yên Than	H. Tiên Yên			21° 21' 57"	107° 19' 14"	21° 20' 18"	107° 22' 19"	F-48-71-B-c
thôn Đồng Tâm	DC	xã Yên Than	H. Tiên Yên	21° 21' 16"	107° 21' 18"					F-48-71-B-c
thôn Đồng Và	DC	xã Yên Than	H. Tiên Yên	21° 21' 12"	107° 23' 41"					F-48-71-B-d
thôn Khe Muối	DC	xã Yên Than	H. Tiên Yên	21° 21' 12"	107° 19' 05"					F-48-71-B-c
cầu Khe Muối	KX	xã Yên Than	H. Tiên Yên	21° 21' 53"	107° 19' 23"					F-48-71-B-c
Khe Muối 1	DC	xã Yên Than	H. Tiên Yên							F-48-71-B-c
Khe Muối 2	DC	xã Yên Than	H. Tiên Yên							F-48-71-B-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Khe Và	DC	xã Yên Than	H. Tiên Yên	21° 21' 23"	107° 24' 49"					F-48-71-B-d
thôn Lẩu Gìn Tùng	DC	xã Yên Than	H. Tiên Yên	21° 21' 37"	107° 20' 50"					F-48-71-B-c
khe Muối	TV	xã Yên Than	H. Tiên Yên			21° 19' 50"	107° 19' 21"	21° 22' 00"	107° 19' 29"	F-48-71-B-c
Nà Phen	DC	xã Yên Than	H. Tiên Yên	21° 20' 47"	107° 23' 56"					F-48-71-B-d
thôn Pạc Sủi	DC	xã Yên Than	H. Tiên Yên	21° 22' 26"	107° 24' 49"					F-48-71-B-d
sông Phố Cũ	TV	xã Yên Than	H. Tiên Yên			21° 21' 58"	107° 19' 15"	21° 20' 25"	107° 22' 35"	F-48-71-B-c
Tài Thán	DC	xã Yên Than	H. Tiên Yên	21° 20' 49"	107° 22' 16"					F-48-71-B-c
thôn Tài Tùng	DC	xã Yên Than	H. Tiên Yên	21° 20' 53"	107° 21' 50"					F-48-71-B-c
thôn Tân	DC	xã Yên Than	H. Tiên Yên	21° 20' 18"	107° 22' 18"					F-48-71-B-c
sông Tiên Yên	TV	xã Yên Than	H. Tiên Yên			21° 21' 45"	107° 23' 20"	21° 20' 52"	107° 23' 38"	F-48-71-B-d
cầu Yên Than 2	KX	xã Yên Than	H. Tiên Yên	21° 20' 55"	107° 21' 29"					F-48-71-B-c
cầu Khe Tiên	KX	xã Yên Than	H. Tiên Yên	21° 19' 50"	107° 23' 35"					F-48-71-B-d
khu 1	DC	TT. Cái Rồng	H. Vân Đồn	21° 04' 03"	107° 24' 53"					F-48-71-D-d
khu 2	DC	TT. Cái Rồng	H. Vân Đồn	21° 04' 08"	107° 24' 55"					F-48-71-D-d
khu 3	DC	TT. Cái Rồng	H. Vân Đồn	21° 04' 01"	107° 25' 07"					F-48-71-D-d
khu 4	DC	TT. Cái Rồng	H. Vân Đồn	21° 04' 06"	107° 25' 06"					F-48-71-D-d
khu 5	DC	TT. Cái Rồng	H. Vân Đồn	21° 04' 13"	107° 25' 15"					F-48-71-D-d
khu 6	DC	TT. Cái Rồng	H. Vân Đồn	21° 04' 40"	107° 25' 09"					F-48-71-D-d
khu 7	DC	TT. Cái Rồng	H. Vân Đồn	21° 04' 04"	107° 25' 11"					F-48-71-D-d
khu 8	DC	TT. Cái Rồng	H. Vân Đồn	21° 04' 03"	107° 25' 18"					F-48-71-D-d
cảng Cái Rồng	KX	TT. Cái Rồng	H. Vân Đồn	21° 03' 40"	107° 25' 42"					F-48-71-D-d
khu nghỉ dưỡng Quang Hanh	KX	TT. Cái Rồng	H. Vân Đồn	21° 04' 26"	107° 25' 30"					F-48-71-D-d
thôn Bản Sen	DC	xã Bản Sen	H. Vân Đồn	20° 56' 34"	107° 29' 48"					F-48-83-B-b
cái Bản Sen	TV	xã Bản Sen	H. Vân Đồn	20° 57' 41"	107° 29' 05"					F-48-83-B-b
vụng Cái Suôi	TV	xã Bản Sen	H. Vân Đồn	21° 01' 53"	107° 32' 43"					F-48-72-C-c
núi Cao Lan	SV	xã Bản Sen	H. Vân Đồn	20° 59' 11"	107° 31' 08"					F-48-84-A-a
cửa Cặp Gió Lò	TV	xã Bản Sen	H. Vân Đồn	20° 55' 56"	107° 26' 37"					F-48-83-B-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
gành Cây Sến	TV	xã Bản Sen	H. Vân Đồn	21° 01' 05"	107° 30' 20"					F-48-72-C-c
gành Chéo Gấp	TV	xã Bản Sen	H. Vân Đồn	20° 58' 07"	107° 27' 14"					F-48-83-B-b
vụng Chùa Đá	TV	xã Bản Sen	H. Vân Đồn	20° 59' 10"	107° 28' 54"					F-48-83-B-b
núi Cõng Đá	SV	xã Bản Sen	H. Vân Đồn	20° 59' 51"	107° 31' 43"					F-48-84-A-a
sông Cống Nứa	TV	xã Bản Sen	H. Vân Đồn			20° 58' 23"	107° 28' 46"	20° 55' 54"	107° 26' 13"	F-48-83-B-b
lạch Đầu Gỗ	TV	xã Bản Sen	H. Vân Đồn	20° 56' 31"	107° 26' 39"					F-48-83-B-b
thôn Điền Xá	DC	xã Bản Sen	H. Vân Đồn	21' 00" 42"	107° 31' 19"					F-48-72-C-c
sông Đống Chén	TV	xã Bản Sen	H. Vân Đồn			20° 55' 54"	107° 26' 13"	20° 54' 11"	107° 20' 19"	F-48-83-B-b
lạch Đống Chén	TV	xã Bản Sen	H. Vân Đồn	20° 57' 35"	107° 25' 40"					F-48-83-B-b
vụng Đống Chén	TV	xã Bản Sen	H. Vân Đồn	20° 56' 39"	107° 25' 02"					F-48-83-B-b
luồng Đống Chén	TV	xã Bản Sen	H. Vân Đồn			20° 56' 59"	107° 24' 58"	20° 55' 48"	107° 23' 49"	F-48-83-B-b
thôn Đồng Gianh	DC	xã Bản Sen	H. Vân Đồn	20° 57' 13"	107° 29' 31"					F-48-83-B-b
thôn Đông Lĩnh	DC	xã Bản Sen	H. Vân Đồn	20° 58' 57"	107° 30' 33"					F-48-84-A-a
cái Đông Lĩnh	TV	xã Bản Sen	H. Vân Đồn	21' 00" 42"	107° 30' 31"					F-48-72-C-c
mũi Giếng Cối	TV	xã Bản Sen	H. Vân Đồn	20° 57' 53"	107° 28' 56"					F-48-83-B-b
vụng Hòn Chùa	TV	xã Bản Sen	H. Vân Đồn	20° 58' 49"	107° 29' 15"					F-48-83-B-b
cảng Hòn Hai	KX	xã Bản Sen	H. Vân Đồn	21° 01' 22"	107° 30' 41"					F-48-72-C-c
suối Khe Cầu	TV	xã Bản Sen	H. Vân Đồn			20° 57' 08"	107° 30' 01"	20° 57' 26"	107° 29' 20"	F-48-83-B-b
hang Luồn	SV	xã Bản Sen	H. Vân Đồn	20° 56' 26"	107° 27' 47"					F-48-83-B-b
thôn Nà Na	DC	xã Bản Sen	H. Vân Đồn	20° 58' 42"	107° 29' 49"					F-48-83-B-b
sông Nà Na	TV	xã Bản Sen	H. Vân Đồn			20° 58' 13"	107° 30' 33"	21' 00" 00"	107° 30' 09"	F-48-83-B-b
thôn Nà Sắn	DC	xã Bản Sen	H. Vân Đồn	20° 58' 19"	107° 29' 16"					F-48-83-B-b
mỏm Phượng Hoàng	TV	xã Bản Sen	H. Vân Đồn	20° 56' 59"	107° 25' 09"					F-48-83-B-b
áng Thìa Nước	TV	xã Bản Sen	H. Vân Đồn	20° 56' 17"	107° 27' 54"					F-48-83-B-b
đỉnh Trọng Trực	SV	xã Bản Sen	H. Vân Đồn	20° 57' 24"	107° 30' 50"					F-48-84-A-a
núi Vạn Hoa	SV	xã Bản Sen	H. Vân Đồn	20° 54' 51"	107° 23' 05"					F-48-83-B-b
núi Vạn Than	SV	xã Bản Sen	H. Vân Đồn	20° 56' 26"	107° 25' 40"					F-48-83-B-b
lạch Vông Vang	TV	xã Bản Sen	H. Vân Đồn	21° 02' 17"	107° 31' 14"					F-48-72-C-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
sông Ba Chẽ	TV	xã Bình Dân	H. Vân Đồn			21° 11' 00"	107° 23' 03"	21° 12' 37"	107° 25' 22"	F-48-71-D-b
thôn Đầm Tròn	DC	xã Bình Dân	H. Vân Đồn	21° 07' 54"	107° 26' 21"					F-48-71-D-b
thôn Đồng Cống	DC	xã Bình Dân	H. Vân Đồn	21° 09' 54"	107° 25' 33"					F-48-71-D-b
thôn Đồng Đá	DC	xã Bình Dân	H. Vân Đồn	21° 08' 42"	107° 26' 19"					F-48-71-D-b
thôn Đồng Dọng	DC	xã Bình Dân	H. Vân Đồn	21° 08' 25"	107° 28' 32"					F-48-71-D-b
núi Giu Di	SV	xã Bình Dân	H. Vân Đồn	21° 11' 03"	107° 25' 58"					F-48-71-D-b
cái Hà Nứa Sâu	TV	xã Bình Dân	H. Vân Đồn	21° 09' 11"	107° 25' 37"					F-48-71-D-b
hồ Khe Bòng	TV	xã Bình Dân	H. Vân Đồn	21° 08' 08"	107° 27' 01"					F-48-71-D-b
đập Khe Bòng	KX	xã Bình Dân	H. Vân Đồn	21° 08' 10"	107° 26' 54"					F-48-71-D-b
xóm Khe Quýt	DC	xã Bình Dân	H. Vân Đồn	21° 08' 59"	107° 28' 39"					F-48-71-D-b
đập Khe Rùa	KX	xã Bình Dân	H. Vân Đồn	21° 09' 55"	107° 25' 41"					F-48-71-D-b
núi Lẻ	SV	xã Bình Dân	H. Vân Đồn	21° 08' 04"	107° 25' 37"					F-48-71-D-b
núi Tổ Quạ	SV	xã Bình Dân	H. Vân Đồn	21° 11' 10"	107° 24' 53"					F-48-71-D-b
sông Voi Lớn	TV	xã Bình Dân	H. Vân Đồn			21° 07' 59"	107° 24' 33"	21° 11' 55"	107° 25' 51"	F-48-71-D-b
thôn Vòng Tre	DC	xã Bình Dân	H. Vân Đồn	21° 08' 26"	107° 26' 49"					F-48-71-D-b
sông Ba Chẽ	TV	xã Đài Xuyên	H. Vân Đồn			21° 12' 37"	107° 25' 22"	21° 13' 29"	107° 26' 28"	F-48-71-D-b
luồng Cẩm Phả	TV	xã Đài Xuyên	H. Vân Đồn	21° 13' 39"	107° 26' 31"					F-48-71-D-b
núi Cặp Cá	SV	xã Đài Xuyên	H. Vân Đồn	21° 15' 41"	107° 28' 38"					F-48-71-B-d
vụng Cỏ	TV	xã Đài Xuyên	H. Vân Đồn	21° 15' 34"	107° 29' 09"					F-48-71-B-d
sông Đài Van	TV	xã Đài Xuyên	H. Vân Đồn			21° 11' 39"	107° 27' 50"	21° 12' 45"	107° 26' 26"	F-48-71-D-b
vụng Giếng	TV	xã Đài Xuyên	H. Vân Đồn	21° 14' 01"	107° 26' 45"					F-48-71-D-b
khe Giữa	TV	xã Đài Xuyên	H. Vân Đồn			21° 09' 56"	107° 28' 29"	21° 09' 51"	107° 27' 46"	F-48-71-D-b
vụng Gốc	TV	xã Đài Xuyên	H. Vân Đồn	21° 13' 18"	107° 31' 32"					F-48-72-C-a
cái Hai Ngã	TV	xã Đài Xuyên	H. Vân Đồn	21° 13' 40"	107° 31' 01"					F-48-72-C-a
lạch Khe Dâu	TV	xã Đài Xuyên	H. Vân Đồn	21° 12' 08"	107° 31' 37"					F-48-72-C-a
thôn Ký Vầy	DC	xã Đài Xuyên	H. Vân Đồn	21° 09' 15"	107° 27' 09"					F-48-71-D-b
núi Nước Xanh	SV	xã Đài Xuyên	H. Vân Đồn	21° 14' 42"	107° 29' 00"					F-48-71-D-b
cái Nước Xanh	TV	xã Đài Xuyên	H. Vân Đồn			21° 13' 01"	107° 29' 36"	21° 14' 44"	107° 29' 35"	F-48-71-D-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
vụng Quang	TV	xã Đài Xuyên	H. Vân Đồn	21° 14' 13"	107° 30' 33"					F-48-72-C-a
vụng Quýt	TV	xã Đài Xuyên	H. Vân Đồn	21° 14' 00"	107° 30' 46"					F-48-72-C-a
Tằng Cá Cạn	TV	xã Đài Xuyên	H. Vân Đồn	21° 15' 23"	107° 27' 09"					F-48-71-B-d
Tằng Cá Sâu	TV	xã Đài Xuyên	H. Vân Đồn	21° 15' 09"	107° 27' 09"					F-48-71-B-d
vụng Thầm Thì	TV	xã Đài Xuyên	H. Vân Đồn	21° 16' 30"	107° 28' 12"					F-48-71-B-d
vụng Thi	TV	xã Đài Xuyên	H. Vân Đồn	21° 12' 54"	107° 31' 48"					F-48-72-C-a
vũng Thuyên	TV	xã Đài Xuyên	H. Vân Đồn	21° 12' 44"	107° 31' 49"					F-48-72-C-a
lạch Tiên Yên	TV	xã Đài Xuyên	H. Vân Đồn	21° 15' 58"	107° 29' 12"					F-48-71-B-d
lạch Tiên Yên	TV	xã Đài Xuyên	H. Vân Đồn	21° 14' 54"	107° 29' 55"					F-48-71-D-b
lạch Tiên Yên	TV	xã Đài Xuyên	H. Vân Đồn	21° 15' 25"	107° 30' 09"					F-48-72-A-c
vụng Vật	TV	xã Đài Xuyên	H. Vân Đồn	21° 15' 57"	107° 26' 46"					F-48-71-B-d
sông Voi Lớn	TV	xã Đài Xuyên	H. Vân Đồn			21° 11' 55"	107° 25' 51"	21° 13' 29"	107° 26' 28"	F-48-71-D-b
thôn Voòng Tre	DC	xã Đài Xuyên	H. Vân Đồn	21° 08' 55"	107° 27' 08"					F-48-71-D-b
hồ Voòng Tre	TV	xã Đài Xuyên	H. Vân Đồn	21° 08' 46"	107° 27' 42"					F-48-71-D-b
đập Voòng Tre	TV	xã Đài Xuyên	H. Vân Đồn	21° 08' 47"	107° 27' 38"					F-48-71-D-b
thôn Xuyên Hùng	DC	xã Đài Xuyên	H. Vân Đồn	21° 10' 19"	107° 27' 40"					F-48-71-D-b
thôn Bồ Lạy	DC	xã Đoàn Kết	H. Vân Đồn	21° 05' 33"	107° 24' 13"					F-48-71-D-d
thôn Cây Thau	DC	xã Đoàn Kết	H. Vân Đồn	21° 07' 22"	107° 25' 17"					F-48-71-D-d
thôn Đồng Cậy	DC	xã Đoàn Kết	H. Vân Đồn	21° 06' 42"	107° 24' 54"					F-48-71-D-d
thôn Giữa	DC	xã Đoàn Kết	H. Vân Đồn	21° 07' 11"	107° 24' 58"					F-48-71-D-d
hồ Khe Mai	TV	xã Đoàn Kết	H. Vân Đồn	21° 07' 02"	107° 25' 32"					F-48-71-D-d
đập Khe Mai	KX	xã Đoàn Kết	H. Vân Đồn	21° 06' 47"	107° 25' 14"					F-48-71-D-d
thôn Khe Ngái	DC	xã Đoàn Kết	H. Vân Đồn	21° 05' 22"	107° 24' 53"					F-48-71-D-d
đập Lỷ Ba	KX	xã Đoàn Kết	H. Vân Đồn	21° 05' 35"	107° 24' 42"					F-48-71-D-d
khe Ngái	TV	xã Đoàn Kết	H. Vân Đồn			21° 06' 57"	107° 26' 28"	21° 05' 56"	107° 24' 35"	F-48-71-D-d
núi Rừng Miếu	SV	xã Đoàn Kết	H. Vân Đồn	21° 07' 03"	107° 25' 23"					F-48-71-D-d
núi Rừng Phòng Không	SV	xã Đoàn Kết	H. Vân Đồn	21° 07' 18"	107° 25' 52"					F-48-71-D-d
thôn Tràng Hương	DC	xã Đoàn Kết	H. Vân Đồn	21° 04' 08"	107° 23' 24"					F-48-71-D-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
sông Voi Lớn	TV	xã Đoàn Kết	H. Vân Đồn			21° 05' 33"	107° 22' 24"	21° 07' 59"	107° 24' 33"	F-48-71-D-d
đường tỉnh 334	KX	xã Đông Xá	H. Vân Đồn			21° 02' 17"	107° 22' 09"	21° 04' 02"	107° 24' 50"	F-48-71-D-d
lạch Buộm	TV	xã Đông Xá	H. Vân Đồn	21° 03' 05"	107° 22' 44"					F-48-71-D-d
luồng Cái Bầu	TV	xã Đông Xá	H. Vân Đồn	21' 00" 38"	107° 25' 31"					F-48-71-D-d
đền Cặp Tiên	KX	xã Đông Xá	H. Vân Đồn	21° 02' 22"	107° 22' 23"					F-48-71-D-c
luồng Cửa Ông	TV	xã Đông Xá	H. Vân Đồn	21° 01' 27"	107° 22' 42"					F-48-71-D-d
thôn Đông Hà	DC	xã Đông Xá	H. Vân Đồn	21° 03' 42"	107° 24' 54"					F-48-71-D-d
thôn Đông Hải	DC	xã Đông Xá	H. Vân Đồn	21° 03' 20"	107° 24' 11"					F-48-71-D-d
thôn Đông Hợp	DC	xã Đông Xá	H. Vân Đồn	21° 03' 27"	107° 24' 30"					F-48-71-D-d
thôn Đông Sơn	DC	xã Đông Xá	H. Vân Đồn	21° 03' 53"	107° 24' 41"					F-48-71-D-d
thôn Đông Thắng	DC	xã Đông Xá	H. Vân Đồn	21° 03' 29"	107° 24' 46"					F-48-71-D-d
thôn Đông Thành	DC	xã Đông Xá	H. Vân Đồn	21° 03' 10"	107° 23' 47"					F-48-71-D-d
thôn Đông Thịnh	DC	xã Đông Xá	H. Vân Đồn	21° 03' 45"	107° 24' 33"					F-48-71-D-d
thôn Đông Tiến	DC	xã Đông Xá	H. Vân Đồn	21° 02' 50"	107° 23' 17"					F-48-71-D-d
thôn Đông Trung	DC	xã Đông Xá	H. Vân Đồn	21° 03' 35"	107° 24' 28"					F-48-71-D-d
luồng Gạc	TV	xã Đông Xá	H. Vân Đồn	21° 03' 10"	107° 22' 06"					F-48-71-D-c
lạch Hoi	TV	xã Đông Xá	H. Vân Đồn	20° 59' 26"	107° 23' 04"					F-48-83-B-b
lạch Trà Lạo	TV	xã Đông Xá	H. Vân Đồn	20° 58' 43"	107° 23' 19"					F-48-83-B-b
cầu Vân Đồn 1	KX	xã Đông Xá	H. Vân Đồn	21° 02' 14"	107° 22' 01"					F-48-71-D-c
cầu Vân Đồn 2	KX	xã Đông Xá	H. Vân Đồn	21° 02' 36"	107° 22' 16"					F-48-71-D-c
cầu Vân Đồn 3	KX	xã Đông Xá	H. Vân Đồn	21° 02' 43"	107° 22' 40"					F-48-71-D-d
thôn 1	DC	xã Hạ Long	H. Vân Đồn	21° 06' 19"	107° 28' 30"					F-48-71-D-d
thôn 2	DC	xã Hạ Long	H. Vân Đồn	21° 05' 59"	107° 28' 13"					F-48-71-D-d
thôn 3	DC	xã Hạ Long	H. Vân Đồn	21° 06' 10"	107° 28' 00"					F-48-71-D-d
thôn 4	DC	xã Hạ Long	H. Vân Đồn	21° 06' 00"	107° 27' 37"					F-48-71-D-d
thôn 5	DC	xã Hạ Long	H. Vân Đồn	21° 05' 46"	107° 26' 54"					F-48-71-D-d
thôn 6	DC	xã Hạ Long	H. Vân Đồn	21° 05' 34"	107° 26' 43"					F-48-71-D-d
thôn 7	DC	xã Hạ Long	H. Vân Đồn	21° 05' 05"	107° 26' 26"					F-48-71-D-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn 8	DC	xã Hạ Long	H. Vân Đồn	21° 04' 58"	107° 26' 05"					F-48-71-D-d
thôn 9	DC	xã Hạ Long	H. Vân Đồn	21° 04' 50"	107° 25' 54"					F-48-71-D-d
thôn 10	DC	xã Hạ Long	H. Vân Đồn	21° 04' 38"	107° 25' 54"					F-48-71-D-d
thôn 11	DC	xã Hạ Long	H. Vân Đồn	21° 04' 44"	107° 25' 45"					F-48-71-D-d
thôn 12	DC	xã Hạ Long	H. Vân Đồn	21° 04' 40"	107° 25' 30"					F-48-71-D-d
thôn 13	DC	xã Hạ Long	H. Vân Đồn	21° 04' 44"	107° 25' 24"					F-48-71-D-d
thôn 14	DC	xã Hạ Long	H. Vân Đồn	21° 04' 23"	107° 25' 42"					F-48-71-D-d
thôn 15	DC	xã Hạ Long	H. Vân Đồn	21° 04' 16"	107° 25' 36"					F-48-71-D-d
đường tỉnh 334	KX	xã Hạ Long	H. Vân Đồn			21° 04' 34"	107° 25' 26"	21° 07' 25"	107° 30' 14"	F-48-71-D-d
du lịch Bãi Dài Bái Tử Long	KX	xã Hạ Long	H. Vân Đồn	21° 06' 33"	107° 29' 15"					F-48-71-D-d
núi Đèo Hiêng	SV	xã Hạ Long	H. Vân Đồn	21° 06' 10"	107° 26' 37"					F-48-71-D-d
du lịch Sinh thái Bái Tử Long	KX	xã Hạ Long	H. Vân Đồn	21° 05' 47"	107° 28' 28"					F-48-71-D-d
ao Tiên	TV	xã Hạ Long	H. Vân Đồn	21° 05' 39"	107° 27' 46"					F-48-71-D-d
lạch Vuông Vang	TV	xã Hạ Long	H. Vân Đồn	21° 01' 18"	107° 28' 13"					F-48-71-D-d
núi Bể Thích	SV	xã Minh Châu	H. Vân Đồn	20° 55' 47"	107° 32' 56"					F-48-84-A-a
vụng Cái Quýt	TV	xã Minh Châu	H. Vân Đồn	21° 02' 17"	107° 34' 54"					F-48-72-C-c
luồng Cái Quýt	TV	xã Minh Châu	H. Vân Đồn	21° 01' 26"	107° 33' 41"					F-48-72-C-c
ghềnh Cây Nhãn	TV	xã Minh Châu	H. Vân Đồn	20° 58' 18"	107° 33' 58"					F-48-84-A-a
luồng Cây Quýt	TV	xã Minh Châu	H. Vân Đồn	21° 06' 35"	107° 36' 09"					F-48-72-C-c
núi Đá Ẩy	SV	xã Minh Châu	H. Vân Đồn	21° 07' 26"	107° 36' 26"					F-48-72-C-a
Đá Bạc	DC	xã Minh Châu	H. Vân Đồn	20° 57' 18"	107° 31' 35"					F-48-84-A-a
vụng Đá Bạc	TV	xã Minh Châu	H. Vân Đồn	20° 56' 19"	107° 31' 16"					F-48-84-A-a
núi Đá Cặp Văn	SV	xã Minh Châu	H. Vân Đồn	21° 02' 15"	107° 33' 36"					F-48-72-C-c
mũi Đầu Cào	TV	xã Minh Châu	H. Vân Đồn	20° 56' 28"	107° 33' 27"					F-48-84-A-a
núi Đầu Trâu	SV	xã Minh Châu	H. Vân Đồn	20° 56' 30"	107° 31' 24"					F-48-84-A-a
mõm Lưỡi Liềm	TV	xã Minh Châu	H. Vân Đồn	20° 59' 48"	107° 32' 59"					F-48-84-A-a
sông Mang	TV	xã Minh Châu	H. Vân Đồn	21° 03' 17"	107° 34' 25"					F-48-72-C-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Nam Hải	DC	xã Minh Châu	H. Vân Đồn	20° 56' 01"	107° 32' 41"					F-48-84-A-a
thôn Ninh Hải	DC	xã Minh Châu	H. Vân Đồn	20° 56' 40"	107° 32' 45"					F-48-84-A-a
núi Ổ Lợn	SV	xã Minh Châu	H. Vân Đồn	20° 58' 44"	107° 33' 57"					F-48-84-A-a
thôn Quang Trung	DC	xã Minh Châu	H. Vân Đồn	20° 56' 29"	107° 32' 33"					F-48-84-A-a
thôn Tiền Hải	DC	xã Minh Châu	H. Vân Đồn	20° 56' 17"	107° 32' 19"					F-48-84-A-a
cảng Cống Yên	KX	xã Ngọc Vừng	H. Vân Đồn	20° 50' 54"	107° 20' 28"					F-48-83-B-c
vụng Mắp Chải	TV	xã Ngọc Vừng	H. Vân Đồn	20° 52' 33"	107° 20' 19"					F-48-83-B-a
xóm Ngoài	DC	xã Ngọc Vừng	H. Vân Đồn	20° 48' 58"	107° 21' 13"					F-48-83-B-c
thôn Ngọc Nam	DC	xã Ngọc Vừng	H. Vân Đồn	20° 50' 52"	107° 20' 22"					F-48-83-B-c
núi Phượng Hoàng	SV	xã Ngọc Vừng	H. Vân Đồn	20° 47' 36"	107° 24' 32"					F-48-83-B-d+ 84-A-c
núi Tam Na	SV	xã Ngọc Vừng	H. Vân Đồn	20° 48' 59"	107° 22' 15"					F-48-83-B-c
xóm Trong	DC	xã Ngọc Vừng	H. Vân Đồn	20° 49' 07"	107° 21' 27"					F-48-83-B-c
núi Tu Ta	SV	xã Ngọc Vừng	H. Vân Đồn	20° 50' 32"	107° 20' 20"					F-48-83-B-c
vịnh Vân Đồn	TV	xã Ngọc Vừng	H. Vân Đồn	20° 51' 15"	107° 21' 03"					F-48-83-B-c
cái Vạn Xuân	TV	xã Ngọc Vừng	H. Vân Đồn	20° 51' 43"	107° 21' 01"					F-48-83-B-c
miếu Bà	KX	xã Quan Lạn	H. Vân Đồn	20° 54' 27"	107° 27' 00"					F-48-83-B-b
núi Ba Ngòi	SV	xã Quan Lạn	H. Vân Đồn	20° 55' 20"	107° 29' 03"					F-48-83-B-b
thôn Bắc	DC	xã Quan Lạn	H. Vân Đồn	20° 52' 47"	107° 29' 13"					F-48-83-B-b
Bến Đò	DC	xã Quan Lạn	H. Vân Đồn	20° 55' 10"	107° 29' 50"					F-48-83-B-b
Bờ Lao	DC	xã Quan Lạn	H. Vân Đồn	20° 55' 20"	107° 30' 07"					F-48-84-A-a
ghềnh Bò Lội	TV	xã Quan Lạn	H. Vân Đồn	20° 53' 33"	107° 23' 12"					F-48-83-B-b
đầm Cái Chậu	TV	xã Quan Lạn	H. Vân Đồn	20° 54' 45"	107° 26' 44"					F-48-83-B-b
Cái Chậu	DC	xã Quan Lạn	H. Vân Đồn	20° 54' 55"	107° 27' 35"					F-48-83-B-b
vụng Cái Đé	TV	xã Quan Lạn	H. Vân Đồn	20° 52' 38"	107° 23' 03"					F-48-83-B-b
Cái Tỏi	DC	xã Quan Lạn	H. Vân Đồn	20° 55' 01"	107° 28' 32"					F-48-83-B-b
ghềnh Cây Xanh	TV	xã Quan Lạn	H. Vân Đồn	20° 53' 22"	107° 23' 32"					F-48-83-B-b
dãy núi Chậu	SV	xã Quan Lạn	H. Vân Đồn	20° 54' 52"	107° 26' 12"					F-48-83-B-b
cống Chậu	TV	xã Quan Lạn	H. Vân Đồn	20° 54' 09"	107° 25' 28"					F-48-83-B-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
núi Chậu Dấp	SV	xã Quan Lạn	H. Vân Đồn	20° 53' 47"	107° 26' 06"					F-48-83-B-b
bản Cộc	DC	xã Quan Lạn	H. Vân Đồn	20° 54' 57"	107° 29' 15"					F-48-83-B-b
núi Con Quy	SV	xã Quan Lạn	H. Vân Đồn	20° 55' 17"	107° 31' 27"					F-48-84-A-a
cửa Cống Cái	TV	xã Quan Lạn	H. Vân Đồn	20° 54' 41"	107° 30' 57"					F-48-84-A-a
núi Cống Cát	SV	xã Quan Lạn	H. Vân Đồn	20° 54' 46"	107° 31' 21"					F-48-84-A-a
núi Cù Lao Mang	SV	xã Quan Lạn	H. Vân Đồn	20° 54' 18"	107° 30' 05"					F-48-84-A-a
núi Đầu Làng	SV	xã Quan Lạn	H. Vân Đồn	20° 50' 52"	107° 29' 03"					F-48-83-B-d+ 84-A-c
thôn Đoài	DC	xã Quan Lạn	H. Vân Đồn	20° 52' 50"	107° 29' 04"					F-48-83-B-b
miếu Đồng Hồ	KX	xã Quan Lạn	H. Vân Đồn	20° 51' 35"	107° 28' 56"					F-48-83-B-d+ 84-A-c
thôn Đông Nam	DC	xã Quan Lạn	H. Vân Đồn	20° 52' 37"	107° 29' 25"					F-48-83-B-b
núi Gô	SV	xã Quan Lạn	H. Vân Đồn	20° 49' 15"	107° 28' 38"					F-48-83-B-d+ 84-A-c
đầm Gò Dậu	TV	xã Quan Lạn	H. Vân Đồn	20° 53' 07"	107° 28' 39"					F-48-83-B-b
núi Gót	SV	xã Quan Lạn	H. Vân Đồn	20° 49' 39"	107° 28' 22"					F-48-83-B-d+ 84-A-c
ghềnh Mai	TV	xã Quan Lạn	H. Vân Đồn	20° 53' 31"	107° 24' 46"					F-48-83-B-b
núi Nàng Tiên	SV	xã Quan Lạn	H. Vân Đồn	20° 57' 09"	107° 30' 33"					F-48-84-A-a
núi Ông Tài	SV	xã Quan Lạn	H. Vân Đồn	20° 53' 08"	107° 30' 48"					F-48-84-A-a
thôn Sơn Hào	DC	xã Quan Lạn	H. Vân Đồn	20° 54' 38"	107° 31' 20"					F-48-84-A-a
luồng Sông Mang	TV	xã Quan Lạn	H. Vân Đồn	20° 54' 09"	107° 27' 57"					F-48-83-B-b
thôn Tân Lập	DC	xã Quan Lạn	H. Vân Đồn	20° 55' 32"	107° 30' 31"					F-48-84-A-a
thôn Tân Phong	DC	xã Quan Lạn	H. Vân Đồn	20° 52' 56"	107° 28' 50"					F-48-83-B-b
thôn Thái Hòa	DC	xã Quan Lạn	H. Vân Đồn	20° 52' 27"	107° 29' 30"					F-48-83-B-d+ 84-A-c
cái Vạn Cảnh	TV	xã Quan Lạn	H. Vân Đồn	20° 51' 33"	107° 22' 07"					F-48-83-B-c
thôn Yến Hải	DC	xã Quan Lạn	H. Vân Đồn	20° 49' 50"	107° 28' 40"					F-48-83-B-d+ 84-A-c
thôn 1	DC	xã Thắng Lợi	H. Vân Đồn	20° 53' 36"	107° 18' 35"					F-48-83-B-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn 2	DC	xã Thắng Lợi	H. Vân Đồn	20° 53' 23"	107° 18' 31"					F-48-83-B-a
thôn 3	DC	xã Thắng Lợi	H. Vân Đồn	20° 53' 10"	107° 18' 40"					F-48-83-B-a
thôn 4	DC	xã Thắng Lợi	H. Vân Đồn	20° 52' 58"	107° 18' 49"					F-48-83-B-a
thôn 5	DC	xã Thắng Lợi	H. Vân Đồn	20° 52' 45"	107° 19' 03"					F-48-83-B-a
lạch Buộm	TV	xã Thắng Lợi	H. Vân Đồn			20° 54' 59"	107° 21' 07"	20° 56' 23"	107° 22' 29"	F-48-83-B-a
vụng Chùa Cát	TV	xã Thắng Lợi	H. Vân Đồn	20° 52' 24"	107° 19' 01"					F-48-83-B-c
lạch Cửa Triều	TV	xã Thắng Lợi	H. Vân Đồn			20° 51' 44"	107° 19' 35"	20° 54' 05"	107° 20' 01"	F-48-83-B-a, F-48-83-B-c
lạch Gối	TV	xã Thắng Lợi	H. Vân Đồn	20° 52' 07"	107° 17' 21"	20° 51' 28"	107° 17' 57"	20° 52' 35"	107° 17' 01"	F-48-83-B-c
vụng La	TV	xã Thắng Lợi	H. Vân Đồn	20° 53' 57"	107° 20' 28"					F-48-83-B-a
lạch Mé Cả	TV	xã Thắng Lợi	H. Vân Đồn			20° 56' 04"	107° 18' 04"	20° 58' 47"	107° 21' 51"	F-48-83-B-a
hang Quan	SV	xã Thắng Lợi	H. Vân Đồn	20° 54' 16"	107° 19' 23"					F-48-83-B-a
núi Soi Trâu	SV	xã Thắng Lợi	H. Vân Đồn	20° 53' 31"	107° 20' 01"					F-48-83-B-a
vụng Tay Vượn	TV	xã Thắng Lợi	H. Vân Đồn	20° 53' 33"	107° 20' 55"					F-48-83-B-a
cái Bắc Thang	TV	xã Vạn Yên	H. Vân Đồn	21° 10' 45"	107° 35' 01"					F-48-72-C-a
cái Bàn Mai	TV	xã Vạn Yên	H. Vân Đồn	21° 10' 25"	107° 34' 29"					F-48-72-C-a
núi Bằng Thống	SV	xã Vạn Yên	H. Vân Đồn	21° 07' 47"	107° 27' 33"					F-48-71-D-b
thôn Bình Lược	DC	xã Vạn Yên	H. Vân Đồn	21° 10' 29"	107° 31' 51"					F-48-72-C-a
cầu Bình Lược	KX	xã Vạn Yên	H. Vân Đồn	21° 10' 33"	107° 31' 55"					F-48-72-C-a
thôn Cái Bầu	DC	xã Vạn Yên	H. Vân Đồn	21° 08' 06"	107° 30' 09"					F-48-72-C-a
sông Cái Bầu	TV	xã Vạn Yên	H. Vân Đồn			21° 08' 08"	107° 28' 39"	21° 07' 59"	107° 30' 04"	F-48-71-D-b, F-48-72-C-a
luồng Cái Bầu	TV	xã Vạn Yên	H. Vân Đồn			21° 11' 35"	107° 36' 03"	21° 03' 33"	107° 28' 23"	F-48-72-C-a
cửa Cái Bầu	TV	xã Vạn Yên	H. Vân Đồn	21° 07' 24"	107° 30' 18"					F-48-72-C-c
cầu Cái Bầu	KX	xã Vạn Yên	H. Vân Đồn	21° 07' 59"	107° 30' 05"					F-48-72-C-a
cầu Cái Lá	KX	xã Vạn Yên	H. Vân Đồn	21° 11' 41"	107° 33' 34"					F-48-72-C-a
cầu Cao	KX	xã Vạn Yên	H. Vân Đồn	21° 11' 02"	107° 32' 29"					F-48-72-C-a
thôn Đài Chuối	DC	xã Vạn Yên	H. Vân Đồn	21° 09' 52"	107° 32' 37"					F-48-72-C-a
vụng Đài Chuối	TV	xã Vạn Yên	H. Vân Đồn	21° 09' 21"	107° 32' 00"					F-48-72-C-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
cái Đài Chuối	TV	xã Vạn Yên	H. Vân Đồn	21° 08' 50"	107° 32' 10"					F-48-72-C-a
vụng Đại Hố	TV	xã Vạn Yên	H. Vân Đồn	21° 09' 16"	107° 33' 01"					F-48-72-C-a
thôn Đài Làng	DC	xã Vạn Yên	H. Vân Đồn	21° 09' 32"	107° 30' 43"					F-48-72-C-a
cầu Đài Làng	KX	xã Vạn Yên	H. Vân Đồn	21° 09' 07"	107° 30' 39"					F-48-72-C-a
thôn Đài Mỏ	DC	xã Vạn Yên	H. Vân Đồn	21° 08' 37"	107° 30' 25"					F-48-72-C-a
cái Đăm Đăm	TV	xã Vạn Yên	H. Vân Đồn	21° 12' 00"	107° 32' 20"					F-48-72-C-a
cái Đó	TV	xã Vạn Yên	H. Vân Đồn	21° 05' 13"	107° 33' 09"					F-48-72-C-c
luồng Đông Ma	TV	xã Vạn Yên	H. Vân Đồn			21° 08' 47"	107° 34' 12"	21° 08' 27"	107° 34' 53"	F-48-72-C-a
ghềnh Dù Đá	TV	xã Vạn Yên	H. Vân Đồn	21° 04' 23"	107° 33' 06"					F-48-72-C-c
ghềnh Dù Đất	TV	xã Vạn Yên	H. Vân Đồn	21° 04' 15"	107° 33' 26"					F-48-72-C-c
Hang Bụi	DC	xã Vạn Yên	H. Vân Đồn	21° 07' 50"	107° 29' 15"					F-48-71-D-b
hòn Lố Hổ	SV	xã Vạn Yên	H. Vân Đồn	21° 03' 41"	107° 33' 06"					F-48-72-C-c
thôn Mùng 10 tháng 10	DC	xã Vạn Yên	H. Vân Đồn	21° 08' 08"	107° 28' 34"					F-48-71-D-b
cửa Nội	TV	xã Vạn Yên	H. Vân Đồn	21° 08' 11"	107° 37' 55"					F-48-72-C-b
Phú Sơn	DC	xã Vạn Yên	H. Vân Đồn	21° 08' 59"	107° 29' 42"					F-48-71-D-b
vụng Ruộng Muối	TV	xã Vạn Yên	H. Vân Đồn	21° 06' 54"	107° 33' 21"					F-48-72-C-c
cửa Sau	TV	xã Vạn Yên	H. Vân Đồn	21° 08' 18"	107° 38' 58"					F-48-72-C-b
cái Sâu	TV	xã Vạn Yên	H. Vân Đồn	21° 12' 14"	107° 32' 08"					F-48-72-C-a
cửa Sậu Đông	TV	xã Vạn Yên	H. Vân Đồn	21° 13' 09"	107° 40' 44"					F-48-72-C-b
vụng Su	TV	xã Vạn Yên	H. Vân Đồn	21° 07' 58"	107° 33' 30"					F-48-72-C-a
luồng Trà Ngọ	TV	xã Vạn Yên	H. Vân Đồn			21° 07' 08"	107° 33' 59"	21° 07' 34"	107° 34' 35"	F-48-72-C-c
núi Vạn Hoa	SV	xã Vạn Yên	H. Vân Đồn	21° 11' 30"	107° 34' 18"					F-48-72-C-a
bến cảng Vạn Hoa	KX	xã Vạn Yên	H. Vân Đồn	21° 12' 21"	107° 33' 51"					F-48-72-C-a
hầm Vòm I	KX	xã Vạn Yên	H. Vân Đồn	21° 08' 59"	107° 30' 44"					F-48-72-C-a
hầm Vòm II	KX	xã Vạn Yên	H. Vân Đồn	21° 11' 15"	107° 32' 59"					F-48-72-C-a

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Nguyễn Linh Ngọc

VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ XUẤT BẢN

Địa chỉ: Số 1, Hoàng Hoa Thám, Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại: 080.44946 – 080.44417
Fax: 080.44517
Email: congbao@chinhphu.vn
Website: http://congbao.chinhphu.vn
In tại: Xí nghiệp Bản đồ 1 - Bộ Quốc phòng

Giá: 10.000 đồng